NĂM THỨ TÁM • # 101 • SEPTEMBER 1997

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1044

SỰ TÍCH VÀ Ý NGHĨA LỄ VU LAN
NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP

LÔ SƠN YÊN TỎA **TRẦN DOÃN NHO**

THỨC ĂN VIỆT NAM **PHAN THANH TÂM**

THẾ KỶ GOLDEN MATE INC.

GIỚI THIỆU 2 MÁY MỚI NHẤT Hoàn Mỹ EV-97

TỪ ĐIỂN ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-ANH

Lớn nhất bao gồm
Từ điển thông dụng
+ Từ điển kỹ thuật tổng hợp

Ngoài ra, còn riêng một bộ từ điển Bách Khoa với 8 ngành đặc biệt thích ứng nhu cầu học đường và nghề nghiệp chuyên môn chưa một từ điển nào có được. Tổng thiết lập riêng cho bộ bách khoa này.
Y Khoa, Toán Học, Thương Mại, Kinh Tế, Điện Tử, Điện Toán, Cơ Khí và đặc biệt ngành Thẩm Mỹ với từ chuyên môn cùng các câu hỏi trắc nghiệm mẫu

Gộp chung trong bộ từ điển Anh-Việt để tiện việc tra cứu.
Do Whizmate, phân bộ của Golden Mate thực hiện

Anh-Việt Việt-Anh Anh-Anh

LINH KIỆN THIẾT BỊ CỦA SHARP CHẾ TẠO
BẢO ĐẢM BỀN BỈ VÀ TINH VI
HỆ THỐNG PHÁT ÂM CỦA VIỆN TIÊU CHUẨN
KỸ THUẬT BERKELEY-USA ĐÀI LOAN SẢN XUẤT

Giá $279 + Tax
(Cho những người đặt mua trước.
Giới hạn trong thời gian khai trương)
Giá chính thức $319+Tax

BẠN ĐANG SỐNG TRONG THẾ GIỚI MỞ RỘNG, GIAO DỊCH VÀ LÀM VIỆC VỚI NGƯỜI NGOẠI QUỐC, HỌC NGÔN NGỮ LÀ CHUYỆN CẤP THIẾT KHÔNG THỂ XAO LÃNG.

Hãy nhớ đến
ĐẠI TỪ ĐIỂN TỬ PHÁT ÂM GOLDEN

NHẬN SỬA CHỮA TẤT CẢ CÁC LOẠI TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ

Thế Kỷ VEC- 888

3 NGÔN NGỮ: ANH - VIỆT - HOA
5 BỘ TỪ ĐIỂN: ANH-ANH, ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-HOA, HOA-ANH

CHUYỂN TỪ NGÔN NGỮ NÀY QUA NGÔN NGỮ KIA CHỈ DÙNG MỘT NÚT BẤM

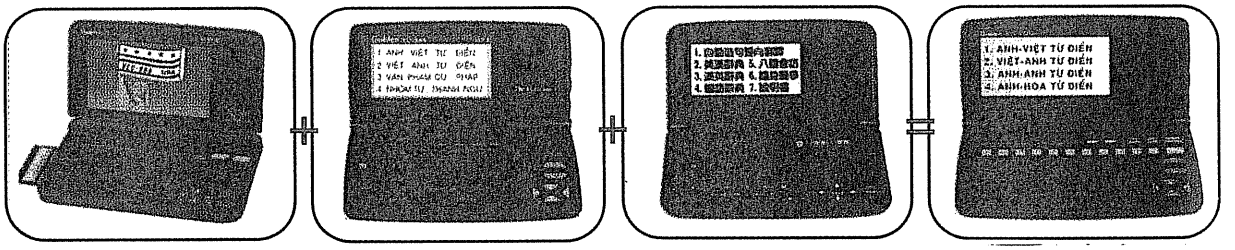

ENGLISH DICTIONARY + ENGLISH-VIETNAMESE VIETNAMESE-ENGLISH EV-555 + ENGLISH-CHINESE CHINESE-ENGLISH EC-9001C = ĐẠI TỪ ĐIỂN VEC-888

CẦN THÊM NHIỀU ĐẠI LÝ TẠI CÁC NƯỚC ÂU CHÂU

MONTEREY PARK Xin liên lạc: Tel. (818) 571-6598

TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ & CANADA:
GOLDEN MATE INC.
2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732
Tel: (818) 279-9898 . Fax: (818) 279-9899

NÓI TIẾNG VIỆT:
1-800-248-3948
1-818-279-9911

LITTLE SAIGON 9200 Bolsa Ave., Space, Westminster, CA 92683 Tel: (714) 897-9808	PACIFIC GIFTS & SHOES 2657 Senter Rd. Ste. AM, San Jose, CA 95111 Tel: (408) 226-2383	PHONG LÊ CO. 108 Westbank Expy., Gretna, LA 70053 Tel: (504) 366-5755 • Fax: (504) 368-9176
PHƯƠNG MY LASER & VIDEO Tel: (713) 823-1131 • (713) 772-5088	SOUND CITY Tel: (510) 444-7500 • (510) 444-5551	VIỆT NAM BOOK STORES (CANADA) Tel: (416) 595-1212 • Fax: (416) 595-1211

LỄ VU LAN ! MÙA BÁO HIẾU ! LỄ VU LAN ! MÙA BÁO HIẾU !

Cuộc cách mạng trong thế giới Video Việt Nam.
Thúy Nga xin trân trọng giới thiệu cuốn Video vĩ đại
Thi Ca, Văn Chương, Âm Nhạc Giao Duyên.

180 PHÚT THIÊNG LIÊNG HƯỚNG VỀ

Mẹ

Ai cũng cần
có một bà mẹ

PARIS BY NIGHT 40

Do đó, ai cũng cần
có bộ ***Video Mẹ***.

Một kiệt tác phẩm huy hoàng và cảm động tràn trề nước mắt.
Một video của những người yêu Mẹ, quý Mẹ, nhớ Mẹ
Phỏng vấn đặc biệt **Thiền Sư Thích Nhất Hạnh,**
do **Nhà Văn Nguyễn Ngọc Ngạn.**

Nếu chữ Hy sinh có ở đời
Tôi muốn nạm vàng muôn khổ cực
Cho lòng Bà Mẹ Việt Nam tươi (Hồ Dzếnh)

1001 hình ảnh và tư tưởng Mẹ của các nhà văn, thi sĩ :
Thích Nhất Hạnh, Duyên Anh, Bùi Vĩnh Phúc, Đỗ Quí Toàn, Du Tử Lê, Hà Huyền chi, Kiên Giang, Lâm Hảo Dũng, Minh Đức Hoài Trinh, Nhã Ca, Nguyễn Đình Toàn, Nguyên Xuân Hoàng, Nguyễn Chí Thiện, Nguyễn Ngọc Danh, Nguyễn Hữu Nhật, Phạm Long, Phan Ni Tấn, Thái Thủy, Trần Mộng Tú, Vi Khuê, Võ Đại Tôn ...

Mười sáu ca sĩ trứ danh như chim con ríu rít ca ngợi Mẹ Việt Nam:
Khánh Ly, Ái Vân, Hoạ Mi, Như Quỳnh, Hương Lan, Thanh Lan, Mỹ Huyền, Thái Hiền, Thanh Hà, Lưu Bích, Hoàng Lan, Thái Châu, Nguyễn Hưng, Don Hồ, Thế Sơn, Hoài Nam.

Giá $28 1/Bộ

Xin liên lạc: **THÚY NGA**
MỸ & CANADA: P.O. Box 2174 - Westminster, CA 92683 - Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave. D' Ivry - 75013 - Paris France - Tel. 01.45-83-34-30
ÚC: 323 Chapel Rd.- Bankstown - N.S.W. 2200 - Australia - Tel. (02) 796-7227

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name*:..... *ĐT. / Phone*:.....
Địa chỉ / *Address*:.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 6 tháng / *6 months*	□ 1 năm / *1 year* US$40.00	□ 2 năm / *2 years* US$75.00
Gửi First Class:		□ 1 năm / *1 year* US$52.00	□ 2 năm / *2 years* US$96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA		□ 1 năm / *1 year* US$56.00	□ 2 năm / *2 years* US$113.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*		□ *1 năm / 1 year* US$76.00	□ 2 năm / *2 years* US$140.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*		□ *1 năm / 1 year* US$86.00	□ 2 năm / *2 years* US$160.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 1 tháng Ba 1995. / *Effective from March 1st, 1995.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL. (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

HỘP THƯ

CUỘC HỌP MẶT BÁO THẾ KỶ 21

(Ngày 12 tháng Mười 1997)

Báo Thế Kỷ 21 đã bắt đầu nhận được phúc đáp của quý thân hữu xa gần về việc tham dự **CUỘC HỌP MẶT KỶ NIỆM BÁO THẾ KỶ 21 LÊN CHÍN TUỔI.** Có ba dạng phúc đáp (tính cho đến lúc số báo này lên khuôn, 10:00PM Aug. 27, 1997):

A. Gửi tiền và thông báo sẽ về tham dự:

1. Nguyễn Thanh Trang, San Diego, CA, giữ 02 chỗ
2. Tuan Van Duong, Santa Ana, CA, 01 chỗ
3. Nguyễn Hùng Vũ, Chino Hills, CA, 01 chỗ
4. Trương Ngọc Tích, Dallas, TX, 02 chỗ
5. Nguyễn Tuyển, Garden Grove, CA, 01 chỗ
6. Nguyễn Văn Luận, Garden Grove, CA, 02 chỗ
7. Nguyễn Văn Diên, Sacramento, CA 01 chỗ
8. Nguyễn Chí Thiện, Washington D.C., VA

B. Thông báo không thể về tham dự được, nhưng có gửi tiền về, hoặc để ủ ng hộ , hoặ c để mua vậ t lưu niệ m củ a Thế Kỷ 21:

1. Bùi Đức Thuật, Minneapolis, MN
2. Trần Thị Ngọc Dung, Oakland, CA
3. Nguyen Thanh Van, Kentwood, MI
4. Nguyễn Hưng Quảng, Bridgeport, CT
6. Nguyễn Thị Ngọc Dung, Reston, VA
7. Nguyễn Văn Cường, Bergen, Na Uy
8. Than Trong Nguyen, Reisterstown, MD
9. Đỗ Như Lạc, Dortmund, Germany

C. Chia sẻ tình cảm và chúc mừng cuộc Họp Mặt, nhưng thông báo không thể tham dự đượ c:

1. Lê Văn Hưng, Everett, WA
2. Nguyễn Gia Kiểng, Paris, Pháp Quốc
3. Nguyễn Văn Khoa, Phoenix, AZ
4. Đinh Công Trứ, Girraween, Australia
5. Ditanbuon, (Internet)
6. Trần Văn Ngô, Paris, Pháp Quốc
7. Ông Bà Bùi Hạnh Nghi, Offenbach, Deutschland.
8. Hung Tran (Internet)

BÁO THẾ KỶ 21 RẤT CÁM ƠN SỰ QUAN TÂM VÀ PHÚC ĐÁP SỚM SỦA CỦA QUÝ VỊ, VÀ XIN TIẾP TỤC ĐÓN NHẬN PHÚC ĐÁP CỦA CÁC QUÝ VỊ KHÁC TRONG THÁNG CHÍN.

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

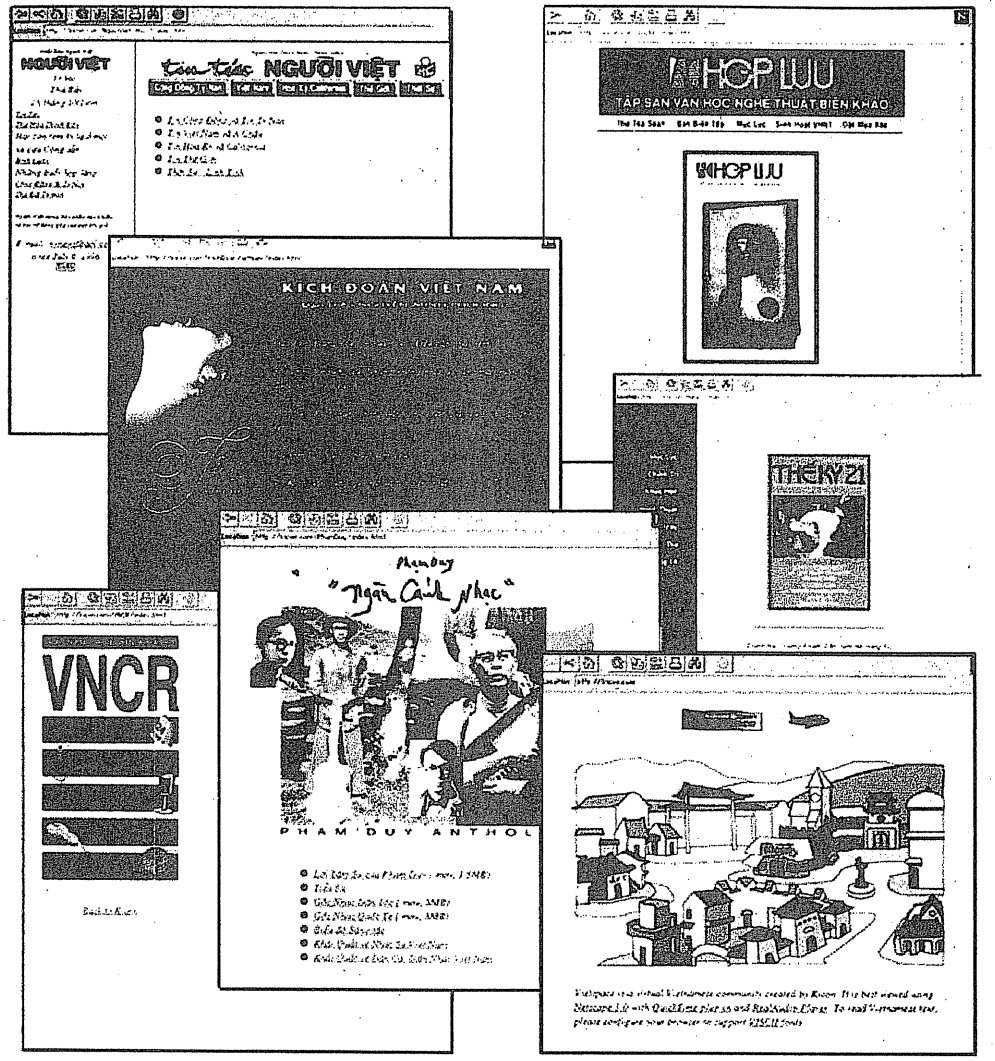

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ *Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
¤ *Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ¤ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

¤ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

¤ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

¤ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

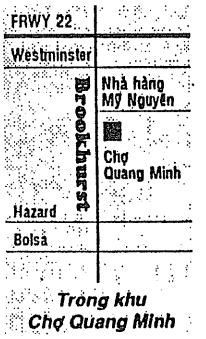

Trong khu Chợ Quang Minh

- *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

VỀ CUỘC HỘI LUẬN TRÊN INTERNET DO BÁO THẾ KỶ 21 TỔ CHỨC

Như đã thông báo trong thư mời, nhân dịp kỷ niệm chín năm, tạp chí Thế Kỷ 21 sẽ tổ chức một cuộc Hội Luận theo kiểu Video Conference qua Internet. Thời gian tổ chức phỏng định vào ngày 4 hay 5 tháng Mười 1997 tại Orange County, California, Hoa Kỳ, tương ứng với ngày 5 hay 6 tháng Mười 1997 tại Việt Nam, Nhật, Úc, Nga...

Đại cương về kỹ thuật:

Software được dùng là Cu-Seeme Enhanced Version hoặc Ver 3.0. Camera thường đen trắng Quickcam hay máy Videocamera cũng được.

Thế Kỷ 21 sẽ thông báo IP của một Server trung tâm dùng làm Reflector, để ID# biết trước vào Profile. Sau khi liên lạc với Reflector, bấm nút để hình của các tham dự viên hiện lên màn ảnh. Nghe bằng loa hay bằng Headset. Dùng Microphone để trao đổi lời nói.

Trong tháng Chín 1997 sẽ có các buổi tập dợt:

- Vào thứ Bảy 6 tháng Chín 1997, vào lúc 5:00 pm - 8:00 pm, giờ bờ biển miền Tây Hoa Kỳ (PCT)
- Vào thứ Năm 11 tháng Chín 19977, vào lúc 7:00 pm - 10:00 pm (PCT)

Trong cuộc hội luận chính thức, tại Orange County sẽ có ít nhất hai Stations, một dành cho cuộc hội luận, trạm còn lại sẽ dùng để back-up, làm biên bản ghi chép, thâu băng, chụp hình...

Trong tháng Chín 1997 sẽ có thông cáo báo chí chính thức về cuộc Hội luận này, và thủ tục hội thảo sẽ được chuyển bằng E-mail đến mỗi nhóm tham gia. Địa chỉ E-mail của ban Tổ chức Hội luận:

nvnews@aol.com hoặc TUE0573@aol.com

Tranh bìa: "Tháng Tám, 1996" của **Võ Đình**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Thị Hợp, Đinh Cường**
Hý họa: **Babui**
Ảnh: **Lê Tam Ca, Trần Đại Lộc**

MỤC LỤC

Số 101 . Tháng Chín 1997

CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

13 Nguyên nhân, hậu quả của vụ nông dân Thái Bình nổi dậy - **Nguyễn Gia Kiểng trả lời phỏng vấn của Đài Á Châu Tự Do**
16 Cơn bão tiền tệ tại Đông Nam Á đối với Việt Nam - **Quân Tử**
21 Ngân hàng Phát triển Á châu và Việt Nam - **Phạm Phan Long và Nguyễn Hữu Chung**
26 Từ Ủy Ban tới Hội Đồng sông Mekong - **Ngô Thế Vinh**

TÔN GIÁO - NHÂN VẬT

31 Bảo Đại, Hoàng Đế cuối cùng của nhà Nguyễn, Quốc Trưởng đầu tiên của quốc gia Việt Nam - **Nguyễn Lý Tưởng**
33 Đám tang Jean-Robert Vĩnh Thụy - **TS Phạm Trọng Chánh**
35 Lược khảo về sự tích và ý nghĩa lễ Vu Lan - **Nguyễn Phúc Bửu Tập**
84 Thương tiếc nhạc sĩ Nguyễn Hữu Ba - **Trần Văn Khê**

KHOA HỌC - LỊCH SỬ

47 Đại nhạc hội Rock trên Sao Hỏa - **Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh**
51 Thuyết thiên địa vạn vật nhất thể trong khoa học hiện đại - **Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ**
77 Nam tiến - **Nguyên Hương**

VĂN

58 Lô Sơn Yên Tỏa - **Trần Doãn Nho**
68 Đêm cửa Đại - **Hà Kỳ Lam**
87 Cơn giông ngày về - **Ninh Hạ Nguyễn Đức Tâm**
92 Thức ăn Việt Nam - **Phan Thanh Tâm**
97 Đi Tây (tiếp theo) - **Phạm Xuân Đài**

THƠ

56. Một chút tinh khôi, Tiễn đưa - **Tôn Nữ Hỷ Khương. 61. Nữ Thánh vô cùng - Hồng Khắc Kim Mai. 70. Cu gù gù em - Đỗ Thì Kênh G. 79. Questions - Lilas Trần.**
95. Ta đứng một mình xem tranh bạn - **Hồ Thành Đức. 102. Rụng đuôi - Hoàng Xuân Sơn**

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Thư Tòa soạn: Tín nhiệm - **Vương Hữu Bột**
9 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
12 Hộp thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
42 Sổ tay
103 Vòng Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Lê Tam Ca**
106 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng.
Công ty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840
Tel **(714) 638-9510**
Fax **(714) 638-1944**
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc **theky21@kicon.com**
WWW homepage:
http://kicon.com/theky21

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài vở gửi cho *Thế Kỷ 21* xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ Trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: *Trích Thế Kỷ 21.*

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Miền Đông HK:
Nguyễn Văn Khanh
(703) 379-8976
Pháp:
1. *Lê Tất Luyện* 45 83 19 12
2. *Phạm Thu Hương* 39 84 00 84
3. *Trần Thị Diệu Tâm* 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
49 2371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiểu Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Binh Anson*
(61-9) 448-0637

ISSN 1056-4640

TÍN NHIỆM

Anh André trùng tên với một nhân vật trong *Chiến Tranh và Hò Bình,* là một thanh niên người Nga bảnh trai, nhu mì và nhẫn nại. Ai lái xe ba giờ liền đến Yasnaya Polyana, đưa chúng tôi đi thăm nhà (của Lev Tolstoi. Tới cổng khu trang trại, anh André ghé vào, xuố xe để hỏi thăm mấy người gác cửa, chúng tôi vẫn ngồi trên xe chờ đợ Từ trong điếm canh, một người công an Nga đi ra, hỏi bằng lái xe cư André và thẻ chủ quyền của xe, rồi giữ lại, bắt anh đóng hơn 80 ngà rúp tiền phạt mới trả, họ nói anh đậu xe bất hợp pháp.

Có lẽ André sẽ ngoan ngoãn rút tiền ra trả nếu chị Inna Thiệ Xuân không ngăn lại, nói rằng đây là điều vô lý. Chung quanh c hàng trăm thước không có một tấm bảng cấm, cũng không có mộ hàng chữ nào nói cấm dừng xe ở đó. Nhưng người công an nhất địn không trả lại thẻ cho André. Sau cả tiếng đồng hồ chờ đợi, họ gọ công an lưu thông đến, và anh André đành phải nộp phạt.

Đến chiều, Bão Phác ngồi ở cổng trang trại, thấy một chiếc x khác cũng vô tình đậu lại bên kia đường, phía đó cũng không có bản cấm, rồi cũng ngoan ngoãn đóng tiền khi bị phạt.

Đấy là một kinh nghiệm về lưu thông ở Nga, một nước đã sống hơ 70 dưới chế độ độc tài, trong đó các công an đặt ra luật lúc nào không ai biết, họ xét xử và thi hành luật lệ. Người dân sống như vậy suốt h ba thế hệ, quen chịu đựng, không có thói quen cãi lại — trừ những người như chị Inna. Nước Nga cần những người như chị, tranh đấ đòi mọi luật pháp phải minh bạch, công khai, và việc thi hành luậ phải công bằng. Khi nào nước Nga có nhiều người biết quyền lợi côn dân như chị thì chế độ mới thật sự trở thành dân chủ.

Khi mọi người dân một nước ý thức mình có quyền được luật pháp bảo vệ, quyền được sống trong pháp luật, thì lúc đó các người cầm quyền cũng biết tôn trọng dân chúng và được dân chúng kính trọng. Người dân có thể tin ở luật pháp, người công an tin là có luật lệ rõ mình cứ thế thi hành, cả hai bên tương kính, xã hội sẽ tránh được nh nhiều vụ tranh cãi tốn thời giờ, và mọi người sẽ sống trong hòa khí.

Khi chúng ta nói phải phục hồi lòng tin trong xã hội, ở Việt Nam hay ở Nga, thì điều quan trọng nhất là làm sao luật lệ, dù nhỏ nh luật giao thông, phải công khai, minh bạch, và thi hành nghiêm chỉnh. Trong xã hội, tinh thần trọng pháp là điều kiện cần yếu để tạ lòng tin.

Ba ngày sau khi thăm nhà cũ của Tolstoi, tôi lái xe qua mấy ngô làng hiền hòa từ Tu viện Fatima của dòng Xi Tô đi Fribourg, ở Thụ Sĩ. Dọc đường, anh Trần Ngọc Báu nói rằng,nếu ai lái xe quá 60 kí một giờ thì người dân trong làng sẽ gọi điện thoại báo cho cảnh sá và thế nào cũng bị cảnh sát đón, biên phạt. Lời chứng của dân làn được cảnh sát tin cậy. Người ta tin ở người dân như vậy, vì trải qu nhiều thế kỷ người Thụy Sĩ đã cố gắng giữ được tín nhiệm với nhau Chính vì không khí tín nhiệm đó, suốt dọc đường không thấy bón dáng cảnh sát lưu thông. Có lẽ đó là một thí dụ của ý nghĩa của hà chữ Vô vi, theo lối giải thích của Hàn Phi Tử.

VƯƠNG HỮU BỘ

Luận kiếm

Houston ngày 15 tháng 8 năm 1997

Kính thưa tạp chí Thế Kỷ 21,

Trước cảm ơn Tòa soạn đã đăng bài Đông Tây Bất Hợp của tôi.

Sau đến xin cám ơn hai ông Nguyễn Hùng Vũ và Phạm Ngọc Khôi đã góp ý rất vui. Hôm nào rảnh tôi sẽ lên núi Hoa Sơn đập đá, ráng tìm lại những mảnh vụn của "Tịch Tà Kiếm," hàn gắn lại hẳn hoi, rồi sẽ tìm đến xứ Bolsa để luận kiếm cùng hai vị. Ông Khôi chớ lo, tôi không dùng súng, mà chỉ dùng cây "Tịch Tà Kiếm" dẫu đã hoen rỉ. Với cây kiếm "made in China" này tôi chỉ chém đá như ông Tôn Thất Thuyết hoặc Tôn Quyền (hai ông họ Tôn của nhà tôi đấy) ngày xưa chớ tôi chẳng dùng kiếm để chém hai vị đâu. Hẹn thư sau.

Tôi được tin là quý báo sáng lập thêm đất mới "Hội luận trên Internet" để "Văn học luận kiếm" được thêm phần sôi nổi. Tôi nhận thấy đây là một ý kiến rất hay để đưa tất cả chúng ta lại gần nhau hơn, ít nhất là ở giá trị "tinh thần." Cám ơn sự hoạch phát của quý báo.

Tôn Thất Phu *(Thư từ Internet)*

Sử a lạ i cho đú ng Trong Thế Kỷ 21 số 10 **trang 32, bài của ông Kiều Duy Vĩnh, dòng thứ tư, có câu tiếng Pháp:** *La raison du plus fort est toujours la meilleure." La meilleure* chứ không phải *le meilleur* như trong bài đã đánh, vì *raison* là giống cái.

Thế Kỷ 21 là tờ báo có trình độ văn hóa cao mà để xảy ra sự sai lầm sơ đẳng như thế thì thật đáng tiếc. Các bạn cần cải chính.

Bùi Đức Thuật *(Minneapolis, Mn)*

Cám ơn ông đã chỉ cho chỗ sai lầm, và xin bạn đọc chữa lại cho.

Đọc chuyện Paris đâm nhớ Sài Gòn

Bút ký Đi Tây của Phạm Xuân Đài số vừa rồi đọc rất thích. Nói chuyện bên Tây sao làm tôi nhớ Sài Gòn quá. Sài Gòn đêm mưa những ngày xưa..., trong đời mình làm sao tìm thấy nữa!

Tấm hình góc phố nhọn đăng ở đầu bài quả là giống chỗ đường Võ Di Nguy ở Sài Gòn thiệt. Kiến trúc đó ở Mỹ tôi không thấy ở đâu có, ở Mỹ đường phố cứ ô vuông bàn cờ. À mà hình như tác giả viết sai tên đường, thành ra Võ Duy Nghi. Tôi nhớ Sài Gòn làm gì có đường Võ Duy Nghi, bèn viết thư này trước là chia xẻ chút tình cảm trong bài, sau là sửa sai tác giả một phát.

Phan Thị Mỹ *(Santa Ana, CA)*

Độc giả dài hạn... từng tháng một

Rất rất vui khi bài được "đi" trên Thế Kỷ 21, và niềm vui nhân đôi khi bài viết được một họa sĩ mình quý mến minh họa, họa sĩ Thái Tuấn. Cám ơn TK 21. Cám ơn họa sĩ Thái Tuấn.

Là một độc giả dài hạn nhưng không có tên trong sổ phong thần của quý vị, đơn giản vì tôi rất lười làm những thủ tục gia hạn hay chuyển tiền, mặt khác tôi rất thích đi dạo nhà sách nên mua Thế Kỷ 21 là một cái cớ để hàng tháng ra Lê Vũ ngắm nghía, lật dở mấy đầu sách mới...

Số tháng 4/97 TK 21 có bài Buổi Chiều Bên Đại Vực của nhà văn Lê Tất Điều rất hay, và tôi cũng thích những bài khác của tác giả này đăng rải rác trên TK 21.

Quế Chi *(Stuttgart, Germany)*

Tờ báo "được" quá

Mới nhận được báo. Giờ có báo trong tay, có địa chỉ rõ ràng, biết chủ trương mục đích, hướng đi của bài vở và của thơ, mới biết đường mà nghĩ tới việc cộng tác. Còn trước đây chỉ nghe nói, mù mờ quá. Chỗ tôi ở chẳng có sách báo tiếng Việt gì cả.

Tờ báo "được" quá! Thế mà mấy năm nay không biết để... vồ sớm mà đọc đỡ nghiền. Ở đây quả thực nghĩ tới sách báo Việt Nam lại... nổi cơn ghiền. Khổ báo cũng đặc biệt nhỉ, hao hao tờ Mã Thượng trước 75. Bìa bắt mắt lắm. Về nội dung, kinh tế chính trị, văn học nghệ thuật đều được, sáng giá. Cố gắng duy trì và phát huy.

Lê Nguyễn *(Huntsville, AL)*

Trần Dần và bằng Tú Tài

Về việc Trần Dần, như một độc giả hỏi trên TK 21 # 99 (mục Bạn Đọc Viết), theo Geor-

ges Boudarel và Trần Trọng Vũ (con Trần Dần) thì Trần Dần đỗ Tú Tài Pháp năm 1944.

Thời Pháp các trường Pháp Việt như trường Bưởi, chỉ khác các trường Pháp như Albert Sarraut ở chỗ có thêm sáu giờ Việt ngữ, văn chương tiếng Việt. Các môn học đều bằng tiếng Pháp, nên học sinh trường Bưởi thi lấy bằng Tú Tài Pháp là việc thường.

Nhất Uyên *(Paris, Pháp)*

Đóng góp ý kiến

Thế Kỷ 21 trong hai số vừa qua (99 và 100) có hai bài viết làm tôi đặc biệt thích thú, một của Nguyễn Đại Bằng về "Cuộc khai quật ở Mã Vương đôi," rất minh bạch, giàu chi tiết và cho thấy tác giả vừa có khả năng chuyên môn vừa có tài trình bày vấn đề cho người đọc không chuyên như tôi. Bài thứ hai, của Inna Malkhanova, về "Di chúc về tâm Từ Bi của Lev Tolstoi" đã làm tôi nghĩ ngợi, cảm động ở sự thành khẩn, tha thiết của tác giả, cũng như về tâm từ bi của Tolstoi.

Đọc bài của ông Nhuệ Hồng trong số 99, "Tuyên ngôn dân quyền cho Việt Nam" thì tôi lại nảy ra một vài thắc mắc. Ở cuối bài, tác giả đã viết, "chúng ta kỳ vọng rằng, trong thế kỷ 21, nhân loại sẽ bước vào kỷ nguyên Đại đồng, khi Khoa học Tây phương phối hợp với Đạo học Đông phương." Theo tinh thần bài viết thì Tâm học, Đạo học Đông phương là hai ý niệm Khổng giáo "chính tâm" và "thành ý" mà tác giả giải nghĩa là "làm tinh thành cái ý của mình, ... và ngay chính cái tâm của mình..." Tôi cứ ngỡ đạo học Khổng giáo là cái học nhắm đến sự... hợp Đạo, trong căn bản là hợp khuôn phép Tam cương Ngũ thường với Trật tự luân lý xã hội (*Socio-ethical Order*) vì Đạo theo quan niệm Khổng giáo biểu lộ hoặc có trong trật tự này. Theo đó, chính tâm và thành ý chỉ là hai trong những giai đoạn của đạo học, như sách Đại học cũng nói.

Dù sao thì vấn đề là, lời giải nghĩa trên không giúp tôi hình dung được nội dung của một hệ thống tâm học, đạo học. Còn chuyện phải tuyệt tứ để có thể chính tâm thành ý thì tương tự như không hoang phí và việc có thể làm giàu; cái trước không phải là điều kiện thiết yếu hay duy nhất cho cái sau. Nói cách khác, và nói chung, tôi không thể hình dung làm sao mà chính tâm thành ý có thể là tâm học hiểu như một hệ thống tri thức về tác năng và bản chất của tâm và làm sao mà có thể có sự "phối hợp" với khoa học tây phương. Ước mong là tác giả sẽ giải thích kỹ hơn và đưa chứng liệu cụ thể để giới trẻ chúng tôi biết về chuyện quan trọng này.

Tôi cũng gặp vấn đề với các ý niệm "áp đặt," "tự nguyện," nhất là "tiến hóa (văn hóa)" trong bài viết của ông Định Thanh trên số 100 (tháng 8-97). Nhưng vừa nói vắn tắt vừa hy vọng người đọc khác chia sẻ với mình ích lợi của các thắc mắc này thì tôi không làm được. Thay vì thế tôi xin hỏi, thứ nhất, khi nói người Việt cổ "... không ưa lý luận..." thì phải chăng tác giả cho rằng họ biết đến lý luận nhưng đã "tự nguyện" sống theo cảm tính?

Không ưa lý luận có thể đúng là nét nổi bật của người Việt chúng ta ngày nay, nhưng không biết có ai muốn sự tái diễn của việc chọn lựa tôn giáo, chọn lựa chính sách kinh tế, chọn lựa đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc theo cảm tính, và do hoàn cảnh đưa đẩy, hay chọn lựa vay mượn, sống nhờ vào các thành quả lý luận (lí trí) của người khác (như khoa học, lí luận văn học, mĩ thuật), muốn chuyện viết và đọc theo cảm tính không thiếu hiện nay, vân vân. Do đó tôi rất muốn có sự minh bạch, rằng xu hướng xem nhẹ lí trí là do hoàn cảnh sống quá khứ (thiên nhiên ưu đãi, sự mệt mỏi vì phải liên tục đánh giặc...) hay là một bản tính... trời cho, đáng quí, như nhiều người có vẻ muốn nói.

Tôi liều mà nói, người Việt chúng ta cần xét lại thái độ của mình đối với lí trí, lí luận, không thì không có gì để bảo đảm rằng số lượng ngày càng nhiều người có bằng cấp chuyên môn đưa đến sự hình thành một hàng ngũ thức giả hay sự độc lập tư tưởng. Theo một quan niệm Phật giáo mà có người vừa nêu ra, và tôi thấy rất nên lưu ý, thì con người lúc nào cũng lí luận, ngay cả khi mơ. Người cổ sơ (và người còn tâm lí cổ sơ hoặc khi đang mơ) theo đó lí luận mà không có ý thức, qua trung gian huyền thoại, thần thoại, biểu tượng. Dạng lí luận "thuần lí," đó là lí luận theo nghĩa quen thuộc, cũng có giới hạn của nó, nhưng nương tựa chặt chẽ trên sự kiện thì trên nguyên tắc ít chủ quan, sai lầm và không quanh quẩn trong những tin tưởng, thành kiến sẵn có.

Một vấn đề nữa mà tôi cũng muốn nói đến là khẳng định rằng, "Sự xuất hiện của chữ quốc ngữ với mẫu tự la tinh do công của Alexandre de Rhodes là một sự kiện lớn lao trong sự tiến hóa của văn hóa, văn minh Việt Nam." Vấn đề này đã tốn nhiều giấy mực và khiến một giáo sư-giáo sĩ cũng thốt lời thô tục

khi tranh luận. Nhưng ngay một người có thẩm quyền về lịch sử chữ quốc ngữ, Lm Đỗ Quang Chính, cũng không đơn giản nói chữ quốc ngữ là (chỉ) do công của de Rhodes. Và mặc dù đây là một sự kiện lớn lao, nhưng có gì để nói nó "lớn lao cho sự *tiến hóa* của văn hóa, văn minh Việt Nam?"

Về mặt văn hóa, chúng ta tiến hay lùi khi mà người Việt hiện nay bị cắt đứt liên hệ với truyền thống và căn tính văn hóa do không đọc nổi sách vở, kinh điển xưa? Có chữ quốc ngữ, người Việt trước đây không cần học nhiều mà vẫn biết, giữa những điều khác, đến Kitô giáo và những tuyên truyền, hiệu triệu của chính phủ bảo hộ rồi đảng và nhà nước, nhưng người Nhật, Triều Tiên, Trung Hoa không vì thiếu các kí tự La tinh mà dốt nát, mù chữ. Cao Bá Quát, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ, Phan Bội Châu v.v... nhờ tiếp cận thực tế và đọc tư liệu Hán hoặc Pháp văn, hay nhờ chữ quốc ngữ mà nẩy ra ý muốn canh tân đất nước. Có nhờ chữ quốc ngữ mà chúng ta thấy được những khuyến điểm của văn hóa Khổng Mạnh và có ý định canh tân sớm hơn sĩ phu các nước Á đông khác?

Không hỏi nhiều hơn, tôi xin nêu ra một nhận xét rằng, không chủ yếu nhờ chữ quốc ngữ mà giới trẻ sống ở nước người thăng tiến trong sự học và trong sự hội nhập, mà nhờ tinh thần tam giáo vẫn còn trong huyết quản của mình: tam giáo chủ trương nhập gia tùy tục, và đặc biệt Khổng giáo còn hầu như đòi hỏi chúng ta hi sinh chiều kích cá nhân của mình để uốn mình theo đòi hỏi, khuôn khổ tập thể, xã hội. Nói như thế, tôi không có ý cho rằng phải bỏ, hay có thể bỏ chữ quốc ngữ, và Khổng giáo.

Một Người Đọc *(Sabro, Đan Mạch)*

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Thủy Tiên Duflot, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Trung Dũng, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Hà Nguyên Du, Nguyễn Đăng Trúc, Võ Doãn Nhẫn, Minh Hân, Lê Nguyễn, Nguyễn Đình Hòa, Phạm Phú Hay, Lê BÁ Phúc, Tạ Tỵ, Phạm Trọng Chánh, Võ Đình Tuyết, Nguyễn Văn Cường, Dân Hòa Nguyên, Đặng Hiền, Lê Văn Minh, Đỗ Thì Kênh G, Lê Trọng Phú, Nhược Trần, Vũ Thư Hiên, Trần Thanh Hiệp, Trần Quang Hải, Trần Văn Khê, Babui, Trần Mộng Tú, Nguyễn Đình Tuyến, Trần Quán Niệm, Nguyễn Kết, Quế Chi, Hồ Như.

Ngọc Dũng *(Springfield, VA)*: Đã nhận được đợt tranh minh họa mới anh gửi cho. Cũng đã nhận được đợt anh gửi lần trước, qua anh M.T. Vốn liếng như vậy là đã khá khá cho một thời gian. Xin cám ơn anh nhiều. Chúc anh luôn vui mạnh.

N. Chinh Nghi *(Ronnenberg, BRD)*: Đã nhận được thư và thơ. Đọc thư trước, thơ để đọc sau. Việc bạn yêu cầu dù rất muốn chúng tôi cũng chưa thực hiện được, không hẳn vì *business is business*, mà vì phương tiện còn hạn chế. Rất hiểu hoàn cảnh của các bạn, sẽ gắng tìm một giải pháp. Mong bạn hiểu cho. Chúc vui.

Ton Pham *(Western Australia)*: Đã nhận được thư của anh trên Internet, rất mừng thấy anh thích sử dụng phương tiện ấy để đọc báo. Chúng tôi đã chuyển một bản sao bức thư ấy cho Kicon, chắc thế nào anh cũng nhận được các giải đáp thắc mắc của họ. Chúc anh chóng tìm đọc được những trang mới nhất của tờ báo chúng ta trên lưới.

Phạm Lệ Hương *(Modesto, CA)*: Cũng đã sao e-mail của chị chuyển cho Kicon để họ xem vấn đề kỹ thuật đó ra sao. Dù sao đó cũng là cái sai hình thức còn nội dung vẫn đúng, nếu ngược lại thì mới thật là rầy rà. Cám ơn chị đã báo ngay cho khi thấy có hiện tượng bất thường. Thân.

Nhược Trần *(Hòa Lan)*: Đã nhận được thơ và truyện, đang đọc. Không có lệ gửi báo "đọc thử." Về việc mua báo dài hạn, hiện chúng tôi đã có đại diện Thế Kỷ 21 tại Hòa Lan. Sau khi độc giả đóng tiền cho đại diện, hàng tháng Tòa soạn sẽ gửi báo đến tận địa chỉ của người mua. Trả tiền cho đại diện tại xứ mình đang ở, người mua báo ở những nơi ngoài nước Mỹ tránh được những rắc rối và tốn kém khi gửi tiền trên hệ thống quốc tế. Đại diện cho Thế Kỷ 21 tại Hòa Lan là anh Nguyễn Quốc Thắng, điện thoại 0229-231666. Mong sớm được gửi báo cho ông. Kính.

Hộp thư tri sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới: Brian Hùng Vũ (Garden Grove CA), Nguyễn Viết Sơn (San Francisco CA), Nguyễn Kim Hùng (Orange CA), Nguyễn Duy Diệm (Garden Grove CA), Nguyễn Nga Mỹ (Gahanna OH), Tuyết Hồng Trương (Hawthorne CA), Quách Ngọc Triều (Arlington VA), Lê Phan (San Jose CA), Trần T Ngọc Dung (Oakland CA), Lê Khắc Ngọc Túy (San Jose CA), Đỗ Hữu Thuận (Anaheim CA), Minh Hà (Stockton CA), Trần Chung Ngọc (Grayslake IL), Võ Văn Đinh (Hatfield PA), Nguyễn Can (Orlando FL), Thái Tú Hạp (Rosemead CA), Rev Nguyễn Van Vạn (Anaheim CA), Trần Văn Quảng (Westminster CA), Nguyễn Dân (Tustin CA), Don Le (Westminster CA), Trần Văn Tiền (Gardena CA), Nguyễn Quý Bổng (CANADA), Nguyễn Xuân Kính (Ventura CA), Thảo Nguyễn (Huntsville AL), Thanh Nguyễn (Rockville MD), Trần Huỳnh Minh (Tustin CA), Lê Đình Khôi (Santee CA), Nguyễn Minh Thông (GERMANY), Lý Huỳnh Bá (GERMANY), Nguyễn Khắc Tiến Tùng (GERMANY), Hà Như Tưởng (Elk Grove CA), Bùi Minh Tâm (San Diego CA), Tôn Thất Sơn (NORWAY), Lộc Nguyễn (Anaheim CA), Hoàng Thu Dung (Parsippany NJ), Lê Duy Chánh (San Jose CA), Trần Khánh Toàn (Tulsa OK), Tô Văn Minh (Monterey Park CA), Nghiêm Tuyết Nhung (Rantoul IL), Vũ Trọng Tiến (Stockton CA), Chi H Lê (Anaheim CA), Trần Văn Bình (CANADA), Phạm Công Hiến (Lakewood CA), Lai Mạnh Cường (HOLLAND), Nguyễn Đình Cẩn (BELGIUM), Lê Minh Đường (CANADA), Dương Tư Thông (Cincinnati OH), Dương Mỹ Dung (Redondo Beach CA), Nguyễn Đức Bạn (Bed Ford Park IL), Dương Phước Luyến (West Palm Beach FL), Lê Duy Hồng (San Diego CA), Nguyễn Văn Cường (NORWAY), Lê Văn Phú (El Paso TX), Liên Đoàn (Seal Beach CA).

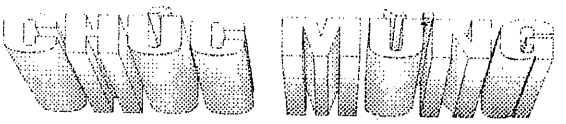

Nhận được hồng thiệp của
Ông Bà Nguyễn Đức Hiếu, Irvine - California
báo tin làm lễ Vu Quy cho trưởng nữ

Trần Thị Thục Hiền

đẹp duyên cùng

Nguyễn Khắc Minh Mẫn

trưởng nam của Ông Bà
Nguyễn Khắc Minh, Mason City - Iowa
Hôn lễ được cử hành ngày 20 tháng 9, 1997
Xin chung vui cùng Ông Bà Trần Đức Hiếu
và cầu chúc Thục Hiền - Minh Mẫn hạnh phúc bên nhau mãi mãi.

Tạp chí THẾ KỶ 21

NGUYÊN NHÂN, HẬU QUẢ CỦA VỤ NÔNG DÂN THÁI BÌNH NỔI DẬY

NGUYỄN GIA KIỂNG
trả lời phỏng vấn của
Đài Á CHÂU TỰ DO (RFA)

Nhân cuộc nổi dậy của nhân dân tỉnh Thái Bình chống nạn sưu cao thuế nặng và nạn tham nhũng của nhà nước cộng sản Việt Nam, Ban Việt Ngữ Đài RFA đã có cuộc phỏng vấn ông Nguyễn Gia Kiểng về vấn đề này. Ông Nguyễn Gia Kiểng hiện làm việc trong ngành điện toán tại thủ đô Paris (Pháp) và là một trong những người chủ trương nguyệt san Thông Luận.

*

Hỏi: *Với những tin tức ông thu thập được cho tới giờ phút này, theo ông thì nguyên nhân nào đã khiến dẫn tới vụ việc mà báo chí quốc tế dùng chữ "nổi dậy" để mô tả tình trạng ở Thái Bình?*

Đáp: Nguyên nhân gần nhất là sự phẫn nộ của dân chúng đối với thuế cao, tham nhũng, và hà hiếp. Theo một thân hữu của tôi tại miền Bắc Việt Nam, cuộc nổi dậy của dân Thái Bình bắt đầu từ việc làm lại một cây cầu tại huyện Quỳnh Phụ (tức là huyện mới được thành lập sau này do sự phối hợp giữa Quỳnh Lưu và Phụ Dực) vào hồi cuối tháng Năm. Có lẽ là do việc chính quyền địa phương bắt dân chúng đóng góp một cách quá đáng và không công bằng. Quan chức địa phương lúc đó đã không giải quyết kịp thời và ổn thỏa mà lại còn hăm dọa và đàn áp nữa. Cho nên sự phản đối đã lan rộng ra và tăng cường độ. Biểu tình chống đối đã bùng lên rồi lan qua các huyện Hương Hà, Thái Thụy, và sau đó là khắp tỉnh Thái Bình. Đến tháng Bảy thì đã có 52 xã không còn chính quyền nữa và cuộc bầu cử Quốc Hội ngày 20-7 đã không thể tổ chức được. Nhân dân công khai chống tham nhũng và hà hiếp, nhưng theo tôi thì đó chỉ là những giọt nước cuối cùng để làm tràn ly nước đã đầy mà thôi. Đây chỉ là hậu quả của nhiều nguyên nhân được tích lũy từ lâu rồi. Về mặt xã hội, Thái Bình có thể nói là một tỉnh hoàn toàn nông nghiệp. Và như mọi tỉnh nông nghiệp khác, nó gánh chịu hậu quả nặng nề nhất của chính sách bóc lột người nông dân được phơi bày rõ rệt từ ngày chính quyền cộng sản thực hiện chính sách đổi mới. Người nông dân Việt Nam đã chịu đựng quá mức mà họ có thể chịu đựng được. Chính quyền cộng sản thực ra chỉ chú trọng phát triển ở các thành phố lớn mà thôi.

Con số tăng trưởng kinh tế 8% trong mấy năm vừa qua thực ra đã chỉ làm lợi cho một thiểu số tại các thành phố lớn. Nông dân Việt Nam đã đóng góp phần ngoại tệ quan trọng nhất qua xuất cảng gạo nhưng họ cũng là nạn nhân của thời đổi mới.

Họ đã chịu những thiệt thòi tàn nhẫn nhất,

thí dụ nhà nước thu mua gạo của nông dân với giá thấp, trì hoãn thu mua để ép giá, rồi thuế cao, phân bón và thuốc trừ sâu đắt đỏ. Trong khi Việt Nam đứng hàng thứ ba thế giới về xuất cảng gạo thì nông dân lại đói nặng. Ngay tại đồng bằng sông Cửu Long, vựa lúa của Việt Nam, theo thống kê của chính quyền, cũng đã có gần 20% nông dân bị đói một cách thường trực. Còn ở Thái Bình có thể nói là hầu hết mọi người đều đói cả. Cuộc sống ở Thái Bình cơ cực và không có lối thoát. Một số thanh niên — theo tôi được biết — đã may mắn học hết Tú Tài nhưng rồi cũng không có tương lai và họ phải lên Hà Nội bán sức lao động tại chợ người ở Phố Hàng Chiếu với tiền công mỗi ngày được khoảng hai đôla, nhưng phải trả chi phí di chuyển và ăn uống nên đem về gia đình không được bao nhiêu. Đó là những thanh niên có học thức và xông xáo, còn những người khác thì họ rất là bế tắc.

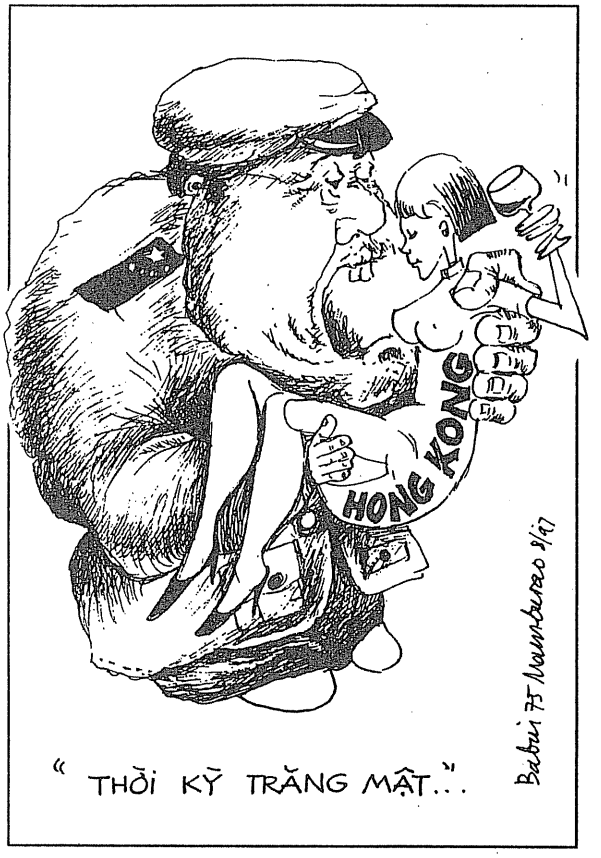

Một câu ca dao mới có thể mô tả tình trạng bi đát của họ như sau

"Mười năm cắp sách theo thầy,
Năm thứ mười một cầm cày theo trâu."

Nói chung là dân Thái Bình đã nói lên tiếng nói phẫn nộ của nông dân cả nước.

Ngoài ra cũng có nguyên nhân tôn giáo. Thái Bình là vùng duyên hải và đây là một trong những địa điểm truyền giáo đầu tiên nên mật độ tín đồ Công Giáo khá đông và chính sách đàn áp tôn giáo, đặc biệt là Công Giáo, đã gây ra nhiều phẫn nộ trong những năm qua.

Cũng có nguyên nhân chính trị nữa. Thái Bình trước đây là một trọng điểm của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Chính sách của cộng sản VIệt Nam đàn áp đẫm máu Việt Nam Quốc Dân Đảng khởi sự từ năm 1945 đã để lại rất nhiều thù oán. Tôi sinh trưởng tại vùng này nên được biết có thể nói là hầu như không có gia đình nào mà lại không có một thân nhân đã bị cộng sản thủ tiêu vì là đảng viên của VNQDĐ. Những cừu hận vẫn còn đó. Và chính quyền cộng sản không những không giải đáp mà lại còn phân biệt đối xử và nghi kỵ đối với con cháu của các nạn nhân.

Sau cùng cũng có yếu tố nhân văn. Một sự kiện mà ít người biết đến là dân Thái Bình có ý chí chiến đấu rất cao và rất bất khuất. Ngay từ thời Vua Lê Chúa Trịnh, Thái Bình là nơi tập hợp những di dân, những kẻ bị lưu đày, hoặc những người bất mãn, họ tới đây khai hoang và lập ra tỉnh Thái Bình. Trong những năm cấm đạo Thiên Chúa, thời Trịnh cũng như thời Nguyễn, người Thái Bình thà chết chứ không chịu đạp qua cây thánh giá, và họ đã cống hiến nhiều người tử đạo cho Công Giáo Việt Nam. Trong thời kháng Pháp, lần đầu khi Francis Garnier đem quân chinh phục miền Bắc, thì Francis Garnier đã lấy thành Hà Nội dễ như trở bàn tay, sau đó tràn đi chiếm các tỉnh khác như vào chỗ không người, nhưng khi tới huyện Phụ Dực thì bị đánh gục. Vào lúc bấy giờ dân Thái Bình đã giết được hai trong số năm sĩ quan Pháp trong chiến dịch này. Ba sĩ quan Pháp còn lại, trong đó có Francis Garnier, thì bị quân Cờ Đen giết.

Tôi sinh trưởng tại huyện Phụ Dực nên tôi còn nhớ hồi tôi còn bé, bọn thiếu nhi chúng tôi được dạy một bài ca kháng chiến của cộng sản

Việt Minh, chẳng hạn như: "Hỡi phường phản động gian tham, đã chẳng chịu làm, chỉ chực ăn không. Về đó giương mắt mà trông, nhân dân đoàn kết một lòng hy sinh. Chỉ vì dân chủ, hòa bình..." Tôi không ngờ rằng những bài ca này do đảng cộng sản làm ra để khích động dân chúng, nhưng ngày nay lại phản ánh một tình thế mà họ đang là nạn nhân.

Hỏi: *Với những điều ông vừa trình bày, theo quan điểm của ông, hậu quả của vụ việc này sẽ như thế nào?*

Đáp: Trước hết là những bất mãn nhất thời đã đưa tới biến cố Thái Bình chỉ là những giọt nước cuối cùng làm tràn cái bình đã đầy từ lâu, thì nhân dân Thái Bình chẳng qua cũng nói lên tiếng nói phẫn nộ của cả nước. Bởi thế sự chống đối của Thái Bình sẽ lan ra nhiều nơi khác. Và trên thực tế, theo chỗ tôi được biết, thì đã lan ra nhiều nơi khác rồi: tại Thanh Hóa, tại Hà Đông, tại Hưng Yên đã bắt đầu có biến động dù là ở mức độ nhỏ hơn. Trên thực tế, dưới những bề ngoài của một cuộc biểu lộ chống tham nhũng hà hiếp, sưu cao thuế nặng, thì đây là một cuộc đấu tranh đòi dân chủ và chống chính quyền, thể hiện qua việc các đoàn biểu tình đập phá các cơ quan chính quyền. Những sự kiện đó phải nói là vượt hẳn khuôn khổ của một cuộc phản đối cục bộ. Cũng nên lưu ý là phương pháp đấu tranh của nhân dân Thái Bình rất là sáng suốt. Nói chung, đây là một cuộc đấu tranh rất là ôn hòa.

Chúng ta đều biết là biến động đã diễn ra từ hơn hai tháng nay rồi, từ cuối tháng Năm, nhưng chưa có ai thiệt mạng. Người ta chỉ ghi nhận là có một cụ già bị thương vì bị đánh bằng roi điện, và một viên chức huyện Thái Thụy bị thương mà thôi. Như vậy có thể nói là cuộc đấu tranh rất ôn hòa và cách đấu tranh ôn hòa này khó dẹp, cho nên nó có khả năng kéo dài và lan rộng.

Hỏi: *Vậy thì hướng giải quyết của nhà nước Việt Nam ra sao?*

Đáp: Chính quyền đã cử ông Phạm Thế Duyệt tới tỉnh Thái Bình để lo giải quyết, nhưng tôi nghĩ rằng sẽ không giải quyết được ổn thỏa. Thái Bình có thể dẹp được, nhưng sau Thái Bình thì vẫn còn nhiều nơi khác. Bởi vì, như tôi đã nói, Thái Bình chỉ nói tiếng nói của cả nước, và những vấn đề đặt ra cho Thái Bình cũng đặt ra cho các tỉnh khác. Những nguyên nhân sâu xa của biến động này là độc tài, hà khắc, tham nhũng, bóc lột, bất công xã hội, phát triển không đồng đều. Yếu tố rất mới là sự gia tăng của truyền thông. Những gì xảy ra ở Thái Bình chỉ vài ngày sau cả thế giới đều biết. Và Việt Nam hiện nay cũng có cả một cộng đồng hải ngoại theo dõi những gì đã xảy ra ở Thái Bình, bênh vực cuộc đấu tranh của nhân dân Thái Bình. Và chắc chắn nếu có những người bị bắt thì họ cũng sẽ được yểm trợ tích cực. Cho nên cuộc đấu tranh này khác với quá khứ. Chúng ta đang chứng kiến một tình trạng dồn dập của những chống đối. Cứ nhìn lại quá khứ mà coi. Vụ Quỳnh Lưu nổ ra năm 1956, phải đợi tới năm 1988 tức 32 năm sau mới có việc nông dân đồng bằng Nam Bộ kéo lên Sài Gòn đưa một số yêu sách để phản đối việc phân chia ruộng đất không đồng đều. Rồi tới năm 1995, tức là bảy năm sau đó, lại nổ ra vụ Uy Nổ tại gần Hà Nội. Nhưng từ sau Uy Nổ thì chỉ hai năm sau đã có vụ nổi dậy tại tỉnh Thái Bình. Cuộc nổi dậy như vậy là càng ngày càng dồn dập và cũng càng ngày càng tăng cường độ và mức độ. Uy Nổ đã là một cuộc đấu tranh dữ dội với cả ngàn người. Nhưng Thái Bình thì cuộc đấu tranh càng mãnh liệt hơn. Tôi thấy tình hình không thể như trước nữa.

Hỏi: *Như vậy liệu có một lối thoát tốt đẹp nào không cho cả hai phía? Ý chúng tôi muốn nói rằng về phía người dân và về phía những người cầm quyền tại Việt Nam bây giờ.*

Đáp: Thực ra thì cũng khó. Nói là khó nhưng không phải là không có giải pháp. Dĩ nhiên là có giải đáp và giải đáp này chỉ giản dị là thực sự dân chủ hóa, chấp nhận đối lập dân chủ, công khai, bất bạo động, chấp nhận đối thoại với mọi thành phần dân chúng và mọi khuynh hướng, coi những cuộc thảo luận này công khai và cởi mở. Người dân ít ra cũng nhận thức được thực trạng bi đát của đất nước và nhìn thấy những hy sinh cần phải có để phát triển đất nước mà bắt kịp các quốc gia khác trên thế giới. Các cuộc thảo luận này cũng sẽ có tác dụng tốt cho chính quyền và sẽ cho phép tìm ra một giải pháp để phân chia một cách công bình hơn những hy sinh. Người dân dù có phải tiếp tục chịu đựng những hy sinh những cũng sẽ đỡ phẫn nộ hơn. Tôi nghĩ rằng vào giờ này không ai muốn đất nước rơi vào tình trạng hỗn loạn, không ai muốn một tình trang hỗn loạn toàn bộ trên cả nước. Không được để cho tình trạng này xảy ra. Bởi vì để nó xảy ra thì sẽ không còn giải đáp nữa. Và lúc đó những thiệt hại, những đổ vỡ sẽ không lường được. □

CƠN BÃO TIỀN TỆ TẠI ĐÔNG NAM Á ĐỐI VỚI VIỆT NAM

QUÂN TỬ

Trong vài tuần qua, Ngân Hàng Trung Ương Thái Lan đã phải thương thuyết với Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và các nước khác để vay một số tiền trên US$ 14-16 tỷ. Cơn khủng hoảng tiền tệ Thái đã kéo theo nguy cơ khủng hoảng tiền tệ tại các nước Đông Nam Á (ĐNA) như Mã Lai, Singapore, Philippines, Indonesia. Tiền Baht đã phải phá giá, tiền Peso của Phi cũng phá giá, và nhiều chính phủ đang lo lắng. Thủ tướng Mã Lai M. Mahathir trong diễn văn khai mạc hội nghị ASEAN đã chỉ trích các nhà "đầu cơ tiền tệ" như G. Soros đã gây vụ khủng hoảng tiền tệ để hại các nước ASEAN.

Tại Việt Nam, các vụ Tamexco [nợ US$ 16 triệu], nhà máy dệt Nam Định [nợ US$ 50 triệu], vụ Minh Phụng, Epco [nợ trên US$ 370 triệu] v.v... bộc lộ sự yếu kém và đã gây nên cuộc khủng hoảng trong hệ thống ngân hàng. Trương mục chi nhánh ngân hàng Vietincombank tại Singapore đã bị tòa án tại đây cho phong tỏa trong việc tranh chấp về việc trả tiền thơ tín dụng (Letter of credit hay LC) cho một ngân hàng ngoại quốc. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã phải có nhiều biện pháp xiết lại về tiền tệ do đó các hoạt động kinh tế tại VN cũng sẽ bị ảnh hưởng. Cơ quan đánh giá rủi ro trong ngành ngân hàng, công ty Thompson Bankwatch Inc. (1) đã nâng cao rủi ro của các ngân hàng VN. Báo cáo mới nhất của IMF được đưa ra tại Hà Nội vào tháng 8, 1997 đã khuyến cáo VN phải thay đổi trong khu vực Doanh nghiệp nhà nước (DNNN), cởi mở trong chính sách xuất khẩu và thu mua lúa, và phải tiếp tục mở cửa về thương mại.

Nguyên nhân cơn khủng hoảng kinh tế - tiền tệ tại Đông Nam Á, việc Thái Lan phải phá giá đồng Baht, thương thuyết với IMF và chấp nhận liều thuốc đắng của họ là vì đâu? Việc khủng hoảng tiền tệ tại ĐNA sẽ có ảnh hưởng gì đến VN không? Các triệu chứng kinh tế càng ngày càng bi quan và các khó khăn ngành ngân hàng VN sẽ có ảnh hưởng gì đến chính sách phát triển của VN? Để đóng góp cho việc nhận xét về Kinh tế VN trong năm 1997 và vài năm tới đây, bài này sẽ tìm nguyên nhân về tình trạng kinh tế tại ĐNÁ và những bài học có thể rút ra cho VN.

Nguyên nhân các khó khăn tiền tệ tại Thái Lan và Đông Nam Á

Khủng hoảng tại Thái lan

Trong 10 năm qua, tăng trưởng của Thái Lan trung bình là 8%/năm. Vì vậy Thái Lan được coi như một con rồng ĐNÁ. Khu vực tài chính của Thái và thị trường chứng khoán cũng khá cởi mở. Sau nhiều năm tăng trưởng dựa trên nhân công rẻ, có nhiều dấu hiệu cho thấy kinh tế Thái gặp khó khăn vì thiếu nhân công rành nghề, lương của các chuyên viên được đào tạo như kỹ sư, v.v. khá cao, khoảng US$ 3,000 một tháng. Từ ít năm nay, nhân công của Thái bắt đầu đắt, và hàng xuất khẩu của Thái bị các nước có nhân công rẻ như Trung Quốc, Việt Nam và Miến Điện, cạnh tranh cho nên tăng trưởng kinh tế có phần trì trệ.

Tình hình kinh tế tốt trong nhiều năm qua làm cho các nhà đầu tư quốc tế đổ vào Thái Lan. Họ đầu tư vào sản xuất — nhà máy, công

ty hay đầu tư vào thị trường chứng khoán. Cùng lúc đó thì Thái Lan vay ngoại quốc rất nhiều (vì lãi suất rẻ) để đầu cơ vào địa ốc, vào ngành khách sạn và công ty tài chính. Họ vay nhiều vì chính sách của Ngân hàng Thái giữ lãi suất cao, do đó vay ở ngoại quốc rẻ. Số tiền nợ của Thái Lan lên đến US$ 70 tỷ (3 lần GDP của VN). Việc này và việc tăng trưởng chậm về xuất khẩu đã làm cho cán cân thương mại bị thâm thủng trong nhiều năm vì bán ít mà mua và vay nhiều.

Về chính trị thì ít lâu nay, các đảng phái tranh nhau kịch liệt, mị dân, thay đổi chính phủ liên miên. Ngân sách thâm thủng đến 8% GDP cho năm 1996 (trong một nước có quản lý vĩ mô tốt, thâm thủng ngân sách dưới 4%), xài nhiều hơn là thu. Tình trạng kinh tế này không thể giữ lâu vì mất cân bằng trầm trọng. Kinh tế tại Bangkok có phần bị giảm sút vì lưu thông bế tắc, ô nhiễm môi trường, chật chội... Các chuyên viên quốc tế cũng khuyến cáo Thái rất nhiều nhưng vì chính trị nội bộ cho nên chính phủ Thái đã rất thờ ơ.

Khi các công trình xây cất không bán được (vì quá dư), các món nợ đầu tư địa ốc tới hạn và các người vay nợ không đủ khả năng thanh toán nợ thì một số nhà đầu tư Thái phá sản, lôi cuốn theo sự sụp đổ của một số ngân hàng yếu kém và các công ty tài chính có nhiều món nợ địa ốc. Khủng hoảng xảy ra khi nhiều ngân hàng và công ty tài chính Thái lâm vào tình trạng phá sản, không đủ tiền trả cho thân chủ. Vì lo sợ, thân chủ các ngân hàng rủ nhau đi rút tiền gây yếu tố tâm lý mang tới việc khủng hoảng ngân hàng. Khi họ rút tiền ra thì họ mua vàng hay mua dollar để tiết kiệm làm giá dollar cao vọt lên. Đây cũng giống trường hợp của Tokyo cách đây nhiều năm trong cơn bão đầu cơ nhà đất. Lúc đó Ngân hàng Trung ương Nhật ra một số biện pháp trừng phạt, kiểm soát và củng cố hệ thống các ngân hàng đầu cơ về nhà đất, cùng lúc trấn an quần chúng.

Chính sách của Ngân hàng Trung ương (NHTƯ) Thái là giữ hối suất tiền Baht trong khoảng 25.4 đến 26 Baht cho 1 US$. Khi có cơn khủng hoảng ngân hàng, các nhà đầu tư bán tiền Baht và mua dollar và như vậy, muốn giữ hối suất thì NHTƯ phải bán ngoại tệ dự trữ ra. NHTƯ Thái đã bán ra nhiều tỷ dollar Mỹ. Vào trung tuần tháng 5, NHTƯ đã phải giảm và thả nổi hối suất đồng thời đình chỉ hoạt động nhiều công ty tài chính. Những biện pháp này đã giúp NHTƯ Thái giảm "cơn đầu cơ" trên tiền Baht, nhưng đã quá trễ. NHTƯ Thái cũng kêu gọi nhiều NHTƯ các nước ASEAN hỗ trợ để ngăn cản cơ khủng hoảng tiền tệ, nhưng từ trung tuần tháng Năm vì sức ép quá mạnh nên Thái đành thả nổi đồng tiền của mình.

Khủng hoảng tại các nước ĐNÁ và bài học cho ASEAN

Như vậy, cơn khủng hoảng địa ốc và thâm hụt trong cán cân thương mại của Thái đã mang khủng hoảng đến cho ngân hàng rồi tiền tệ của xứ này. Rồi lan ra khu ASEAN. Trong tháng Sáu và tháng Bảy vừa qua, hối suất đồng tiền Baht bị giảm giá trầm trọng, có khi đến 32 Baht/1 US$. Đầu tháng Bảy, tiền Bath đã mất giá và cơn sốt tiền tệ của Thái đã lan qua đến nhiều nước ĐNA khác, khi các ngân hàng TƯ ĐNÁ giúp Thái và khi các nhà "đầu cơ tiền tệ" mong là các loại tiền ASEAN sẽ sụt giá để họ có thể bán tiền mà họ có. Đồng Ringgit của Mãlai, Ruppiah của Indonesia và Peso của Philippines và kể cả dollar Singapore cũng bị lây áp lực. Bị lây, vì cán cân thương mại và kinh tế các nước này cũng giống như Thái.

Trước tình hình mới, các nhà đầu cơ thiếu tin tưởng vào kinh tế các nước ĐNÁ và "bán tháo" các đồng Ringgit, Rupiah, Peso hay dollar Singapore để mua US dollar, đã gây nhiều hỗn loạn. Bộ trưởng Tài chính R. Hu của Singapore có nói là hối suất của tiền Singapore là do thị trường cho nên các nhà đầu cơ tiền tệ tưởng là Singapore sẽ thả nổi và muốn đầu cơ kiếm lời. Kinh tế Singapore rất vững, có thặng dư mậu dịch với thế giới, cho nên cơn khủng hoảng tiền tệ chỉ trong ít ngày là được giải quyết. Đối với Philippines, thì NHTƯ giảm hối suất và thả nổi đồng Peso do đó cơn khủng hoảng đã bớt ngay. Đồng tiền Ringgit của Mã bị sụt trên 9%, Ruppiah của Indonesia cũng phá giá và phải thả nổi vì kinh tế Mãlai, Indonesia cũng mất cân bằng, đầu tư quá nhiều về hạ tầng cơ sở, và xuất khẩu điện tử giảm nhiều vì cạnh tranh của TQ.

Sau khi gặp nhiều khó khăn, vào tháng 6, 1997, bộ trưởng Tài chính Thái đã phải cầu cứu Nhật, một quốc gia có đầu tư lớn nhất tại Thái Lan. Thái Lan cũng phải thương thuyết với Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) để vay tiền cứu vãn đồng Bath và lấy lại cân bằng kinh tế. Kết quả là Thái Lan nhận được sự hỗ trợ của IMF (4 tỷ), Nhật (4 tỷ), Úc (1 tỷ), Nam Hàn (0.5 tỷ), Indonesia (0.5 tỷ), Mãlai (1 tỷ), Hong Kong (1 tỷ)... tổng cộng khoảng US$ 16 tỷ. Liều

thuốc của IMF là: tăng thuế trị giá gia tăng (VAT) từ 5% lên 8% để giảm tiêu thụ và tăng thu cho ngân sách, đóng cửa hay củng cố một số công ty tài chính (58 trên 91 công ty), giảm chi, giữ thâm thủng ngân sách ở mức 5% GDP. Liều thuốc này là để giúp Thái Lan lấy lại cân bằng tiền tệ và lấy lại sự tin tưởng của dân chúng cùng các nhà đầu tư quốc tế.

Thái Lan có khoản 32 tỷ dự trữ ngoại tệ mà không chống nổi cơ bão kinh tế, tiền tệ. Các nước ASEAN trong khối như Mã Lai, Philippines v.v. cũng phải phá giá hay thả nổi tiền của họ mới cứu vãn tình thế. Ngoài ra Thái Lan cũng cần sự hỗ trợ thêm của ngoại quốc. Điều này cho thấy là ASEAN là một khối kinh tế còn lỏng lẻo, chưa đủ sức giúp nhau nhiều được. Khi gặp nguy khốn Thái Lan còn phải cầu cứu IMF và Nhật.

Ảnh hưởng cơn khủng hoảng tiền tệ

Ta đã thấy nguyên nhân của cơn khủng hoảng tiền tệ Thái là do đầu cơ địa ốc, thâm hụt trong cán cân thương mại, siêu chi ngân sách, thái độ vô trách nhiệm của các ngân hàng cho vay một cách bất cẩn, không xem kỹ rủi ro thị trường, và sự can thiệp chậm chạp của NHTƯ Thái. Kinh tế Thái mạnh hơn kinh tế VN ít nhất là từ 10 đến 15 lần và dự trữ ngoại tệ của Thái hơn dự trữ của VN trên 20 lần (US$32 tỷ so với US$1.5 tỷ) mà vẫn gặp khó khăn. NHTƯ Thái đã mất trên US$ 5 tỷ để bảo vệ hối suất mà sau đó cũng phải chịu thua đành thả nổi đồng tiền.

Các món nợ sẽ phải trả đã lên trên US$ 70 tỷ. Trước mắt, các giới nghèo sẽ phải trả giá vì ngân sách sẽ bị cắt nhất là trong các lĩnh vực y tế và giáo dục. Thuế trị giá gia tăng (VAT) sẽ ảnh hưởng đến mãi lực của người dân Thái, nhất là dân nghèo vì đánh trên hàng tiêu dùng. Dân Thái sẽ mất tín nhiệm vào ngành ngân hàng. Ngân hàng TƯ Thái sẽ phải kiểm soát chặt chẽ hơn để lấy lại niềm tin của dân chúng.

Sau khi có cơn khủng hoảng tiền tệ tại Thái Lan và ĐNÁ, VN nói là họ không bị ảnh hưởng gì hết. Đúng vậy vì đồng VN không được tự do trao đổi (convertible) cho nên VN đã tránh được cơn khủng hoảng tiền tệ dây chuyền này. Nhưng các đầu tư Thái lại VN (đứng thứ 4-5) như khu kỹ nghệ Amata I và Amata 2, các dự án hạ tầng khu công nghiệp tại Dung Quất sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp vì NHTƯ Thái sẽ siết chặt việc sử dụng ngoại tệ. Ảnh hưởng đối với VN sẽ là một ảnh hưởng không phải tức thời nhưng là một ảnh hưởng chậm. Khối lượng đầu tư vào VN vào cuối 1997 và năm 1998 cũng sẽ bị ảnh hưởng.

Kinh tế và ngân hàng Việt Nam

Thái lâm vào khủng hoảng là do việc quản lý kinh tế vĩ mô bất cẩn. Kinh tế ngày nay ngày càng có tính cách hoàn cầu hóa nên đây là dịp VN học được bài học quản lý tiền tệ ở cấp vĩ mô hầu tránh những bất trắc về sau.

Bối cảnh 1997

Những số thống kê cho năm 1996 cho thấy thâm thủng trong cán cân thương mại là đáng ngại — US$ 3.4 tỷ, khoảng 17 % GDP, mặc dù xuất khẩu tăng 36% nhưng nhập khẩu lại 47%.

Bản 1: THỐNG KÊ CƠ BẢN

	1992	1993	1994	1995	1996	1997*
GDP (%) gồm:	8.6	8.1	8.8	9.5	9.4	7.5-8.5*
Nông nghiệp	7.2	3.8	4.5	4.7	4.8	4-4.5*
Công nghiệp	13.5	12.8	13.6	14	14	13-14*
Dịch vụ	7.0	9.2	9.2	12.6	12	11-12*
Hối suất	11180	10650	10980	11030	11050	11800
Lạm phát	17.5	5.2	14.4	12.7	4.5	5-7
Cán cân TM (tỷUS$)		0.7	1.2	1.8	3.4	3-3.5

Viện Thống kê * dự trù do tác giả tính

Điều đáng chú ý trong nửa năm 1997 là giá cả lương thực giảm và lạm phát trong mấy tháng đầu 1997 là âm vì giá cả về lúa gạo thấp. Nông dân đồng bằng sông Cửu Long trúng mùa và phải bán rẻ lúa của họ hay không bán được lúa. Cầu về gạo giảm vì TQ và Indonesia đã giảm nhập khẩu và ngoài ra gạo VN còn phải cạnh tranh với Ấn độ và Myanmar (Miến Điện) trên thị trường quốc tế. Các Doanh nghiệp nhà nước không mua được gạo đồng bằng sông Cửu Long vì các ngân hàng không chịu cho vay. Vì các DNNN được độc quyền xuất khẩu mà không có tiền thu mua cho nên nông dân bị ép bán lúa rẻ. Kết quả là lợi tức của họ giảm và tiêu thụ trong nước chậm lại.

Giá cả vật liệu xây dựng như thép, sắt tròn
ì ciment đã đứng tại chỗ và tồn kho các vật
ệu ở mức cao. Việc này cũng đi cùng lúc với
ệc VN xiết chặt tín dụng và giảm giá hối suất
ồng VN so với đồng đôla. Hối suất đồng VN,
ược giữ ở mức VND 11,000/đôla trong nhiều
ăm đã bắt đầu giảm từ đầu năm 1997 lên
1,700/đôla hiện nay và có thể lên đến 11,800 -
2,000 vào cuối năm. Các vụ nần của Tamexco,
hà máy dệt Nam định, Minh Phụng v.v... cho
ấy là hệ thống DNNN và Ngân hàng nhà
ước làm ăn có ít hiệu quả và sẽ còn gặp khó
hăn (xem TK 21 số 99 và 100). Các DNNN
ay dựa trên cái các chuyên viên ngân hàng gọi
ì "effet de cavalarie" — Vay LC (thơ tín
ụng) trả chậm không có thế chấp, hay thế
hấp bằng các địa ốc của chủ quyền nhà nước,
hỉ mong bán được hàng để trả nợ, nói theo
ân gian là "mượn đầu heo nấu cháo." Luật
gân hàng cấm việc này vì sẽ gây khó khăn cho
ệ thống NH. Các vụ này đã gây một khủng
oảng ngân hàng "nhỏ nhỏ" tại VN. Nhưng vì
inh tế VN nghèo hơn, nhỏ hơn, cho nên hậu
uả còn có thể điều chỉnh được.

Trong 1997, đầu tư đã giảm nhiều vì VN đã
hấp nhận nhiều công ty không có khả năng,
oặc các nhà đầu tư không vào nữa. Việc nhập
iêu — thâm thủng cán cân thương mại sẽ ở
ức US$ 3.4 đến 4 tỷ trong năm 1997. Mức
ăng trưởng công nghiệp khu DNNN giảm 8%
o với 1996 nhất là về công nghiệp điện tử.
Ngành du lịch bị giảm và ứ đọng. Trung bình
ác khách sạn ở Sài Gòn hay Hà Nội khó có
hách trên 40% số phòng. Hiện tượng khách
ạn và địa ốc giống các đầu tư địa ốc tại Thái
an. Du lịch giảm và nhà đầu tư quốc tế cũng
ém hồ hởi trong việc sang VN tìm cơ hội đầu
ư và "Việt kiều" cũng bắt đầu chán, ít hưởng
ứng vì khung cảng làm doanh thương rất phức
ạp (tham nhũng, bất công, công an dòm ngó,
àm tiền, thiếu tiện nghi, vv.). Việt Nam đã bị
một cơ quan của Đức đánh giá là một trong 10
ước tham nhũng nhất thế giới.

Nói tóm, kinh tế VN trong năm 1997 có
hiều bất trắc. Nếu không có tiếp tục cải cách
ngân hàng, nhân sự, vv.) thì nền kinh tế trong
ăm 1998 và các năm sau có thể không giữ
ược mức tăng trưởng mà còn sẽ gặp khủng
oảng ngân hàng, tiền tệ như Thái Lan (ở cấp
hỏ) vì quản lý vĩ mô lỏng lẻo.

Các vấn đề

VN chủ quan cao — cho mình miếng mồi
ầu tư kinh tế béo bở — cho nên còn sẽ gặp
nhiều sự bất ngờ. Trong một thế giới mà kinh tế hàng hóa ngày một toàn cầu hóa, cách suy nghĩ này chỉ làm hại VN.

Với một chính sách phát triển úp mở, các tranh chấp trong kỳ Đại hội 8 giữa phe cởi mở và bảo thủ, nhân sự yếu kém, các dấu hiệu mới nhất cho thấy là các nhà đầu tư ngoại quốc đã bớt đầu tư và kinh tế VN đã khựng lại. Các DNNN đã ngày càng làm ăn thiếu hiệu năng, chỉ vào khoảng 30% các DNNN là có lời. Theo một số chuyên gia quốc tế, các món nợ khu vực DNNN lên đến US$ 25 tỷ vào cuối năm 1995. Để phát triển, Việt Nam cần rất nhiều đầu tư ngoại quốc (2) trong đó có US$ 14 tỷ FDI (đầu tư tư nhân) và khoảng US$ 7 tỷ ODA (viện trợ). Các thông tin mới nhất cho thấy là VN sẽ không thực hiện được các con số này và ngày càng khó khăn.

Hệ thống ngân hàng, mặc dù có thay đổi, đã không làm đúng bổn phận "phân phối" tài chính một cách vô tư, còn nhiều "móc nối bất chính" giữa đảng và kinh tế cho nên trong năm 1997, VN đã có một "mini khủng hoảng ngân hàng." Ngoài ra, muốn quản lý cho tốt để sử dụng số vốn này cũng như có nhân lực đủ chuyên môn, có khung cảnh và hệ thống luật thương mại, thuế má trong suốt để đáp ứng, lôi kéo đầu tư ngoại quốc thì VN còn phải cải cách khá nhiều. Ví dụ như ông Trực, một đại diện của một hãng ngoại quốc bị bắt, làm cho các người quen thuộc về truyền thống luật lệ (due process) bất bình. Hoặc là sự "không nhất trí" giữa hai phe bảo thủ và cởi mở. Một mặt vẫn nói kinh tế nhiều thành phần, khen khu vực tư, nhưng một mặt khác thì vẫn gây nhiều dễ dãi cho các DNNN (xem TK 21 tháng 7 và 8, 1997). Gần đây, Nguyễn Văn Linh có bài viết về bảo vệ hàng "nội hóa," trách là trong quan hệ giữa Hoa Kỳ và VN, VN thiệt thòi, kêu gọi tự lực tự cường [như kiểu chế độ đang phá sản của Bắc Hàn (Juche)], giúp người ta đánh giá được cách suy nghĩ của cấp lãnh đạo VN: còn ba năm nữa là vào thế kỷ 21 mà vẫn suy nghĩ theo kiểu du kích! Điều này cho thấy là cấp lãnh đạo VN, nhất là phía đảng, không hiểu gì về kinh tế thị trường. Việc này cộng với việc luật lệ cứ thay đổi triền miên đã khiến các nhà đầu tư khó tính toán kế hoạch việc phát triển công việc làm ăn của họ.

Khuyến cáo của các cơ quan quốc tế

Cơ quan UNDP, World Bank và IMF đều khuyến cáo VN phải tiếp tục thay đổi để có thể tăng trưởng và phát triển. IMF khuyến cao

VN thay đổi hệ thống các DNNN, bỏ hệ thống độc quyền trong việc thu mua và xuất khẩu gạo và mở hệ thống thương mại. UNDP khuyến cáo phải có thông tin trong suốt và cải tổ các lĩnh vực giáo dục và y tế. World Bank thì khuyến cáo thay đổi hệ thống DNNN lâu nay vẫn theo kiểu "cha chung không ai khóc."

Các vấn đề nhân sự, hành chính, luật pháp, quản lý DNNN bao trùm tất cả các vấn đề phát triển tại VN. Trong những năm trước đây, VN chỉ cho dân "tự lo, tự làm" chứ chưa có một chính sách kinh tế đúng với môi trường kinh tế thị trường. Lúc Đổi Mới, VN đã hứa thay đổi nhiều và các nhà đầu tư quốc tế đã hưởng ứng. Họ đua nhau xin đầu tư vào VN nhưng với thời gian, thực tế khác hẳn. Nhân công VN có rẻ nhưng điện, nước, điện thoại, nhà cửa... yếu kém và mắc mỏ, lại lắm cái phiền toái như đặt một cái máy Fax mà cũng phải xin phép! Xem ra thì VN cũng không hơn gì nhiều nước Á châu khác, nếu không nói nhiều cái còn thua xa. Các nhà đầu tư đã bắt đầu bỏ đi nơi khác.

Kết luận

Hậu quả của việc quản lý vĩ mô yếu kém của Thái Lan là đồng baht bị đe dọa. Thái Lan đã phải thả nổi đồng baht, và trị giá của nó mất 20%. Thái phải thương thuyết, vay mượn nhiều nước trong khu vực và nhất là IMF. Kết quả, Thái Lan cũng phải vay từ US$ 14 đến 16 tỷ để củng cố kinh tế và phải thực thi một số biện pháp thắt lưng buộc bụng chỉ vì trong mấy năm trước chính sách kinh tế vĩ mô của họ lỏng lẻo, kém thực tiễn. Bài học ở đây là một nền kinh tế mà cán cân thương mại mất cân bằng đến 8% thì các nhà đầu tư không tin tưởng nữa. Các đồng Peso, Ringgit, Ruppiah đều phải thả nổi để tranh đấu với đầu cơ, và các nhà đầu tư quốc tế bắt đầu bất tín nhiệm.

Vụ Tamexco, Minh Phụng, Epco, v.v. cho thấy là hệ thống DNNN và ngân hàng NN làm ăn có ít hiệu quả. Hệ thống ngân hàng sẽ gặp khó khăn (1) và NHNN phải điều chỉnh hối suất. Trong 1997, đầu tư ngoại quốc đã giảm và việc thâm thủng thương mại còn ở mức cao. Kinh tế VN thiếu cân bằng (mất căn bằng trong cán cân thương mại, hối suất, sản xuất, đầu tư và tiết kiệm).

IMF, World Bank, UNDP đã có khuyến cáo đối với VN. GDP ở mức US$ 311/đầu người, vẫn còn là một trong 10 nước nghèo nhất trên thế giới và nay theo *Transparency international* thì VN là một trong 10 nước tham nhũng nhất trên thế giới.

Kinh nghiệm Thái Lan (nhất là kinh nghiệm về thâm thủng cán cân thương mại) sẽ giúp VN tự điều chỉnh. Từ năm 1996, VN nhập siêu khoảng 15 - 17% của GDP. Nếu quản lý vĩ mô dở thì sẽ bị các cơ quan quốc tế như IMF (VN đang ở trong chương trình IMF) bắt buộc theo một chính sách buộc bụng, giảm cắt ngân sách và sẽ lại có thêm nhiều vụ Thái Bình. Với bài học Thái Lan ngay trước mắt, chính giới lãnh đạo VN phải quyết định phải cải cách thêm rất nhiều nữa, hay chỉ làm nửa vời rồi dừng lại.

Chú thích:

1) "Ngân Hàng Lúng Túng làm Doanh Nghiệp trì trệ", TK 21, số 99
và 100, tháng 7 và 8, 1997

2) "PIP 1996 2000", Ministry of Planning and Investment, Hanoi, June 1996.

Văn Phòng Luật Sư
ROBERT M. VIEFHAUS & ASSOCIATES
27 NĂM KINH NGHIỆM HÌNH LUẬT VÀ BỒI THƯỜNG TAI NẠN

* Trộm cắp - Gian lận
* Tàng trữ - Mua bán ma túy
* Say rượu lái xe - DMV hearing
* Thiếu niên phạm pháp
* Đả thương - Vợ chồng xô xát
* Vi phạm probation - Xóa tiền án
* Tất cả tội đại hình & tiểu hình

* Bồi thường thương tích tai nạn
* Trial lawyer - nhanh chóng tối đa
* Những trường hợp đặc biệt đã thắng: 500 ngàn - 1 triệu - 3 triệu
* Luật Gia Đình: Ly dị, cấp dưỡng
* Luật Di Trú: Bảo lãnh, công hàm
* Luật Phá sản - Di chúc - Thừa kế

Bus. Hrs:
Mon - Fri: 9:00 AM - 5:00PM
Saturday: 10 AM - 3:00 PM

MẪN PHẠM, J.D.
Phone: (714) 895-5533 - Pager: (714) 570-4986

7777 Center, Ste #470
Huntington Beach, CA 92647
(Gần ngã tư Beach & Edinger
Trong Liberty National Bank)

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN Á CHÂU VÀ VIỆT NAM

PHẠM PHAN LONG (USA)
và NGUYỄN HỮU CHUNG (Canada)

Phần I: Ngân Hàng Phát Triển Á Châu (Asian Development Bank - ADB)

Vài nét về ADB

ADB là một tổ chức tài chánh quốc tế đặt trụ sở tại Manilla, Phi Luật Tân. ADB được thành lập từ năm 1966 và có 56 quốc gia thành viên. Bốn mươi thành viên là các quốc gia Á Châu trong đó có Việt Nam, Đài Loan và Trung Quốc v.v. ; còn lại 16 nước kia là các nước Tây phương. Mục tiêu của ADB là điều hợp phát triển kinh tế toàn vùng và lưu tâm đặc biệt tới những quốc gia nhỏ còn kém phát triển [1]. ADB được quản trị bởi một Hội Đồng Thống Đốc gồm 12 ghế: tám ghế giành cho thành viên trong vùng còn bốn ghế kia cho thành viên ngoài vùng. Nhật Bản góp phần rất lớn vào qũy ADB nên người Nhật đã giữ hết sáu nhiệm kỳ Chủ Tịch. Đương kim chủ tịch Mitsuo Sato chính là cựu chủ tịch Tokyo Stock Exchange.

ADB, với số vốn sáu tỉ USD trong Quỹ Phát Triển Châu Á (ADF) [2] sẽ có rất nhiều ảnh hưởng trong vùng. ADB mới lập ra Công Ty Tài Chánh và Đầu Tư Á Châu (AFIC) để huy động vốn địa phương, dùng uy tín của ADB để bảo đảm và bán trái phiếu cho người địa phương lấy tiền họ làm vốn phát triển các dự án trong nước của họ [3]. Kế hoạch tài chánh nầy tăng ảnh hưởng của ADB trong việc lựa chọn ưu tiên của các dự án trong một nước và tạo cho ADB một thế đứng cao hơn các chánh quyền địa phương.

Vai trò ADB trong khu vực Mêkông (GMS)

ADB chia Á châu ra thành những Vùng Kinh Tế để quản lý như: Northern Growth Triangle, Golden Quadrangle, Brunei Darussalam-Indonesia-Malaysia-Phillippines East Asian Growth Area (BIMP-EGA), Indonesia-Malaysia-Thailand Growth Triangle (IMT-GT) và khu vực Mêkông (Greater Mekong Subregion GMS).

Khu vực GMS bao gồm Vân Nam, Burma, Lào, Cambodia, Thái và Việt Nam, là một vùng địa lý chính trị quan yếu và phức tạp nhất. GMS có 237 triệu dân với GDP năm 1995 trên 200 tỉ USD. Dân nghèo nhưng số lượng mậu dịch đã tăng vọt lên gần 400% trong năm năm qua [4]. ADB đã cung ứng 18 triệu USD viện trợ kỹ thuật cho GMS, cho Lào vay 142 triệu xây đập Nam Song, Nam Theun-Hinboun, Nam Leuk, và cho vay 300 triệu xây xa lộ Cambodia-Việt Nam. Ngoài ra, ADB đã nghiên cứu 76 dự án tương lai với tổng số giá trị lên tới 15 tỉ USD; gồm 1,9 tỉ xa lộ, 5,1 tỉ đường sắt, 5,7 tỉ sân bay, 1,1 tỉ đường ống ga và 800 triệu về cấp thủy và trị thủy [5]. Như thế ADB có khả năng nắm giữ vai trò tổng quản toàn bộ kế hoạch phát triển kinh tế vùng GMS.

Những dự án trong khu vực GMS mà ADB đang nghiên cứu:

1. Xa lộ: Bangkok - Phnom Penh - HCM City 490 Triệu USD;
2. Xa lộ: Lạng Sơn - Hà Nội 270 Triệu

USD;

3. Xa lộ: Chiang Rai,Thai - Jinghong,China - Ban Houei,Laos 829 Triệu USD;

4. Xa lộ: Northern Laos - Hà Nội 99 Triệu USD;

5. Đường sắt: Dali,Yunnan-NorthernLaos-Chiang Mai-Nong Khai 2,1 Tỉ USD;

6. Đường sắt Hanoi - Hekou,Yunnan 65 Triệu USD;

7. Đường sắt: Phnom Penh - HCM City 550 Triệu USD;

8. Đường sắt: Burma - Thailand 550 Triệu USD;

9. Đường sắt: Yunnan - Myitkyina - Lashio, Myanmar 1,2 Tỉ USD;

10. Đường sắt: Lào Việt Nam 659 Triệu USD.

[Xem bản đồ đính kèm]

Hoạt động của ADB tại Việt Nam

ADB đã thảo xong sách lược đối với Việt Nam vào năm 1995 và bắt đầu hoạt động từ năm 1996 bằng những món quà viện trợ kỹ thuật, kế hoạch, giáo dục và huấn luyện nhân viên (TA) hàng triệu đồng. Sau đó, ADB đã cho Việt Nam vay 448 triệu USD với lãi xuất rất thấp (1%) và trả trong 40 năm.

Sau đây là các dự án Việt Nam vay tiền của ADB tính theo USD [6]:

1. Tái thiết rừng, (1977-2003) 33 Triệu;

2. Hệ thống cấp thủy và nước thải (1966-2000) 66 Triệu;

3. Quốc Lộ 1: Lạng Sơn-Hà Bắc-Cao Bằng nối QL 1 về các thôn quê (1996-2001) 120 Triệu;

4. Lập quỹ phát triển nông nghiệp (1997-2000) 50 Triệu;

5. Công tác cấp thủy và vệ sinh,(1977-2002) 69 Triệu;

6. Công tác tân trang điện tải (1995-1999) 80 Triệu;

7. Tân trang hải cảng Sài Gòn (1995-1998) 30 Triệu

Năm nay, ADB mới tuyên bố sẽ cho Việt Nam vay thêm 1,5 tỉ USD trong vòng ba năm sắp tới [7]. Số tiền này chiếm gần 25% ngân quỹ của ADF, phản ảnh chiến lược của ADB nhắm giữ vai trò chính cung ứng ngoại viện và điều hợp các nguồn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam [8].

Xét qua cung cách và toàn bộ những dự án đầu tư của ADB cho GMS nói chung và cho Việt Nam nói riêng (như đã liệt kê trên), ADB đang có những bước đi rất chắc chắn: Mở đường trước bằng viện trợ cho không, tiếp theo là cho vay lãi xuất rất nhẹ, rồi tạo ra các dự án quy mô cho bên ngoài (FDI) đầu tư vào. Tất cả do ADB dàn xếp và chủ trì. Tương lai môi trường, sinh thái và kinh tế của 230 triệu người dân GMS sẽ phần nào được định đoạt từ Manilla (ADB) hay Tokyo. Chính phủ các nước GMS có thể đề bạt ra những dự án mình muốn, nhưng ADB sẽ cùng các nguồn đầu tư bên ngoài có khả năng quyết định cho họ được làm gì và theo một thứ tự ưu tiên nào đó.

Phần II: Con đường phát triển Việt Nam

Hiện trạng Việt Nam

Kinh tế Việt Nam trong 10 năm qua đã có nhiều phát triển mặc dù nguồn ngoại viện từ khối Đông Âu (CMEA) đã chấm dứt vào năm 1989 khi Liên Xô sụp đổ. ADB cho rằng thành quả này có được lúc đó là do ngoại tệ người Việt hải ngoại chuyển về, đầu tư khai thác của nước ngoài và dầu thô ở ngoài thềm lục địa. Cũng theo số liệu chính thức của ADB [mà ta giả sử là đúng để bàn thêm] tổng sản lượng quốc nội của Việt Nam (GDP) vẫn tăng đều đặn ở mức 8-9% trong năm năm qua, khá sát mức hoạch định. Về nông nghiệp, Việt Nam đang là quốc gia đứng thứ ba về sản lượng lúa gạo, thứ năm về cà phê, và thứ 10 về trà trên thế giới. Dầu hỏa khai thác từ thềm lục địa cũng tăng tuy chậm nhưng đã góp 25% cho xuất cảng (1994). Mực độ tăng trưởng được coi như rất cao so với các nước khác trên thế giới.

Trong vòng hai năm qua, đầu tư ngoại quốc vào Việt Nam, tổng số các dự án được chấp thuận trên nguyên tắc đã tăng vọt từ 11 tỉ lên 21 tỉ USD. Mức lạm phát từ 80% năm 1991 đã giảm xuống 14% năm 1994 [9] và hạ thấp tới 4.5% trong năm 1996 [10]. Đó là những thành quả lạc quan của chính quyền Việt Nam mà ADB đã ghi nhận.

Qua chính những tài liệu ADB, ta có thể thấy những điều gay go cho tương lai Việt Nam ngay bên cạnh những điều lạc quan trên. Nạn chênh lệch mậu dịch đang ở vào khoảng 16% GDP, và đã kéo dài nhiều năm liền, có vẻ như không hãm lại nổi. Nếu sự chênh lệch đó là do việc nhập cảng thiết bị cơ xưởng và vật liệu để sản xuất thì người ta tạm yên tâm. Nhưng rất tiếc, phần lớn hàng nhập cảng là để tiêu dùng, không giúp việc sản xuất. [10]. Việt Nam đã vay của World bank 1.24 tỉ USD chỉ trong ba năm qua (1994-1996), đứng thứ ba sau có Ấn Độ và Trung Quốc về số tiền vay quỹ IDA của

World Bank [11]. Tổng số nợ năm 1994 của Việt Nam đã lên tới 22 tỉ USD (18 tỉ là nợ cũ của Russia chưa thanh toán). Thâm thủng mậu dịch năm 1996 lên tới 4 tỉ USD. Nếu tiếp tục lún sâu thêm như thế này thì chẳng khác chi "vay" thóc giống về ăn. Nếu không chận đứng được đà nầy thì chủ quyền kinh tế quốc gia Việt Nam sẽ rơi dần vào tay người nước ngoài.

Cũng nên cần lưu ý rằng mọi tường trình kinh tế của ADB chỉ trích dẫn tăng trưởng GDP như thành quả phát triển kinh tế của một nước. Chỉ số GDP gồm tất cả sản lượng trên lãnh thổ, kể cả đầu tư vào từ các nước ngoài. Chỉ số GDP làm cho tình trạng kinh tế của một quốc gia như Việt Nam có một thành tích tốt, nhưng thực ra lợi tức người dân trong nước chưa chắc đã tăng lên, và sự phân phối lợi tức chưa chắc đã xuống tới dân nghèo. ADB đã không tường trình hay phân tích đến chỉ số GNP của một nước, chỉ số nầy không kể sản lượng đầu tư bên ngoài.

Định hướng phát triển Việt Nam

Hướng về tương lai, Việt Nam cần huy động 50 tỉ đầu tư trước năm 2000 để kinh tế có thể tiếp tục tăng trưởng như hiện nay. Vấn đề huy động vốn có thể giải quyết khá dễ dàng nếu Việt Nam được hưởng quy chế tối huệ quốc (MFN) của Mỹ. Nhưng Quốc hội Mỹ không thể duyệt xét quy chế MFN khi giữa hai nước chưa có hiệp ước mậu dịch thương mại (CTA). Thỏa hiệp này còn khó hơn cả việc bình thường hóa bang giao, bởi những điều kiện khó chấp nhận về phía Việt Nam và có khi lại còn bất khả tương nhượng về phiá Mỹ như:

- San bằng những ưu tiên vẫn dành cho công ty quốc doanh để các công ty ngoại quốc

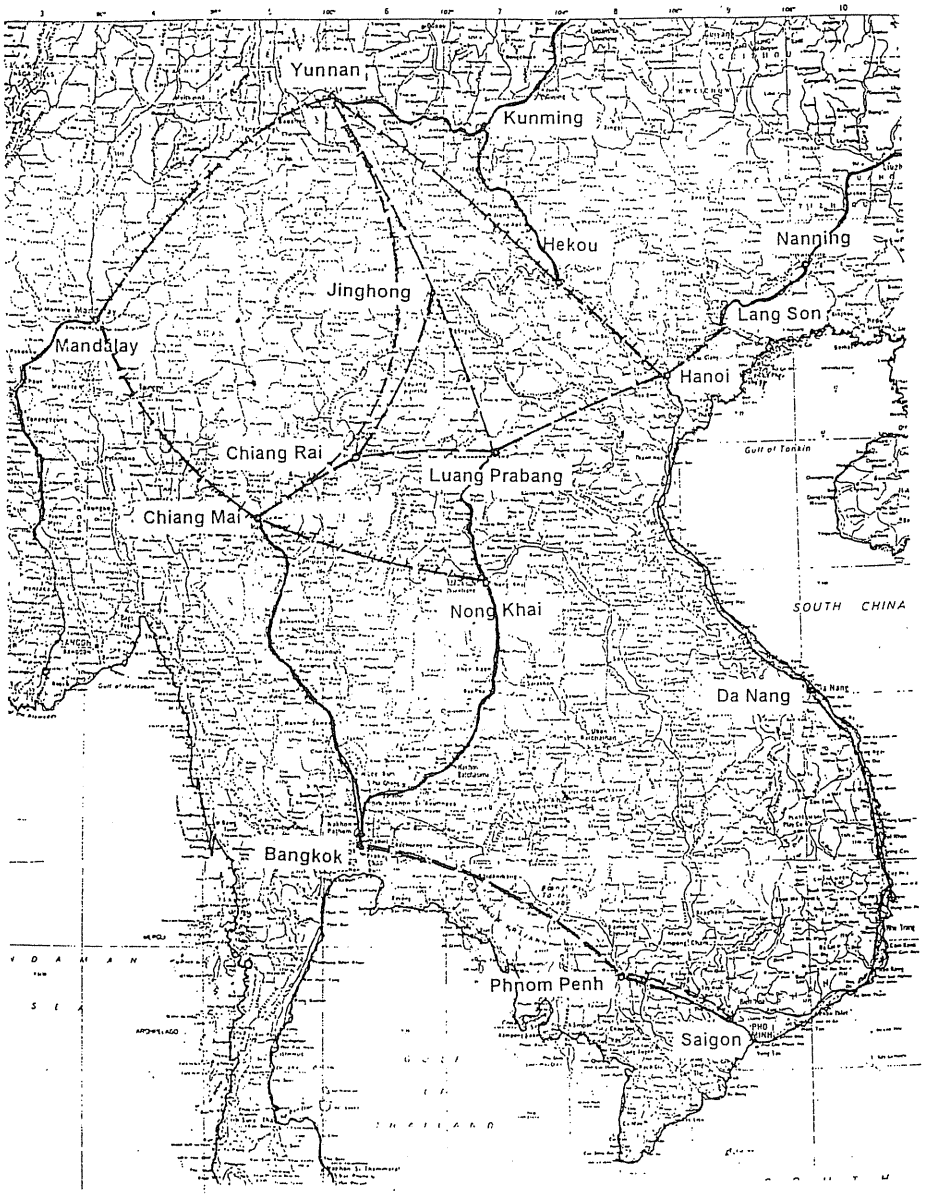

Asian Development Bank Projects
Greater Mekong Subregion

tại Việt Nam được cạnh tranh bình đẳng.

- Giới hạn quyền quốc hữu hóa của chính quyền.
- Quyền tự do chuyển ngoại tệ ra vào không bị ngăn cản hay hạn chế.
- Quyền được dùng thành phần thứ ba phân xử khi có xung khắc giữa hai bên.

Một khi có được quy chế MFN rồi, Cơ Quan Đầu Tư Ngoại Quốc Hoa Kỳ (OPIC) mới có thể bảo hiểm cho các công ty Mỹ đầu tư vào Việt Nam không còn sợ bị tịch biên tài sản vì biến cố chính trị hay luật lệ thay đổi. Ngoài ra, Ngân Hàng Xuất Nhập Cảng Mỹ (EX-IM) mới có thể tài trợ các thương vụ về Việt Nam với lãi xuất thấp. Lúc đó đầu tư của Mỹ vào Việt Nam mới ồ ạt và quy mô được. Cho tới khi đó, Việt Nam sẽ còn phải lệ thuộc vào ADB hay IDA để vay với lãi suất nhẹ.

Những bài học về viện trợ

Không phải kế hoạch viện trợ kinh tế hay cho vay phát triển nào cũng tốt như kế hoạch Marshall tái thiết được châu Âu, hay Mac Arthur tái thiết Nhật Bản sau cuộc chiến. Bài học viện trợ phát triển của Liên Hiệp Quốc (UN) cho các nước nhỏ, sau thế chiến thứ hai đến nay cho thấy, các hiện tượng cần phải tránh như là" "Kỹ nghệ hóa nhưng không mang lại ấm no," "Đầu tư vào nhưng không mang lại tăng trưởng," "Phát triển nhưng không bền vững." Có nước nhận viện trợ đã phung phí và hủy diệt tài nguyên của chính mình, mòn mất đi khả năng tự lực cánh sinh, gây ra thối nát trong guồng máy chính quyền, đôi khi còn đón nhận phải những ý kiến không thích hợp, thậm chí còn sai lầm của các cố vấn UN về chính sách kinh tế [12].

Bài học viện trợ mà dân Trung Quốc vẫn chưa quên là đập thủy điện tại Henan, làm bằng sắt trên sông Dương Tử, do Liên Xô xây, đã vỡ năm 1975 làm 230,000 người thiệt mạng vì chết đuối và bệnh tật. Trung Quốc đã bị liền trong vòng một tháng hai cơn mưa lũ phá kỷ lục [13].

Một bài học về viện trợ đáng suy nghẫm ở VN là nhà máy giấy Bãi Bằng trị giá một tỉ USD do Thụy Điển viện trợ. Người ta đã phá 90.000 mẫu rừng lấy gỗ làm giấy, thế mà nay vẫn phải nhập cảng thêm bột gỗ từ Thái và Indonesia. Đây là một lỗi lầm trầm trọng vì thiếu nghiên cứu nghiêm túc về lâm học. Ngoài ra, các chất kim loại nặng và chất dioxin (chất độc nhất trong các chất độc loài người biết được) trong nước xả ra từ nhà máy Bãi Bằng đã làm nhiễm độc sông Lô, sông Thao và sông Hồng. Thụy Điển đã ngừng viện trợ từ năm 1990 để lại Vĩnh Phú một bài học viện trợ tai ương trên đất Bắc. Dân VN sẽ chịu phí tổn cứu vãn làm sạch lại ba dòng sông này và phải gầy dựng lại những cánh rừng đã mất. Nhà máy nầy mỗi năm đều lỗ lã và chánh phủ Việt Nam chưa có kế hoạch làm cho nó có lời.

ADB và tương lai Việt Nam

Những dự án ADB đã tài trợ cho Việt Nam tới nay đều có vẻ thích ứng với nhu cầu và kế hoạch quốc gia. Nhưng những kế hoạch tương lai của ADB chưa chắc là tốt nhất cho Việt Nam. Thí dụ như ADB đang chủ trương dồn đầu tư vào việc khai thác quy mô thủy điện trên sông MêKông tại Lào và Cambodia để ủng hộ kế hoạch của MRC (Mekong River Commission) trong khi tầm tác hại của các đập thủy điện nầy đe dọa toàn diện nền kinh tế nông ngư và môi sinh đồng bằng Cửu Long [14]. Khi ADB đầu tư vào những dự án trong vùng, họ sẽ nói rằng họ đang yểm trợ chương trình phát triển của các chính phủ địa phương. Nhưng chúng ta cũng phải hiểu rằng họ cũng đang xây dựng một chiến lược kinh tế toàn vùng của Nhật Bản. Theo chiến lược nầy thì kinh tế vùng sẽ được khởi sắc; lợi tức một số người sẽ lên rất cao. Nhưng hậu quả lâu dài và cái giá thật phải trả của một dân tộc thì không ai lường được.

Các quốc gia trong vùng phải thận trọng không để xứ mình biến thành nơi tập trung toàn các nhà máy đã bị đào thải, hay kho cung cấp sản phẩm thiên nhiên cho những rồng những hổ xử dụng và biến dân chúng thành những nhân công rẻ mạt. Việc thẩm định lợi hại trong các đầu tư của ADB trước khi thực hiện, kiểm soát ADB trong khi thực hiện, và theo dõi lâu dài về sau để bổ túc kiến thức cho những công trình mới là việc không thể không làm.

ADB có khả năng viện trợ nhiều, cho vay lời rất nhẹ, lại còn giúp huy động vốn từ bên ngoài và có khi ngay cả bên trong, nên ADB sẽ là một sức mạnh lớn, rất lớn, mà Việt Nam cần hợp tác trong các kế hoạch phát triển. Nhưng không phải vì thế mà ADB nghiễm nhiên tổng quản luôn cả hướng phát triển của Việt Nam và thành ra ông chủ của Việt Nam.

Nếu phối hợp những hoạt động của ADB ở Việt Nam với những viện trợ trực tiếp của chánh phủ Nhật, những kế hoạch đầu tư của tư nhân Nhật và những trao đổi thương mại

giữa Nhật và Việt Nam thì người ta có thể tiên loán rằng trong tương lai Nhật bản sẽ là nước ảnh hưởng nặng nề đối với Việt Nam. Dĩ nhiên đó là ảnh hưởng kinh tế, nhưng ảnh hưởng kinh tế và ảnh hưởng chánh trị đi song song với nhau.

Cần lưu ý rằng tuy trong hiện tại, Việt Nam là một nước theo chế độ Cộng sản, nhưng Việt Nam đã lựa chọn kinh tế thị trường và mặc nhiên chấp nhận đi vào quỹ đạo kinh tế tư bản. Đã lọt vào quỹ đạo nầy, Việt Nam sẽ phải theo những quy luật và kỷ luật của nó. Nếu vi phạm các điều kiện của các thoả hiệp kinh tế, những chế tài của ASEAN (Hiệp hội các nước Đông Nam Á), của APEC (Hiệp hội các nước Á châu và Thái Bình Dương), Việt Nam sẽ hứng chịu những trừng phạt kinh tế của những nước có liên hệ mà hậu quả là khủng hoảng kinh tế và xáo trộn xã hội trong nước. Cần phải nói ra điều nầy bởi vì bất cứ chế độ chánh trị nào mà Việt Nam sẽ có trong tương lai, con cháu chúng ta cũng sẽ bị hệ lụy với những quyết định ngày hôm nay.

Việt Nam không thể chỉ dựa vào kết luận của những nguồn viện trợ hay tài trợ mà hành động vì việc đất nước VN không thể để cho người ngoài hướng dẫn. Một thí dụ là Việt Nam đã nghe theo MRC ký thỏa ước khai thác sông Mêkong năm 1994, trong đó Thái Lan có quyền chuyển nước khỏi sông cái để dẫn thủy nhập điền tưới đồng ruộng của họ. Khi cho phép rồi sẽ không ai kiểm soát nổi số lượng chuyển, hay ngăn chặn kịp thời để tránh tác hại xuống đồng bằng Cửu Long. Đây là một thỏa hiệp Việt Nam cần xét lại và nếu được phải tìm cách hủy bỏ. Chỉ có người Việt có kiến thức và thật tâm yêu nước (có nghĩa là không tham nhũng, không bị mua chuộc) mới làm được cho Việt Nam mà thôi.

Việt Nam phải có kế hoạch của riêng mình để khi phát triển sẽ phân phối lợi ích cho dân; đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của dân; tiết chế sửa chữa các tác hại trên môi sinh; thi hành các biện pháp đền bù thiệt hại công bằng và bảo vệ nề nếp văn hóa dân tộc.

Tài Liệu Tham Khảo

[1] Asian Development Bank, http://www.asiandevbank.org/about.html

[2] Asian Development Bank, http://www.asiandevbank.org/news97/nr002-97.html

[3] Gertrude Chavez, Homing Device on New Asia Bonds, May 1997

[4] Filogo Pante, Prospect of Economic Cooperation in the Mekong
Subregion, Proceedings Monash University, October 1966.

[5] Cecillia Quiambao, Future/Drawing Subregion Together, Bangkok Post, April 18, 1997.

[6] ADB News Realeases 19/95, 57/95, 74/95, 136/95,154/95, 98/96, 99/96, 140/96, 12/97, 14/97 http://www.asiandevbank.org/news//

[7] Reuter, News Service March 12, 1997.

[8] ADB, Country Operational Study - Vietnam, December 1995.

[9] ADB, Economic Review and Bank Operations, Social Republic of Vietnam, August 1995.

[10] Phan Van Khai, Government Report, Ninth National Assembly, April, 1997.

[11] World Bank, IDA in Action 1993-1996 The Pursuit of Sustained Poverty REduction, 1997

[12] Nicholas Eberstadt, The United Nations' Development Activities, World Affairs
Number 4, Volume 159, Spring 1977.

[13] Patrick McCully, Silence Rivers, Zed Book Ltd. and IRN, 1966.

[14] Nhom Ban Cuu Long, Nguoi Viet va Ke Hoach Phat Trien Mekong cua LHQ, TK21, 1996.

Viết Tắt

ADB: Asian Development Bank

ADF: Asian Development Fund

APEC: Asian Pacific Ecocomic Cooperation Initiative

ASEAN: Association of South East Asian Nations

CMEA: Council for Mutual Economic Assistance

CTA: Commercial Trade Agreement

DMC:Developing Member Countries

EXIM: Export Import Bank

GDP:Gross Domestic Products

GMS: Greater Mekong Subregion Economic Cooperation Project

GNP: Gross National Products

IDA: International Development Association (World Bank)

IMF: International Monetary Fund

MRC: Mekong River Committee

OPIC: Overseas Private Investment Corporation

IMF: International Monetary Fund

NAFTA: North American Free Trade Agreement

SREZ:Subregional Economic Zone

TA:Technical Assistance

WB: World Bank

TỪ ỦY BAN TỚI HỘI ĐỒNG SÔNG MEKONG 1957-1997

TRƯỚC NHỮNG THÁCH ĐỐ VÀ TRIỂN VỌNG

NGÔ THẾ VINH

Gửi Nhóm Bạn Cửu Long

Thay lời dẫn nhập:

"Họ lấy quyền gì mà bảo là không muốn có đập Pa Mong? Chuyện họ muốn hay là không muốn chẳng có nghĩa lý gì cả, khi mà chính quyền nhà nước [Thái lan] đã muốn như vậy. Nếu chúng ta cứ nghe theo họ là chấp nhận cho sự rối loạn ngự trị." Thông báo của Bộ Thủy lợi Hoàng gia Thái (1990).

"Bộ trưởng Thương mại Thái Narongchai Akrasanee, đã phát biểu trước Hội đồng Thương mại hỗn hợp Mỹ và Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (US-ASEAN) rằng Thái Lan muốn đóng Vai Trò Chủ Chốt - Anchor Role, trong kế hoạch phát triển sông Mekong." Tin báo Bangkok Post (05-23-1997).

Mekong, con sông quốc tế

Theo định nghĩa địa dư chính trị (geopolitics), con sông được coi là quốc tế khi (a) nó chảy qua hai hay nhiều quốc gia, hoặc (b) nó tiêu tưới vào vùng lưu vực bao gồm hai hay nhiều quốc gia, hoặc (c) nó liên quan tới vấn đề biên giới thuộc lãnh vực công pháp quốc tế, hay (d) nó liên hệ ảnh hưởng giao thông đi lại bằng một thỏa thuận quốc tế. Thử khảo sát từng khía cạnh nêu trên với con sông Mekong.

(a) Bắt nguồn từ vùng núi non cao nguyên Tây Tạng, con sông chảy siết về hướng đông nam ngang qua tỉnh Vân Nam thuộc Trung Hoa, tiếp theo là đoạn ranh giới giữa Miến Điện (Myanmar) và Lào, rồi bắt đầu chảy vào khu vực hạ lưu, với một khúc sông ngắn là biên giới thiên nhiên giữa Lào và Thái Lan, tiếp đó con sông chảy về hướng đông nam trong nội địa nước Lào. Ra khỏi nam Lào, con sông chảy qua Cambốt rồi nam Việt Nam trước khi đổ vào biển Nam Hải.

(b) Lưu vực tiêu tưới (drainage basin) của con sông Mekong bao gồm các nước: Trung Hoa, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cambốt và Nam Việt Nam.

(c) Con sông Mekong, trong quá khứ đã từng liên quan tới vấn đề tranh chấp biên giới giữa các nước. Hơn một trăm năm trước (1893), Pháp nhân danh sự toàn vẹn lãnh thổ của hai xứ bảo hộ An Nam (Việt Nam) và Cao Miên (Cambốt), đã đưa tàu chiến tới và ra tối hậu thư bắt vua Thái Lan phải nhượng tất cả đất đai thuộc phía đông sông Mekong; rút cuộc Thái chỉ còn lại khúc sông 500 dặm như là đường biên giới thiên nhiên với nước Lào.

(d) Di chuyển trên sông Mekong - như một thủy lộ quốc tế, lẽ ra là hoàn toàn tự do theo bộ luật La mã, nhưng trong thực tế tự do chỉ có nghĩa rất tương đối. Khi con sông chảy vào nội địa một quốc gia thì quyền tự do giao thông vẫn có thể bị hạn chế hay bị tước đoạt tùy theo cách diễn dịch của quốc gia liên hệ. (Một ví dụ, cho dù đã có một Hiệp ước ký ngày 29-12-1954 giữa Lào, Cambốt và Việt Nam nhưng theo báo New York Times, thì ngay giữa cuộc chiến tranh Việt Nam, ngày 20 tháng 9, 1964 do tình báo của chính phủ Sài Gòn ghi nhận là cộng sản Bắc Việt đã chuyên chở vũ khí bằng đường sông xuống Nam Vang rồi từ đó đưa vào nam Việt Nam, khiến tướng Nguyễn Khánh lúc đó là thủ tướng tuyên bố

cần phải hạn chế lưu thông trên sông Mekong nếu như Cambốt vẫn tiếp tục chính sách thiếu thân thiện với Nam Việt Nam) (1).

Do hội đủ tất cả những đặc tính ấy, Mekong đúng nghĩa là một con sông quốc tế (international river).

Ủy Ban Mekong và những dự án khởi đầu

Ủy Ban Sông Mekong (The Mekong Committee) được hình thành từ năm 1957 do chính phủ bốn nước: Thái Lan, Lào, Cambốt và Việt Nam, nhằm mục đích khai thác và phát triển tiềm năng kinh tế của con sông Mekong trong các lãnh vực thủy điện, thủy lợi, ngăn ngừa lũ lụt và thủy lộ giao thông. Từ bốn thập niên trước đấy, đã có những dự án phát triển trên dòng chính sông Mekong theo đề nghị của Ủy ban Kinh tế Á châu và Viễn đông ECAFE (Economic Commission for Asia and Far East, 1957) với sự giám sát pháp lý của Ủy ban sông Mekong.

Có ba dự án ưu tiên bao gồm các đập Pa Mong, Sambor và Tonle Sap:

- **Dự án Pa Mong:** cách thủ đô Vạn tượng 15 dặm là đường ranh giới thiên nhiên giữa Thái Lan và Lào; Pa Mong sẽ là đập chứa nước chính của hệ thống sông Mekong, sẽ kiểm soát lưu lượng toàn con sông ra tới cửa biển Nam Hải và dĩ nhiên sẽ ảnh hưởng tới tất cả những kế hoạch vùng hạ lưu trong tương lai. Nó có khả năng tiêu tưới hai triệu rưỡi mẫu Anh cho vùng đông bắc Thái Lan là cao nguyên Korat và Lào, cung cấp nguồn điện khoảng 2000 MW. Hồ nước với dung lượng 78 triệu mẫu-bộ (acre-feet) có chiều dài khoảng 210 dặm sẽ dìm sâu trong đáy nước một vùng rộng lớn đất đai và nhà cửa của khoảng 60 ngàn dân cư nhưng sẽ cải thiện thủy lộ lưu thông trên thượng nguồn, nâng cao mức sống và phát triển của toàn miền đông bắc Thái.

- **Dự án Sambor:** cách phía bắc thủ đô Nam vang 140 dặm hoàn toàn nằm trong lãnh thổ Cambốt, được quan niệm như một hệ thống thủy điện trên sông và có khả năng tiêu tưới cho khoảng 90 ngàn mẫu Anh. Công trình sẽ nằm phía dưới vùng Sambor, mức nước dâng cao sẽ làm ngập suốt 50 dặm ghềnh thác và cải thiện thủy lộ trên vùng thượng nguồn mở ra triển vọng giao thông giữa hai nước Lào và Cambốt. Bước đầu dự án sẽ cung cấp 625 MW và giai đoạn hai, sau công trình Pa Mong, lượng điện cung cấp sẽ lên tới 1000 MW, đủ cung cấp cho nhu cầu kỹ nghệ và dân dụng, đồng thời dùng cho việc bơm tưới các vùng đất đai thuộc Cambốt và nam Việt Nam. Sự điều hợp kỹ thuật là cần thiết giữa hai dự án Pa Mong và Sambor. Hệ quả của đập Pa Mong trên dự án Sambor rất quan trọng, do đó việc khởi công đồng thời cả hai dự án sẽ đem lại hiệu quả cả về kỹ thuật lẫn kinh tế. Theo ước tính sơ khởi với trị giá đồng tiền lúc đó, dự án Pa Mong sẽ cần tới khoảng 600 triệu Mỹ kim (theo ước tính hiện nay, chi phí cho riêng đập Pa Mong lên tới 2.8 tỉ Mỹ kim) và đập Sambor khoảng 300 triệu và sẽ bao gồm trong một dự án chung kết hợp.

- **Dự án Tonle Sap:** công trình này sẽ như một đập chắn giữa Nam Vang và Biển Hồ. Biển Hồ sẽ có công dụng như một hồ chứa thiên nhiên của con sông Mekong, bởi vì con nước suốt năm tháng mùa lũ lụt đã chảy ngược về Biển hồ. Như vậy cửa đập sẽ đóng trong mùa khô để con sông đổ ra biển, và sẽ mở ra trong mùa lũ để nước chảy ngược vào Biển hồ tới mức dự trữ cao nhất và như vậy sẽ giảm thiểu nạn lũ lụt. Trong mùa nước thấp, cửa đập sẽ được mở ra từng phần, duy trì mức sông sâu cho tàu biển vẫn có thể ra vào sông Mekong và đồng thời giảm thiểu lượng nước mặn xâm nhập vùng châu thổ, từ đó có thể gia tăng thêm 2 triệu rưỡi mẫu Anh bỏ hoang vì muối phèn, vì hạn hán hay lũ lụt. Theo dự tính mực nước hồ sẽ luôn luôn được giữ cao hơn mức thấp khoảng một mét, có hiệu quả làm gia tăng lượng tôm cá trong Biển hồ đang có nguy cơ bị sa sút - và đây cũng là nguồn chất đạm chính cho người dân Cambốt. Sau cùng, do nguồn sản xuất điện từ Tonle Sap sẽ theo mùa, nên nguồn thủy điện từ Sambor sẽ là phần hỗ trợ cho dự án Tonle Sap.

Thứ đến là các dự án mang thứ tự ưu tiên hai và ba, bao gồm dự án thác Khone và dự án Khemarat.

Dự án thác Khone: vị trí ngay phía bắc ranh giới giữa Cambốt và Lào có khả năng cung cấp 800 MW điện, tưới cho khoảng 125 ngàn mẫu Anh đất, đồng thời cải thiện khúc thủy lộ giao thông khoảng 30 dặm phía trên thượng nguồn.

Dự án Khemarat: vị trí phía dưới chân thác Khemarat, giữa ranh giới Thái lan và nam Lào, dự trù sản xuất 800 MW điện, bơm tưới cho khoảng 125 ngàn mẫu Anh đất; dự án còn có mục đích ngăn lũ và thêm được một thủy lộ sâu chạy dài khoảng 160 dặm.

Ngoài ra còn một số địa điểm khác trên dòng chính sông Mekong cũng được nghiên

cứu cho những con đập khác như: Đập Pak Beng nhằm sản xuất điện, ngăn lũ và thêm thủy lộ lưu thông; đập Pak Lay và Luang Prabang cũng nhằm sản xuất điện, mở thêm thủy lộ giao thông. Các địa danh khác cũng được lưu ý tới: Bang Kan, Thakhek dọc biên giới Thái Lào, Pakse ở nam Lào, Stung Treng ở Cambốt...

Cảnh đồng sàng dị mộng

Con sông xanh cuồng nộ nhưng thầm lặng ấy dường như vẫn chưa có gì thay đổi trải qua hàng ngàn năm, từng đã bị quên lãng, từng đã bị hủy hoại vì những cuộc chiến tranh. Tuy là một con sông lớn hàng thứ bảy của Á châu và hàng thứ 12 của thế giới - nhưng lại được coi là kém khai thác nhất trong vùng Đông Nam Á và cả thế giới. Với số đập hiện nay trong khu vực hạ lưu (chín đập trong nội địa Thái — nổi tiếng là đập Pak Mun với công suất 136 MW; ba đập ở Lào — nổi tiếng với đập Nam Ngum công suất 150 MW) chủ yếu là trên các nhánh phụ lưu, người ta cũng chỉ mới kiểm soát ngăn chặn đưa vào xử dụng chưa tới 5% lưu lượng nước con sông hàng năm đổ ra biển.

Nhưng khi thực hiện được chín đập lớn trên dòng chính sông Mekong và hơn 50 đập nhỏ khác trên các phụ lưu — theo như dự án của Hội đồng sông Mekong, nhằm cung cấp điện cho các vùng kinh tế đang mau chóng phát triển, thì phải nói rằng trong một tương lai không xa, toàn hệ thống hoang dã của con sông Mekong sẽ biến đổi sâu xa, ảnh hưởng trực tiếp trên đời sống của hơn 50 triệu dân cư sống bên những sông rạch và ruộng đồng —

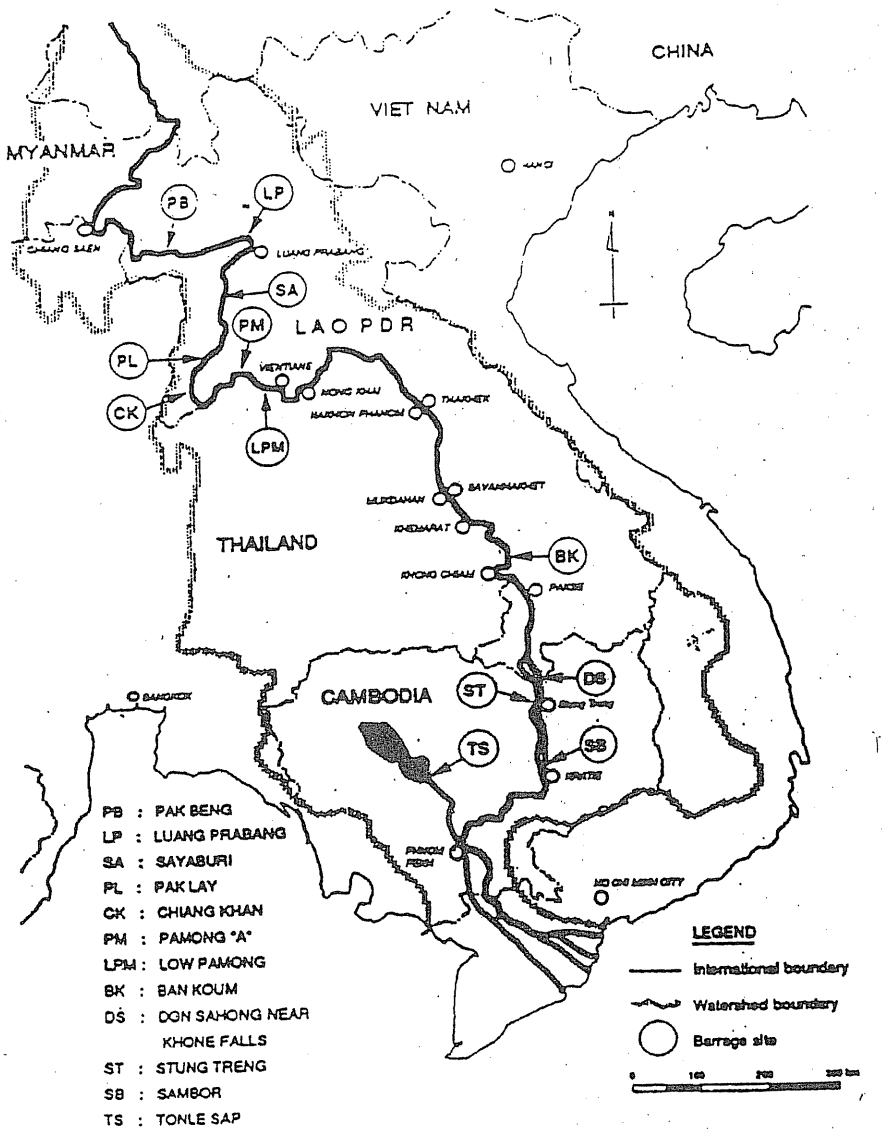

DỰ ÁN CÁC ĐẬP TRÊN DÒNG CHÍNH SÔNG MEKONG
(Tài Liệu Ban Thường vụ Ủy ban sông Mekong 1994)

bấy lâu vẫn phụ thuộc vào chu kỳ hai mùa lũ-hạn hàng năm (annual flood-drought cycle) của con sông Mekong. Rõ ràng hậu quả trước mắt là các con đập sẽ dìm sâu trong nước những vùng đất đai, hàng trăm ngàn người sẽ bị mất hết nhà cửa phải tái định cư, đó là chưa kể mối nguy hại cho các loại muông thú và nhất là ảnh hưởng tác hại trên toàn hệ sinh thái của tôm cá vốn rất phong phú của con sông Mekong. Ngoài ra, ruộng đồng sẽ không còn được tô bồi hàng năm bằng lớp phù sa màu mỡ do những con nước lũ (4).

Khác với sông Nil (Ai Cập) và sông Hằng (Ấn Độ), dường như đã không có một nền văn hóa sông Mekong thuần nhất. Miến Điện, Thái, Lào và Cambốt thuộc văn hóa Nam Á; trong khi Trung Hoa, Việt Nam (cùng với Đại Hàn, Nhật Bản) thuộc nền văn hóa Đông Á mà các nhà báo ví von gọi là "nền văn hóa cầm đũa — la civilisation de la baguette". Lại thêm sự khác biệt về những chế độ chính trị: dọc theo con sông ấy, bên bờ đông tả ngạn trong một thời gian dài là thành trì của chế độ cộng sản cứng nhắc, tàn bạo và lì lợm; trong khi phía bờ tây hữu ngạn là chế độ quân phiệt nhưng theo kinh tế tư bản phát triển hoang dã. Cho dù dưới chế độ chính trị nào thì họ vẫn gần gũi nhau trong một khung cảnh khí hậu nhiệt đới, sống trong những đất nước được mệnh danh là đang phát triển, chưa có tự do dân chủ và với khoảng cách giàu nghèo còn đang rất nhiều cách biệt (3).

Bây giờ tình hình đã có những dấu hiệu đổi khác từ bên bờ phía đông sông Mekong, với chính sách "mở cửa" theo kinh tế thị trường ở, điều ấy mang thêm ý nghĩa gì trong việc triển khai dự án sông Mekong? Khi mà trong mỗi kế hoạch đã ẩn chứa những mâu thuẫn sâu xa về quyền lợi giữa các nước thành viên nếu chỉ đứng trên quan điểm quốc gia hạn hẹp của riêng mình. Không dễ gì vượt qua trở ngại này nếu không có được một không khí cởi mở đối thoại dẫn tới sự tin cậy cùng với những tính toán thận trọng.

Một ví dụ liên quan tới dự án Pa Mong rất được Thái Lan nhiệt tình cổ võ không phải chỉ do tiềm năng thủy điện lớn lao cung cấp cho kỹ nghệ và dân dụng (2000 MW) mà còn do kế hoạch dẫn thủy bơm tưới cho cả một vùng đông bắc Thái Lan nghèo nàn rộng lớn khô cằn với dân cư chiếm tới 2/5 tổng số dân Thái. Bởi lẽ đó người ta đã không ngạc nhiên khi thấy Thái Lan là nước mong thực hiện sớm nhất dự án này để có thêm được hai triệu rưỡi mẫu Anh đưa vào sản xuất — trong khi Thái Lan đã đứng đầu thế giới về xuất cảng gạo và Việt Nam thì đứng hàng thứ hai. Nhưng còn hậu quả môi sinh của Pa Mong đối với các nước hạ nguồn sẽ ra sao? Như làm trầm trọng thêm nạn xâm lấn nước mặn từ biển vào sâu trong vùng châu thổ — mà quốc gia chịu nguy hại trực tiếp không ai khác hơn là Việt Nam. Nếu đây là mối e ngại của Việt Nam thì đó thực sự không phải là mối quan tâm của Thái.

Một ví dụ thứ hai, trong khi kế hoạch Tonle Sap và Sambor rất được Việt Nam tha thiết quan tâm, do hai hồ chứa này (một thiên nhiên và một nhân tạo) ngoài mục đích sản xuất điện, còn có khả năng điều hòa mực nước theo hai mùa lũ lụt và khô hạn đồng thời ngăn chặn nguồn nước mặn từ biển lấn sâu vào vùng đồng bằng sông Cửu Long; nhưng dự án ấy đã bị Cambốt nhìn với con mắt nghi kỵ — do bắt nguồn từ ám ảnh lịch sử vốn đã là thiếu thân thiện giữa hai nước. Cambốt đã không coi vấn đề tăng lượng hải sản trong hồ Tonle Sap và việc ngăn lũ là quan trọng nên đã từng tỏ ý không hợp tác và cũng đã nhiều lần dọa rút ra khỏi Ủy ban nghiên cứu dự án (1).

Trước cái cảnh đồng sàng dị mộng ấy, các quốc gia hai bên bờ sông Mekong — trong quá khứ chưa hề có những kinh nghiệm đáng kể về hợp tác và phát triển, liệu họ có khả năng hay không để tìm ra một mẫu số chung tiến tới xây dựng một cuộc sống thịnh vượng trong khung cảnh hòa hợp của một cộng đồng Đông Nam Á — không bị chi phối bởi các nước Tây phương, Trung Hoa hay Nhật Bản từ bên ngoài và cũng không bị khống chế bởi chính hai nước lớn bên trong như Thái Lan hay Việt Nam.

Chỉ còn Ủy Ban Mekong lâm thời

Ủy Ban Sông Mekong từ ngày thành lập tới nay cũng đã trải qua những bước thăng trầm song song với những cơn bão táp chính trị ở trong vùng. Trong thời kỳ Khmer Đỏ, Cambốt đã không tham dự các cuộc họp của Ủy ban. Tiếp theo đó chính phủ Nam Vang do Việt Nam hậu thuẫn đã không được Thái Lan nhìn nhận. Do đó mà Ủy ban sông Mekong đã hoạt động một cách hạn chế dưới hình thức lâm thời (interim) không có sự hiện diện của Cambốt.

Cũng trong thời gian này Thái Lan đã có ý định chuyển dòng chính sông Mekong nhằm đưa một lượng nước lớn bơm tưới cho cho cả

một vùng đông bắc Thái — dự án này là của riêng Thái Lan không nằm trong kế hoạch nghiên cứu và quyết định của Ủy ban sông Mekong, có nghĩa là không được chấp thuận bởi các quốc gia hạ nguồn là Lào, Cambốt và Việt Nam (4).

Vào cuối năm 1991, Cambốt yêu cầu được tái gia nhập Ủy ban sông Mekong nhưng đã gặp sự chống đối bất ngờ của Thái Lan với thâm ý là kéo dài thêm thời gian có lợi cho Thái. Đồng thời Thái Lan cũng lại phủ nhận tính chất pháp lý của Ủy ban sông Mekong trước năm 1975 viện lý do tình hình đã thay đổi và cần duyệt xét lại nguyên tắc điều hành và thành phần của Ủy ban. Điều gây cấn với Thái là kế hoạch chuyển dòng khai thác nước từ sông Mekong đã gặp phải sự chống đối của Việt Nam. Nhưng Thái vẫn khăng khăng với kế hoạch của mình và vào phút chót đã đơn phương hủy bỏ cuộc họp của Ủy ban sông Mekong tại Chiang Mai vào đầu năm 92, trong khi phái đoàn Việt Nam đã tới Thái Lan, đã gây một khủng hoảng ngoại giao giữa hai nước. Thái Lan đã lại đạo diễn cho một hội nghị khác bao gồm cả Miến Điện và Trung Quốc để tìm kiếm sự hậu thuẫn của hai nước này cho dù họ chưa hề là thành viên của Ủy ban sông Mekong và là hai nước ở phía thượng nguồn. Bởi lý do đó Việt Nam đã từ chối tham dự hội nghị này.

Trong điều kiện chia rẽ như vậy, Ủy ban sông Mekong hầu như bị tê liệt. Thời gian này sẽ có lợi nhất thời cho Thái Lan trong khi theo đuổi mục tiêu riêng rẽ của họ.

Từ Ủy ban lâm thời tới Hội đồng sông Mekong

Từ 1959, Liên hiệp quốc và Ngân hàng Thế giới đã hỗ trợ thành lập tổ chức EGAT (Electric Generating Authority of Thailand) và EDL (Electricité du Laos) với mục đích tăng sản xuất và phân phối điện tại Thái và Lào, và EGAT cũng là cơ quan chính từ nước ngoài đề xuất việc phát triển thủy điện trên các nhánh phụ lưu trong nước Lào. Do nhu cầu phát triển kinh tế và kỹ nghệ rất nhanh của Thái (10% trong khoảng thập niên 81-91) nên cần thêm nhiều nguồn năng lượng điện, và Lào thì ước muốn được xuất cảng điện để có ngoại tệ (dự trù thu về 350 triệu Mỹ kim mỗi năm kể từ năm 2010) đó là những động lực mạnh mẽ thúc đẩy các kế hoạch phát triển thủy điện rộng khắp trong vùng hạ lưu sông Mekong.

Tưởng cũng nên nhắc lại ở đây, giai đoạn trước hội nghị năm 1992 nhằm thông qua sự tái gia nhập của Cambốt và phục hồi hoạt động của Ủy ban sông Mekong, bộ Ngoại giao Thái đã đe dọa rút ra khỏi Ủy ban bởi vì kế hoạch đổi dòng sông Mekong của Thái để dẫn thủy vào vùng đông bắc Thái đã bị các hội viên khác chống đối nhất là từ phía Việt Nam.

Ngày 05 tháng 04 năm 1995, bốn nước hội viên gốc của Ủy ban Sông Mekong (1957) (đại diện cho Việt Nam là bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm) cùng ký "Hiệp định hợp tác phát triển bền vững vùng Hạ lưu sông Mekong" và và đổi sang một tên mới là Hội đồng Sông Mekong (The Mekong Commission) và đồng thời phục hồi quyền hạn của Ủy ban Kế hoạch Vùng.

Một thay đổi có thể gọi là cơ bản trong Hiệp định mới này là, thay vì mỗi hội viên có quyền phủ quyết (veto power) ngăn chặn bất cứ một dự án nào có gây ảnh hưởng tác hại tới dòng chính sông Mekong, thì nay trong chương nội quy mới không cho một thành viên nào có quyền phủ quyết như vậy, và cả trong ngôn từ để chuẩn y các dự án cũng rất là mơ hồ.

Có thể nói đây là bước lùi hay thiếu cảnh giác nghiêm trọng về phía Việt Nam khi đặt bút ký hiệp định thư này vì ai cũng biết Việt Nam là nước ở cuối hạ nguồn sẽ phải chịu những hậu quả nặng nề về ô nhiễm và mất cân bằng về môi sinh nếu Thái Lan vẫn cứ đơn phương vội vã thực hiện các kế hoạch của mình.

Trước tốc độ phát triển nhanh đến chóng mặt ấy, thì đây là một bài toán phức tạp không dễ dàng có lời giải đáp từ phía Việt Nam; nhưng nếu là giới lãnh đạo được coi là có trách nhiệm thì sẽ không thể chỉ có thái độ "chờ xem - wait and see" trước hành động khuynh loát từ phía Thái Lan.

Carlsbad, SD. 06/97

Tham Khảo: (1)The Mekong Committee:A New Genus of International Organization; Somporn Sangchai, Indiana Univ.1967. (2) The Mekong Project:Opportunities and Problems of Regionalism; Franklin P. Huddle;US House of Representatives;Wash.Govt.Print.Off.1972.(3) Mekong, Après le Degel:Série Monde H.S. 1992.(4) Lessons Unlearned:Damming the Mekong River;Rothert S.; Intl. Rivers Network Working Oct.1995.(5) Silenced Rivers; Patrick McCully, Zed Books Ltd. London 1996.

BẢO ĐẠI: HOÀNG ĐẾ CUỐI CÙNG CỦA NHÀ NGUYỄN, QUỐC TRƯỞNG ĐẦU TIÊN CỦA QUỐC GIA VIỆT NAM

NGUYỄN LÝ TƯỞNG

Cựu Hoàng Bảo Đại

Chúng tôi xin bỏ qua vai trò Bảo Đại là Hoàng Đế của nước Việt Nam, bởi vì từ 1925-1945, Bảo Đại chỉ là một Hoàng Đế bù nhìn, đất nước đã mất vào tay Thực Dân Pháp từ lâu, cho nên mọi việc đều do Pháp chủ trương hết, dù có muốn làm điều gì ích quốc lợi dân, Bảo Đại cũng không làm được.

Nhưng từ khi Nhật đảo chính Pháp tại Đông Dương năm 1945, thì vai trò của Bảo Đại trở nên quan trọng. Rất tiếc là ông đã không lợi dụng được cơ hội và để chính quyền rơi vào tay Việt Minh.

Sau khi Nhật chiếm Đông Dương 1945, vua Bảo Đại tuyên bố độc lập, xé bỏ các hòa ước bất bình đẳng mà các vua nhà Nguyễn đã ký kết với Pháp trong thế kỷ 19 và đứng chung với Nhật trong Khối Đại Đông Á.

Ngày 6-8-1945, Mỹ thả bom nguyên tử xuống hai thành phố Hiroshima và Nagazaki sau đó, vua Nhật tuyên bố đầu hàng.

Ngày 19-8-1945, Việt Minh cướp chính quyền tại Hà Nội.

Ngày 25-8-1945 vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị. Chính Phủ Trần Trọng Kim từ chức.

Ngày 2-9-1945 Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn độc lập tại Hà Nội và nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ra đời.

Vua Bảo Đại được mời làm Cố Vấn cho Chính Phủ Hồ Chí Minh.

Tại Saigòn, quân Anh đến giải giới quân Nhật và sau đó quân Pháp đến thay thế quân Anh (tháng 9-1945). Tại Hà Nội, quân Tàu của Tưởng Giới Thạch đến giải giới quân Nhật.

Phe cách Mạng Việt Nam từ Trung Hoa trở về dựa thế quân Tưởng, công khai chỉ trích phe Cộng Sản và đòi thực thi các quyền tự do, dân chủ.

Hồ Chí Minh lập Chính Phủ Liên Hiệp Quốc-Cộng, kêu gọi đoàn kết chống Pháp để cầm chân các lãnh tụ của phe Quốc Gia ở Hà Nội, trong khi đó vẫn ra lệnh bắt cóc, thủ tiêu cán bộ đảng phái ở địa phương. Nội bộ phe Quốc Gia chia rẽ, một số tham gia Chính Phủ Liên Hiệp của Hồ Chí Minh, một số chủ trương mượn thế quân Tàu lật đổ chính quyền Việt Minh và bất hợp tác với Cộng sản.

Hồ Chí Minh qua Pháp ký một hiệp ước thuận cho quân Pháp có mặt ở Sài Gòn, Vũng Tàu, Cam Ranh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Hà Nội. Chính vì thế, Pháp mới thương lượng với Tưởng Giới Thạch cho quân Tàu rút lui để quân Pháp vào thay thế. Hồ Chí Minh bắt tay với Pháp để tiêu diệt phe Quốc Gia. Một phái đoàn của Việt Minh do Hoàng Minh Giám cầm đầu qua Côn Minh gặp Tưởng Giới Thạch để thương lượng, Bảo Đại nhân dịp đó đã qua Côn Minh rồi qua Hồng Kông (từ 1946 đến 1949).

Sau khi quân Tưởng rút về Trung Hoa, Hồ Chí Minh kêu gọi kháng chiến chống Pháp. Các giáo phái và đảng phái Quốc Gia đã tự võ trang chống Pháp. Ở Miền bắc, đồng bào theo đạo Công Giáo vùng Bùi Chu, Phát Diệm do Giám Mục Lê Hữu Từ lãnh đạo đã tự võ trang tự vệ. Ở trong Nam Cao Đài, Hòa Hảo, Bình

Xuyên cũng tự võ trang để kháng chiến. Việt nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt cũng lập chiến khu khắp nơi.

Ngày 19-12-1946 kháng chiến toàn quốc bùng nổ, biết bao thanh niên yêu nước trong đó có đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt đã hy sinh trong những đợt tấn công vào quân Pháp đầu tiên. Trong khi đó, Võ Nguyên Giáp chủ trương rút vào chiến khu để bảo toàn lực lượng của đảng Cộng Sản.

Từ 1946 đến 1949, quân Pháp chiếm các thành phố và thiết lập chính quyền do Pháp điều khiển. Việt Minh rút vào chiến khu ở vùng quê hoặc vùng rừng núi. Phe Quốc Gia vừa chống Pháp, vừa chống Việt Minh, một số chạy qua Trung Hoa theo quân Tưởng, một số ở lại bị tù hoặc bị thủ tiêu. Có người theo Việt Minh chống Pháp, gọi là thành phần kháng chiến về sau đã trở thành Cộng sản. Những ai chống Cộng sản, chạy về thành phố thì mang tiếng phản quốc, theo Pháp để chống lại Tổ Quốc, chống lại đồng bào... Người quốc gia, theo Việt Minh hay theo Pháp đều mất chính nghĩa. Nếu lập chiến khu tự vệ thì trước sau gì cũng bị tiêu diệt, không chết về tay Cộng sản thì cũng sẽ chết về tay Pháp. Chính vì thế mà các tôn giáo và đảng phái quốc gia nghĩ đến giải pháp Bảo Đại. Chỉ có Bảo Đại mới có tư cách đoàn kết các đảng phái, tôn giáo và có tư cách đại diện cho Việt Nam nói chuyện với Pháp.

Khi quân Tưởng Giới Thạch vào nước ta thì Hồ Chí Minh đã thiết lập chính quyền rồi, phe Quốc Gia bèn nghĩ đến giải pháp Bảo Đại, phải làm sao vận động cho Bảo đại đi ra khỏi nước... Việc Bảo Đại qua Côn Minh cũng nằm trong kế hoạch đó. Trong thời gian Bảo Đại ở Hồng Kông, nhiều người đã tiếp xúc với Ông và sau đó một phái đoàn tôn giáo, đảng phái, nhân sĩ đã đến ở gặp ông tại Hồng Kông để yêu cầu ông đứng ra tranh đấu với Pháp trả độc lập cho Việt Nam.

Sự thắng lợi trong cuộc vận động ngoại giao của Bảo Đại đã đưa đến thông cáo chung ngày 5-6-1948 tại Vịnh Hạ Long và với thỏa ước ngày 8-3-1949, Bảo Đại đã trở thành Quốc Trưởng của nước Việt Nam độc lập, có chính phủ, có quân đội, có nền tài chánh và ngoại giao riêng được quốc tế thừa nhận. Quân đội Pháp có bổn phận bảo vệ cho chính quyền Việt Nam đang còn mới mẻ, đợi khi nào Việt nam tổ chức được quân đội mạnh thì Pháp sẽ rút lui. Mỹ đã viện trợ cho quân Pháp tại Đông Dương với danh nghĩa bảo vệ thế giới tự do chống lại Cộng sản. Việt Nam được độc lập và ở trong khối Liên Hiệp Pháp. Từ con số không mà đạt được như vậy, đó là một biến cố rất lớn đối với nước Việt Nam, một thành quả lớn với một quá trình tranh đấu gay go chứ không phải là chuyện dễ dàng. Công lao ấy đối với dân tộc Việt nam không phải là nhỏ.

Nếu không có Quốc Trưởng Bảo Đại thì làm sao có quân đội Việt Nam, có các sĩ quan cấp úy để sau nầy tiến lên cấp tá, cấp tướng... Quân đội trước đó là quân đội Pháp, làm tay sai cho Pháp để chống lại dân tộc Việt Nam.

Nếu không có sắc lệnh bổ nhiệm của Quốc Trưởng bảo Đại thì ông Ngô Đình Diệm, làm sao trở về nước làm Thủ Tướng, nắm chính quyền được ? Với chức vụ Thủ Tướng, ông Ngô Đình Diệm mới củng cố được địa vị, lật đổ Bảo Đại để lên làm Tổng Thống của Cộng Hòa Việt Nam từ 1956-1963. (Thời Bảo Đại nước ta được gọi là Quốc Gia Việt Nam, thời Ngô Đình Diệm đổi lại là Cộng Hòa Việt Nam, sau 1963, các tướng lãnh cầm quyền đổi lại là Việt Nam Cộng Hòa).

Có Quốc Trưởng Bảo Đại mới có quân đội Quốc Gia Việt Nam, từ đó Dương Văn Minh, Nguyễn Khánh, Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ mới trở thành sĩ quan chiến đấu dưới ngọn cờ quốc gia nền vàng ba sọc đỏ... để rồi thời cơ đến, Dương Văn Minh mới trở thành Quốc Trưởng, Nguyễn Khánh mới trở thành Thủ Tướng, Nguyễn Cao Kỳ mới trở thành Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương, Nguyễn Văn Thiệu mới trở thành Chủ Tịch Ủy Ban lãnh Đạo Quốc Gia rồi Tổng Thống... Nếu không có sự hình thành một quốc gia với Quốc Trưởng Bảo Đại vào năm 1949 thì sẽ không có sự liên tục lịch sử của phe Quốc Gia (đối lập với phe Cộng sản) cho đến ngày 30-4-1945.

Chính vì thế, đối với dân tộc Việt Nam, Quốc Trưởng Bảo Đại còn quan trọng hơn, còn ý nghĩa hơn Hoàng Đế Bảo Đại. Những người Quốc Gia chiến đấu dưới ngọn cờ vàng ba sọc đỏ (tức cờ của quốc gia Việt Nam), và cộng đồng người Việt hải ngoại cho đến ngày hôm nay vẫn còn sử dụng ngọn cờ đó. Bao lâu chúng ta còn lấy quốc kỳ nền vàng ba sọc đỏ làm biểu tượng cho Việt Nam, thì chúng ta cũng không thể không nhắc đến vai trò lịch sử của Quốc Trưởng Bảo Đại.

Cali, ngày 8-8-1997

ĐÁM TANG JEAN - ROBERT VĨNH THỤY VỊ VUA CUỐI CÙNG VIỆT NAM

TS PHẠM TRỌNG CHÁNH

Cựu Hoàng Bảo Đại vừa từ trần ngày thứ năm 31 tháng 7.1997 tại Bệnh viện Val de Grâce Paris, hưởng thọ 84 tuổi. Đám tang được cử hành tại nhà thờ Saint Pierre de Chaillot (35 Avenue Marceau, Paris 16 è), việc chôn cất thì tại nghĩa trang Passy, Place Trocadéno Paris 16 è. Hơn 1000 người Pháp - Việt đã đến dự tang lễ và tiễn đưa cựu hoàng đến nơi an nghỉ cuối cùng ngày thứ tư 6.8.1997, giữa trời Paris mưa như thác đổ.

Những ngày cuối cùng sống cô đơn

Nam Phương Hoàng hậu mất từ năm 1963. Các cận thần như Nguyễn Tiến Lãng, Nguyễn Đệ, Vĩnh Cẩn đã ra đi từ lâu. Hoàng tử Bảo Thắng, các Công chúa Phương Liên, Phương Mai, Phương Dung... đã lập gia đình. Hoàng thái tử Bảo Long tuy trên 60 tuổi vẫn chưa có vợ. Cựu hoàng không sống với thứ phi Mộng Điệp và Công chúa Phương Thảo (Hoàng tử Bảo Sơn chết đuối ở Ile de Maurice, Bảo Hoàng mất sớm). Ông cũng không sống với thứ phi Phi Ánh và cô con gái Phương Minh hiện cư ngụ tại Mỹ.

Những ngày cuối đời cô đơn, ông đã yêu Monica, cô giúp việc, con bà quản gia chung cư. Cô Monica, sinh năm 1946 đã trở thành vợ ông.

Đám cưới và lễ rửa tội ngày 17.4.1988 tại nhà thờ Saint Pierre de Chaillot. Cựu hoàng Bảo Đại trở thành Jean Robert Vĩnh Thụy. Điều mà năm 1934, Nam Phương Hoàng hậu, Thượng thư Nguyễn Hữu Bài và chính quyền Pháp cùng Giáo Hội Công Giáo rất muốn nhưng không làm được là thuyết phục ông theo đạo Thiên Chúa, nay ông đã tự thực hiện.

Không ai đọc được di chúc Cựu Hoàng trong tay Monica. Hội đồng hoàng tộc, ông Ưng Trình và Tiến sĩ Thái Văn Kiểm đến Monica không cho vào. Các công chúa, hoàng tử hay được tin cha mất qua báo chí, thì mọi việc đã rồi. Monica đã chuẩn bị hết, từ việc thuê mướn nhà đòn, nghi lễ nhà thờ đến việc chọn nơi chôn cất. Trên báo chí hai cáo phó riêng biệt, một của Monica và một của Bảo Long, Phương Mai, Phương Liên, Bảo Thắng.

Mối xung đột giữa Monica và các con của Hoàng hậu Nam Phương bắt nguồn từ việc sau ngày cưới Monica, bỗng nhiên cựu hoàng vác đơn đi kiện Thái tử Bảo Long để đòi ấn kiếm và chia lại gia tài, vụ án kéo dài cuối cùng tòa xử Bảo Long giữ kiếm và Bảo Đại giữ ấn, từ nay chiếc ấn Quốc Bảo Việt Nam nặng 12,9 ki lô vàng trong tay Monica .

Nguyên chiếc ấn và kiếm này năm 1945, Bảo Đại đã trao cho Trần Huy Liệu, Nguyễn Lương Bằng, Cù Huy Cận nhân lễ thoái vị. Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, các lãnh

đạo Việt Minh đem chôn tại một nơi ngoại thành Hà Nội, không biết thế nào mà lộ bí mật. Pháp đến tận nơi đào lấy đem trả lại cho Bảo Đại.

Theo bà Mộng Điệp (Thứ phi) ấn kiếm được chôn trong một thùng dầu hỏa, kiếm bị bẻ làm đôi. Lúc ấy cựu Hoàng Bảo Đại đang ở Pháp. Ông Lê Thanh Cảnh làm việc cho Pháp đã gọi dây nói cho bà Mộng Điệp lúc đó đang ở Buôn Mê Thuột yêu cầu nhận. Lúc bấy giờ bà Mộng Điệp chưa hề thấy những món ấy nên đã gọi điện thoại mời Đức Từ Cung từ Huế đi máy bay lên để tiếp nhận. Cả ấn và kiếm vì vùi lâu dưới đất đã hoen ố, phải chùi rửa và hàn vá lại thanh kiếm để không thấy vết gãy.

Năm 1953, Bà Mộng Điệp mang sang Pháp trao trả ấn kiếm này lại cho Hoàng hậu Nam Phương và Hoàng Thái tử Bảo Long. Lúc trao trả có mặt bốn ông Nguyễn Đệ, Nguyễn Duy Quang, Nguyễn Tiến Lãng, Phạm Bích.

Đám tang diễn ra trong nghi lễ nhà thờ bình thường của một công dân Pháp. Hai hàng cựu chiến binh Pháp tại Việt Nam cầm cờ Pháp đứng hai bên quan tài, không một lá cờ Việt Nam, dù cờ vàng Triều đình Huế, hay cờ Quẻ Ly của chính phủ Trần Trọng Kim, cờ Quốc gia ba sọc đỏ do cựu hoàng lập ra đầu tiên, hay cờ đỏ sao vàng của chế độ mà cựu hoàng từng làm cố vấn tối cao.

Không một câu diễn văn bằng tiếng Việt, một câu nói của Cộng Đồng người Việt, của Hội Đồng Hoàng Tộc.

Buổi lễ nhà thờ chấm dứt lúc 12 giờ bằng nghi lễ mọi người sắp hàng lên rảy nước thánh vào quan tài.

Giáo sư Vũ Quốc Thúc ngồi cạnh kẻ viết bài này trong buổi lễ, đã buồn bã nói: "Mình có cảm tưởng như dự một đám tang một ông Tây Jean Robert Vĩnh Thụy nào đó, chứ không phải một ông vua cuối cùng của Việt Nam. Trang sử của Triều đình nhà Nguyễn đã lật qua từ lâu, không còn gì để nói."

Buổi lễ hạ huyệt diễn ra vội vã, dưới trời mưa tầm tã, chỉ có giọt nước mắt của Monica khóc thương cho vị vua cuối cùng Việt Nam, rồi bà cũng vội vàng vẫy chào mọi người và lên xe. Tôi cố tìm xem mặt các công chúa, các hoàng tử nhưng nghe đâu các hoàng tử, công chúa chỉ đến vài phút rồi đi ngay.

Trong các vòng hoa phúng điếu nổi bật chỉ có vòng hoa Giáo Hội Cao Đài Việt Nam Hải Ngoại, Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam...

Artexpo
LOS ANGELES™

Los Angeles Convention Center
Los Angeles, California
October 24-27, 1997

SUZIE VUONG hân hạnh được cùng với gần 300 Art Exhibitors từ trên 25 quốc gia tới tham dự
Từ 10 giờ sáng đến 7 giờ tối
Kính mời quý vị và các bạn đến xem

SUZIE VUONG
Gallery

SANTORA ART COMPLEX
207 N. Broadway, Suite #3
Santa Ana, CA 92701

Tel: **(714) 558-8218**
Pager: **(714) 967-7571**
Fax: **(714) 444-1082**
http://kicon.com/art/SuzieVuong

Kính mời Quý vị và các bạn đến xem triển lãm tranh của nữ họa sĩ

SUZIE VUONG
Tình Hè

Tối Thứ Bảy 6 tháng 9, 1997
Tiếp tân từ 7 giờ đến 9 giờ tối
Triển lãm tiếp tục đến 18 tháng 10

Ngày giờ mở cửa:
Thứ Bảy: 12 giờ trưa đến 5 giờ chiều
Những ngày khác xin theo hẹn

BÁN TRANH ORIGINALS &
LIMITED EDITIONS

LƯỢC KHẢO VỀ SỰ TÍCH VÀ Ý NGHĨA LỄ VU LAN

NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP

Mỗi năm, sau lễ Phật đản, người Việt Nam thiết lễ *Rằm Tháng Bảy* rất lớn, còn gọi là lễ *Xá tội vong nhân* theo câu ca dao "Tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân." Phật giáo Bắc Tông (Đại Thừa) thiết lễ Vu Lan; lễ này không thấy trong tập tục Nam Tông. Bài này tìm hiểu sự tích lễ Vu Lan, khởi thủy tại Ấn Độ. Lễ Vu Lan theo đạo Phật vào Trung Hoa, đã trở thành một ngày hội lớn từ thành thị đến thôn quê. Tại Đại Hàn, Đài Loan và Việt Nam, cho đến bây giờ hàng năm dân chúng không quên ngày Rằm Tháng Bảy. Riêng tại Nhật Bản là nơi các tập tục Phật giáo, cho tới cuối thế kỷ Hai mươi vẫn còn giữ nguyên vẹn truyền thống, lễ Vu Lan được tổ chức rất trọng thể. Kéo dài bốn ngày, bắt đầu ngày mười ba, mãn ngày mười sáu tháng Bảy. Chúng ta sẽ khảo sát các chi tiết của ngày lễ Phật đẹp đẽ này. Chúng ta cũng sẽ tìm cách giải thích nguyên do của buổi lễ tôn giáo đại chúng này trong phần sau bài.

Lễ Bon Vu Lan tại Ấn Độ. Vì sao có lễ Bon Vu Lan?

Trước khi Thích Ca khai sáng ra đạo Phật, người Ấn đã thiết lễ Bon, mà người Phật Bắc tông Đông Á và Đông Nam Á gọi là lễ Vu Lan. Đạo Bà La Môn ở Ấn Độ tin rằng người chết có nhiều ràng buộc với người đang sống, và bổn phận người sống là phải thờ cúng người đã khuất núi. Vì lẽ đó mà đạo dạy là những kẻ vô thừa tự không sinh con cái nối dõi để tiếp tục thờ cúng tổ tiên, sẽ bị phạt tội rất nặng, bị đày xuống địa ngục. Ngày trước, ở Ấn Độ, người Bà La Môn đến tuổi trưởng thành phải đi tu học các nghi lễ cúng tế để phục vụ cộng đồng. Nhưng qua thời kỳ thụ huấn, y phải trở lại gia đình, lấy vợ, sinh con nối dõi. Y phải có con thừa tự, để đến lúc chết khỏi bị đọa đày ở địa ngục.

Lúc Thích Ca dựng lên đạo Phật, tông đồ của ngài đã từng sống trong niềm tin Bà La Môn. Những người từ bỏ gia đình để đi tu theo tăng đoàn phải có một cách để tự thuyết phục đi tu theo đạo Thích Ca không phạm tội vô thừa tự, vì tổ tiên sẽ được cứu rỗi bằng lễ Vu Lan.

Định nghĩa từ Vu-lan: Cho đến bây giờ các học giả đạo Phật đều thỏa thuận là chữ "vu-lan-bồn," phiên âm từ chữ "ura-bon-e," xuất xứ từ tiếng Phạn Sanskrit "ullambana," một hình thức đọc gọn chữ "avalambana," có nghĩa là treo ngược. Tiếng Trung Hoa dịch nghiã là "đảo huyền," treo ngược chân lên trời, đầu xuống đất, là một hình phạt vô cùng tàn khốc áp dụng cho các tội đồ. Người Trung Hoa phiên âm từ "ura-bon-e" thành từ "vu-lan-bồn," nói tắt là "vu-lan." Lễ Vu Lan trở thành một chức năng của tập tục thờ cúng tổ tiên, rất quan trọng trong nền văn minh của Trung Hoa và các nước lân cận chịu ảnh hưởng văn minh Trung Hoa.

Học giả người Nhật Bunyu Matsuda sưu khảo trong đại tập *Huyền Anh Diễn Nghĩa* là một bộ kinh Phật gồm 25 tập, 449 quyển của đại sư Huyền Anh sống dưới đời Tùy, phiên

âm và diễn dịch tất cả từ ngữ trong kinh điển nhà Phật từ tiếng Ấn Độ sang tiếng Trung Hoa. Trong tập số 13, chữ *vu lan bồn* được phiên âm và giải thích cặn kẽ. Đại sư Huyền Anh viết: từ *ura-bon* mà ta dịch là *vu lan bồn* là một hình thức phiên âm sai lạc; phải viết đúng là *ullambana* mới có nghĩa là "đảo huyền."

Lại nữa, vào đời Thịnh Đường, ở phủ Khai Phong, đại sư Tông Mật lại đưa ra một nhận định khác, khi ông viết phần Luận của cuốn *Vu Lan Bồn Kinh*. Ông viết: *ullam* không hẳn là tiếng Phạn, từ này gốc ở Trung bộ Á châu, nơi đạo Phật theo con đường Lụa hoằng dương vào Trung Hoa. Chữ *ullam* có thể hiểu và dịch là *đảo huyền*, nhưng chữ *bana* phiên dịch ra Hán ngữ là *bồn*, phải hiểu là một con thuyền hay một tấm ván, tấm bè làm khay, một cái chậu đựng thức ăn. Vậy toàn bộ chữ *ullambana* dịch sang Hán ngữ, phải được hiểu là "cứu giúp một con thuyền bị lật ngược, hay là quay lại cho ngay một tấm bè hay một cái khay, một cái chậu, bị lật ngược." Đại sư Tông Mật giải thích là ngay trong bản kinh Ullamba Sutra (Vu-lan-bồn Kinh) cũng có đoạn nói đến cái khay. Đức Phật dạy muốn báo hiếu chuộc tội cho cha mẹ, phải thành tâm "dâng đầy khay thức uống và hương hoa phẩm vật" cho các bậc tôn trưởng cầu xin họ giúp lời cầu nguyện.

Ý kiến phân giải của đại sư Tông Mật được đại sư Đạo Thế là người trước tác bộ *Pháp Uyển Châu Lâm* yểm trợ. Tác phẩm này dày 100 cuốn, là một công trình hệ thống hóa hai mục Kinh và Luận trong Tam tạng kinh điển nhà Phật. Trong phần trích dịch Kinh Ullambana Sutra cũng có đoạn nói tới lời đức Phật dạy phải dâng "đầy khay" hương hoa quả phẩm cho tăng chúng để xin giúp lời cầu nguyện cho tổ tiên được siêu thoát.

Học giả Bunyu Matsuda còn dẫn thêm là tài liệu trong bốn cuốn kinh khác, *Vu-lan-bồn Kinh sơ, Vu-lan-bồn Kinh sơ hiếu hành châm, Thích Thị yếu lãm* và *Fan-i-ming i-chi (?)" để yểm trợ lời giải thích của Tông Mật. Công trình nghiên cứu bác học của thế hệ mới, đặc biệt là trường Nhật bản sung túc phương tiện trí óc và nhu cụ làm cho ta phấn khởi về tương lai của một nền Phật học hàn lâm. Tuy nhiên nếu đọc thật kỹ tài liệu trình bày hai ý kiến của hai vị đại sư Huyền Anh và Tông Mật cùng giải thích từ ngữ "vu lan bồn," ta có thể kết luận không sợ sai lạc nhiều là hai ý kiến có vẻ không tương phản, mà còn hỗ trợ nhau. Người học Phật bước đầu nghiêng về phía giản tiện, hãy dùng chữ "Vu Lan" để gọi ngày lễ "Rằm Tháng Bảy."*

Lễ Vu Lan qua Kinh Phật Ullambana Sutra và một số kinh khác

Mandgalyayana (viết theo Sanskrit; Moggallana, Pali; tiếng Hán phiên là Mục Kiện Liên, đọc tắt là Mục Liên, còn gọi là Đại Mục Kiện Liên) là một nhân vật lịch sử, sống cùng thời với đức Phật. Ông ta là một vị giáo chủ có năm trăm đệ tử, xin quy y theo đức Phật, và được đức Phật xem là người đệ tử "thần thông bậc nhất." Kinh chép khi đắc đạo, trở thành la-hán, ông phóng nhãn quan xuống địa ngục tìm mẹ, thấy mẹ bị đọa đầy vì kiếp trước bà mẹ làm lắm điều bất thiện. Ông lấy bình bát của ông đựng đầy cơm dâng mẹ. Bà mẹ cầm lấy ăn, tức thời cơm hóa ra lửa hồng tuôn vào mồm bà mẹ. Ông đau đớn đến trình đức Phật, được dạy là bà mẹ của ông kiếp trước nặng dày nghiệp chướng, phải chờ đến ngày Rằm Tháng Bảy, thiết đại lễ thỉnh đức Phật và tăng giới mười phương đến góp lời cầu nguyện và phù trợ mới có thể giúp mẹ ông giải tội. Ông hỏi lại đức Phật là nếu trong đại chúng ai có lòng hiếu thảo muốn chuộc tội cho cha mẹ có thể thiết lễ xin giải tội cho cha mẹ như ông được chăng. Đức Phật phán rõ: "Mỗi năm, vào ngày Rằm Tháng Bảy, người con Phật phải tưởng nhớ cha mẹ tổ tiên (...) tìm cách đền công ơn dưỡng dục (...) bằng cách thiết lễ, lập đàn cầu nguyện chư Phật và chư tăng ra ơn cứu độ," thì cha mẹ tổ tiên được cơ hội xóa bỏ bớt tội lỗi từ muôn kiếp trước.

Ông Mandgalyayana làm đúng theo lời Phật dạy, và bà mẹ của ông được siêu thoát. Tăng đoàn và tín đồ Phật giáo noi theo gương ông và từ đó lễ Bon Vu Lan trở thành một lễ Phật.

Kinh điển nhà Phật, ngoài bộ kinh Ullambana Sutra, còn nhiều bộ kinh khác giải thích lễ Bon Vu Lan trong thời kỳ Phật giáo hưng thịnh tại Ấn Độ. Theo một số người học Phật, Kinh Mahapari nirvana Sutra, (Kinh Đại Niết bàn), Quyển 16, kể chuyện đức Phật lúc đi truyền giáo có lần gặp một bộ lạc sống bằng cách giết người ăn thịt. Bộ lạc này được đức Phật cải quy và họ theo Phật quy y, nhưng họ không quen làm việc chăn nuôi, trồng trọt nên sống rất đói khổ. Đức Phật răn dạy đệ tử trong vùng phải bố thí thực phẩm giúp đỡ họ. Lâu dần thành ra tập tục cúng lễ Bon Vu Lan.

Một cách giải thích khác lễ Bon Vu Lan là

ông A Nan Đà, người cháu và người đệ tử trung kiên nhất của đức Phật. Ông A Nan Đà thường tiếp xúc với một ngạ quỷ đói khát, bị phạt nuốt than lửa trong miệng, nên mỗi khi xin được thực phẩm trong bình bát, ông đem thực phẩm chia cho quỷ đói. Người đời sau bắt chước phép hành thiện của ông A Nan Đà mà có lễ Bon Vu Lan.

Một nguyên nhân khác nữa giải thích lễ Bon Vu Lan tại Ấn Độ lấy dẫn chứng trong bổn Luật kinh Vinaya của trường Sarvastivada (Nhất thiết hữu bộ). Kinh ghi rõ lời dạy của đức Phật cho tì kheo đương thời là mỗi khi đi xin thực phẩm trở về chùa phải để dành một bát đầy thực phẩm cúng cho loại vong hồn Hariti. Hariti là một con quỷ cái chuyên giết người hút máu, bị kẻ thù rượt chém nên đánh lạc đứa con trai. Đức Phật cứu đứa bé, dấu vào áo và đem trả cho người mẹ. Harati cảm kích, lại được Phật cảm hóa, bèn xin quy y, xin bỏ lệ giết hại người và xin chịu đói khát để đền tội. Phật dạy phải lấy lòng từ bi cấp dưỡng, và do đó có lệ Bon Vu Lan.

Lễ Vu Lan tại Trung Hoa

Phật giáo Đại thừa ở Trung Hoa bắt đầu thiết lễ Vu Lan dưới thời Nam Bắc triều vào thế kỷ thứ Sáu. Tài liệu cũ nhất tìm thấy trong *Phật Tổ thống chí* ghi là lễ được thiết vào ngày Rằm Tháng Bảy năm 538 TL. Vua Vũ đế nhà Lương đến lễ Phật tại Đông Đài Tự và dâng lễ Vu Lan. Nhưng lễ Vu Lan ngày đó chỉ dành cho vua chúa và qúy tộc thiết lễ trong các ngôi chùa lớn, chưa phải là một dịp hội hè của dân gian. Phải chờ đến hai trăm năm sau, dưới triều Đường Thái Tôn mới thấy trong *Thích Thị ký cổ lược* ghi rõ ngày lễ Vu Lan, tháng Bảy năm 766 TL, được thiết trong triều có lễ rước Kiệu Phật vào cung đình, và sau đó đem trưng bày Xá lợi tại Quảng An Môn cho dân chúng chiêm ngưỡng. Từ ngày đó lễ Vu Lan mới thành ra một ngày lễ cho đại chúng tham gia. Đồng thời, ý nghiã của ngày Vu Lan cũng thay đổi như ta sẽ thấy ở sau.

Khoảng giữa thế kỷ thứ Tám, vào đời Đường, có một vị pháp sư Ấn Độ tên là *Amoghavajra,* tinh thông giáo lý nhà Phật, muốn đạo Phật tập quán nhiều hơn vào truyền thống xã hội Trung Hoa tôn trọng việc thờ cúng tổ tiên, nên thay đổi ý nghĩa của ngày Vu Lan, làm thành ngày lễ hướng về tất cả vong hồn những người đã chết vì loạn lạc, chiến tranh, chết không có con cái thờ tự, chết vì nghèo đói; danh từ Phật gọi chung là *ngạ quỷ*. Cũng vào thời kỳ này gọi là Thịnh Đường, đạo Phật trở nên cực kỳ hưng thịnh, cho nên cách thiết lễ Vu Lan cũng đổi thay. Đến rằm tháng Bảy, trong mọi gia cư và tại chùa, dân gian xây đàn, làm chay để cúng vong hồn; đồng thời ngoài cộng đồng, nơi các chùa lớn lại có tục lệ tổ chức chưng bày các bảo vật thờ tự đức Phật, như là di tích của đức Phật (ví dụ, Xá lợi là di vật nhục thân của đức Phật đựng trong bình đá, bình ngọc) đem từ Ấn Độ sang, hoặc là các bổn kinh chép bằng chữ Sanskrist hay Pali, khắc trên đá, đẽo trên gỗ, chép trên lá cót, lá gồi...) cho dân chúng được phép chiêm ngưỡng. Đồng thời nhà chùa lại khuyến khích các gia đình giàu có tham gia cuộc triển lãm bằng cách chưng bày các của riêng trân châu dị bảo cho khách thập phương từ xa đến thưởng ngoạn. Khách đi xem trong tỉnh, ngoài tỉnh đến dựng lều ở trên đất chùa, và tổ chức các buổi ca vũ, hát tuồng, thi đua tranh tài võ nghệ, thi đua khoe tài nấu nướng các món chay làm lễ cúng Phật và thết đãi người đồng đạo. Từ đó mà có ý nghĩa thiêng liêng "Đại hội Vu Lan," xá tội cho những linh hồn chết bị nghiệp đày đọa và cởi mở cho những linh hồn sống vui tươi, hành thiện.

Đại sư Amoghavajra hiểu rõ là đạo Phật từ Ấn Độ vào Trung Hoa phải vượt qua cái điều chướng ngại căn bản là truyền thống luân lý Trung Hoa từ lúc mới khai sáng, dựa trên nền tảng hiếu đạo: Nguyên thủy, đạo Phật dạy xuất thế, từ chối gia đình để hướng tới giải thoát nghiệp. Từ chối vợ con tức là chối bỏ cái sứ mệnh nối dõi giòng họ để cúng giỗ; từ chối gia đình tức là bỏ cha mẹ không nuôi dưỡng.

Người Trung Hoa khó lòng mà chấp nhận giáo lý nhà Phật chủ trương như vậy.

Để giải quyết chướng ngại đó, đạo Phật phải tập quán vào xã hội vĩ đại của Trung Hoa bằng ba phương cách. Thứ nhất là dịch thuật và diễn giải các bộ kinh Phật liên hệ đến chữ hiếu, đã có sẵn rất nhiều trong kinh điển Sanskrist và Pali vừa mới du nhập vào nước Tàu, để chứng minh là giáo lý Phật cũng nặng chữ hiếu không kém truyền thống Trung Hoa. Phương cách thứ hai là thiết lập một số kinh điển mới do các đại sư Ấn Độ và Trung Hoa rút ý trong kinh điển nhà Phật viết ra, chú trọng vào hiếu để. Phương cách thứ ba còn siêu việt hơn nữa. Chữ hiếu cổ truyền của người Trung Hoa chỉ giới hạn trong phạm vi gia đình: cha mẹ ông bà. Chữ hiếu của nhà Phật bao gồm người sống và người chết: những người đã chết trong bao nhiêu đời trước (tổ tiên), rộng hơn nữa là những người đã chết cô quả không người cúng tế, và chính ngay những người đang sống vì trả nợ kiếp trước. Chữ hiếu theo quan niệm nhà Phật bỏ cái quan niệm cá nhân và gia đình để bao trùm hoàn vũ, lại còn đi vào chiều sâu thời gian. Ý niệm hiếu để của đạo Phật vượt lên bậc siêu đẳng, đáp ứng với nhu cầu hướng thiện và hướng linh của con người.

Ta thử lược qua kinh điển để dẫn chứng cụ thể những điều nói trên. Đời Hậu Hán, An Thế Cao (An Shih-Kao) dịch trước tiên hai bộ kinh liên hệ đến chữ hiếu: Kinh *Thi-Ca-Việt Lục Phương Lễ,* và kinh *Phụ Mẫu Ân Nan Báo.* Tiếp theo đời Ngũ đại, đại sư Tân Pháp Tư dịch bộ kinh *Phật Thuyết Thiện Sinh Tử.* Hai bộ kinh căn bản của trường Phật giáo Nguyên thủy là *Trường A Hàm* và *Trung A Hàm,* được dịch ra Hán văn từ thế kỷ Bốn và Năm cũng nhắc lại lời dạy của đức Phật về chữ hiếu.

Thế nhưng muốn đề cập đến vấn đề hiếu để trong đạo Phật, ta phải đọc đến hai bộ kinh căn bản là bộ Kinh *"Bồ Tát Thiện Tử"* nói đến một người con có hiếu tên là Thiện Tử và bộ Kinh *"Vu Lan Bồn"* do đại sư Pháp Phong dịch dưới đời Tây Tấn, nói đến sự tích Mục Kiện Liên, một vị đại đệ tử của đức Phật.

Kinh Bồ Tát Thiện Tử do một nhà sư vô danh dịch ra Hán văn dưới đời Tây Tấn, được chùa Trung Hoa xem là bổn kinh, nhưng thật sự là trích ra trong *Truyện Tiền Thân* của đức Phật *(Jataka).* Thiện Tử (Sanskrit là Syama; Pali, Sama) là một vị bồ tát đã tình nguyện đầu thai làm con một cặp vợ chồng đui mù đã phát nguyện từ bỏ đời sống phù du nơi thành thị, đến ở một hang núi để tu tập. Đứa con lớn lên rất có hiếu với cha mẹ và đem cha mẹ vào ở trong một hang núi để thực hiện điều nguyện ước. Một hôm Thiện Tử đội chiếc áo da nai xuống suối lấy nước. Nhà vua đi săn qua đó, tưởng lầm là thú, bắn mũi tên độc vào chàng trai. Thiện Tử nằm chờ chết, không oán hận nhà vua, cho là mình chết vì nghiệp, nhưng tiếc thương vì còn cha mẹ già không ai nuôi dưỡng. Ông và bà cụ già mò đến xác Thiện Tử. Người cha ôm đầu con truyền hơi thở, người mẹ đặt miệng vào vết thương cố hút chất độc ra. Trong cơn đau đớn họ nguyện cầu đức Phật cứu độ. Tức thì Phật Quán Thế Âm hiện ra, chữa lành vết thương cho Thiện Tử, và đồng thời cứu cha mẹ Thiện Tử khỏi mù loà. Cuốn kinh kết luận bằng lời dạy của đức Phật là hiếu để sẽ thắng mọi điều khổ ải. Câu chuyện này rất phổ thông trong dân gian Trung Hoa. Chuyện Thiện Tử còn được nhắc lại trong hai bổn kinh là *"Lục Độ Thập Kinh"* và *"Pháp Uyển Châu Lâm."* Thầy Huyền Trang (Đường Tam Tạng) cũng có thuật lại chuyện Thiện Tử trong sách *"Đại Đường Tây Vực Ký".*

Sang đời Tống, chuyện Thiện Tử được hoàn toàn Trung Hoa hóa, trở thành một trong hai mươi bốn mô hình của *Nhị Thập Tứ Hiếu* và Thiện Tử được đổi tên là Yến Tử, chi tiết câu chuyện được đặt vào một cảnh vực Trung Hoa hơn.

Chuyện hiếu của Mục Liên tả trong kinh Vu Lan Bồn lại càng phổ thông hơn trong các nước Á Đông theo Phật giáo Đại Thừa. Kinh Vu-lan-bồn do đại sư Ấn độ Pháp Phong (Dharmaraksha, Đàm-ma-la-sát, phiên âm chữ Nho) dịch vào cuối đời Tây Tấn. Bổn kinh này liên hệ trực tiếp với lễ Vu Lan, nội dung của bổn kinh lại còn trình bày rõ ràng hơn quan niệm của đạo Phật về chữ hiếu, ta đã nói ở đoạn trên.

Ý niệm xuất thế của đạo Phật, bỏ nhà đi tu, không trọn hiếu đạo với cha mẹ, được Kinh Vu Lan giải tỏa và người Trung Hoa cùng với các dân tộc khác ở Á Đông đã nồng nhiệt chấp nhận phương cách giải thích như vậy. Ở Trung Hoa ngày đó, sự tích Mục Kiện Liên được phổ cập quanh năm trong nhân gian, không những trong chùa vào ngày lễ lạc, mà ở khắp mọi nơi, trong nhà thành câu hát ru em, ngoài chợ thành bài vè cho người hát xẩm, tạo nên một loại văn chương gọi là *biến văn.* Đầu thế kỷ Hai mươi, khi khám phá ra các động

thờ Phật tại Đôn Hoàng (Tân Cương) người ta tìm được nhiều bổn biến văn này, như là "Mục Kiện Liên biến văn," "Mục Kiện Liên Lục Khởi" và bộ "Đại Mục Kiện Liên Minh Cứu Mẫu Kiến Văn tịnh độ." Các tài liệu này đều được trước bạ trong sách "Đôn hoàng trích yếu lục" của chánh phủ Trung Hoa Dân Quốc ấn hành tại Bắc Kinh năm 1931. Các bổn chánh đã bị người Âu châu chiếm đoạt, đem giữ tại Bibliothèque Nationale de Paris và British Museum.

Sự tích Mục Liên được kể rõ với đầy đủ chi tiết trong ba tài liệu nói trên, và từ ngày đó làm đề tài cho nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật tại Trung Hoa. Quan trọng hơn hết là một tác phẩm nghị luận (được kinh điển nhà Phật xếp vào bộ Luận) của đại sư Tông Mật. Nơi đây ta cần nói rõ hơn là ông xuất thân từ quý gia vọng tộc, từ nhỏ học đạo Khổng rất uyên thâm, và trở thành một bậc chân tu theo đạo Phật. Ông dựa trên Kinh Vu Lan để lập luận, so sánh chữ hiếu giữa đạo Khổng và đạo Phật. Theo ông, đạo Phật không khác đạo Khổng, đặt vấn đề hiếu đạo lên hàng đầu. Kinh Phật từ Ấn Độ sang "gồm có Kinh (là lời dạy của đức Phật) và Luật là giới hạnh của người tu Phật. Kinh đề ra nguyên tắc và trí huệ; Luật đề ra phép tắc để hành trì. *Luật có cả hàng vạn điều, nhưng điều căn bản là hiếu đạo.*" Ông dẫn chứng bổn kinh *Phạm Võng* (được xem là kinh Luật căn bản của Phật giáo Đại thừa): "Khi đức Phật giác ngộ dưới cây Bồ đề, Ngài công bố luật Pratimoskha (tùy thuận giải thoát) cho người tu đạo bồ-tát, và luật này dựa trên nền tảng hiếu đạo."

Tông Mật cho rằng Nho giáo dạy chúng ta sống xứng đáng để thanh danh lại cho con cháu đời sau, nhưng chính Phật giáo lại dạy ta điều nhập thế là truyền bá lòng từ bi nhân ái cho thế hệ hiện tại đang sống chung quanh ta. Nho giáo dạy lễ nghi, chẳng hạn ngày giỗ ngày Tết phải sát sanh để làm giỗ tổ tiên; đạo Phật hiếu sinh hơn, dạy ta cầu nguyện nhưng không sinh sát. Tông Mật còn đi xa hơn, đề quyết là đức Phật ngày xưa bỏ ngôi đi tu chính là vì "muốn báo hiếu cho cha mẹ, không muốn cha mẹ kiếp kiếp bị trầm luân."

Lập luận dựa trên kinh Vu Lan để trình bày quan điểm của đạo Phật đối với chữ hiếu, như Tông Mật và các nhà học Phật thời bấy giờ chắc chắn đã tháo gỡ được rất nhiều các mối dè dặt của giới nho sĩ đối với đạo của Thích Ca. Do đó mà vào đời Thịnh Đường, lúc đạo Phật thâu hút toàn bộ nhân dân Á Đông và Trung Hoa, người ta đã thiết lễ Vu Lan như là một ngày hội chánh, đầy ý nghiã tôn giáo và xã hội.

Lễ Vu lan và lễ trung nguyên

Một điều thường gây thắc mắc cho người học Phật là sự trùng hợp giữa lễ Vu Lan và lễ Trung Nguyên. Xã hội nông nghiệp Trung Hoa buộc người nông dân lam lũ suốt năm trừ ra ba dịp nghỉ ngơi giải trí: đầu năm có lễ Thượng Nguyên, giữa năm có lễ Trung Nguyên, và cuối năm lễ Hạ Nguyên. Một số nhà nghiên cứu về văn minh Trung Quốc khẳng định nguồn gốc của ba buổi lễ trên xuất từ đạo Lão, hướng mọi hoạt động nhân sinh về thiên nhiên. Vào dịp đầu năm, người nông dân vui sống hội hè đình đám suốt tháng giêng; vào cuối năm lại nô nức nghênh tiếp năm mới. Người Tàu thiết lễ Hạ Nguyên vào rằm tháng Mười. Giữa tháng Bảy là thời kỳ nắng bức nhất trong năm, cũng là lúc nông dân gặt hái mùa màng vừa xong, nên có cơ hội tổ chức hội hè đình đám làm lễ Trung Nguyên. Khi trời nắng ấm, người Tàu đi từ làng này sang thôn khác thăm viếng họ hàng và bạn bè, biếu xén qùa cáp. Lễ Trung Nguyên thành ra một cơ hội thắt chặc đời sống gia tộc và cộng đồng.

Lúc đạo Phật vào Trung Hoa, sẵn có tính cách linh động tập quán, lại gặp môi trường thuận tiện là người Trung Hoa rất chuộng thực tế, ghép ba buổi lễ trên thành ra ba ngày lễ Phật: Thượng Nguyên, Trung Nguyên và Hạ Nguyên. Lễ Vu Lan thành ra trùng hợp với lễ Trung Nguyên. Nhà chùa ngày đó rất giàu có, cung cấp cảnh trí cho sinh hoạt cộng đồng trong dịp Trung Nguyên, và vào ngày rằm thiết lễ Phật nơi chánh điện. Tập tục này từ Trung Hoa theo đạo Phật sang Nhật Bổn, ngày Trung Nguyên gọi là Chugen, lễ cúng cô hồn, ta sẽ nói ở sau.

Lễ Vu Lan có từ Ấn Độ hay xuất khởi tại Trung Hoa ?

Đọc kỹ những tài liệu ở trên về gốc tích lễ Vu Lan ở Ấn Độ và Trung Hoa do các học giả mới của trường Ấn Độ và trường Nhật Bổn trình bày, người học Phật như chúng ta không thể tự kiềm chế để đặt câu hỏi là lễ Vu Lan đã thật có tại Ấn Độ từ ngày xa xưa trước Thích Ca chăng, hay là lễ Vu Lan chỉ là một sản phẩm do nhu cầu hoằng dương đạo Phật

lúc đạo Phật vào Trung Hoa. Vế thứ nhất của câu hỏi "trước Thích-ca có lễ Vu-lan không" có lẽ rất hợp lý, vì tại các quốc gia sống trong văn minh Ấn Độ và cùng thờ đạo Phật như Miến Điện, Thái Lan, Cam Bốt, Lào, Nam Dương... không thấy thiết lễ Vu Lan. Tuy nhiên điều thắc mắc này dễ giải đáp. Tập tục thờ cúng người khuất vãn đã có trong kinh Vệ Đà, trước đức Phật cả nghìn năm, tất nhiên phải được tiếp tục trong thời Phật giáo ở Ấn Độ, và vẫn tồn tại cho đến ngày nay tại Ấn Độ.

Vế thứ hai của câu hỏi, ta thử đặt lại cho gọn và dễ hiểu: Kinh *Ullambana Sutra* do đức Phật thuyết, được dịch qua tiếng Hán, hay chỉ là sản phẩm của tín đồ đức Phật khi đi truyền giáo sang Trung Hoa ?

Nếu ta căn cứ trên bổn tài liệu về thư mục quan trọng nhất của kinh điển Phật giáo do đại sư Bunyo Nanjio soạn thảo *Catalogue Chinese Translation of The Buddhist Tripitaka,* Oxford 1883, Kinh *Ullambana Sutra* được ghi là đã chép qua văn tự dưới thời Phật giáo Nguyên thủy và sau, được dịch qua Hán ngữ. Nhưng có ba điểm nghi vấn mà các học giả trường Đại thừa Nhật Bổn nêu lên, đề nghị phải nghiên cứu lại. Thứ nhất là về niên lịch và xuất xứ của cuốn kinh và cá nhân của dịch giả. Kinh điển nhà Phật được tổng kê vào nhiều bổn tổng thư mục (catalogue), và cuốn kinh *Ullambana Sutra* được tìm thấy trong bổn tổng thư mục *Xuất Tam tạng Ký tập,* Quyển IV, ấn hành vào khoảng thời gian 445-518 TL. Không có tên dịch giả, chỉ ghi đơn sơ một giòng: "Không thấy danh tánh dịch giả." Cuốn tổng thư mục tiếp theo *Lịch đại tam bửu ký* ghi cuốn kinh, lại có tên người dịch là đại sư Dharmaraksa (Đàm-ma-la-sát, còn gọi là Pháp Phong), sống dưới đời Tây Tấn. Chỉ một tín hiệu là hai bổn tổng thư mục gần như đương thời mà một bổn có tên dịch giả, một bổn không, cũng đủ để cho đời sau nghi ngại.

Điểm nghi vấn thứ hai do chính cuốn kinh tạo nên. Từ *ullambana* được dịch là *vu-lan-bồn. Ullam* có nghiã là đảo huyền, treo ngược, phiên âm thành vu-lan, nhưng từ chữ bana qua chữ bồn (là chiếc thuyền, chiếc khay đựng thực phẩm) tuy có lời giải thích của đại sư Tông Mật và những điểm dẫn chứng, ta vẫn thấy khó thỏa mãn được điều đòi hỏi suy luận duy lý.

Điểm nghi vấn quan trọng hơn hết là nội dung bổn kinh. Ngoài bổn *Vu Lan Bồn Kinh* do Dharmaraksa dịch, ta còn tìm thấy trong đại tập *Pháp Uyển Châu Lâm* một bản dịch thứ hai với tựa đề *Báo Ân Phụ Mẫu Kinh,* không có tên dịch giả. Phần đầu của hai bổn dịch không thấy điểm nào khác nhau. Duy phần kết của bổn dịch hai *Báo Ân Phụ Mẫu Kinh* chấm dứt ở chỗ ông Mục Kiện Liên sau trai giới vào hạ ba tháng (từ rằm tháng Tư cho đến rằm tháng Bảy), dâng thực phẩm hương hoa cho tăng đoàn xin giúp lời cầu nguyện, và nhờ vậy bà mẹ được xóa tội đọa đày. Bổn dịch thứ nhất, Kinh *Vu Lan bổn Kinh*, dài hơn bổn thứ hai, có thêm đoạn ông Mục Kiện Liên cầu xin đức Phật cho tất cả cha mẹ tổ tiên của chúng sinh đang bị đọa đày, nếu có con cái hiếu thảo biết dâng lễ Vu Lan cầu xin chuộc tội, cũng sẽ được xóa tội. Đức Phật đã phán quyết y theo lời xin.

Như vậy, các dữ kiện vừa trình bày trên dẫn đến kết luận là *Kinh Vu Lan Bồn* nhất định đã được đức Phật thuyết vào thời kỳ nguyên thủy. Vì nhu cầu hoằng pháp phải thích ứng vào bổn tính chuộng thiết thực của người Trung Hoa, phần phụ lục chi tiết ở đoạn sau đã được thay đổi khi phiên dịch tại Trung Hoa.

Lễ Vu Lan tại Nhật Bổn

Nước Nhật Bổn ngày nay đứng vào hàng đầu trong kỷ nguyên văn minh hậu kỹ nghệ, được sắp hạng tối ưu trong các lãnh vực tiền phong như điện toán, tín hiệu... Và cũng không có một dân tộc nào như người Nhật, đi mau và đi trước nhưng vẫn giữ tối đa nếp sống cổ truyền đã có từ mấy nghìn năm trước.

Lễ Vu-lan tại Nhật gọi là lễ *Bon*, viết tắt chữ *urabon*, còn viết là *urambon*. Trước Thế-chiến II, Vu-lan Bon là ngày lễ công lập, công sở và trường học đóng cửa, nhân công được nghỉ việc ăn lương. Hai ngày lễ quan trọng nhất trong năm là ngày Nguyên đán và ngày Vu Lan Bon. Tưởng cần nhắc lại là nước Nhật đang dùng dương lịch nhưng vài địa phương và trong các chùa vẫn giữ âm lịch. Tục lệ khuyến khích những người đi làm ăn xa gia đình trong dịp Nguyên đán và Vu Lan phải trở về nhà sum họp và dâng lễ cúng tổ tiên. Vì vậy mà vào hai dịp lễ lớn đó các phương tiện chuyên chở tư nhân hay công cộng đều tấp nập kèn kẹt từ cuối tháng Sáu cho đến giữa tháng Bảy.

Cho đến ngày nay, trong các cộng đồng truyền thông đặc biệt ở vùng quê, dân chúng chuẩn bị lễ Vu Lan Bon từ ngày mồng một tháng Bảy. Trong mỗi gia cư người Nhật đều

có một bàn thờ Phật gọi là *Budsudan*. Đầu tháng Bảy, người ta đặt trước bàn thờ Phật một chiếc bàn vong Shoryodana, trên bàn vong đặt bài vị để đón tiếp hương linh người qúa văn. Ngày mồng Bảy gọi là ngày *Nanoka Bon*, gia chủ hay người trưởng tộc đi mở cửa mả (tức là quét dọn, làm cỏ) và làm lễ tại ngôi mộ gia tiên, và từ ngôi mộ về đến nhà trải một giây vải trắng gọi là bommichi để chỉ lối cho người chết trở lại nhà. Trên lối đi nhiều nơi còn treo đèn lồng ở mỗi khúc rẽ cho vong hồn khỏi lạc, và mỗi gia cư tứ bề thắp đèn lồng treo quanh máng xối. Nhiều gia đình ý tứ hơn, đem cúng cả ngựa, cả xe kết bằng rơm, hoặc bằng giấy, bằng hoa quả để cho người chết dùng làm phương tiện trở lại nhà. Ngày 13 gọi là ngày "đón vong hồn" *(Mukac Bon)*, ngoài mộ và trên bàn vong chưng đầy hoa đẹp gọi là Bonbana. Lúc xế chiều, đốt đèn ngoài cửa tiếp đón vong hồn. Lửa này giữ cho đến ngày 16, gọi là ngày "tiễn đưa vong hồn" *(Okuri Bon)*. Tại một vài địa phương lại còn có tục lệ nhảy múa Vu Lan gọi là *Bon odori*, chào mừng tổ tiên trở lại nhà sum họp với con cháu mỗi năm một lần. Sau Thế chiến II, để phát triển kỹ nghệ du lịch, lệ nhảy múa *Bon odori* được tổ chức rất đẹp và trọng thể.

Như trên đã nói, người Trung Hoa theo tập tục Ấn Độ thiết lễ Vu Lan, biến đổi thành ra buổi lễ chuộc tội cho tổ tiên riêng mỗi gia đình. Về sau, ý niệm từ bi của đạo Phật phát triển mạnh, lễ Vu Lan hướng về người chết nói chung, không riêng trong gia đình.

Người Nhật đem lễ Vu Lan vào nước Nhật dưới thời nữ hoàng Suiko và phát huy rõ hơn cái ý niệm từ bi hiếu sinh của đạo Phật. Chồng của nữ hoàng Suiko là Thánh Đức Thái Tử trị vì từ năm 574 tới năm 622 TL. Ông là người phát huy đạo Phật lớn mạnh tại Nhật, đưa Phật giáo lên làm quốc giáo. Năm 606, nữ hoàng chỉ dụ cho tất cả chùa chiền trong nước thiết lễ Vu Lan, và tiếp tục mỗi năm. Người Nhật cũng theo đạo Phật Trung Hoa thiết lễ Trung Nguyên, gọi là Chugen, nhưng biến đổi có quy tắc hơn. Tại Nhật, lễ Vu Lan Bon được phân biệt hai phần: lễ cúng tổ tiên trong gia đình, và lễ cúng cô hồn. Lễ cúng cô hồn có tên là *Segaki-e*, có nghiã là dâng thực phẩm cho linh hồn bị phiêu bạt đói khát, là một ngày lễ Phật riêng biệt, thường không có ngày nhất định, nhưng về sau thiết vào dịp Vu Lan, lấy một ngày trong bốn ngày *urabon* làm lễ.

Giữa thế kỷ Mười chín, Thiên hoàng Minh Trị canh tân nước Nhật. Công cuộc duy tân và kỹ nghệ hóa buộc phải giản dị hóa các hội hè đình đám, nên lễ urabon và sagaki-e ngày nay biến thành lễ chung.

Nước Nhật phú cường hiện tại có khuynh hướng trở lại đời sống tinh thần và tôn giáo. Ta hãy nghe giáo sư Kenneth Chen, viện Đại học Princeton, nói về lễ Vu Lan tại Nhật ngày nay (*"Buddhism, The Light of Asia,"* Barron, New York 1978, người viết phỏng dịch trang 263). *"Trong mỗi gia đình, dân chúng chưng dọn bàn thờ, dâng cúng hoa quả và thức ăn đặc biệt cho vong hồn. Chiếu trải ra giữa sân, đặt các món ăn như mì sợi, chè kê, canh bí ngô, canh dưa gang, cá hấp. Đúng ngày mười ba, lại cúng một món chè trôi nước đặc biệt để tiếp đón khách vong hồn mới về. Ngày hôm sau mười bốn, cúng chè khoai và cà hấp trộn mè. Ngày mười lăm hay mười sáu cúng tiễn, có cơm đùm lá sen, và chè bọc nhân đậu. Mỗi ngày, hương đèn trên bàn thờ không để lụi, luôn luôn châm thêm hương hoa trà nước. Vào ngày mười ba, khi bắt đầu lễ, người trong nhà đi viếng và thắp đèn trên mộ, đồng thời thắp đèn ở cổng nhà, hàm ý dẫn đường cho vong hồn biết lối trở lại nhà hưởng cúng phẩm. Ngày mười lăm cúng tiễn, cũng thắp đèn gọi là đèn tạm biệt tiễn đưa vong hồn. Tại các làng xóm gần sông lạch và hồ biển, thường có người chết vì sông nước, lại có lệ sắm các thuyền bé tí hon, đặt cúng phẩm lên trên và thắp đèn đem thả xuống giòng nước. Cái hình ảnh đèn thắp trên cổng nhà, tiếp với ánh sáng le lói trên con thuyền tí hon dưới sông trôi xa theo ngọn nước, tiêu biểu cho cái ý niệm gắn liền người sống thực tại với người đã ra đi vào cõi hư vô."*

Bài sưu khảo nhỏ bé này chỉ hoàn tất khi bổ túc được việc tìm hiểu lễ Vu Lan tại Việt Nam. Nếu chúng ta thử đặt qua bên cái mặc cảm sô-vanh, chúng ta phải nhận thức là các tài liệu nghiên cứu xã hội và tôn giáo của quê hương ta rất nghèo nàn. Suốt một thế kỷ sống dưới sự đô hộ của người Pháp, tiếp theo là một cuộc chiến tranh huynh đệ triền miên, có mấy đủ phương tiện và thì giờ để tìm học cặn kẽ những sinh hoạt tôn giáo như vấn đề nhỏ nêu ra ở đây là lễ Vu Lan. Ở Hà Nội hiện nay có một viện Nghiên cứu Khoa học Xã hội (chắc phải có phần cho tôn giáo), ở ngoài nước các phương tiện chất xám và vật chất càng đầy đủ hơn, ta hy vọng trong tương lai sẽ được đọc và học một tác phẩm khảo cứu tường tận về lễ Vu Lan Việt Nam.

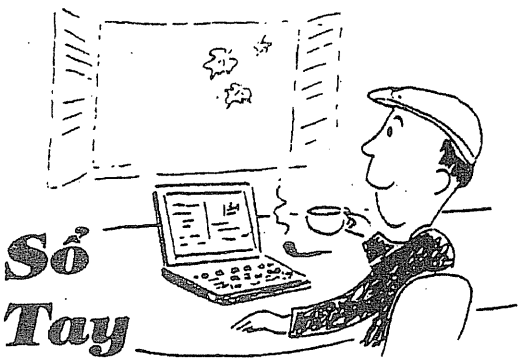

Năm mươi năm sống dân chủ

Năm mươi năm trước đây, ngày 15 tháng Tám năm 1947, nước Ấn Độ tuyên bố độc lập, thiết lập nền dân chủ trên một quốc gia đông dân thứ nhì trên hoàn cầu. Các điều kiện nhân văn và địa lý ở lục địa Ấn không có vẻ gì thuận lợi cho chế độ dân chủ đại nghị, nhiều người lo rằng chẳng sớm thì muộn Ấn Độ sẽ rơi vào một chế độ độc tài, như hai quốc gia láng giềng lớn, Nga xô và Trung Quốc. Nhưng nửa thế kỷ trôi qua, chế độ dân chủ ở Ấn vẫn tồn tại và được củng cố thêm, và đời sống vật chất của dân Ấn bắt đầu được cải thiện từ khi chính phủ từ bỏ chủ nghĩa xã hội, mở cửa nền kinh tế.

Gần đây, khi các nước thuộc Nam Tư cũ tách ra lập quốc, nội loạn bùng ra vì các chủng tộc cùng tôn giáo không thể sống chung hòa bình, nhiều người đã thành thật nghĩ rằng thể chế dân chủ không thích hợp với các quốc gia quá phức tạp và chất chứa nhiều xung đột ngấm ngầm. Tại Nam Tư trước đây đảng Cộng Sản độc tài đã kiềm chế không cho các tranh chấp nổi lên giữa người Serb với người Croate, người Bosnia, giữa dân Hồi Giáo với Chính thống giáo, và Công giáo. Sau khi chế độ cộng sản sụp đổ, các xung đột chủng tộc và tôn giáo không còn ai kiềm chế, đã bùng nổ.

Nhưng so với Nam Tư thì Ấn Độ còn phức tạp và chứa chất nhiều mâu thuẫn hơn. Năm 1947, với dân số 400 triệu người, chia ra hơn 30 tiểu bang và lãnh thổ, quốc ngữ Hindi chỉ có 30 phần trăm dân chúng sử dụng, ngoài ra là 24 ngôn ngữ chính thức và hàng trăm thổ ngữ. Tuy 80% dân theo Ấn giáo, nhưng đó là một tập hợp của hàng trăm giáo phái khác nhau, chưa kể 14% theo Hồi giáo, và số còn lại theo đạo Sikh, đạo Jain, đạo Thiên chúa, đạo Phật, v.v. Sự chênh lệch giầu nghèo và óc phân biệt, kỳ thị giữa các đẳng cấp, với đám tiện dân vô đẳng cấp, còn sâu và rộng hơn sự khác biệt giữa các nhóm chủng tộc và ngôn ngữ. Lãnh thổ Ấn Độ rộng gấp mười lần nước Việt Nam, và nay dân số đã lên tới 952 triệu người.

Nhưng Ấn độ vẫn là quốc gia dân chủ đông dân nhất thế giới, suốt nửa thế kỷ vừa qua. Đảng Quốc Đại, dưới sự lãnh đạo của ông Nehru, rồi con gái ông, bà Indira Gandhi, đã ngả theo chủ trương kinh tế xã hội chủ nghĩa, vì tưởng rằng chính sách tập trung và hoạch định sẽ giải đáp bài toán của xứ sở nghèo nàn này. Điều đáng thán phục là các chính khách Ấn chưa bao giờ bị cám rỗ để thiết lập một chế độ độc tài kiểu Xô viết, hay theo lối Mao trạch Đông. Năm 1975, bà Indira Gandhi được quốc hội trao toàn quyền lấy lý do tình trạng khẩn cấp, nhưng chính bà đã chấm dứt giai đoạn độc tài đó sau hai năm, tổ chức bầu cử tự do, để chính bà bị thất cử và đảng của bà bị lật đổ. Người phụ nữ đó đã tôn trọng lựa chọn của dân chúng, từ giã quyền hành một cách xứng đáng, tiếp tục đấu tranh trong tinh thần dân chủ để trở lại cầm quyền vào năm 1980, qua cuộc bầu cử quốc hội mới.

Nền dân chủ Ấn Độ đã tồn tại dù trải qua các vụ bạo động vì tranh chấp tôn giáo và sắc tộc, các vụ ám sát bà Gandhi và con trai bà, và các cuộc chiến tranh với Pakistan và Trung Quốc. Trong khi đó, Trung Quốc đã sống dưới chế độ cộng sản độc tài, với các vụ cải cách ruộng đất và "bước nhẩy vọt" làm chết hai, ba chục triệu người, mà đến nay vẫn chưa thiết lập được thể chế dân chủ. So sánh với Ấn độ, Trung Hoa đã là một quốc gia tương đối thuần nhất và có lịch sử lập quốc sớm hơn hàng ngàn năm, mà dân chúng có tinh thần kinh doanh thực tế cao hơn nhiều.

Phải đợi đến khi các nước cộng sản Âu châu sụp đổ các chính khách Ấn độ mới từ bỏ giấc mộng xã hội chủ nghĩa, mở cửa và cởi trói cho nền kinh tế từ năm 1991. Chính phủ Ấn bắt đầu tư hữu hóa các xí nghiệp quốc doanh, trao quyền tự quản cho các doanh nghiệp nhà nước còn lại, và khép họ vào kỷ luật của thị trường cạnh tranh. Các món tiền bao cấp đã bị cắt đi, tuy hiện nay vẫn còn chiếm 10% Tổng sản lượng quốc nội (GDP). Mậu dịch tự do và khai phóng bắt các xí nghiệp trong nước phải tự cải thiện để cạnh tranh trên trường quốc tế.

Từ sáu năm nay, mức tăng trưởng kinh tế đã tăng từ 3% lên 6%, và Ấn Độ đã bắt đầu xuất khẩu thực phẩm.

Năm mươi năm qua, cuộc thí nghiệm dân chủ ở Ấn độ cho chúng ta một bài học. Báo chí, tôn giáo, giới trí thức và các hiệp hội, đảng phái chính trị được sinh hoạt tự do là nền tảng và thành trì bảo vệ các định chế dân chủ. Quân đội, cảnh sát, và bộ máy hành chánh đứng ngoài chính trị đã là một truyền thống. Tính cách phức tạp, đa dạng của xã hội, về chủng tộc, ngôn ngữ, tôn giáo và đẳng cấp, không gây ra những trở ngại, khó khăn cho việc thi hành các thể chế dân chủ, mà ngược lại, tạo nên những bảo đảm khiến tinh thần dân chủ tồn tại và thêm vững chắc. So sánh với các nước thuộc Nam Tư cũ, chúng ta thấy mầm mống loạn lạc ở đó chính là do người dân đã bị khép chặt trong một chế độ độc tài quá lâu, khi chế độ cộng sản sụp đổ thì tất cả bùng nổ, vì sức đè nén tan rã.

Những người muốn xây dựng dân chủ cho nước Việt Nam có thể nhìn vào tấm gương Ấn độ để thêm tin tưởng rằng những định chế dân chủ có thể thiết lập ngay ở nước ta bây giờ, mặc dầu các thế lực chống dân chủ vẫn nói rằng dân ta chưa đủ trưởng thành và nhiều mầm mống chia rẽ. Dân tộc Việt Nam thuần nhất và có tinh thần đoàn kết hơn nửa tỷ người Ấn trước đây 50 năm cũng như 952 triệu dân Ấn bây giờ. Trong khi 50% dân Ấn nay vẫn mù chữ thì số người biết đọc biết viết ở Việt Nam là trên 90%. Duy trì một chế độ độc tài chỉ reo rắc thêm các xung đột địa phương, giai cấp, nông thôn và thành thị giầu nghèo chênh lệch, và khiến dân ta càng chậm tiến so với lân bang.

Làm kinh tế không thể dối trá

Một dự án đầu tư trị giá một tỷ mỹ kim được đảng Cộng Sản Việt Nam chấp thuận vào hai ngày chót của năm 1996, đã tan biến như đám khói mỏng, và cả công ty Hồng Kông đứng đầu dự án đầu tư này cũng mất tích không để lại dấu vết. Bản tin trên nhật báo *Financial Times* ở Luân Đôn đăng lên trong tuần qua có ý làm cho độc giả và giới kinh doanh quốc tế được đọc một tin lạ, nhưng đối với người Việt Nam đã biết rõ các lãnh tụ Cộng Sản thì câu chuyện này không có gì đáng ngạc nhiên.

Cuối năm 1996, khi thấy số vốn đầu tư trên giấy tờ của ngoại quốc được chấp thuận đã giảm đi so với con số năm 1995, đảng Cộng Sản vội vã ký chấp nhận hai dự án xây cất, mỗi dự án trị giá một tỷ mỹ kim, cốt tăng con số để đạt "chỉ tiêu". Họ có thể khoe rằng trong năm 1996 các nhà đầu tư ngoại quốc vẫn muốn đổ tiền vào Việt Nam. Một trong hai dự án được chấp thuận vào phút chót đó là của công ty City Horse Trading đăng ký ở Hồng Kông. Ký giả John Riding của nhật báo trên đi điều tra, coi các sổ trước bạ ở Sở Đăng Ký các Công ty tại Hồng Kông đã tìm ra rằng công ty City Horse Trading này đã ngưng hiện hữu từ tháng 9 năm 1996, ba tháng trước ngày Cộng Sản Việt Nam tuyên bố chấp nhận dự án một tỷ của họ! Khi ký giấy, và khi công bố con số một tỷ đầu tư của City Horse, có lẽ chính quyền Hà Nội cũng không biết rằng họ đang "làm ăn" với một công ty đã mất tích, và chấp thuận một dự án ma không có xu nào!

Sổ sách đăng ký ở Hồng Kông cho biết công ty City Horse do một số người Hoa thành lập từ năm 1988 với số vốn điều lệ chỉ có 10 ngàn đô la Hương Cảng, tương đương với 1,300 mỹ kim. Cộng tác và làm đại diện công ty này ở Sài Gòn chính là một công ty của Sở Xây dựng của Thành Phố Hồ Chí Minh, mang tên Việt Cường. Công ty City Horse Trading hứa sẽ bỏ ra 300 ngàn mỹ kim, rồi kêu gọi thêm vốn để thực hiện dự án xây cất 450 biệt thự tại khu sang trọng nhất Sài Gòn, tổng số đầu tư sẽ lên đến một tỷ. Đảng Cộng Sản ở Thành Hồ đã khoe rằng đây là dự án đầu tư lớn nhất kể từ khi Cộng Sản cởi trói cho nền kinh tế Việt Nam. Trong tuần qua, khi nhà báo *Fiancial Times* xin phỏng vấn, các viên chức Sở Đầu tư ở Sài Gòn đã từ chối không bình luận! Một nhân viên vẫn ngồi ăn lương của công ty Việt Cường thì ngỏ lời trách các nhà đầu tư Hồng Kông "thiếu kiên nhẫn" nên đã bỏ cuộc! Điều mà họ không thể giải thích là tại sao họ đã chấp thuận và tuyên bố một cách hào hứng cái dự án đầu tư một tỷ mỹ kim đó khi chính chủ nhân của dự án đã biến mất từ ba tháng trước.

Nhưng các người Việt Nam đã biết bản chất của đảng Cộng Sản thì không cần giải thích. Bản chất của đảng là nói dối. Họ tồn tại và thành công trong việc cướp chính quyền, từ năm 1945 ở Hà Nội đến năm 1975 ở Sài Gòn là nhờ một ưu điểm, đó là họ có thể nói dối một cách trắng trợn, không cảm thấy ngượng ngùng và cũng chưa bao giờ cần cải chính. Năm 1945 Hồ Chí Minh đã che đậy bản chất cộng sản của ông ta, thậm chí còn giải tán

đảng Cộng Sản, để đội chiêu bài dân chủ, tự do, cho đến năm 1950 mới tái lập đảng cộng sản dưới tên Lao Động. Từ 1959 đến 1975, đảng Cộng Sản đưa quân vào xâm chiếm miền Nam Việt Nam, miệng luôn luôn chối rằng họ không hề làm việc đó. Sau ngày 30 Tháng Tư năm 1975, một thành tích mà đảng Cộng Sản vẫn lấy làm hãnh diện chính là việc đánh lừa mấy trăm ngàn sĩ quan, viên chức Việt Nam Cộng Hòa đi trình diện "học tập cải tạo trong ba tháng" để bắt họ vào tù một cách dễ dàng, có người bị giam cầm gần 20 năm.

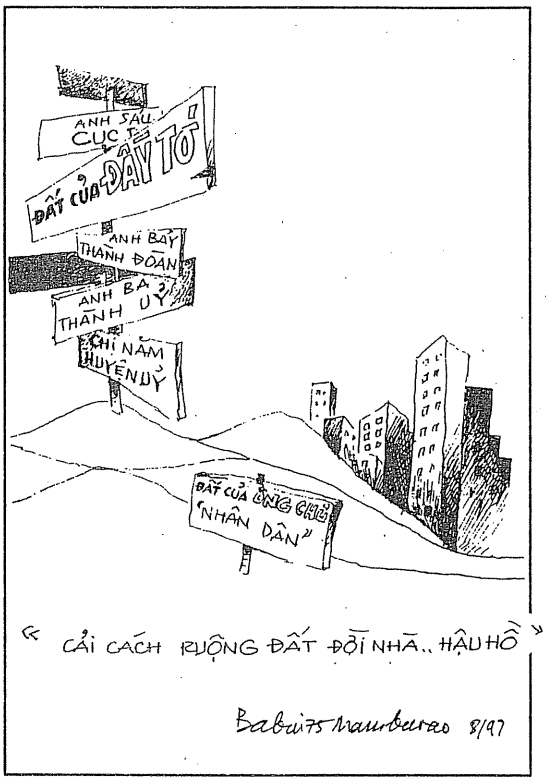

Khả năng nói dối không biết xấu hổ đã được đảng Cộng Sản tận dụng, và đã giúp họ thành công trong chiến tranh, cũng như trong việc đánh lừa dân, lừa cả dư luận thế giới. Nhưng khả năng đó chắc chắn không thể áp dụng trong lãnh vực kinh tế, và về lâu dài thì cũng sẽ thất bại về chính trị. Người ta có thể lừa gạt tất cả mọi người một thời gian ngắn, và cũng có thể lừa gạt một nhóm người mãi mãi. Nhưng không thể lừa gạt tất cả mọi người mãi mãi được.

Trong hoạt động kinh tế, căn bản lâu dài phải là lòng tín nhiệm. Các hợp đồng kinh doanh, các cam kết khi mua bán phải dựa trên niềm tin rằng các bên ký kết hợp đồng sẽ giữ lời hứa của mình. Không những người ta kiểm tra, theo dõi hành động của mỗi bên sau khi ký hợp đồng; thị trường tài chánh thế giới còn xét đến quá khứ, thành tích của mỗi người, mỗi xí nghiệp để coi có đáng bỏ công nghiên cứu, soạn thảo, ký kết các hợp đồng với họ hay không. Khi nhà cầm quyền của một quốc gia bị cả thế giới nhận thấy chỉ là một băng đảng chuyên môn dối trá, lừa gạt, thì không nhà đầu tư đứng đắn nào muốn đến làm ăn ở xứ đó.

Câu chuyện công ty City Horse và dự án ma của họ chỉ là một thí dụ của câu tục ngữ "Trâu tìm trâu, ngựa tìm ngựa." Một chính quyền dối trá dân, nói dối cả giới đầu tư quốc tế bằng cách vội vã chấp thuận các dự án đầu tư hàng tỷ bạc vào phút chót cốt để "làm đẹp sổ sách" mà không cần biết các dự án đó thật sự ra sao, thì người ngoại sẽ vừa khinh là ngu dại, vừa tìm cách lảng tránh. Nhóm người cầm quyền đó sẽ chỉ được đón tiếp những bọn đầu tư bịp bợm! Câu chuyện City Horse và dự án một tỷ mỹ kim của họ đã tan thành khói ba tháng trước khi đảng Cộng Sản chấp nhận chứng tỏ cách quản lý kinh tế bằng thủ đoạn gian trá sẽ phải thất bại. Đồng bào ta sẽ lãnh các hậu quả của chính sách quản lý kinh tế đó cho đến bao giờ?

Nhưng chắc chắn các tờ báo ở Sài Gòn không dám mang chuyện này ra đặt câu hỏi về "quyền lãnh đạo tối thượng" của đảng Cộng Sản Việt Nam. Muốn cải thiện cách quản lý kinh tế thì chúng ta cần phải có một chế độ chính trị cởi mở, báo chí tự do, những người có ý kiến đối lập phải được tự do hội họp và phát biểu. Không thể có tiến bộ kinh tế nếu chính trị chưa thay đổi.

Dân tộc Việt Nam sẽ vượt qua thử thách mới

Trước đây đúng 52 năm, khi nhân dân thành phố Hà Nội biểu tình bầy tỏ ý chí giành độc lập, chống lại việc quân Pháp trở lại Việt Nam, cuộc mít tinh và tuần hành là do giới tiểu tư sản, đa số là công chức lãnh đạo, và động cơ duy nhất là lòng yêu nước. Nhưng trong cuộc biểu tình đó, các đảng viên cộng sản đã cướp diễn đàn, họ treo lá cờ đảng lên, biến thành cuộc biểu tình của họ, và tiến đến việc cướp chính quyền cho đảng Cộng Sản.

Vào năm 1945, nhiều người Việt Nam yêu nước không biết gì về đảng Cộng Sản, và

những người biết thì không chấp nhận chủ nghĩa Cộng Sản, điều đó có chứng cớ rõ ràng khi chính Hồ Chí Minh phải tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản để đánh lừa dân. Chỉ cần hai mươi năm sau khi đảng áp dụng chủ nghĩa Mác Lê nin ở nước ta, nhiều đảng viên Cộng Sản đã phản tỉnh, từ bỏ đảng. Một thí dụ nổi tiếng là cụ Vũ Đình Huỳnh, người từng làm bí thư cho Hồ Chí Minh. Theo tập hồi ký của con trai cụ là nhà văn Vũ Thư Hiên thì chính cụ Huỳnh đã tâm sự với ông rằng việc theo đảng Cộng Sản là một sai lầm, chỉ làm hại cho dân tộc. Nhiều đảng viên cộng sản cũng chia sẻ những lời tâm huyết đó, tuy chưa có dịp nói ra.

Ngày 19 Tháng Tám đánh dấu phong trào giành độc lập của dân ta sau 60 năm bị người Pháp đô hộ. Cuộc kháng chiến đó là của toàn dân Việt Nam, đáng lẽ phải đưa nước ta đến độc lập, tự do và hạnh phúc thật sự, nhưng vì việc lãnh đạo đất nước bị đảng Cộng Sản cưỡng chiếm để thực hiện chủ nghĩa Mác Lê Nin, cho nên họ làm đổ thêm xương máu mà sau cùng chỉ đưa dân ta đến tình trạng lạc hậu, thua kém các nước lân bang như hiện nay.

Tuy nhiên, cho đến nay vẫn còn có người trẻ tuổi và thiếu thông tin chỉ biết là năm 1945 đảng Cộng Sản đã giành được quyền hành, họ còn nghĩ là đảng Cộng Sản không "cướp quyền lãnh đạo" cuộc kháng chiến, như nhiều sử gia đã nói. Nhưng phân biệt việc "giành lấy quyền lãnh đạo" hay "cướp quyền lãnh đạo" chỉ là phân biệt về từ ngữ. Điều mà các sử gia đã công nhận, là ngay từ trước năm 1945 đảng Cộng Sản Việt Nam đã ám hại và tàn sát những nhà ái quốc không đồng ý với chủ nghĩa Mác Lê nin.

Danh sách các nhà ái quốc nạn nhân của Cộng Sản rất dài, tiêu biểu từ Bắc vào Nam có Trương Tử Anh, Lý Đông A, Khái Hưng, Tạ Thu Thâu, Huỳnh Phú Sổ, Trần Văn Thạch, v.v. Họ bị thủ tiêu, hay ám hại ngay từ khi Cộng Sản chưa cầm quyền. Tàn sát và ám hại những nhà ái quốc, các trí thức, các lãnh tụ tôn giáo và đảng phái chính trị để củng cố độc quyền cho đảng Cộng Sản, như vậy chúng ta phải gọi là hành động "cướp quyền." Bản chất của đảng Cộng Sản Việt Nam là theo Stalin, điều đó đến nay không còn ai chối cãi. Mà từ Lê Nin đến Stalin, chủ trương trước sau như một của các đảng Cộng Sản vẫn là tiêu diệt các người bất đồng chính kiến để cướp lấy quyền bính, giành độc quyền cai trị. Sau khi tiêu diệt các đảng phái không cộng sản, đảng Cộng Sản Việt Nam còn tàn sát các người yêu nước khác trong các vụ cải cách ruộng đất, đánh tư sản, giữa lúc toàn dân còn phải lo chống Pháp.

Ngày nay khi khi nhớ lại cuộc biểu tình ngày 19 tháng Tám năm 1945 chúng ta phải minh xác rằng phong trào giành độc lập là do khát vọng của toàn thể dân tộc. Nếu không có đảng Cộng Sản, hoặc nếu đảng đó không dùng các thủ đoạn gian ác để cướp lấy độc quyền cai trị, thì vận mệnh nước ta đã khác. Trên thế giới, từ sau cuộc Đại chiến thứ hai, mọi nước cựu thuộc địa đều giành lại được độc lập mà không phải tốn hao xương máu như dân ta, chỉ nhờ họ không bị Cộng Sản lãnh đạo. Và cũng nhờ không bị Cộng Sản cướp quyền lãnh đạo nên các nước khác không bị lôi cuốn vào cuộc nội chiến tang thương, không bị hy sinh cho cuộc tranh giành thế lực giữa hai khối Tư bản, Cộng Sản, nhờ thế họ có cơ hội phát triển kinh tế và xây dựng dân chủ, thực hiện đúng khẩu hiệu Độc lập, Tự do, Hạnh phúc cho dân tộc họ.

Đồng bào ta ở trong nước đã bắt đầu vùng lên chống lại bọn cường hào cộng sản, bắt đầu với các nhà trí thức và các nhà lãnh đạo tôn giáo ôn hòa, từ Nam ra Bắc, nay đã tiến đến các cuộc phản kháng bạo động của nông dân, từ huyện Đông Anh, Hà Nội đến Thanh Hóa, Thái Bình. Khát vọng độc lập năm 1945 nay đã thành tựu nhờ tinh thần bất khuất của toàn dân, và bây giờ khát vọng sống tự do và bình đẳng sẽ tạo nên một phong trào dân tộc mới. Một nhóm người đặt quyền lợi của băng đảng lên trên quyền lợi chung của dân tộc sẽ không thể tồn tại lâu. Phong trào quật khởi của dân ta còn đang bị đảng Cộng Sản đàn áp, nhưng lịch sử 50 năm qua cho thấy dân tộc ta sẽ vượt qua mọi thử thách.

Nguyễn Văn Linh làu bàu

Như một ông chú đau yếu nằm trong góc nhà chờ ngày chết, nhìn thấy chung quanh con cháu đang lăng xăng chạy qua chạy lại không ai ngó đến mình, ông Nguyễn Văn Linh phải cất giọng làu bàu, than thở và mắng mỏ, để lũ trẻ đừng quên mình vẫn còn sống. Cả năm qua, các quan chức đảng còn đang bận rộn họp hành chia phần ai lên ai xuống, ai ở ai đi, trong khi Hà Nội long trọng đón tiếp bà Albright, ngoại trưởng Mỹ, rồi đến một phái đoàn dân biểu cùng ông Đại sứ Mỹ vào khai

trương tòa tổng lãnh sự ở Sài Gòn, nông dân Thái Bình nổi dậy chống cường hào, Lê Khả Phiêu thì đang bận chiều chuộng Đỗ Mười để mong được lên ngôi kế vị, các nhà đầu tư ngoại quốc thì lắc đầu chê không muốn bỏ thêm tiền đầu tư, khiến các quan chức lo lắng tìm đường chiều đãi hơn, họ lo chuyện ngân hàng Singapore đang xiết nợ Incombank nhiều hơn lo về chủ nghĩa Mác, ông Nguyễn Văn Linh thấy rõ trong đám người nhộn nhịp "đón Mỹ" đó chẳng ai còn nhớ đến những thành tích "chống Mỹ" của mình. Ông thấy cần chứng tỏ mình vẫn còn có mặt, bèn lớn tiếng tuyên bố: "Những quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam (cộng sản) phải công bằng hơn!"

Nguyễn Văn Linh chỉ trích Mỹ vì cứ tiếp tục đặt vấn đề các người Mỹ mất tích thời chiến tranh, trong khi nhiều nước tư bản khác đã có quan hệ ngày càng tốt đẹp đối với Hà Nội,"... Mỹ không đem các công nghệ tiên tiến và vốn tư bản vào Việt Nam mà chỉ mang tới những món hàng tiêu thụ tràn ngập thị trường." Ông Linh cũng nhắc lại một lời hứa hão của cố hổng thống Nixon, viện trợ Bắc Việt 3 tỷ đô la sau khi chiến tranh chấm dứt, mà chưa thấy đồng nào cả.

Tất cả các lời lầu bầu than thở của Nguyễn Văn Linh chỉ cho thấy rằng ông ta thật đã lú lẫn, và không biết mình đang nói gì cả.

Trước hết là chuyện đầu tư. Nếu người Mỹ, người Anh hay người Ả Rập không đầu tư, không mang các thiết bị tân tiến để mở nhà máy ở Việt Nam, thì đó là các quyết định kinh doanh của tư nhân, không có nghĩa là chính phủ họ đối sử bất bình đẳng. Ông Linh chưa phân biệt được tư nhân và nhà nước, vì trong lối sống và lối suy nghĩ của ông, nhà nước quyết định tất cả.

Nhưng các quyết định kinh doanh của những công ty Mỹ không tùy thuộc chính sách nhà nước, mà chỉ do họ thấy có cơ hội kiếm lợi và ít rủi ro hay không. Muốn người ta đầu tư thì đảng Cộng Sản phải mở cửa thêm nền kinh tế, bảo đảm các hợp đồng và luật pháp được tôn trọng, và bớt tham nhũng đi. Điều mà các doanh nhân nước ngoài mong muốn là được đối sử công bằng, không bị kỳ thị chỉ vì chưa quen tay hối lộ. Nếu ông Nguyễn Văn Linh muốn trách chính phủ Mỹ, ông có thể trách họ đã làm ra luật cấm các công ty hối lộ viên chức ngoại quốc. Chính đạo luật ra đời trước đây 20 năm này đã bó tay nhiều công ty Mỹ, khiến họ chịu thua không thể cạnh tranh với các tay tư bản ở Đông Nam Á khi vào đầu tư ở Việt Nam.

Ông Nguyễn Văn Linh không hiểu gì về cơ cấu kinh tế thị trường ở một nước dân chủ. Điều đó cũng giống như phản ứng của viên chức ngân hàng Incombank ở Hà Nội, khi tòa án Singapore cho phép sai áp tài sản ngân hàng này, do lời yêu cầu của công ty tài chánh Mees Pierson ở Singapore. Ngân hàng Incombank nói họ chỉ biết các Tín dụng thư nợ ngân hàng Standard chứ không biết đến Mees Pierson, cho nên không trả. Nói như vậy cũng vì họ không hiểu thủ tục trên thị trường tài chánh quốc tế, các giấy nợ có thể được mua đi bán lại, mà chính nhờ các vụ mua bán đó tiền bạc, vốn liếng mới luân chuyển lưu hoạt. Nếu các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam không biết gì về thủ tục tài chánh quốc tế, thì ông cựu tổng bí thư đảng Cộng Sản cũng không phân biệt được quyết định đầu tư với chính sách ngoại giao giữa hai xứ.

Ông Nguyễn Văn Linh lại nhắc đến lời hứa viện trợ 3 tỷ mỹ kim, đã được ông Nixon đưa ra để nhử Hà Nội ký hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh Việt Nam. Năm 1979, khi Cộng Sản Việt Nam chiếm Cam Bốt, chính phủ Mỹ đã bỏ qua không bàn đến chuyện này. Nhưng đó cũng chỉ là lời hứa miệng, không nằm trong hiệp định. Mà chính bản hiệp định đó, đảng Cộng Sản Việt Nam đã xé bỏ khi đưa quân vào chiếm miền Nam năm 1975. Chính họ vi phạm một bản hiệp định do họ ký tên, mà nay lại đòi chính phủ Mỹ phải thực hiện một lời hứa xuông, thì thật là điều vô lý. Hay là ông guyễn Văn Linh muốn quay trở về thời gian trước Hiệp Định Paris, mời ông Nguyễn Văn Thiệu trở lại ngồi ở Dinh Độc Lập?

Những lời tuyên bố ngây ngô của ông Nguễn Văn Linh chỉ làm trò cười, cho thấy bị bỏ rơi quá lâu chính ông ta không biết chung quanh đang xảy ra những chuyện gì, đầu óc đã lú lẫn cả. Trong lúc các tay đầu não của đảng đang lo chia chác địa vị, ông Linh vội vã đưa ra những lời vô nghĩa và vô trách nhiệm, với mục đích thọc gậy bánh xe, để thấy mình vẫn quan trọng.

Một hậu quả của lối ăn nói hồ đồ đó là gây hoang mang trong nội bộ đảng, nhưng cũng làm cho các nhà đầu tư người ngoại quốc tự hỏi không biết đằng sau cuộc tranh chấp nội bộ của các lãnh tụ đảng đang có chuyện gì. Khi doanh nhân ngại quốc hoang mang thì chỉ thiệt hại cho nền kinh tế Việt Nam.

ĐẠI NHẠC HỘI ROCK TRÊN SAO HỎA

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Cơn sốt Hỏa tinh có vẻ đã hạ...hỏa trong giới trần thế, nhưng với các nhà khoa học chuyên nghiệp hay nghiệp dư, kể cả những anh mê khoa học như mê gái trong cõi đời tục lụy này, trái tim vẫn nóng hừng hực và cái đầu vẫn bốc hỏa mỗi lần tin tức khoa học cho biết những chi tiết mà con bọ máy Sojourner hàng ngày gửi các điệp văn về Trái Đất như bươm bướm.

Thế từ ngày được phi thuyền Pathfinder ôm vào lòng như con kangaroo ôm con nó trong cái túi trước bụng, để đổ bộ lên Hỏa Tinh, cô nàng bọ ngựa bằng sắt Sojourner đã làm được những chuyện gì? Tính từ ngày em đặt sáu chân bánh xe lên sao Hỏa, đúng ngày lễ Độc Lập của Mỹ 1997 đến lúc chúng tôi viết bài này, thời gian đã được hơn một tháng, thiết tưởng cũng nên hỏi thăm sức khỏe của cô em hiện đang ở cách xa chúng ta trên 110 triệu dặm.

Vấn đề là hỏi xem cô nàng liệu có sống qua nổi một tuần trăng của Địa Cầu chúng ta hay không. Trên Hỏa Tinh không có gì nguy hiểm, chỉ có thời tiết khắc nghiệt mà thôi. Ở nơi Pathfinder hạ cánh, coi như miền ôn đới, vậy mà ban ngày Hỏa Tinh lạnh đến 8 độ độ F. tức là khoảng 13 độ dưới 0 độ C., còn ban đêm lạnh đến 130 độ dưới 0 độ F. tức khoảng 90 độ dưới 0 độ C.

Tóm lại Hỏa Tinh là một trái cầu lạnh giá. Sojourner làm bằng kim khí đâu có sợ lạnh. Khổ nỗi cô em có một trái tim không chịu được lạnh, đó là bộ phận điện tử để nhận lệnh từ địa cầu và hoạt động. Các nhà khoa học đã phòng ngừa, ấp ủ trái tim này trong một cái hộp sưởi bằng điện. Họ nói Sojourner đã được chế tạo để có khả năng 100% sống trong bảy ngày, kế đó là khả năng 90% sống qua ngày thứ tám, hoặc 75% sống trong hai tuần.

Một hiểm họa khác là bụi trên Hỏa Tinh. Đám bụi này có thể che phủ lớp kính nhựa hứng ánh nắng mặt trời của cả Pathfinder lẫn Sojourner. Nếu bị bụi phủ kín, chúng không bắt được ánh sáng mặt trời là không có điện. Và không có điện là cả hai máy sẽ câm điếc luôn và hết hoạt động. Đối vối các nhà khoa học, đó là lúc chúng từ giã cuộc đời.

Nhưng kỳ diệu thay cho đến nay cả hai cái máy vẫn còn sống nhăn và làm việc. Chúng làm việc gì? Trong khi Sojourner bò đi quanh để làm công tác của một chuyên viên địa chất thăm hỏi các tảng đá ở quanh thì anh chàng Pathfinder tuy đứng một chỗ nhưng làm công việc của một nhà du lịch ngoạn cảnh, có nghĩa là anh ta vác ống ảnh chụp hình lia lịa xung quanh và dòm xem em Sojourner làm cái gì.

Những hòn đá biết nói

Các nhà khoa học đã nhận được hàng ngàn tấm hình mầu rất rõ nét do Pathfinder chụp rồi gửi về ở nơi thám hiểm có tên gọi là Ares Vallis. Toàn là những hòn đá nhưng ở chân trời phía xa là hai ngọn núi. Nhưng Sojourner không có khả năng đi xa, nhiệm vụ của nó là đến nói chuyện với mấy chú đá ngồi chồm hổm xung quanh đó và đã được các khoa học dòm qua ống kính của Pathfinder đặt cho chúng những cái tên khá ngộ nghĩnh như Barnacle Bill, Yogi (giống như một chú gấu ngồi), Scooby Doo, Casper (tên một con ma trong phim Mỹ), và những cái tên thật tếu như Platyplus, Souffle, Hippo, Frog (Ếch), Pumpkin (Bí đao), Little Flat Top (Chú nhỏ đầu bẹt), Shark (Cá mập), Egg (Quả trứng và Hedgehog (một loại nhím). Trong vòng hơn hai tuần đầu, bọ ngựa Sojouner đã đi thăm đến gần một chục khối đá và lần nào cũng lưu lại bên cạnh để nỉ non.

Đá biết nói chuyện sao? Không phải đâu, số là cô bọ ngựa máy đến bên thọc léc cho mấy hòn đá khai ra đủ chuyện về tông tích lý lịch của chúng. Chúng ta đã biết Sojourner dùng một máy quang phổ kế Alpha Proton để rọi tia quang tuyến X vào đá, phân chất xem chúng được tạo thành bằng những chất gì.

Kết quả là đá (rock) đã nói chuyện và đó là

một cuộc họp khá vui... như một đại nhạc hội rock. Rock tiếng Anh có nghĩa là đá, nhưng rock cũng là một loại nhạc bình dân ở Mỹ mà ai cũng biết. Các nhà khoa học hóm hỉnh đã cười toe toét nói với thế giới trong khi Sojourner thi hành nhiệm vụ: Chúng tôi có một hội nhạc Rock trên sao Hỏa.

Ngay sau cuộc "nói chuyện" đầu tiên với hòn Barnacle Bill, Sojourner đã gửi về một tin rất quan trọng. Hòn đá này chứa đựng nhiều chất silica (tức silicon oxide). Cái gì chớ cái chất này ở Địa Cầu có quá nhiều. Đó là một khoáng chất mà người ta vẫn quen gọi là quartz, được dùng rất nhiều trong kỹ nghệ như đồng hồ tự động, radio và máy radar. Cái đồng hồ tự động đeo trên cổ tay các bạn có một bộ phận thiết yếu để cộng hưởng với cái pin điện nhỏ xíu chính là quartz, bởi vậy dân Việt Nam ở nước ta quen gọi là đồng hồ "quạt."

Nhận định trước tiên, đất đá trên Hỏa Tinh cũng giống như trên Địa Cầu, sự kiện này đã xác nhận giả thuyết cho rằng Hỏa Tinh và Trái Đất cùng một gốc mà ra. Chúng ta đã biết lịch sử của Thái Dương Hệ: khoảng 5.5 tỷ năm trước đây, một khối hơi vật chất khổng lồ trong vũ trụ xoay tròn, vật chất tụ lại đông đặc ở giữa, nén ép lại tạo thành Mặt Trời bốc cháy sáng rực với sức phản ứng hạt nhân. Trái Đất và Hỏa Tinh đã thành hình do những vật chất xoay ở phía ngoài nơi thành Mặt Trời, và 5 tỷ năm trước đây đã tụ lại thành các hành tinh. Thế nhưng có những sự lạ.

Sự hình thành chất silica là do một quá trình hun nóng và nấu chẩy nhiều lần rồi ép đến một độ cứng kinh khủng. Chúng ta đã biết quá trình này ở Địa Cầu. Đó là do lò lửa ở trung tâm Trái Đất, những núi lửa và những mảng lục địa trôi nổi trong cả hàng ngàn triệu năm, như thể những váng hợp tan trên mặt chất lỏng. Chính hoạt động của núi lửa làm đất đá tạo thành lục địa nhồi lên nhồi xuống, kể cả các phần lục địa ngầm dưới đáy biển ép nén, nên chất silica đã thành hình.

Thế nhưng trên Hỏa Tinh hiện nay không có núi lửa hoạt động. Sự tìm thấy chất silica trên đó chỉ đem lại một kết luận không thể chối cãi là trước đây có thể cả ngàn triệu năm trước, Hỏa Tinh rất "ấm," có thể là nóng như Địa Cầu. Nếu vậy câu hỏi đặt ra là nó phải có núi lửa và nó cũng phải có những lục địa trôi nổi. Như vậy là Hỏa Tinh khi xưa cũng có nước hay sao? Mà đã có nước là phải có sự sống.

Trời sinh tính

Cha mẹ sinh con, trời sinh tính. Hỏa Tinh và Trái Đất cùng một huyết mạch của bà mẹ Thái Dương sinh ra, coi như hai anh em, dù Hỏa Tinh nhỏ hơn chỉ bằng nửa Trái Đất, nhưng tính nết lại khác nhau.

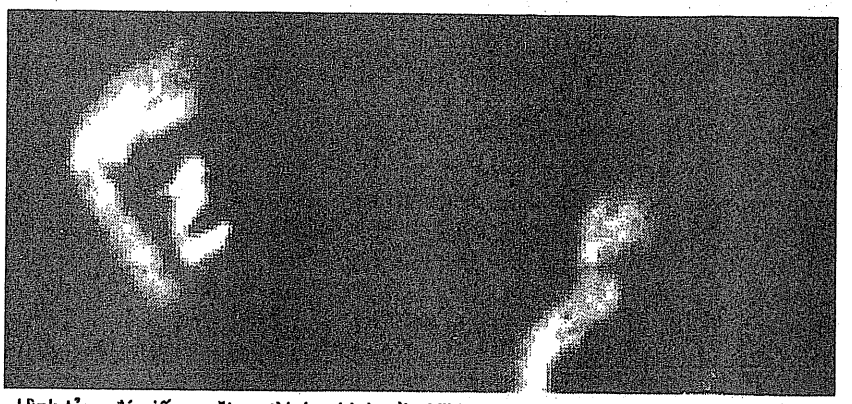

Hình tảng đá giống mặt người do phi thuyền Viking chụp trênbề mặt Hỏa Tinh

Hỏa Tinh là hành tinh anh em nên nó được ông anh Địa Cầu dòm nó hơi kỹ từ hơn một trăm năm nay. Pathfinder cũng không phải là phi thuyền tự động đầu tiên của loài người hạ cánh xuống Hỏa Tinh. Ngày 20 tháng 7 năm 1976, phi thuyền Viking đã hạ cánh xuống nơi này rồi. Qua tất cả những quan sát bằng kính thiên văn, bằng phi thuyền tự động bay quanh hay hạ xuống bề mặt Hỏa Tinh, các nhà khoa học ngày nay đã có thể nhìn thấy rõ hành tinh anh em nhỏ bé này và hiểu biết lịch sử trưởng thành cũng như tâm tính của nó.

Nếu Trái Đất là một hành tinh mà đại dương chiếm đa số diện tích và năng động với những núi lửa hoạt động thường xuyên thì Hỏa Tinh chỉ là một trái cầu khô và tĩnh. Những hố tròn trên Hỏa Tinh giống như những hố trên Mặt trăng, chứng tỏ Hỏa Tinh đã bị những vẫn thạch từ ngoài không gian bay đến oanh tạc. Bởi thế một phần những tảng đá ngổn ngang của nó là do vẫn thạch, tức đá trời tan ra. Phần lớn những hố bom đá trời này nằm ở nam bán cầu Hỏa Tinh nên ở đây đá

cũng là đá của vẫn thạch. Còn ở bắc bán cầu, nơi Pathfinder hạ xuống, đá tìm thấy là đá từ trong ruột Hỏa Tinh phọt ra do hoạt động của núi lửa cả ngàn triệu năm trước. Chính vì thế người ta mới thấy chất silica.

Bề mặt Hỏa Tinh cứng nhắc, khác hẳn sự trôi dạt (rất chậm cả ngàn triệu năm) của các lục địa trên Địa Cầu, chứng tỏ hoạt động của núi lửa trên Hỏa Tinh đã tắt hoặc chỉ còn rất ít. Phải chờ những bằng chứng về động đất ở Hoa Tinh mới có thể xác nhận được chuyện này.

Nếu ví Trái Đất và Hỏa Tinh như hai trái cam thì ở Trái Đất lần vỏ cam rất mỏng kế đến là một lần cùi cũng khá mỏng, trong khi Hỏa Tinh có một lần vỏ dầy cứng nhắc và một lần cùi dầy đến độ ăn vào trong ruột của nó. Ở cái lõi chính giữa của Địa Cầu là một cái lò "luyện kim" nóng hực, kim khí luôn luôn nóng chảy từ 5 tỷ năm nay, giống như cái lò bát quái luyện kim đan của các vị tiên ông trong truyện Tây Du. Trong cái lò luyện kim này phần lớn kim khí nóng chảy là chất sắt (iron), bởi vậy khi Trái Đất xoay tròn, nó có từ trường và hai đầu của nó là Bắc Cực và Nam Cực của một thỏi nam châm khổng lồ. Hỏa Tinh cũng có một cái lõi nóng chảy nhỏ hơn, nhưng không có hay có rất ít chất sắt ở đó. Người ta biết vậy vì Hỏa Tinh cũng xoay tròn nhưng không có từ trường.

Nhưng quá khứ của Hỏa Tinh có một sự kiện rất quan trọng là nó đã có chất lỏng trên bề mặt. Từ lâu người ta đã nghi ngờ có sự kiện này. Nơi phi thuyền Pathfinder hạ xuống là một vùng trũng được đặt tên từ lâu là Ares Vallis. Ares theo thần thoại Hy Lạp là tên vị thần Chiến tranh, còn Vallis theo chữ Latin là thung lũng. Người ta cho rằng có thung lũng là có nước và chỉ vì nước đã bốc hơi bay đi nên bây giờ cái thung lũng này khô cằn chỉ còn đá và bụi.

Nước là hợp chất của khinh khí và dưỡng khí, hai nguyên tố cần thiết cho sự sống. Trên Hỏa Tinh có một bầu khí quyển mỏng và có gió thổi mạnh từng đợt, nhưng khí quyển đó chỉ gồm nhiều chất thán, có thể là tàn dư của những khí do núi lửa khi xưa phun ra. Người ta chưa rõ rõ cái chất lỏng đã có ở Hỏa Tinh có phải là nước như chúng ta biết hay không, nhưng nếu không còn một chút tàn dư nào của khinh khí hay dưỡng khí trong khí quyển Hỏa Tinh, đó cũng là điều dễ hiểu, Hỏa Tinh quá nhỏ không có sức hấp dẫn lớn để giữ những thứ khí nhẹ như vậy.

Nhưng khi quan sát thung lũng ông thần Chiến, Pathfinder và Sojourner đã cho thấy những bằng chứng về di tích những luồng nước chảy khiến các nhà khoa học đã phải sửng sốt kêu lên rằng nơi thung lũng này quả đã có một trận đại hồng thủy, có nghĩa là đã có những luồng nước lớn chảy xiết qua đây khiến có nơi các hòn đá ngả về một chiều như có bàn tay khổng lồ nào sắp đặt chúng.

Hơn nữa khi "thăm hỏi" hòn đá tên là Scooby Doo, Sojourner đã khẳng định hòn đá không phải là thứ đá vẫn thạch từ trên trời rớt xuống mà cũng không phải là đá từ núi lửa phun lên từ lòng ruột Hỏa Tinh. Nó là một thứ đá được tạo thành ngay ở trên bề mặt Hỏa Tinh bằng một quá trình gọi là cặn đóng cục (sedimentation). Chúng ta thường thấy hiện tượng này trong những ống dẫn nước. Nước chảy đem theo những cặn, lâu ngày kết tụ lại thành từng cục rồi cứng như cục sỏi.

Theo ngành địa chất học, sự đóng cục này có thể tạo thành bởi nước hay gió. Nhưng phối hợp với những chi tiết khác, người ta tin là sự đóng cục của tảng Scooby Doo là do nước nhiều hơn gió. Dù sao cũng phải chờ sự phân chất kỹ càng hơn của các nhà khoa học tra cứu hàng trăm ngàn những dữ kiện mới được gửi về, người ta mới có thể xác định vấn đề.

Tìm người hơn tìm đá

Trong lúc chúng tôi viết bài này, ngày 8 tháng 8 năm 1997, các nhà khoa học ở Pasadena (Nam California) đã mở một cuộc họp báo loan ra những tin tức phấn khởi. Một tháng bốn ngày sau khi hạ cánh xuống Hỏa Tinh Pathfinder và Sojourner vẫn hoạt động hăng say.

Tính đổ đồng trong hơn một tháng, con bọ ngựa sáu bánh xe Sojourner đã chạy được trên 50 mét để lần lượt thăm thú các hòn đá và cũng có lúc nó xúc cả đất Hỏa Tinh trên đường đi để phân chất. Riêng máy ảnh của Jojourner đã chụp được 384 bức hình trên đường đi.

Giai đoạn đầu thám hiểm đã xong, giờ đây các nhà khoa học nhắm vào những mục tiêu dài hạn như tiếp tục đo lường thời tiết trên Hỏa Tinh để có thể tạo được một bảng thời tiết mẫu về gió và về nhiệt độ trên hành tinh này. Đồng thời người ta cũng dự tính cho Sojourner bò đi xa hơn nữa vào khoảng vài chục mét, cho nó leo dốc từ từ lên một vùng

cao như đồi để nó tiếp tục vai trò như một nhà địa chất học.

Người ta còn dự định cho chụp hình hai mặt trăng của Hỏa Tinh là Deimos và Phobos, cũng như các hình ảnh Mặt Trời lặn trên Hỏa Tinh mà người ta tin là chân trời sẽ xanh biếc chớ không đỏ ửng như ở dưới trần thế này.

Thế nhưng vấn đề quan trọng là làm thế nào giữ được cho cả phi thuyền mẹ Pathfinder lẫn đứa con bọ ngựa Sojourner càng sống lâu càng tốt. Chủ yếu vẫn là điện. Về điểm này các nhà khoa học đã có kế hoạch giảm thiểu chu kỳ "sạc" và xài điện. Kế hoạch này nhằm kéo dài đời sống của các bình điện.

Pathfinder hoạt động cả ngày lẫn đêm. Ban ngày nó xài điện lấy từ ánh nắng mặt trời, ban đêm nó xài điện bình được sạc lúc ban ngày. Bây giờ kế hoạch đổi mới, trong năm đêm thì bốn đêm Pathfinder nghỉ hoạt động, nó chỉ hoạt động đêm thứ năm bằng bình điện, như vậy làm bình diện đỡ... mệt để sống lâu.

Thế nhưng dù bình điện hư không sạc được nữa, phi thuyền Pathfinder cũng có có thể còn hoạt động được mấy tháng do điện ban ngày trực tiếp chuyển từ ánh sáng mặt trời. Tóm lại niềm vui khoa học còn dài, trừ phi có một tai họa đột biến trên mặt đất Hỏa Tinh làm thay đổi tất cả. Nhưng trước sau Pathfinder và Sojourner cũng phải hết cuộc sống hữu ích của nó để trở thành hai cái... rác của con người để lại trên Hỏa Tinh, cũng như cái rác Viking nằm trên đó bất động từ năm 1976. Đây là chuyện đổ rác ở xa 110 triệu dặm vậy.

Có điều là trong khi các nhà khoa học đặt kế hoạch lâu dài cho việc đi tìm "nhạc rock trên sao Hỏa," ở dưới trần thế này đã nổi lên tiếng nói bất bình của các vị pháp sư thuộc đạo phái "Người Hỏa Tinh." Các vị này kêu ré lên: Đi tìm đá làm cái khỉ khô gì? Sao không đi tìm người trên Hỏa Tinh. Hãy đến chỗ có bằng chứng có người ở trển mà tìm. Vì rõ rệt là đã có mặt... người.

Không phải chuyện đùa mà chuyện thật. Số là năm 1976, phi thuyền tự động Viking I bay trên quỹ đạo Hỏa Tinh đã chụp một loạt hình gần trên bề mặt Hỏa Tinh và một trong những bức hình đó cho thấy hai khối đá có hình dạng y hệt bộ mặt con người. Từ lúc đó nẩy ra những lời bàn tán sôi nổi về người Hỏa Tinh và "đạo" Người Hỏa Tinh phát triển mạnh với các tay pháp sư thuộc môn phái điện tử và vũ trụ học nghiệp dư.

Lúc đó cơ quan NASA đã giải thích hình đá giống mặt người (có đủ khuôn mặt, mắt mũi và mồm) chỉ là vết đá bị sói mòn cộng thêm những vết bóng che của ánh nắng Mặt Trời đã tạo ra ảo tưởng cho là mặt người. Thế nhưng nhóm "khoa học huyền bí" nhất định nói đó là sản phẩm mỹ thuật của các điêu khắc gia alien sống trên Hỏa Tinh.

Nhóm này chê NASA phí công của, thời giờ đi tìm những hình thức sự sống nhỏ như con vi trùng trên Hỏa Tinh, trong khi đáng lẽ phải tìm đến ngay mấy "thằng chả" người cao lênh khênh, đầu lớn như khối đá ở trển.

Mark Carlotto, một chuyên viên về tạo hình điện toán, nói: "Đúng là bọn NASA đã nhắm mắt trước một khả năng có thể tìm thấy thêm bằng chứng. Chỉ vì chuyện này không đúng khớp với các lý thuyết của mấy chả." Calotto tin chắc rằng tảng đá mặt người đã được điêu khắc bởi một hình thức sự sống nào đó của Hỏa Tinh.

Thế nhưng Duwayne Anderson, một nhà địa chất học chuyên về Hỏa Tinh của Đại học A&M Texas nói: "Khi tôi nhìn vào bức hình và nghiên cứu, tôi thấy đó chỉ là những hình ảnh bình thường về địa chất — hình những đồi, những đường dốc và những đá. Con người thường quan tâm đến trời, đến các vì tinh tú, cố nhiên đó là cả một sự huyền bí để mơ tưởng."

Câu chuyện trên đây làm tôi nhớ lại hôm tôi xem bức hình đầu tiên do Pathfinder gửi về Trái Đất, chiếu trên TV. Hôm đó tôi đang ở San Jose, ngồi trước máy truyền hình, bên cạnh tôi chỉ có đứa cháu nội, năm thứ hai Đại Học.

Tôi mở to mắt nhìn bức hình rõ nét của con bọ Jojourner, phía sau là quang cảnh Hỏa Tinh và suýt xoa nói mấy lời: "Kỳ diệu, thật kỳ diệu."

Cậu cháu nội của tôi nói: "Chưa phải kỳ diệu, nội ạ."

Tôi trợn mắt nhìn nó. Nó cười nói:

"Nếu bây giờ có một anh Hỏa Tinh chạy ra ôm luôn cái máy Sojourner dông mất tiêu, con mới thấy thực là kỳ diệu."

Tôi bật cười. Hai ông cháu tôi ôm bụng cười ngặt nghẽo. Đúng vậy, thế hệ trẻ của thời đại mới. Chúng ta sẽ không còn ngạc nhiên trước những cái quái đản nhất mà vũ trụ đem lại.

Số báo tới, tôi lại lên đường đi "tiếu ngạo giang hồ" trong vũ trụ.

(Ngày 8 tháng 8 năm 1997)

THUYẾT THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ TRONG KHOA HỌC HIỆN ĐẠI

Bác sĩ NGUYỄN VĂN THỌ

Xưa nay nhiều người thường cho rằng Khoa học có cái nhìn khác biệt với các nhà Huyền học, Đạo học. Đã đành, không phải là các khoa học gia có cùng một đường lối như nhau, nhưng cũng đã có những khoa học gia chứng minh được rằng các nhà huyền học (Mystics) và khoa học gia đã nhận ra rằng Vũ trụ này có một bản thể duy nhất. Người đã làm được chuyện này là nhà vật lý Fritjof Capra. Năm 1976, ông cho in quyển *The Tao of the physics*. Sách này đã được nhiều nhà xuất bản in lại. Mới đầu là nhà xuất bản Shambala, rồi đến Quality Book Club, rồi đến Bantam Edition. Từ 1976 đến 77, Shambala in lại sách bốn lần. Quality Book in lại một lần năm 1977. Bantam từ 1977 đến 1984 in lại tất cả chín lần.

Fritjof Capra viết rằng khoảng năm 1970, một hôm ông ngồi ngoài bãi biển đã chứng kiến thấy vũ trụ chuyển hóa trong ông và quanh mình ông, như một vũ điệu vũ trụ. Ông thấy cát, đá, nước và không khí là những phân tử, nguyên tử rung động, va chạm lẫn nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, tiêu diệt lẫn nhau. Ngoài ra còn thấy những luồng vũ trụ tuyến thường xuyên phả qua làn không khí, gây nên những va chạm, những sự hủy diệt lẫn nhau. Trước đây, ông chỉ biết chuyện này trên lý thuyết, trên toán học. Bây giờ ông mới thấy thế giới quanh ông và trong thân thể ông nhảy nhót theo nhịp điệu vũ trụ. Ông cảm động đến rơi lệ và ghi chép lại trên giấy những cảm giác mà ông có được. (1)

Ông không những là một khoa học gia mà còn mê say triết học và huyền học Á Châu. Ông càng ngày càng nhìn thấy rõ sự tương đồng giữa những cái nhìn của các nhà huyền học Bà La Môn, Phật giáo, Kinh Dịch và Lão giáo với những khám phá mới nhất của khoa Vật Lý Lượng tử (Quantum Physics) hiện đại.

Ông chủ trương vạn vật trong vũ trụ này đồng thể và hỗ tương ảnh hưởng lẫn nhau (The unity of all things and mutual interrelation of all things). Bản thể rốt ráo ấy của Vũ trụ, Bà la Môn gọi là Brahman, Phật giáo gọi là Dharmakaya, Tathata hay Suchness (Pháp thân, Chân Như), Lão giáo gọi là Đạo. Khoa học hiện đại cũng chủ trương y thức như vậy.(2)

Ông đã dành cả một chương *The Unity of all things* để bàn về Vạn vật nhất thể. Ông nhận định đại khái rằng trong đời sống bình thường, con người không biết rằng vạn vật là nhất thể mà cho rằng vũ trụ này có nhiều sự vật khác nhau, có nhiều chuyện khác nhau. Sự phân biệt này tuy cần cho đời sống hằng ngày, nhưng không đúng với thực tại. Sự phân tách này là do sự biện phân sắp xếp của khối óc chúng ta mà thôi. Tưởng rằng vũ trụ này sai biệt lẫn nhau, và có nhiều biến cố khác nhau là chuyện huyễn vọng (illusion, maya). Đạo Bà La Môn và đạo Phật cho rằng huyễn vọng đó sinh ra là do Vô minh (Avidya) hay là sự dốt nát (ignorance) của ta. Khi con người biết định tĩnh (Samadhi), sẽ tìm thấy sự nhất quán của vũ trụ.

Sự nhất quán của vũ trụ là đặc điểm của các nhà huyền học, và cũng là sự mặc khải của khoa vật lý học hiện đại. Càng đi sâu vào lòng nguyên tử, vào đáy lòng vật chất, ta càng thấy điều đó hiện ra. Càng sánh Khoa học hiện đại với triết học Á Đông ta càng thấy vạn vật là

nhất thể, và vũ trụ này có liên quan mật thiết với nhau . (3)

Ông trình bày vấn đề trên rất khéo léo. Trước tiên ông trình bày cái nhìn của khoa học hiện đại. Sau đó ông trình bày cái nhìn tương tự của Bà La Môn, của Phật Giáo, của Trung Hoa, của Kinh Dịch, của Lão Giáo, của Zen. Tiếp đến, ông cho thấy những điểm tương đồng về Nhất thể, về Siêu xuất âm Dương, về Không gian Thời gian, về Vũ trụ sinh động, về Sắc Không, về Vũ điệu vũ trụ v.v...Đại khái ông cho rằng vũ trụ này là nhất thể. Chỉ nhìn thấy mâu thuẫn là cái nhìn phiến diện. Không gian và thời gian là một, không thể tách rời nhau. Vũ trụ này *biến thiên, chuyển động* chứ không phải ù lì, chết chóc, rời rạc. Sắc, Không là một; và tất cả chúng ta đều đang nhảy múa trong một vũ điệu có lớp lang tiết tấu của vũ trụ.

Ông đi đến một cái nhìn chung như vậy dĩ nhiên vì ông vừa là một nhà huyền học (Mystic) vừa là một nhà khoa học. Khi ông trình bày vấn đề theo khoa học, thì có nhiều điểm ta có thể không bắt kịp. Nhưng khi ông trình bày vấn đề theo huyền học và đạo giáo thì ta thấy rất là sáng tỏ.

Trước hết, ông nhận định rằng có hai cách hiểu biết: Một là hiểu biết bằng trực giác (Intuitive consciousness), hai là hiểu biết bằng lý trí (Rational consciousness). Upanishads cũng có hai loại hiểu biết : Hiểu biết cao (Higher knowledge) và hiểu biết thấp (lower knowledge). Hiểu biết cao là hiểu biết về đạo giáo; hiểu biết thấp là hiểu biết về khoa học. Phật giáo cũng có hai loại hiểu biết: Tuyệt đối và tương đối (absolute and relative knowledge). Theo ông, thì đạo Lão và triết học Trung Hoa gọi Hiểu biết bằng trực giác là Hiểu biết Dương, còn hiểu biết bằng lý trí thì gọi là Hiểu biết Âm.

Hiểu biết bằng lý trí là nhận định về đời sống thực tại với những sự việc xảy ra trong kinh nghiệm và môi trường quanh ta. Lúc này ta dùng trí khôn để phân tích, đo lường, so sánh, phân loại. Vì hiểu biết bằng lý trí bao giờ cũng cần đo lường, phân loại và sắp xếp nên dĩ nhiên là sự hiểu biết này rất bị giới hạn, như Heisenberg đã nói: Một từ ngữ nào, một khái niệm nào, cho dù là trong sáng đến đâu cũng chỉ có tầm ứng dụng rất hạn chế.(4)

Cho nên đạo gia Á Châu dạy ta đừng nên cho những khái niệm đó là thực tại. Tuy ngón tay cần để chỉ trăng, nhưng ngón tay không phải là trăng. Lờ để bắt cá, bẫy để săn thỏ, nhưng khi đã bắt được cá, được thỏ rồi thì phải quên lờ, bẫy đi.

Á Châu dạy ta đi tìm Chân lý rốt ráo siêu xuất trên lý trí, trên ngũ quan, như Upanishads đã nói: Cái gì vô thanh, vô hình, hằng cửu, vô xú, vô vị, vô thủy vô chung, cao hơn mọi sự, bền vững nhất, ai mà tìm thấy nó sẽ trở nên bất tử.(5)

Tại sao, chỉ là một con người, mà sao lại lắm loại chân lý như vậy? Theo tôi vì Aẹu châu đã có cái nhìn sai lạc về con người. Không thể nói được rằng con người chỉ có xác, có hồn mà phải nói con người có đủ Tam Tài, Thiên, nhân, địa trong mình nghĩa là có Thần, Khí, Tinh. Thiên hay Thần ở trong cùng, giữa là Nhân hay Khí, ngoài cùng là Tinh hay Vật.

Vì có *Thần* nên con người mới có *Tuệ giác*, có *trí Bát Nhã* (Intuition), mới có được sự hiểu biết cao siêu, mới có thể trở thành thần thánh (Intuitive Knowledge). Vì có *Hồn* nên con người mới thích dùng *Trí Khôn, Trí Lự* (Intellect) mà đi tìm về khoa học, triết học. (Rational knowledge) Vì có *Xác* nên con người mới biết dùng *ngũ quan* (Sensory perception) mà tìm hiểu. Tuy nhiên rất ít người có được tuệ giác, được trí Bát nhã, nên đành dấm mắt tin theo người đi trước.

Ravi Ravindra, tác giả quyển Science and Spirit cho rằng xưa Hi Lạp, Ấn Độ và Công giáo đều tin rằng con người có ba phần là Thần. Hồn, Xác. Thánh Paul đã dùng ba chữ Thần, Hồn, Xác trong 1 Thessalonians, 5, 23.

Thần là Đại Ngã trong ta, Hồn là Tiểu Ngã trong ta. Tiểu ngã phải nhường bước cho Đại Ngã, cho Thần như Đạo Lão đã nói Tâm tử Thần hoạt.

Cho nên Hồn mới là cái mà ta cần phải lưu tâm uốn nắn rũa mài. Chúa Jesus nhiều lần cũng dạy phải diệt trừ Tiểu Ngã (Mat, 10, 39, Mc 8, 34-35; Luc 17, 33; 14, 36; Jn 12, 25). Bao nhiêu câu Kinh thánh này dạy Diệt trừ Tiểu Ngã, mà chữ Tiểu Ngã hay Hồn Kinh Thánh Vulgate viết đúng là Anima hay Hồn, nhưng các bản dịch xưa nay đều dịch Âme hay Anima ở các đoạn này là Sự sống. Thành thử câu văn trở nên vô nghĩa. Giáo chủ Mohammed cũng dạy phải chế ngự Tiểu Ngã, hay Hồn mình. ông nói : Chinh phục ngoại cảnh không khó, chinh phục hồn mình mới là khó.(6)

Ravi Ravindra cho rằng Descartes là người đã coi Hồn và Thần là một, Và gọi Hồn và Thần đều là Mind. (Science and Spirit, Editor

and Principal Author Ravi Ravindra, Paragon House, New York, 1991, p. 338-339). Thế là con người thay vì có ba phần đã bị Giáo Hội Công Giáo (Công đồng Latran IV (1215) Vatican I (1869-1870), và Descartes (1546-1650) rút xuống còn có hai phần. Do đó mà những nhận định về con người trở nên sai chệch (7).

Capra mời chúng ta đi vào khoa học vật lý cổ điển của Newton, của Laplace (Classical Physics); vào vật lý học hiện đại (Modern physics) với những thay đổi nhãn quan qua các thế hệ để đi từ Vật lý Nguyên tử (Atomic Physics) đến Vật lý Lượng tử (Quantic physics) với cái nhìn hiện đại về vũ trụ.

Thiết tưởng chúng ta cũng nên có một vài khái niệm về vấn đề trên. Trước hết Capra cho rằng vào khoảng thế kỷ VI trước C.N., Hi Lạp đã có Vật lý và hiểu Vật lý là sự tìm hiểu về bản thể sự vật (8). Thủa ấy, có trường phái Milesian (Milesian School). Họ coi vạn vật đều sống động. Họ chưa phân biệt tinh thần và vật chất. Thales coi vạn vật đầy thần minh. Anaximander coi vũ trụ như một cơ thể có linh khí (pneuma) chuyển hóa bên trong.

Sau đó Heraclitus (thế kỷ V) chủ trương vạn vật biến hóa vô cùng, biến hóa do cặp ngẫu lực tương đối. Tương đối nhưng vẫn hòa hợp. Và Logos xiêu xuất trên sự đối chọi đó. Chủ trương của Heraclite cũng giống Thái Cực và Âm Dương trong kinh Dịch.

Tiếp đó là Trường phái Eleatic cho rằng có vị thần linh đứng đầu vạn vật. Trưởng môn là Parmenides và học trò ông là Zeno. Parmenides cho rằng vũ trụ này không có biến thiên.

Rồi đến những người chủ xướng ra thuyết Nguyên tử: đó là Leucippus và Democritus (thế kỷ V). Họ coi thế giới này rốt ráo gồm những cục gạch đầu tiên (basic building block). Đó là những phần tử chết, di chuyển trong chân không (They were purely passive and intrinsically dead particles moving in the void). Sức chuyển động chúng sau này được coi là năng lực tinh thần, khác hẳn với vật chất. Và từ đấy Âu châu mới phân biệt rõ về vật chất và tinh thần, xác và hồn. Và các triết gia cho rằng con người phải chú trọng đến đến đời sống siêu linh, đến hồn, đến vấn đề luân lý, hơn là đến vật chất.

Từ đó với ảnh hưởng của Aristotle và của Giáo hội La Mã, con người không tiến được

TÌM ĐỌC

DỊCH KINH ĐẠI TOÀN

(Trọn bộ ba cuốn, dày 1500 trang)

Tác giả NGUYỄN VĂN THỌ và HUYỀN LINH YẾN LÊ

* Bộ Kinh Dịch đầy đủ, dễ hiểu nhất từ xưa tới nay.

* Có ích cho mọi lứa tuổi, mọi gia đình, sách gồm hai phần:

1. **Hình Nhi Thượng** (tập I), đối chiếu với đạo Phật, đạo Lão, đạo Khổng, giúp ta tiến tới Chân, Thiện, Mỹ.

2. **Hình Nhi Hạ** (tập II và tập III), giải thích và bình giảng các Quẻ, đặc biệt có phần **Áp dụng cho thời đại**, giúp ta giải quyết những khó khăn trong đời sống hàng ngày.

* Một **bộ sách Giáo dục** đầy nhân bản, các tủ sách gia đình không thể thiếu.

* Một **món quà quý** để tặng bạn bè, người thân, đặc biệt các dịp Đám cưới, Sinh nhật...

Giá toàn bộ ba cuốn (kể cả cước phí): Tại Hoa Kỳ 75 Mỹ Kim, các nơi khác 85 MK.

Đặt mua tại:

• Báo *Thế Kỷ 21*
11022 Acacia Parkway, # A,
Garden Grove, CA 92840, USA.
Tel: (714) 638-9510.

• *Nguyễn Quốc Bình*
9702/89 Bolsa Ave.
Wesminster, CA 92683, USA.
Tel: (714) 531-6531

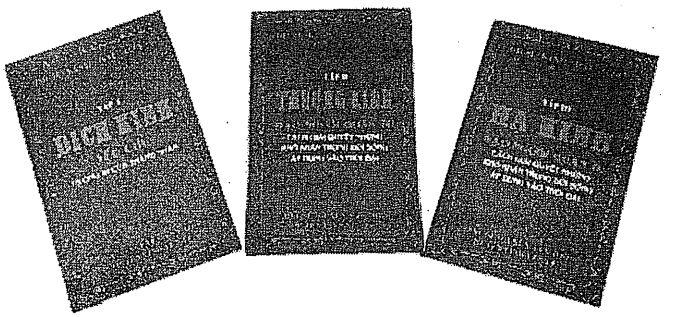

nữa trong vòng 2000 năm từ thế kỷ V trước Công Nguyên đến thời kỳ Phục hưng hay Phục Sinh ở âu Châu (thế kỷ 14-thế kỷ 15). Mãi đến khoảng giữa thế kỷ XV, âu Châu mới bắt đầu đi vào con đường khoa học, mới biết quan sát, thí nghiệm, mới biết dùng toán học hỗ trợ cho khoa học. Galileo (1564-1624) được coi là cha đẻ của nền khoa học hiện đại.

Song song với sự khai sinh của Khoa học và tiếp theo đó là sự phân tách đến triệt để giữa tinh thần và vật chất. Sự tách biệt giữa tinh thần và vật chất xảy ra vào khoảng thế kỷ XVII do ảnh hưởng Descartes. Descartes gọi Tinh thần là *cái suy tư* (Res Cogitans) và vật chất là *cái trải rộng ra* (Res Extensa). Vật chất là cái gì không sống động, và theo Descartes thì thế giới này là những bộ phận của một máy móc khổng lồ. Isaac Newton (1642-1727) cũng xây dựng Vật lý trên quan điểm này. Từ giữa thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX, quan niệm của Newton coi vũ trụ này như một máy móc lớn, hoàn toàn thống trị âu Châu. Âu Châu coi Thượng đế như vị vua ngồi trên cao, chỉ huy thế giới này bằng những định luật vĩnh cửu. Các định luật mà các nhà bác học đi tìm chính là những định luật vĩnh cửu đó, mà thế giới này phải tuân theo.

Triết học Descartes cho đến nay vẫn còn có một tầm ảnh hưởng lớn đến đời sống hằng ngày. *Cogito ergo sum, Tôi suy tư nên có tôi.* Câu này đã khiến người Âu Châu trở thành những Ngã riêng rẽ nằm trong thân xác. Như vậy tâm thần đã hoàn toàn tách rời khỏi thân xác, và trí thức (the Conscious will) đối nghịch với bản năng (Involuntary instincts). Rồi mỗi con người lại còn được chia ra thành nhiều ngăn lớp khác tùy theo tài năng, ý thức, tâm tư , tín ngưỡng mình v.v...và gây ra không biết bao nhiêu là va chạm do những lẫn lộn và thất vọng về siêu hình.

Thế giới bên ngoài cũng được phân thành vô số sự vật. Cái nhìn gẫy vụn này được áp dụng vào xã hội và thế giới được chia thành nhiều nước, nhiều sắc dân, đạo giáo, chính trị. Sự tin tưởng rằng những mảnh vụn đó - trong ta, quanh ta, trong xã hội ta - là có thật, có thể được coi là nguyên nhân gây ra muôn điều bất ổn trong xã hội, trong môi trường và trong xã hội hiện nay. Sự phân tách, chặt cắt này đã làm ta xa rời vạn hữu, xa rời con người. Nó đã đem đến sự phân phát bất công về tài sản, đã gây nên mọi thảm họa chính trị và kinh tế, gây nên những cao trào bạo động, gây nên những ô nhiễm ngoại cảnh và làm cho đời sống tinh thần và thể chất ta thêm bệnh hoạn. Như vậy, sự phân tích và cái thế giới máy móc của Descartes vừa có hại vừa có lợi. Nó lợi cho khoa học cho máy móc nhưng hại cho nền văn minh chúng ta. Cái hay nhất là khoa học thế kỷ 20 này là tuy nó sinh ra từ cái nhìn lưỡng đoạn và từ cái thế giới máy móc của Descartes, đã bỏ được cái nhìn trên và trở về được với quan niệm nhất thể của các Đạo gia Á Châu.

Các Đạo Gia Á Châu coi vũ trụ như là một vật sống động. Và vạn vật vạn sự mà ngũ quan thấy được như là muôn loài muôn sự, thật ra là vẫn liên kết, gắn bó với nhau, liên hệ với nhau và chỉ là những biến hoá của một thực thể duy nhất. (9)

Sở dĩ con người không có cái nhìn như vậy là vì u mê (Avidya) mà thôi.Mã Minh đại sĩ nói: " Khi tâm loạn sẽ thấy vũ trụ là vạn hữu; nhưng khi tâm mà tịnh thì sẽ không còn thấy thế nữa." (10)

Sự chuyển động biến hóa là đặc điểm cố hữu của sự vật, nên cái sức chuyển hóa đó không thể ở ngoài các vật mà thật đã ở trong lòng mọi vật. Chính vì vậy mà các Đạo Gia Á Châu, khác với các triết gia Hi Lạp, đã chủ trương rằng Thượng đế không phải giám sát hồng trần từ trên trời cao mà thực ra đã ở ngay trong lòng con người. Upanishads chủ trương: Đấng ngự trong vạn hữu, nhưng không phải là vạn hữu . Tuy vạn hữu là xác thân Ngài nhưng vạn hữu không hề hay biết. Đấng đó chỉ huy muôn loài từ bên trong. Ngài là Hồn bạn, Đấng bất tử, đấng chỉ huy từ bên trong. (11)

Frifjop Capra chứng minh rằng cái nhìn của các Đạo Gia và khoa học gia hiện đại về vũ trụ là một. Cả hai đều chủ trương vũ trụ này là nhất thể và hỗ tương ảnh hưởng đến nhau. Càng đi sâu vào lòng vũ trụ, khoa học càng thấy vũ trụ là nhất thể hỗ tương ảnh hưởng đến nhau, và người quan sát cũng không thoát ra ngoài hệ thống đó được.

Chúng ta hãy cùng Fritjop Capra đi sâu vào khoa học hơn, Ta sẽ sánh vật lý cổ điển của Newton với Vật lý hiện đại.

Vật lý học Newton

Trước khi vật lý học hiện đại ra đời, thì có Vật lý học Newton. Vật lý Newton là vật lý ba chiều. Newton chấp nhận không gian là tuyệt đối, thời gian là tuyệt đối, và vận chuyển từ quá khứ, đến hiện tại, đến tương lai. Trong

không gian và thời gian tuyệt đối đó có những phân tử vật chất chuyển vận. Vật chất được coi như là những khối nhỏ (mass points), rắn chắc, bền vững, không thể phá tán. Như vậy quan điểm Newton về Nguyên tử cũng giống Hi Lạp. Cả hai cũng đều phân biệt cái Có và cái Không (the Full and the Void), vật chất và không gian. Vật chất có hình thù cố định. Vật chất bao giờ cũng thụ động. Newton khác với Democritus ở chỗ là Newton tin rằng giữa các phân tử có một năng lực hoạt động trên nó, mà nay ta gọi là sức hấp dẫn. Và Thượng đế đã làm cho thế giới này chuyển động, như một cái máy khổng lồ được chi phối bằng những định luật bất biến. Vật lý Newton dựa trên sự vận chuyển của các hành tinh. ông cũng như Laplace (1749-1827), tin rằng mọi sự là tất định, và có thể dùng toán học mà tính ra được hết.

Tuy nhiên cái nhìn của Newton đã bị xụp đổ từ khi Michael Faraday (1791-1867) và Clerk Maxwell (1831-1879) tìm ra được Từ Điện Học (Electromagnetism) và Từ trường. Newton chỉ biết có Sức (force) chứ không biết gì là Trường (field). Thế là Vật Lý Newton đã bị Điện từ học (Electromagnetism) vượt qua mặt. Tiếp theo là nhân loại biết thêm về Điện động học (Electrodynamics), và người ta khám phá ra rằng ánh sáng cũng có từ trường, từ điện và vượt không gian bằng những Làn sóng. Rồi người ta thấy rằng Truyền thanh, Radar, Ánh Sáng, Tia Quang tuyến X, tia Gamma, Vũ trụ tuyến đều là những làn sóng. Điều mà Newton không hề biết tới.

Thế là cho đến đầu thế kỷ XX, người ta có hai lối giải thích vũ trụ: Một là lối giải thích theo Newton, hai là lối giải thích theo Điện động lực học (Electrodynamics).

Khoa học hiện đại

Ba chục năm đầu thế kỷ XX, đã hoàn toàn thay đổi cái nhìn của Vật lý. Người ta tìm ra được Thuyết tương đối, và Vật lý nguyên tử. Hai sự kiện này đã phá tan nhãn quan của Newton. Ngày nay không còn không gian và thời gian tuyệt đối nữa, không còn có những hạt nguyên tử riêng rẽ nữa, không còn nói được rằng vật chất hữu hình được khiên dẫn bằng những nguyên nhân cố định, không còn nói được rằng có thể biết thế giới một cách khách quan. Vật lý học mới không chấp nhận cái nhìn trên nữa.

Người có công xây dựng Vật lý học mới là Albert Einstein (1879-1955). Einstein đưa ra thuyết Tương đối (Theory of Relativity), và đóng góp vào thuyết lượng tử (Quantum Theory). Năm 1905, Einstein đưa ra thuyết Tương đối hẹp (Special theory of Relativity) hợp nhất khoa Cơ Học (Mechanics), và khoa Điện động lực học (Electrodynamics). Ông cũng còn gắn liền thời gian với không gian, coi thời gian là chiều kích thứ tư của vũ trụ. Einstein cho rằng vạn sự tùy theo sự đo lường của mỗi người trở nên khác nhau. Einstein còn cho rằng vật chất là năng lực, theo phương trình E=mc2. Năm 1915 ông đưa ra thuyết Tương đối rộng (General Theory of Relativity), và chủ trương sức hấp dẫn có thể làm cong không gian và thời gian. Như vậy từ nay không còn không gian và thời gian tuyệt đối của Newton nữa. Từ nay cũng không còn không gian trống rỗng nữa (Empty space).

Rồi người ta tìm ra được quang tuyến X, tìm ra được các chất phóng xạ (Radiooactive substance) và thấy rằng nguyên tử có thể biến hình, và vật chất có thể thay hình đổi dạng được. Người ta thấy Nguyên tử còn sinh ra được các tia Alpha, Beta, Gamma. Ernest Rutherford (1871-1927) đã dùng tia Alpha để bắn phá trong lòng sâu nguyên tử. Sau đó lại khám phá thêm rằng nguyên tử được sắp xếp như những hành tinh, và người ta tìm ra được các định luật về hóa học dựa trên vật lý nguyên tử.

Năm 1920 nhiều khoa học gia góp sức để tìm ra các định luật đó như Niels Bohr người Đan Mạch, Louis de Broglie người Pháp, Erwin Schrodinger và Wolfgang người Áo, Paul Dirac người Anh, Werner Heisenberg người Đức. Các nhà khoa học trên thấy càng đi vào lòng vật chất, vạn vật càng khó hiểu và mâu thuẫn. Tại sao ánh sáng lại vừa là phân tử vừa là ba động. Max Planck (1858-1947) nhận ra rằng sức nóng chẳng hạn không phả ra đồng đều nhưng từng đợt, mà ông gọi là những túi Năng lực (Energy packets). Einstein gọi túi năng lực đó là quantum. Einstein còn cho rằng không cứ gì là ánh sáng mà tất cả điện từ cũng đều phả năng lực ra như vậy. Thế là chúng ta bắt đầu đi vào Vật Lý Lượng tử (Quantum Physics). Chúng ta không biết chắc bao giờ Ánh Sáng là phân tử và khi nào nó là ba động, chỉ đoán chừng được mà thôi. Đó là Nguyên lý bất định của Heisenberg. (12)

Vật lý lượng tử như vậy đã phá tan nhãn quan của Newton, và không còn có những vật

cứng cố định, những định luật tất định nữa. Đi vào lòng vũ trụ, lòng vật chất, nay chỉ còn thấy những ba động, sự vật tương liên tương ứng lẫn nhau mà thôi. Thuyết lượng tử cho ta thấy bản chất vũ trụ là một, và không còn có những nguyên tử cố định, những viên gạch căn bản xây nên vũ trụ. Xưa người ta tưởng Nguyên tử là nhỏ nhất. Té ra không phải vậy. Nguyên tử còn có Proton, Positron, Electron. Meson, Baryon v. v... Năm 1935, người ta tưởng Nguyên tử chỉ có sáu tiểu nguyên tử, đến năm 1955 người ta tìm ra được 15 tiểu nguyên tử, nay ta đã tìm ra được hơn 200 rồi.

Như vậy trong Vật lý hiện đại, vũ trụ này được coi là cái gì linh động, là cái gì toàn khối, toàn bích, và người quan sát không tách mình ra ngoài nó được. Từ nay không còn không gian, thời gian riêng rẽ, không còn sự vật riêng rẽ. Cái nhìn trên rất giống cái nhìn của các Đạo gia Á Châu. Sau khi chứng minh đại loại như vậy rồi, ta đã thấy Capra đi vào chi tiết để chứng minh.

Vật lý học Newton nhìn thấy Vạn, và đã đi từ Nhất đến Vạn, Còn Vật lý Lượng tử nhìn thấy Nhất, và đã đi từ Vạn về Nhất. Nhìn thấy Vạn thời ai cũng làm được, nhưng nhìn thấy Nhất xưa nay thực không mấy ai. Về phía Đạo Giáo chỉ có một số Đạo Gia thượng thặng mới nhìn thấy Nhất. Về phía Khoa Học gia, ta thấy phải có nhiều người hợp lại mới tìm ra được Nhất. Ta thấy chỉ có một số khoa học gia thượng thặng như Einstein, Max Plank, Werner Heisenberg, Schrodinger, Rutherford, Niels Bohr, Louis De Broglie, Eugene Wigner, Fritjof Capra v.v... mới làm nổi chuyện này. Werner Heisenberg khi quyết tâm từ giã Vật Lý Newton để đi tìm con đường vào khoa Vật lý lượng tử đã ví mình như Kha Luân Bố đi tìm Tân Thế Giới. Ông viết đại khái rằng: Cái hay của Kha Luân Bố chính là vì đã dám rời bỏ vùng mình đã biết, và dương buồm tiến về phía Tây, vượt xa điểm mà lương thực đã dự trữ để đủ trở về. Đối với với Khoa học cũng vậy, nếu muốn tìm ra đất mới, thì không thể nào cứ mãi ở yên trong bến bờ của những học thuyết sẵn có mà phải chịu liều vọt bước ra đi.

Tôi thấy Capra hợp nhất được khoa học và đạo học, công lao đó không phải là nhỏ. Nó có thể giúp cho nhiều học giả tới nay chưa có lập trường sẽ hồi tâm chuyển hướng.

Vạn vật là một đã được Eckhart xác định. Eckhart viết: Mọi cái mà con người thấy như là Vạn thù bên ngoài, thật ra chỉ là một. Ở đây, cọng cỏ, gỗ, đá mọi sự đều là một. Đó là cái gì thâm sâu nhất. (13)

Thảo nào mà Dịch Kinh từ mấy nghìn năm nay đã nói Âm Dương tương thôi nhi sinh biến hóa. Và Âm Dương luôn biến từ cái này sang cái kia, không có gì là cố định: rốt ráo chỉ còn có Hư Vô, Không Tịch. Niels Bohr đã nhận Hình Thái cực làm phù hiệu của ông, và công nhận rằng *Contraria sunt complementaria* (Opposites are complementary), tức là không có gì là mâu thuẫn nhau cả.

Tuy khoa học đã tìm ra được rằng vạn vật là nhất thể, như không biết được rằng nhất thể đó là gì. Ngược lại các đạo gia đã thấy rằng nhất thể đó là Thực tại tối hậu (Ultimate Reality). Người thì gọi đó là Brahman, là Chân Như, là Pháp Thân, và Đạo, là Trời. Eckhart gọi đó là Thần của Hồn (The Spirit of the Soul); Hugh of St. Victor gọi là Mũi nhọn tâm hồn (Acumen mentis), Thánh Teresa of Avila gọi đó là Tâm Điểm linh hồn (Center of the Soul); thánh Jerome gọi đó là Tàn lửa linh hồn (Spark of the Soul); Upanishads gọi đó là Atman [Thou art that; it is Atman (Self) which is Brahman.] Ấn độ cũng còn gọi đó là Khí Prana, hay Purusha, hay Atman hay Brahman v.v... Như vậy Prana cũng tương đương với chữ Thần (Spirit, hay Pneuma). Tuy nhiên các đạo gia đều đồng thanh cho rằng cái thực tại tối hậu ấy hay con người tối hậu ấy, ta phải tìm cho ra ngay trong tâm thần của ta, bằng Thiền

TÔN NỮ HỶ KHƯƠNG

MỘT CHÚT TINH KHÔI

"Chỉ còn một chút tinh khôi
"Hẳn nghìn thuở trước có tôi bên Người."
Bên Người như đã có Tôi
Bên tôi như đã có người ngàn năm.

TIỄN ĐƯA

Cố nén, lòng càng thấy quặn đau
Cố vui, tâm bỗng chợt dâng sầu
Cố quên, thêm gợi niềm thương nhớ
Cố níu, thời gian cứ bước mau.

định, bằng Yoga hay bằng Kundalini. Phương tiện không quan trọng. Điều quan trọng là cái hiểu biết rốt ráo của mình. (14)

Ta phải biết chúng ta ai cũng có hai phần: Một phần hằng cửu, bất biến. Đó là Bản thể chúng ta (Noumenon, Essence). Một phần là biến thiên, vô thường, vô định. Đó là tất cả những hiện tượng biến thiên trong ta (Phenomenon, Accidents). Bản thể vĩnh cửu là Niết bàn. Ảo hóa biến thiên là Luân hồi, sinh tử.

Chúng ta phải biết dùng đời chúng ta, dùng mọi khả năng biến hóa cúa chúng ta, để mà thoát khỏi vòng luân hồi ảo ảnh, để mà tìm lại được Chân Nguyên, Chân thể của Chúng ta, đó là Đạo, là Trời. Ta có thể gọi đó là Phối thiên (Mystical Union with God), là đạt đạo Yoga (Finding Yoga), là đắc Đạo (Finding the Tao), hay Giác Ngộ (Enlightenment, hay Self-Realisation). Trong dĩ vãng đã có vô số người lên tới trình độ này. (15)

Mới hay ta sinh ra đời không phải là vô mục đích. Rõ ràng là ta phải biết dùng đời ta để biến thiên, tiến hóa. Chúng ta là những con người Biến Thiên (Becoming) và Tiến Hóa. Gopi Krishna nói: Chúng ta, bạn cũng như tôi, chúng ta phải tiến để thực hiện chân ngã chúng ta, để cho tâm hồn ta nhận ra được và thực hiện được bản thể thần minh của chúng ta... (16)

Ước gì chúng ta kẻ trước người sau đều bước được vào con đường này. Đó là bổn phận của mỗi người chúng ta. Không làm được nó kiếp này, sẽ làm trong các kiếp sau. Tôi nhớ lời Kinh Upanishads:

Từ ảo ảnh xin đưa tôi về thực tại,
Từ tối tăm xin đưa tôi về ánh sáng,
Từ tử vong, xin đưa tôi về bất tử (17).

Chú thích

1.- Fritjof Capra, The Tao of Physics, Bantam Books, 1984, Preface to the first edition, p. XIX.

2.- The basic oneness of the universe is not only the central characteristic of the mystical experience, but also one of the most important revelations of modern physics. It becomes apparent at the atomic level and manifests itself more and more as one penetrates deeper into matter, down to the realm of subatomic particles... (The Tao of the Physics, p. 117).

3.- The unity of all things and events will be a recurring theme throughout our comparison of modern physics and Eastern philosophy. (The Tao of Physics, p. 117-118).

4.- Every word or concept, clear as it may seem to be, has only a limited range of applicability. (The Tao of Physics, p. 15).

5.- What is soundless, touchless, formless, imperishable, Likewise tasteless, constant, odorless, Without beginning, without end, higher than the great, stable - By discerning That, one is liberated from the mouth of death. (Katha Upa. 3, 15. The Tao of Physics, p. 76).

6.- The little holy war is a war against the infidels, buy the great holy war is the war against one's own soul. (Ravi Ravindra, Science and Spirit, Paragon House, New York, 1991, p. 338).

7.- Ib. p.339.

8.- The endeavor of seeing the essential nature of all things. (The Tao of Physics p.6).

9.- For the Eastern mystics, all things and events perceived by the senses are interrelated, connected, and are but different aspects of the same ultimate reality. (Fritjof Capra, The Tao of the Physics Bantam Books, 1984, p. 10).

10.- When the mind is disturbed, the multiplicity of things is produced, but when the mind is quieted, the multiplicity of things disappears. (Ib. page 10).

11.- He who, dwelling in all things,

Yet is other than all things,
Whom all things do not know,
Whose body all things are,
Who controls all things from within -
He is your Soul, the Inner Controller,
The Immortal.
Brihad-aranyaka Upanishad, 3,7.15.

12.- Principle of uncertainty : It means that, in the subatomic world, we can never know both the position and momentum of a particle with great accuracy. (Fritjof Capra, The Tao of the Physics, Bantam books, 1988, p, 143).

13.- All that man has here externally in multiplicity is insitrically One. Here all blade of grass, wood and stone, all things, are One. This is the deepest depth... (Ravi Ravindra, Science and Spirit, Paragon House, New York, 1991, p.195).

14.- Science and Spirit, Ravi Ranindra, Paragon House, New York, 1991, p.375 & p.358.

15.- The Meeting of Science and Spirit, John White, Paragon House, New York, 1990, p.67.

16.- This, I believe, is the purpose for which you and I here - to realize ourselves... to bring the soul to a clear realisation of its own divine nature. (The Meeting of Science and Spirit, John White, Paragon House, New York, 1990, p.126).

17.- From the unreal lead me to the real,
From the darkness lead me to light,
From dead lead me to immortality.
(Brihad-aranyaka-Upanishad)

LÔ SƠN YÊN TỎA

TRẦN DOÃN NHO

Trong nỗi tuyệt vọng cùng cực của một người đứng về phía bại trận vào tháng 4-1975, tự dưng tôi cảm thấy vui với một ý tưởng mới: Thế là mình sẽ có dịp về thăm Hà Nội. Tôi không hình dung được cái sự "về thăm" đó nó sẽ như thế nào, khi đang đứng giữa Sài Gòn, một Sài Gòn vốn là "của tôi," bây giờ đổi chủ, trở thành một Sài Gòn của "người khác."

Hà Nội. Đó đơn thuần chỉ là một tên gọi. Nhưng trong suốt một thời gian dài, đó là một hoài vọng, một ước mơ, một ám ảnh không nguôi. Tôi còn nhớ. Hà Nội đến với tôi qua một điệu hát buồn thời thơ ấu: *"Buồn nhìn về xa xôi, Hà Nội ơi đã xa cách rồi. Mịt mù nghìn trùng khơi, thành phố cũ lắng sau núi đồi..."* Những người di cư đã bỏ Hà Nội, Hà Nội đã mất. Tưởng chừng như Hà Nội đã bốc thành khói bay vào hư vô. "Còn" và "mất," thực ra chỉ là một nỗi niềm, một ảo vọng. Đó là suy nghĩ về sau. Còn lúc đó, chưa hề đặt chân tới Hà Nội, tôi cũng có cảm giác như "Hà Nội của tôi" đã mất, mất hẳn rồi. Hà Nội đã vào tay "người khác." Như thế là tôi mãi mãi không bao giờ đến được Hà Nội. Cả một thế hệ chúng tôi ở miền Nam chỉ muốn nói về Hà Nội của ngày nào. Y như thể chỉ có cái Hà Nội đó mới đích thực là Hà Nội. Không phải Hà Nội của Thành Đại La, của Thăng Long, của cung miếu triều xưa, của Hà Hồi, Ngọc Hồi, Đống Đa... Hà Nội kiểu ấy lớn lao quá, xa xưa quá, lịch sử quá. Hà Nội của tôi bé nhỏ hơn, thân thương và mộng ảo hơn.

Đó là Hà Nội của trời trở rét, của một ngọn gió, một bước chân, một buổi hẹn hò. Hà Nội dịu dàng, êm ả. Hà Nội của nắng Thu, mưa Xuân, của sương mù lãng đãng. Hà Nội của những mối tình dịu dàng đằm thắm. Hà Nội của những bài thơ tình bất hủ. Hà Nội của những chuyến tàu. Hà Nội của những anh sinh viên trường thuốc, anh học trò trường Bưởi, trường Bảo Hộ. Những cụ Tú, bà Án, thầy Phán, ông Huyện. Những bà mẹ Lê, Xóm Giếng Ngày Xưa, những Lê Phong Phóng Viên, Nắng Trong Vườn, Hà Nội của Lộc và Mai, Loan và Dũng, Nhung và Nghĩa, Phong và Trâm. Hà Nội của những Phong Hóa, Ngày Nay, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Tiểu Thuyết Thứ

Bảy. Hà Nội của Nửa Chừng Xuân, Đoạn Tuyệt, Bướm Trắng. Rồi đê Yên Phụ, Cổ Ngư, Hàng Buồm, Hàng Trống... Hà Nội của những người "tạo ra Hà Nội": Nhất Linh, Khái Hưng, Lưu Trọng Lư, Vũ Trọng Phụng, Thạch Lam... Hà Nội ba mươi sáu phố phường, muôn màu muôn vẻ.

Hà Nội mộng mị đó, Hà Nội thiên đường đã mất đó đeo đẳng tôi ngay cả về sau này, khi tôi chọn một thế đứng, nghĩa là khi mà Hà Nội (với tư cách thủ đô của một chế độ) đối với tôi trở thành "một phía," một phe," "một kẻ thù." Vận mệnh lịch sử đã đẩy con người đến những chọn lựa có tính chất ác liệt, sinh tử, đau xót. Hà Nội của tôi cứ xa dần, xa dần ở một chân trời vô định. Hà Nội sần sùi, gai góc, nhọn và sắc. Hà Nội biến tính. Tôi cảm thấy sợ hãi Hà Nội và thậm chí muốn quên, muốn khước từ, trốn tránh.

*

Qua khỏi trạm thuế Ngọc Hồi, đã 11 giờ đêm. Hà Nội ở đằng trước nhưng Hà Nội đang ngủ. Chỉ có những bóng đen và ánh sáng. Tôi nhoài đầu ra cửa xe để nhìn. Nhà cửa, cây cối, quán xá và người. Không có gì khác lạ. Thật kỳ quặc! Cũng như mọi nơi, không có gì khác lạ ở đây, ở Hà Nội cả. Thế mà tôi cứ tưởng phải khác đi kia chứ! Có lẽ trong tôi, tôi mang một Hà Nội khác chăng?!

Xe tải không vào thành phố được, phải đi vòng để về Hải Phòng. Hai ngày sau, tôi mới thực sự đến được Hà Nội — đến từ Hải Phòng, thành phố đầy hoa phượng đỏ. Năm giờ chiều. Cầu Long Biên đầy cả người và xe cộ. Tôi nôn nao nhảy xuống xe đi bộ qua cầu. Thế là tôi đang đứng ở Hà Nội, đứng giữa Hà Nội. Đến Hà Nội rồi chết! Tôi nhủ thầm như thế. Đến khoảng giữa cầu, tôi tìm một chỗ đứng, dựa vào thành cầu, nhìn quanh. Hà Nội, Hà Nội. Tôi nghe như có tiếng kêu vang vọng từ một nơi sâu thẳm nào đó. Hà Nội, tôi đến thăm Hà Nội mộng tưởng ngày nào, bây giờ đang nằm trước mặt, sau lưng, đang bủa vây tôi trong một nỗi bồi hồi khó tả. Sông Hồng mùa nước cạn. Nước đục. Hai bờ cát dài. Có người đi trên cát. Sông Hồng lặng lẽ, xấu xí. Nhưng đó là sông Hồng. Bỗng dưng, tôi nghe như có tiếng gươm khua, tiếng hò la, tiếng sóng. Người xưa đâu, mấy ai còn nhớ! Những vết bước lịch sử đi qua, lạnh lùng, tàn nhẫn.

Tôi đi vội qua cầu. Bước vòng vòng qua mấy lượt từng cấp, tôi xuống đường, đường Hà Nội. Tôi ghé vào quán nước, uống bát nước chè, mua mấy điếu thuốc chữ A. Người Hà Nội gọi là "A lào," tức là thuốc chữ A do Lào sản xuất, (thực ra là của một công ty ngoại quốc đầu tư ở Lào). Sau đó, tôi bắt đầu đi. Đường phố đầy xe đạp, quán nước chè. Thỉnh thoảng có vài chiếc Honda 67 cũ kỹ mang ra từ miền Nam. Cách nhau đâu khoảng 100 cây số mà Hà Nội và thành phố cảng Hải Phòng khác nhau một trời một vực. Đường phố Hải Phòng giàu có, tân thời. Xe đạp mới choang, loại xe Peugeot của Pháp hay xe Nhật, xe gắn máy đầy đường, toàn xe "cúp" đời mới của Nhật, đủ màu, đủ kiểu. Nếu trên đường phố có một chiếc Honda Dame hay 67, người ta biết ngay từ Hà Nội về. Sau 75, cảng Hải Phòng là cửa khẩu duy nhất được nhập cảng xa xỉ từ các nước tư bản. Bởi thế, dân mánh mun, con ông cháu cha qui tụ về đây buôn bán, ăn chơi.

Tôi đi vào chợ Bến Nứa, lộn trở ra và cứ thế gặp đường là tôi đi. Tôi chẳng quan tâm đường nào là đường nào và chẳng cần phải biết đi tới đâu. Đâu cũng là Hà Nội, đâu cũng là miền đất lạ và là miền đất "mộng tưởng" đối với tôi. Đây là Hà Nội của tôi mà cũng là Hà Nội của "người khác," của Cộng Sản, một Hà Nội biến tính. Các quầy hàng thanh niên, quầy hàng phụ nữ, quầy hàng thiếu nhi, cửa hàng tổng hợp, cửa hàng bách hóa, các trụ sở Uỷ ban... cờ xí, khẩu hiệu. Các ngã ba, ngã tư, ngã năm. Tượng Lê Nin, tượng Hồ Chí Minh. Khẩu hiệu, lãnh tụ và quầy hàng — phải chăng đó là đặc trưng của thành phố xã hội chủ nghĩa? Tôi còn nhớ lần đầu tiên tôi đi ra miền Bắc trong một chuyến đi buôn, tôi ghé thành phố Hà Tĩnh. Cảm giác duy nhất của tôi là: sửng sốt. Đường phố chính vắng hoe, chỉ có dăm ba chiếc xe đạp với năm bảy quầy hàng lạc lõng. Còn lại, đều là khẩu hiệu, tượng và cờ. Có lẽ tôi quá quen với khái niệm về một thành phố tư bản chăng!

Hà Nội khác hơn đôi chút. Vui hơn. Có lẽ vì đông người và vô số xe đạp. Tiếng chuông xe đạp leng keng khắp chốn. Tiếng kèn "bì bọp," bì bọp lạ tai của những người bán kem cây vang vang không dứt. Hà Nội thèm kem, thèm nước đá. Lược bỏ hết những lớp mạ bên ngoài, tôi ghi nhận một Hà Nội: thấp và cũ. Những ngôi nhà mới xây chỉ điểm xuyết thêm cho một thành phố chưa hề muốn mới. Thành phố đang nằm dưới sức đè nặng trĩu của một cơ chế. Gượng gạo, dè dặt và buồn. Tôi đi vào đường phố hẹp. Hàng Hành, Hàng Trống,

Hàng Buồm... Có người Bác tôi ra thăm lại Hà Nội, cho biết, Hà Nội không khác xưa bao nhiêu. Xưa đây là vào khoảng 1940, lúc Bác đang là sinh viên Hà Nội. Hầu hết nhà đều là kiểu nhà cũ, thấp, hẹp, vàng ố, rêu phong. Có nhà đề năm xây dựng là 1929, 1932, 1927. Vỉa hè lổn chổn. Tôi đang đi giữa Hà Nội của thời nào?

Lại bước đi. Cửa hàng, quầy hàng. Nhiều cái tên đọc cũng vui: *"Cửa hàng bán thịt tươi sống phụ nữ," "quầy hàng thanh niên thi đua xây dựng ao cá Bác Hồ"*... Những tấm bảng viết bằng phấn "có phở" (đôi khi "có pở,) "có đá," "đổ đen đá," "rượm" (tức là nhuộm,) "A Lào" (thuốc lá hiệu chữ A,) "bơ quy xốp" (bánh bít quy)... Trong công viên có nhiều người già ngồi. Chắc đó là cán bộ hưu trí. Giữa đường thanh niên nam nữ đạp xe đi hàng ba, hàng tư, hàng năm. Thỉnh thoảng bạn bè gặp nhau, dựng xe đạp ngay giữa lòng đường, trò chuyện. Tôi để ý "mốt" mới của tuổi trẻ Hà Nội: quần bò (tức quần Jean,) áo sơ mi cộc tay, tà ngắn bỏ ra ngoài quần, đầu đội mũ cối Trung Quốc, chân đi dép Lào (tức dép Thái Lan, chỉ có hai quai trước.) Phụ nữ Hà Nội không mặc "đồ bộ" như ở miền Nam. Họ mặc quần tây hoặc quần đen, áo sơ mi. Không hề thấy bóng một chiếc áo dài trên đường phố.

Đến một ngã tư, tôi chợt có ý nghĩ: thử tìm xem đặc điểm nổi bật nhất của Hà Nội hiện giờ là gì? Tôi tưởng tượng mình đang từ trên trời rơi xuống. Tôi cố gắng loại khỏi đầu óc những thành kiến, suy nghĩ, xúc động, ấn tượng. Tôi nhìn và nhìn. Nhưng cuối cùng đành chịu. Cái gì cũng có thể là riêng của Hà Nội mà cũng có thể là không riêng của Hà Nội: nhiều nón cối, nhiều xe đạp, nhiều ngã tư, nhiều dép Lào, nhiều công viên, nhiều khẩu hiệu, nhiều tượng... Tôi bật cười với ý nghĩ của mình. Tất nhiên là Hà Nội phải khác Sài Gòn, khác Huế. Nhưng khác cái gì? Chắc không phải là ở cái nhà, công viên, tượng đá. Paris gắn với tháp Eiffel, Moscow gắn với điện Kremlin, Sài Gòn gắn với chợ Bến Thành, Huế với cửa Ngọ Môn, Hà Nội với chùa Một Cột. Đó là các tượng trưng, một cách chỉ danh, một qui ước. Để biết một thành phố phải đi vào những ngóc ngách của nó, những con hẻm, những lối đi tắt, những ẩn dấu. Và tất nhiên, phải sống với nó, cay đắng ngọt bùi. Tôi đang đứng ở một ngã tư Hà Nội, lạ lẫm, bồi hồi. Tôi đang là một người khách, một kẻ đi tìm.

Tôi leo lên tàu điện. Một nét Hà Nội: chiếc tàu điện. Tàu chạy chậm. Các toa thoáng mát, rộng rãi. Tàu qua các phố, đi dưới những hàng cây. Hà Nội nhiều biệt thự kiểu Pháp. Nắng quái buổi chiều xuyên qua vòm lá, đọng lại trên những mái ngói cổ kính, những bức tường rêu, vương trên nó những người Hà Nội đi bách bộ, lửng thửng, trầm ngâm. Có những đoạn đường luôn luôn nằm dưới bóng của cây lá, lặng lờ, yên ả. Ở Sài Gòn, người ta chạy. Ở Hà Nội, người ta bước, thậm chí dừng lại.

Đến ga Hàng Cỏ, tôi xuống tàu điện. Hà Nội lên đèn. Đột nhiên, trời đổ mưa, cơn mưa giông. Tôi đội mưa đi theo đường ray tàu điện. Cả người tôi thấm mát nước mưa Hà Nội. Một người điên ở trần chạy dưới mưa ca hát. Tôi tự hỏi: một người Hà Nội thì điên như thế nào nhỉ? Tôi tạt vào lề đường cố tránh mưa, nhưng lề đường hẹp, nhà hai bên đường không có mái nhô ra ngoài, nên vẫn ướt. Đến chỗ có chiếc dù che mưa khá lớn, tôi tạt vào. Hóa ra là một sạp bán sách báo lẻ. Văn Nghệ, Nhân Dân, Hà Nội Mới, Phụ Nữ Hà Nội, truyện Nhi Đồng, Kỹ Thuật Sửa Đài Bán Dẫn, thơ Tố Hữu, Tiếng Việt lớp Sáu... Cô gái ngồi sau sạp nói:

"Chú mua báo đi chú."

Giọng Hà Nội hay vô cùng. Tôi nhìn cô gái, cười:

"Sao lại 'chú' tôi thích gọi 'anh' hơn."

Cô gái nói:

"Chúng em quen thế!"

"Cô người Hà Nội?"

"Vâng, chúng em ở Hà Nội."

"Giọng Hà Nội hay quá chừng!"

"Chú ở miền Nam mới ra?"

"Vâng, sao cô biết tài thế?"

"Nhìn là biết ngay. Thoạt nhìn, chúng em phân biệt được ngay ai là người miền Nam tập kết, ai là người miền Nam thật, ai là người miền Nam 'dỏm'."

"Sao lại miền Nam 'thật' với 'dỏm'?"

"Thật là ở trong Nam từ xưa tới giờ, 'dỏm' là dân ở ngoài này mới vào vài ba năm rồi trở ra. Cái đám 'dỏm' này khoác lác lắm, nhái dăm ba câu kiểu Sài Gòn mà làm y như mình là dân Nam chính gốc."

Cô gái trề môi, giễu cợt một nhân vật nào đó vắng mặt. Tôi nói:

"Dân Nam chính gốc toàn thứ 'nguỵ,' hay ho gì."

Cô gái thành thật:

"Chúng em chỉ mong được đôi ba phần 'nguỵ,' cũng đủ ấm cái thân, mà đâu có được."

Tôi hỏi:

"Cô trông tôi thật hay 'dỏm'?"

"Thật trăm phần trăm."

"Cô nghe giọng nói mà nhận ra?"

"Không, em nhìn từ xa."

"Áo quần?"

"Không hẳn thế."

"Cử chỉ?"

"Không hẳn."

"Thế thì sao?"

Cô gái ậm ừ không trả lời, tôi nói:

"Chắc là thấy bọn tôi lang thang, lếch thếch, ngơ ngác giữa thủ đô chứ gì?"

"Trời ơi, các chú mà lang thang, lếch thếch à! Các chú biết rành Hà Nội hơn chúng em nhiều."

Tôi im lặng. Tôi nghĩ chắc cô gái muốn nói "rành" là rành mánh mun, buôn bán. Vì dân trong Nam ra Hà Nội thường là ra để đi buôn. Tôi mua tờ Hà Nội Mới. Cô gái nói:

"Số này hay lắm. Có tường thuật đầy đủ về vụ chồng âm mưu giết vợ đầu năm rồi."

"Chồng giết vợ? Sao thế?"

"Chú không rõ à? Chồng đi nghiên cứu sinh ở Liên Xô, vợ ở nhà ngoại tình. Chồng về biết chuyện, khủng bố tinh thần vợ hàng ngày, hàng đêm để bà ta quẫn trí tự tử chết. Chú đọc thì rõ. Nhiều chi tiết ly kỳ lắm."

Tôi nhìn cô, cười:

"Lát nữa đọc. Còn giờ thì tôi hỏi cô thế này nhé: Nếu tôi chọn cô làm người yêu, cô có bằng lòng không?"

Cô im lặng một lát, rồi nói:

"Các ông miền Nam trêu gì chúng em tội thế! Thiếu gì gái miền Nam giàu có, đẹp đẽ mà đi yêu bọn gái quê mùa chúng em."

Tôi nhìn cô, không nói, cười tủm tỉm. Nước mưa nhỏ giọt trên cánh tay cô. Cô cúi đầu. Tôi đi. Mưa còn rơi.

Tôi về nhà ông anh họ, tập kết năm 1954, giờ làm ở ngân hàng. Sáng hôm sau, khi hai chú cháu tôi — tôi và con gái ông anh — dắt xe đạp ra khỏi nhà, ông anh dặn với:

"Có vô hàng quán thì hỏi giá trước nhé. Nếu không, thấy chú ở miền Nam ra, họ tính giá cắt cổ đấy."

Tôi gật đầu. Ra đường. Hồng — cô cháu — hỏi:

"Giờ chú muốn đi đâu?"

"Nói chung là chú muốn đi thăm Hà Nội. Nhưng cho chú đi ăn sáng và uống cà phê cái đã."

"Ở đây có phở Tràng Tiền nổi tiếng, còn cà

HỒNG KHẮC KIM MAI

NỮ THÁNH VÔ CÙNG

Có những ngày không nắng
Có những ngày không gió
Hừng hực bàn tay
Mùa xuân trở giấc
Con ong nhỏ đi về
Trong em
Ôi tiếng thơ
Rủ rê lời thề

Bất tận câu kinh
Thập tự giá
Em ngoan đạo một ngày
Tội lỗi trăm đêm
Mê chăn gối
Với người thương

Chúa đâu có bắt quì
Buộc tội
Bởi em kiếp người
Bởi Chúa lấy xương ai
Bắt Eva
Rưng rức
Khóc làm nũng
Tội lỗi?!
Sao kêu chi rất gớm
"Nói chi nặng rứa?"
Như con giun con đỉa
Giết chết lời thơ
Mờ mệt những đường trăng
Đêm xuân trở giấc nằm

Tự thuở cây mới mọc
Mặt trời chưa có
Đất nổi u
Rừng u minh đầy mụn nhọt
Con chim chưa có tổ
Ổ rơm chưa người nằm
Chúa bảo em
Này! sinh con tạo loài người
Lạy Chúa!
Không có ai sao Eva sinh con???
Để muôn năm
Đời ghép tội
Gào kêu
Ta dụ dỗ?

Eva. Eva.
Lạy Chúa tôi
Chúa chưa bao giờ
Bắt tội ta .

phê thì cháu chẳng biết."

Chúng tôi đến tiệm phở Tràng Tiền. Đây là một tiệm phở quốc doanh. Buổi sáng, người khá đông. Bên ngoài, người ta bán lẻ bia và thuốc lá, tiếng người chào rộn ràng, đon đả. Bia và thuốc đây cũng từ trong cửa hàng tuồn ra ngoài, giá bán cao hơn, nhưng muốn bao nhiêu cũng được, và có ngay. Vào cửa hàng thì phải mua vé và chờ đợi. Tôi mua hai tô phở lớn và cốc bia vại Trúc Bạch. Phở, thịt nhiều, một muỗng bột ngọt lớn để kèm, vài cọng rau sống, nước trong, không thấy mỡ màng gì. Tôi cố gắng ăn nhưng không hết. Tôi nói:

"Phở Bắc Sàigòn ngon hơn phở Bắc Hà Nội."

Hồng ăn hết tô phở một cách ngon lành, rồi nhìn tôi cười:

"Chú yếu quá, tô phở mà ăn không hết. Với cháu, thế là quá ngon. Chú thì cái gì cũng Sài Gòn, Sài Gòn."

Hai chú cháu đạp xe đi vòng vòng vèo vèo. Đường Thống Nhất. Bến xe Kim Liên. Chợ Mỏ. Khu Khâm Thiên. Bịnh viện Bạch Mai. Ngân hàng. Hồ Trúc Bạch. Bưu Điện. Công viên Lê Nin... Tôi hỏi:

"Cháu biết Hà Nội ba mươi sáu phố phường?"

"Sao không biết."

"Chú thấy có nhiều đường nhưng ít phố."

Hồng cười:

"Thì đường là đường, phố là phố."

"Chú nghĩ, phố là nơi có nhiều tiệm, quán xá, buôn bán sầm uất."

"Trời ơi, muốn có hàng hóa thì vào chợ Đồng Xuân, cửa hàng bách hóa, thiếu gì."

"Hồi xưa, Hàng Trống bán đầy trống, Hàng Hành bán đầy hành..."

"Xưa khác. Giờ ta sống văn minh, tiến lên chủ nghĩa xã hội."

Tôi cười:

"Cháu nói giọng tuyên truyền..."

"Đâu có, chú. Thì chú xem, đất nước ta hôm nay giàu đẹp, hòa bình..."

Tôi cắt ngang:

"Ừ, chú biết, chú nghe nhiều rồi. Hình như cháu chưa vào miền Nam lần nào?"

"Chưa. Cháu thích vào thăm cho biết, nhưng bố cháu bảo đợi ra trường đã."

"Cháu học gì?"

"Đại học Kinh Tế."

"Ra trường, về ngành thương nghiệp, giàu nhé."

"Theo cháu, thì ở đâu cũng được, miễn phục vụ tổ quốc cho tốt."

"Cháu không thích giàu?"

"Không. Giàu là bóc lột."

"Nhiều cán bộ, đảng viên bây giờ giàu sụ."

"Những người thoái hóa, biến chất thời nào cũng có. Họ sẽ bị nhân dân lên án."

"Mà nghèo cũng buồn chớ."

"Chịu khó thôi chú à. Đất nước ta đã từng khó khăn bao nhiêu rồi, mà vượt qua được hết. Hồi nhỏ, đi sơ tán, học hành khổ lắm. Cháu phấn đấu..."

"Phấn đấu vào đảng?"

"Đâu có, hồi đó cháu còn nhỏ mà. Phấn đấu là chịu khó, chịu hi sinh. Lớn làm việc lớn, nhỏ làm việc nhỏ để đánh giặc, vừa đánh giặc vừa học. Trường cháu có anh hùng đó chú à. Chú biết không, anh ấy học lớp bảy, hơn cháu hai lớp. Hôm đó, máy bay Mỹ đến bắn phá, anh ấy tình nguyện phụ giúp mấy cô chú dân quân, vừa đếm bom, vừa tải thương. Đang làm công tác, anh bị trúng mảnh bom, ruột đổ ra ngoài. Thế mà anh ôm ruột, tiếp tục làm việc, rồi một mình đến trạm xá cấp cứu."

"Cháu không biết tên?"

"Biết chứ. Anh hùng Nguyễn Trí."

"Giờ cháu còn gặp không?"

"Ờ... ờ... đã lâu rồi không nghe nói đến, cháu cũng chẳng hề gặp. Chẳng biết bây giờ anh ấy ở đâu, làm gì?"

"Anh hùng mà sao chóng quên thế?"

Hồng chỉ cười.

Hà Nội buổi sáng trông thưa người. Nắng loãng. Tôi giục Hồng đi kiếm một quán cà phê. Hồng bảo chịu, chẳng biết nơi nào có bán cà phê. Cuối cùng, chúng tôi ghé vào một quán nước có đề hai chữ "có đá." Tôi hỏi có cà phê không. Người đàn ông chủ quán bảo có. Tôi gọi một ly cà phê, một ly nước chanh. Lát sau, người đàn ông bưng ra. Hai cốc đều lớn, loại cốc vại. Màu cà phê không sánh, những cục nước đá lổ rổ tổ ong, không chắc, chóng tan. Tôi uống thấy từa tựa nước gạo rang.

Tôi hỏi xin thêm đá. Người đàn ông có vẻ lúng túng, đáp:

"Đá hiếm lắm chú, chú thông cảm."

"Cà phê này sản xuất ở đâu anh?"

"Cà phê chính cống, nguyên chất của nông trường Thái Nguyên đấy."

Tôi nghĩ chắc anh ta nói đúng. Ở trong Nam, loại cà phê tôi thường uống đã trải qua một quá trình chế biến công phu, tạo nên một chất cà phê thơm, vị đăng đắng, màu đen

sánh. Một cốc cà phê ngon, hợp khẩu vị, hẳn chỉ có vài mươi phần trăm cà phê nguyên chất. Cà phê ở đây "nguyên chất" quá, thành thử tôi chẳng thấy có chút vị cà phê nào cả. Tôi uống một hơi, bỏ ly xuống, nhìn cô cháu gái. Hồng trông chẳng khác gì mọi cô gái khác tôi gặp trên đường phố Hà Nội. Chiếc áo "sơ mi" trắng, vải thô, hàng nút màu mè, bó sát người làm nổi rõ cái yếm đỏ bên trong. Quần tây sẫm màu. Chân đi đôi dép nhựa Chợ Lớn. Hai cánh tay no tròn, mập mạp, cổ tay đeo hai ba cái vòng nhựa đỏ đỏ, xanh xanh. Tôi hỏi:

"Cháu biết đường Cổ Ngư không?"

"Cổ Ngư? À... đổi tên lâu rồi. Hình như bây giờ là đường Thanh Niên. Sao chú biết tên đó?"

"Có nhiều địa danh ở Hà Nội thân thiết với chú như ở trong quê mình vậy."

"Chú đọc báo?"

"Không, truyện của Tự Lực Văn Đoàn."

"Tự Lực Văn Đoàn? Tên lạ quá cháu chẳng biết. Chắc thuộc thời phong kiến, địa chủ hả chú?"

"Ừ, khoảng những năm 1930."

Hồng im lặng uống hết cốc nước. Mặt trời lên cao. Tôi cảm thấy người bứt rứt nóng. Tôi trả tiền, ra đi. Hai chú cháu đi vòng quanh Hồ Hoàn Kiếm. Nắng chói chang trên mặt hồ. Tháp Rùa với lá cờ đỏ dựng trên đỉnh và câu khẩu hiệu treo chung quanh nhỏ hẳn đi. Vài người câu cá quanh bờ hồ. Đám trẻ con chạy nhảy, la hét quanh các ghế đá.

Hồng hỏi tôi:

"Ở quê mình, người ta theo ngụy nhiều không chú?"

"Nhiều. Hầu hết đều là ngụy."

"Sao lại hầu hết. Nhân dân ta mà theo ngụy được à. Chỉ có bọn Thiệu chứ. Cháu nghe nói bọn ngụy tàn ác lắm, sao lại có kẻ theo chúng nhỉ. Mà chú, sao ngụy lại ăn thịt người vậy chú?"

Tôi quay nhìn Hồng:

"Ai nói với cháu vậy?"

"Cháu biết."

"Như chú cũng ngụy mà chú có ăn thịt người đâu."

"Chắc chú lầm lỡ. Chú trông hiền lành, đàng hoàng thế mà ngụy gì!"

Tôi cười:

"Cháu sách vở, kinh điển quá."

"Cháu chưa hiểu ý chú."

"Chú muốn nói cháu chỉ lặp lại những điều cháu học trong sách vở. Cháu ít biết bên ngoài."

"Cháu đi thực tế luôn à."

"Thực tế ở đây, chứ ở miền Nam cháu đã biết gì đâu."

Cô gái cười, đôi má phúng phính, hồng lên trong nắng. Tôi lách xe đạp tránh một bà cụ băng qua đường. Hai chú cháu đi vào một đoạn đường đầy bóng mát. Tiếng ve kêu ồn ào trên các vòm cây. Hà Nội vào trưa, một buổi trưa hè. Đó là năm 1983.

Tháng 9 năm 1990, tôi có dịp đi Hà Nội một lần nữa.

Một cơn bão vừa tràn vào miền Bắc Trung Bộ, hay khu Bốn cũ, theo cách loan báo của Đài Hà Nội. Chuyến tàu chạy qua những cánh đồng ngập nước, lầm lũi dưới cơn mưa dai dẳng. Từ Thường Tín trở ra, trời trong, quang đãng. Vòm trời trong xanh, nắng dịu. Đến Hà Nội, trời đã hoàng hôn.

Ra khỏi ga Hàng Cỏ, tôi thấy Hà Nội có khác. Đèn sáng rực rỡ khắp nơi. Phố phường đông vui, đầy màu sắc và tiếng động. Hà Nội như mới mẻ, tinh tươm. Tôi thuê một phòng trọ gần ga, uống mấy ly bia Trung Quốc, ngủ một giấc và trông trời sáng.

Mọi người thức dậy sớm. Có lẽ vì ở khu vực ga, tôi nghĩ thế. Nhưng không. Cả Hà Nội thức dậy sớm thực. Hà Nội bận bịu, đang chuẩn bị cho một ngày mới khác. Bảy năm trước, giờ này (chừng 5 giờ sáng), Hà Nội còn ngái ngủ, và tỉnh giấc chậm rãi, từ tốn... Bây giờ thì khác. Hình như suốt đêm, Hà Nội cũng không yên giấc, thao thức trông trời sáng, để như tôi, xuống đường, ra đường và ở ngoài đường.

Người đầu tiên tôi gặp sáng hôm sau khi bước xuống, là cô nhân viên khách sạn ngồi ở quầy. Đẹp và ăn diện "mốt" trông như một cô gái Sài Gòn nào đó. Tóc cột đuôi ngựa. Áo pull. Quần Jean Thái Lan kiểu mới. Đồng hồ Seiko đời mới. Cô cười chào:

"Ông thức dậy đi đâu sớm thế?"

"Tôi nóng lòng muốn nhìn Hà Nội."

"Ông mới ra lần đầu?"

"Không, lần sau."

"Có gì mà vội thế."

"Hà Nội khác trước nhiều."

"Ở, Hà Nội chạy đua cho bằng miền Nam các ông chứ."

"Sao lại 'miền Nam các ông?' Đất nước thống nhất rồi."

"Ấy thế mà miền Nam ra miền Nam, miền Bắc ra miền Bắc ông ạ."

"Miền Nam sao, theo cô?"

"Giàu hơn, giỏi hơn."

"Còn miền Bắc anh hùng hơn?"

"Em sợ hai chữ anh hùng quá. Em thích có tiền."

Tôi hỏi:

"Mấy giờ cô thay ca?"

"Dạ, bảy giờ."

"Cô dẫn tôi đi chơi Hà Nội nhé."

"Ờ... mà cũng được thôi."

Thế là tôi có một cô bạn đồng hành. Đường phố Hà Nội rộn ràng, tấp nập. Phải nói là Hà Nội tràn ra đường phố. Quán xá, tiệm ăn, tiệm kem, tủ thuốc, xe nước sinh tố, nước mía... Xuất hiện đầy lòng lề đường. Xe cộ ngược xuôi. Mọi người trông vội vã, tất bật. Một Hà Nội đã khác đi, đã biến dạng, đã lạ.

Chúng tôi ghé vào một quán phở. Khách ngồi, khách đứng. Nồi xúp bốc hơi nghi ngút. Rau, hành, nước tương, nước màu, thịt gân, thịt tái, thịt chín... Một tô phở ngon. Cô gái, tên Minh Nguyệt, hỏi:

"Thế nào ông?"

"Tuyệt. Hơn xa phở Tràng Tiền."

"Ồ, quốc doanh mà nói làm gì ông. Dân Hà Nội chán mọi thứ quốc doanh. Ai mua, mà còn hơn đi xin nữa."

Chúng tôi đi bộ qua các đường phố. Đường nào cũng hiện lên cảnh buôn bán. Ít thấy các cửa hàng, quầy hàng với các bản đen viết bằng phấn "có phở," có đá." Hầu như đây đó chỉ toàn là các bảng hiệu, bảng quảng cáo đủ các màu sắc. Nhạc cũ, nhạc mới, nhạc hải ngoại vang vang. Tôi nói:

"Hà Nội giờ đông vui quá. Chả bù với lần trước tôi ra."

"Mới chừng khoảng một năm nay thôi ông ạ. Thấy người ta buôn buôn bán bán, em muốn hoa cả mắt."

"Cô không buôn bán cho vui?"

"Không có vốn anh à. Với lại em cũng chẳng rành. Bọn bạn em, tụi nó nhảy hết ra chợ. Trước thì trông một chân cán bộ cho yên, giờ thì ai cũng một đòi ra, hai đòi ra."

Cô gái thở dài. Tôi nhìn cô, chẳng đoán ra được điều gì. Tiếng thở dài nhiều khi cũng lắm ý, đa đoan. Riêng hay chung. Buồn hay chán. Hay thở dài chỉ là... thở dài. Tôi hỏi:

"Cô có mấy con?"

"Một."

"Chồng làm gì?"

"Bộ đội phục viên."

"Đi với tôi thế này có sợ chồng rầy rà không?"

"Không sao - Cô gái cười - Ông sợ à?"

Chúng tôi đến Hồ Hoàn Kiếm, ghé vào quán cà phê đầu đường. Tôi chọn cái bàn nhỏ, hai ghế kê sát lề đường, ngồi nhìn thẳng ra hồ. Ghế đệm, có chỗ dựa. Bàn lót mica, kiểu mới. Tủ kính sáng, đầy ắp bánh mì, bánh ngọt, thuốc lá đủ loại. Video chạy băng nhạc ngoại. Tôi nghe tiếng hát đầy sinh lực, trẻ trung và yêu đời của Sandra. Tôi gọi hai cốc cà phê sữa và bánh ngọt. Nếm thử, thấy rất ngon. Có thế chứ, - Tôi nhủ thầm.

Tôi hỏi Minh Nguyệt:

Bạn muốn đi ngao du khắp thế giới?

AV TRAVEL & NETWORK
10900 Westminster Ave., Suite 9
Garden Grove, CA 92643
(714) 537-2200
FAX (714) 741-2900

(góc Euclid & Westminster, trong khu chợ VANCO)
Mở cửa 7 ngày.

Xin gọi cho Nga hay Phượng (714) 537-2200

"Quán này là của tư nhân hay nhà nước?"

"Tư nhân chứ. Đa phần hàng quán bây giờ là tư nhân ông à."

"Thế là tiến lên tư bản chủ nghĩa mất rồi."

"À, thì tư bản. Có sao đâu, phải không ông?"

Tôi nhìn ra hồ. Một lớp mù mỏng mảnh, là đà phủ quanh hồ. Cũng không hẳn là mù. Tôi có cảm giác hồ hiện ra trước mắt tôi mơ mơ màng màng, như có như không. Mặt hồ gợn lăn tăn. Nghe như có gió mà chẳng phải gió. Những tia nắng sáng dịu dàng xuyên qua cành lá, rồi như chạm khẽ vào lớp mù, rơi lấp loáng trên mặt hồ. Phải rồi, nắng thu. Hà Nội vào thu. Mây vơ vẩn. Gió dịu. Nắng như lụa. Hồ Hoàn Kiếm hiện diện đó như thoát ra từ trong ký ức, mộng tưởng.

"Ông mơ gì thế?"

Tôi cười:

"Tôi nhớ đến Hồ Hoàn Kiếm mà tôi tưởng tượng ra khi còn ở trong Nam, nghĩa là khi tôi chưa đến Hà Nội lần nào. Lần trước, cách đây sáu bảy năm, tôi có đi dạo quanh đây với một cô cháu gái, bí thư chi đoàn trường Đại học Kinh Tế. Hồi đó, tôi chẳng thấy hồ đẹp như bây giờ."

"Đúng là mấy ông lâu lâu đến thấy vậy. Chứ bọn em, hàng ngày đi qua đi về mấy lượt chẳng thấy gì hết."

"Thế chẳng có lúc nào cô thấy hồ đẹp?"

Minh Nguyệt suy nghĩ một lát, rồi đáp:

"Có lẽ có. Lúc em viết thư."

"Lúc viết thư?"

"Ừ, lúc viết thư cho ai đó đang ở xa Hà Nội, em thường tưởng tượng Hà Nội mình đẹp và em kể chỗ này, chỗ nọ, chuyện này, chuyện nọ về Hà Nội. Lúc đó thì hồ đẹp thật."

Ý tưởng chân thật của cô gái làm tôi bỗng có cảm giác chưng hửng. Có phải cái đẹp chỉ là sản phẩm của tưởng tượng? Cái đẹp chỉ là cái đã mất đi? Tôi chợt nhớ một bài hát cũ về Hà Nội *"Mưa hoàng hôn, trên thành phố buồn gió heo may vào hồn. Thoảng hương tóc em ngày qua. Ôi, người em Hồ Gươm về nương chiều tà, liễu sầu úa thềm cũ nằm mơ hiền hòa. Thương màu áo ngà, thương mắt kiêu sa, hiền ngoan thiết tha..."* Tôi nhìn ra hồ, hát nhỏ. Tháp Rùa nhỏ bé, rêu phong, nhẫn nhục. Bên kia hồ, thấp thoáng sau hàng cây là nhà Bưu Điện, và một nhà lầu mới xây, đồ sộ, lạ mắt, có lẽ là trụ sở của Ủy ban lớn nào đó.

"Ông hát bài gì thế?"

"Một bài hát về Hà Nội của một người Hà Nội mất Hà Nội."

"Sao lại mất Hà Nội. Hà Nội nằm đó, ai lấy mà mất."

"Vâng, không ai lấy, nhưng vẫn cứ mất cô à."

Tôi im lặng, đứng dậy chia tay với cô gái Hà Nội và tiếp tục đi. Chung quanh hồ có nhiều người chụp ảnh màu. Ảnh màu quảng cáo dán đầy trên các tấm "pan-nô" dựng đây đó. Đường phố nhan nhãn xe cúp Nhật đời mới, bóp còi inh ỏi. Tôi cố gắng tìm xem thử có còn chiếc Honda Dame hay 67 nào không, nhưng hầu như chẳng thấy, Hà Nội lạ đi nhiều. Đã thấy bóng những chiếc áo dài tha thướt. Đàn ông, thanh niên áo bỏ vào quần, giày vớ nghiêm chỉnh. Các bà, các cô, nhất là trong các cửa tiệm, ăn mặc sang trọng, má phấn môi son, chào mời đon đả. Hàng hóa xếp đầy các quầy, các tủ. Đi ngang qua các salon bán xe gắn máy, các cửa hàng bán TV, cassette, đồ điện tử..., tôi có cảm giác như đang đi ở giữa đường Huỳnh Thúc Kháng Sài Gòn. Hà Nội thay đổi da thịt. Hà Nội sôi nổi. Đặc biệt Hà Nội lúc này nhiều quán cơm bình dân. Đến giờ ăn, khách khứa ra vào tấp nập. Hà Nội thích ăn ngon, mặc đẹp, hưởng thụ.

Tôi hỏi một người đàn ông trung niên đi dạo quanh hồ:

"Chú làm ơn chỉ tôi đường lên lăng Bác."

Người đàn ông dừng lại, nhìn tôi từ đầu đến chân, rồi hỏi:

"Anh người miền Nam mới ra?"

"Vâng."

"Anh muốn đi thăm mả ông Hồ?"

Tôi sửng sốt nhìn thẳng mặt ông ta, xem thử ông ta là loại người nào, mà lại sử dụng chữ nghĩa một cách khác thường như vậy. Công An? Một tên bất mãn? Một anh chàng điên?

Người đàn ông đưa tay chỉ phía tường bên kia:

"Anh đi lối này, gặp đường Nguyễn Chí Thanh cứ đi thẳng lên."

Tôi vội vã đi, đầu óc cứ vướng vất mấy chữ "mả ông Hồ" mà người đàn ông dùng. Chữ nghĩa thật lạ, âm thanh nghe cũng lạ. Từ lăng đến mả, từ Bác Hồ đến ông Hồ. Sự khác biệt nằm ở đâu?

Ba Đình. Đây quả là một khu vực đẹp của Hà Nội, và có lẽ của cả Việt Nam. Những hàng cây cao. Những ngôi nhà Pháp đẹp và sang. Bóng mát phủ đầy. Không khí trong lành. Những con đường sạch sẽ, vắng lặng. Tôi

băng ngang quảng trường. Toàn bộ khu quảng trường đã rộng lại càng mênh mông hơn, vì ít người qua lại. Chỉ thấy thấp thoáng bóng của những người Công An ở các khu nhà chung quanh, một vài chiếc xe đạp lẻ loi đi ngang, vài khách tham quan tản bộ.

Lăng Hồ Chí Minh to lớn thật. Có lẽ đây là công trình tốn kém nhất, tọa lạc ở một nơi đẹp đẽ nhất của đất nước và được bảo vệ cẩn thận nhất. Nghe nói có đến cả tiểu đoàn Công An bảo vệ Lăng. Nhìn thì không thấy ai, nhưng có lẽ họ đứng lẩn khuất đâu đó sau các ngôi nhà, các vòm cây và phía trong. Trước cổng, hai người ôm súng đứng như hai pho tượng. Cổng đóng kín. Yên lặng. Thỉnh thoảng, có tiếng hô, tiếng bồng súng lách cách, nhịp bước đều của toán Công An bảo vệ lăng vang lại đâu đó từ phía sau bức thành.

Tôi bước đi dọc theo bức thành, ngẫm nghĩ đến những lăng tẩm rêu phong, cổ kính ở Huế. Lăng tẩm Huế đều nằm trên núi, xa thành phố, ẩn khuất dưới bóng cây rừng. Lăng Hồ Chí Minh ở đây như một thách đố đối với thời gian, với lịch sử. Ông Hồ không muốn xây lăng, nhưng những người kế thừa lại muốn củng cố niềm tin trước mọi thăng trầm. Họ xây lăng cho ông Hồ, hay xây lăng cho họ? Nhìn lăng, tôi nghĩ đến những phiền hà mà thế hệ sau sẽ gặp phải trong cuộc phế hưng.

Tôi đi vòng ra phía sau lăng, Viện Bảo Tàng Hồ Chí Minh với kiểu kiến trúc hiện đại, mới mẻ, màu vôi mới tinh tươm nổi bật trên nền trời. Tôi hỏi một người Công An:

"Chùa Một Cột ở đâu anh?"

Người Công An và một vài thanh niên đứng gần đấy cười phá lên. Tôi ngơ ngác, cảm thấy bối rối. Người Công An chỉ vào phía trong, cười:

"Chùa Một Cột đó kìa."

Tôi nhìn theo tay chỉ, thì ra tôi đứng trước cổng đi vào Chùa Một Cột. Tôi cười ngượng nghịu:

"Thế mà tôi tưởng ở đâu xa lắm."

Khu Chùa Một Cột nằm lọt giữa một bên là lăng Hồ Chí Minh, một bên là Viện Bảo Tàng, trông nhỏ nhắn như một mảnh vườn nhà. Chùa Một Cột nằm trơ trọi giữa một hồ sen nhỏ. Đã quá mùa nên chẳng thấy bông sen. Chỉ còn những lá sen vàng úa, tàn tạ nằm lặng yên trên mặt nước. Tôi đi quanh hồ, ngắm nghía cái công trình kỳ lạ của người xưa. Lớn thì chẳng lớn, nhỏ thì chẳng nhỏ. Trong trí tưởng, tôi vẫn biết là chùa không lớn, nhưng giờ đứng ở đây, tôi không ngờ nó lại nhỏ như thế này. Chùa đơn sơ, giản dị, xây dựng từ cả ngàn năm trước và được bảo vệ đến ngày nay. Tiền bất kiến cổ nhân. Tôi "lai giả," kẻ sinh sau. Người xưa đã ra đi. Chỉ còn dấu tích. Tôi lượm một hòn đá ném xuống mặt hồ. Mặt hồ xao động. Có tiếng con chim hót đâu đó trong vòm cây. Tôi nhìn sang khu lăng. Cây cao, bóng mát, đất rộng. Đội Công An tập dượt. Tiếng hô nghiêm nghỉ, tiếng súng lách cách. Tôi nghĩ đến cái xưa và nay, cái cổ kính, cái hiện đại, cái lớn, cái nhỏ, cái có, cái không.

Tôi tìm một ghế đá ngồi ngả lưng, châm một điếu thuốc, nhìn khói bay. Trong một thoáng nào đó, hình như tôi mơ màng thấy mình trở về làng Từ Sơn với võng lọng, ngựa xe, về ngôi chùa cổ pháp rêu phong để tìm lại kỷ niệm những ngày làm chú tiểu thời thơ ấu. Tôi giựt mình tỉnh dậy. Hóa ra tôi đang nhớ lại chàng tráng sĩ Từ Sơn trong một câu chuyện tôi đọc của ai thời nhỏ. Tráng sĩ Từ Sơn là Lý Công Uẩn, đang mưu chống lại vị bạo chúa nhà Tiền Lê (Lê Long Đĩnh) - mà trực tiếp là chống lại Phạm Cự Lượng, viên dũng tướng cột trụ của triều đình. Điều oái oăm là cô em gái cưng của Phạm Cự Lượng lại yêu chàng tráng sĩ. Chàng tráng sĩ về sau làm vua, điều đó lạ mà không lạ, vì là lẽ phế hưng. Mối tình của cô gái, không lạ mà lạ, vì đó là cuộc đời!

Có tiếng người bảo vệ lăng:

"Anh ngủ đấy à!"

Tôi vươn vai, cười:

"Không, tôi không ngủ, tôi nằm mơ."

Trên đường trở về nhà trọ, tôi đi ngang một đoạn đường có nhiều sứ quán và cơ quan nước ngoài. Tôi để ý một toà nhà, kiểu hiện đại, cửa đóng kín, cột cờ để không. Tấm bảng lớn dựng trước cổng có để hàng chữ: Cộng Hòa... Đức. Giữa chữ Hòa và Đức có hai chữ bị xóa, tôi đoán là hai chữ Dân Chủ. Hoá ra đây là sứ quán của Cộng Hoà Dân Chủ Đức, một nước vừa bị xóa tên. Trên tấm bảng còn sót lại một số hình ảnh của nước Cộng Hòa Dân Chủ Đức bị ố vàng. Tôi bỗng nghĩ đến các toà đại sứ của Việt Nam Cộng Hoà sau ngày 30.4.75. Chắc là người ta phải thêm vào hai chữ Dân Chủ ở giữa. Một bên bớt, một bên thêm. Bớt hai chữ Dân Chủ một nước lại trở thành dân chủ, thêm hai chữ Dân Chủ một nước lại trở thành chuyên chế. Sự đời nghĩ cũng kỳ quặc!

Một đám tang có xe Công An hú còi dẫn đầu đi ngang, và theo sau là xe nối xe, dài như

vô tận. Tôi dừng lại, hỏi một người đứng xem.

"Đám tang ai mà lớn thế?"

"Đám tang ông Lê Đức Thọ."

Tôi ra Hà Nội thêm một lần nữa, lần sau cùng trước khi ra đi, đi xa, đi Mỹ.

Tôi đứng trên cầu Thê Húc, chống hai tay trên thành cầu, nhìn Tháp Rùa soi bóng nước, cảm thấy bùi ngùi. Tôi đọc mấy chữ Hán khắc vào gỗ ở chính giữa đoạn thành cầu: "Thê Húc Kiều." "Thê" là đậu, "húc" là ánh nắng buổi sáng, Thê Húc Kiều. Cầu Nắng Đậu. Ở bên trên cổng vào đền Ngọc Sơn là "Vọng Nguyệt Lâu" - Lầu Ngắm Trăng. Trong đền Ngọc Sơn có xác con rùa lớn để trong lồng kính. Theo lời giới thiệu đề trên tấm bảng, đây là một trong hai con rùa ở Hồ Hoàn Kiếm bị trúng mảnh bom, chết năm 1968. Khi mới vớt lên, con rùa nặng 200 ký lô, dài 2m, rộng 1,2m. Có người tin rằng đây là con rùa đã ngậm kiếm ngày xưa!

Mỗi người có một Hà Nội cho riêng mình. Tôi đã viết về Hà Nội của tôi. Có điều không nên nói, nhưng đã nói rồi. Xin Hà Nội thứ lỗi. Tôi chẳng thể không mộng tưởng về Hà Nội, đã chẳng thể không đến Hà Nội, nhưng mà lại không muốn sống đến nơi, đến chốn với Hà Nội. Có người bạn sống lâu ở Hà Nội, nói với tôi, muốn biết rõ hơn về Hà Nội, nên đến những địa chỉ "đen." "Đen" là một Hà Nội khác, vốn vẫn tồn tại ngay cả những lúc ai cũng tưởng Hà Nội trong sáng nhất, nhân hậu nhất và hồn nhiên nhất. Đó là những ngóc ngách, những con đường hẽm, những hầm ngầm. Chúng nằm sau lưng thành phố, sau lưng tâm hồn, ở một cõi vô thức dị dạng nào đó của đời sống. Thú thật, tôi chẳng muốn đi xa hơn, chẳng muốn đi tìm những gì Hà Nội còn giấu giếm, còn che đậy, còn lẩn khuất đâu đó. Tôi muốn gìn giữ những ấn tượng thuần khiết, khôi nguyên, đằm thắm về Hà Nội.

Tôi có một anh bạn chưa từng đến Hà Nội, đã chuẩn bị cho anh một chuyến đi chu đáo. Anh đến Hà Nội với nhiều tài liệu, địa chỉ, ghi chú... về Hà Nội xưa và nay. Anh cố sống hết mình với Hà Nội để đi tìm. Anh tìm Hà Nội của ký ức. Anh tìm đường Cổ Ngư, đường Quan Thánh, toà soạn báo Phong Hoá, đê Yên Phụ, Trường Bưởi, Trường Cót... Anh đi tìm một Hà Nội của chính anh. Trên các phố phường của Hà Nội hôm nay, anh đi tìm lại nhân dáng của một người tình 50, 60 năm về trước: cô Loan của Đoạn Tuyệt.

Tôi cũng đến Hà Nội để tìm, tìm một mộng tưởng giữa sự thật, một vĩnh cửu giữa cuộc thăng trầm, một vết đọng giữa kiếp phù du, một cái tôi giữa phố phường đông đúc. Đi tìm Loan, tôi gặp cô Bí Thư Chi Đoàn Cộng Sản. Đi tìm Mai, tôi gặp cô nhân viên khách sạn. Đi tìm Trâm, tôi gặp cô nhân viên bán báo. Đi tìm Cổ Ngư, tôi vào công viên Lê Nin. Đi tìm Dũng, tôi vơ vẩn giữa quảng trường Ba Đình. Lên đê Yên Phụ, tôi thấy cỏ khô và đất... Có lẽ tôi cũng như anh chàng mang gươm qua sông ngày xưa: lặn lội tìm gươm nơi chỗ đã đánh dấu trên mạn thuyền.

Rốt cuộc, Hà Nội cũng như Lô Sơn trong một bài cổ thi chăng?

Lô Sơn yên toả triết giang triều
Vị đáo sanh bình hận bất tiêu
Đáo đắc hoàn lai vô biệt sự
Lô Sơn yên tỏa triết giang triều

Tôi dịch ý:

Nghe nói bên trời mây khói xanh
Chưa qua lòng thấp thỏm không yên
Qua rồi chẳng có gì ghê gớm
Cũng chỉ bên trời mây khói xanh.

Huế, tháng Tư, 1991

Ủy Ban Thanh Niên
Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ

THÔNG BÁO

1. Trân trọng cáo lỗi cùng quý thân hữu đã gửi thư về Hội để nhận sách và băng "Hùng Sử Ca." Vì lý do kỹ thuật, cuốn băng chưa hoàn tất, nên Hội quyết định gửi trước tới quý vị tập sách nhạc. Khi nào có băng, Hội sẽ gửi ngay.
2. Tập nhạc "Đường Việt Nam," trong đó có 15 bài hát cộng đồng của các tác giả Nguyễn Đức Quang, Nguyễn Thiện Cơ, Ngô Mạnh Thu, Việt Dzũng, Nguyên Chương và Trầm Tử Thiêng, có bản dịch tiếng Anh các lời ca, và tiểu sử cùng chân dung các tác giả, cũng do Ủy Ban Thanh Niên Hội VAALA phát hành. Nếu quý vị muốn có tập nhạc này (miễn phí), xin gửi thư về Hội. Hội rất hoan nghênh sự đóng góp của quý thân hữu. Ngân phiếu xin đề "VAALA."

Liên lạc: VAALA, 11022 Acacia Parkway #B, Garden Grove CA 92840 USA.

ĐÊM CỬA ĐẠI

HÀ KỲ LAM

Thương tặng Hội An

Một chiều cuối năm lạnh giá và ảm đạm ở ngoại ô Paris, hai bà cháu người Việt — một cô gái mười tám và một bà cụ trên bảy mươi — ngồi tâm sự chuyện đời, chuyện nắng mưa trên xứ người. Xứ người! Gọi như thế chỉ đúng với bà cụ mà không đúng với cô gái, vì cô sinh ra và lớn lên trên đất Pháp này. Tuy có một khoảng cách thế hệ và một khoảng cách văn hóa giữa hai người, Natalie, cô cháu, lại rất gần gũi, khắng khít với bà ngoại của cô, một điều hiếm thấy ở những gia đình Việt di dân trong đó thế hệ thứ hai và thứ ba sinh đẻ và lớn lên ở xứ người.

Nhưng bỗng dưng câu chuyện hôm nay giữa hai bà cháu lại rẽ một lối bất ngờ làm bà già bỗng thẩn thờ. Cô gái kể cho bà về một đám giỗ trong một gia đình Việt Nam ở tỉnh Narbonne tận miền Nam mà cô tham dự tuần trước. Cô kể lại câu chuyện tình của người đàn ông quá cố do gia chủ thuật hôm đó. Cô biết đại khái nhân vật nam trong câu chuyện vừa từ giã cõi đời năm ngoái tại Sài Gòn, rằng ông ta đã có mối tình đầu tại Hội An trong thời gian làm thủy thủ trên một chiếc ghe buôn. Duyên nợ không thành vì cha mẹ cô gái ngăn chận cuộc tình của đôi lứa. Người đàn ông đau buồn, bỏ đi xa, và đã kết hôn với một người khác. Không nghe đề cập đến nhân vật nữ trong chuyện tình đang dở kia, ngoại trừ một chi tiết về sắc đẹp khuynh thành của bà. Natalie cảm thấy bối rối, chẳng hiểu vì sao những điều cô nghe kể ấy lại có vẻ làm bà ngoại cô quan tâm và phiền muộn. Chắc tại tên quê hương được nhắc tới. Cô nhủ thầm.

Nhưng với bà Dung, mối tình đầu trên nửa thế kỷ qua nằm sâu trong lòng như một giòng suối ngầm, nay bất chợt được khơi dậy đã chảy lai láng lộ thiên. Bà đoán chắc gia đình ở Narbonne kia ắt có liên hệ với cố nhân của bà. Bà có nên dò tìm ngọn nguồn của họ chăng. Từ sâu thẳm trong lòng, bà Dung nghe như có câu trả lời, "vô ích, để làm gì." Thế là cố nhân của bà đã giã từ cõi đời đúng một năm rồi. Lần chia tay tại bãi biển làng Phước Trạch là lần cuối thấy nhau. Phước Trạch, giãi đất quê xưa giờ ra sao? Ký ức của năm mươi năm về trước lại rõ ràng như mới hôm qua, lại có thể làm sụt sùi cõi lòng tưởng đã chai cứng từ lâu. Cuộc hôn nhân đằng đẵng ba mươi bảy năm

với người đàn ông dị chủng quê ở ngoại thành Paris lại chẳng để lại bao nhiêu dấu ấn sâu đậm trong lòng bà. Bà Dung bỗng thèm được một lần về thăm quê xưa, thèm mãnh liệt. Nếu không có diễm phúc được gởi nắm xương tàn ở quê nhà, bà ước ao ít ra một lần thấy lại quê cũ. Bà cũng chẳng hiểu lắm ước muốn của mình. Nhưng dù sao, đó vẫn là nỗi khắc khoải trong lòng bà Dung chiều nay. Natalie không dằn được câu hỏi:

"Ngoại làm sao vậy? Bỗng dưng con thấy Ngoại không được vui."

Bà Dung bối rối. Phải chi Ngoại kể được với con về mảng quá khứ ấy. Bà xoa đầu cô gái:

"Ngoại nhớ Phước Trạch với hình ảnh đoàn ghe bầu thả neo ở Cửa Đại, Ngoại nhớ con sông Thu Bồn với những bãi cát vàng hay ruộng dâu xanh mướt đôi bờ. Khi nào con ra trường, đi làm việc, con có thể đưa Ngoại về thăm lại làng Phước Trạch không?"

"Oui, Bà Ngoại. Con sẽ để dành tiền, và bà cháu mình sẽ về Phước Trạch, Hội An. Ngoại sẽ dẫn con đi thăm những nơi Ngoại vẫn kể cho con nghe, phải không Ngoại?"

"Ừ, bà cháu mình sẽ về thăm Việt Nam."

*

Năm năm sau cái buổi chiều cuối năm ngoại ô Paris mà Natalie và bà ngoại cô ngồi nói với nhau về giấc mơ hồi hương...

Natalie rưng rưng nước mắt khi nhận được thư của Tổ Chức Giáo Dục, Khoa Học, và Văn Hóa Liện Hiệp Quốc báo tin cô đã được chấp thuận làm việc tại Việt Nam. Bà Ngoại cô đã qua đời được hai năm rồi. Bà Ngoại ơi, cuối cùng con đã hoàn thành mọi sự để có thể về quê hương thì thiếu Ngoại!

UNESCO đã gửi phái đoàn đầu tiên đến Hội An từ khi chiến tranh kết thúc năm 1975 để nghiên cứu kế hoạch trợ giúp bảo tồn đô thị cổ này, và Natalie đã tháp tùng với tư cách chuyên viên. Ngoài điều kiện tốt nghiệp học viện Ngôn Ngữ và Văn Minh Đông Phương, cô dễ được tổ chức này thu dụng hơn các ứng viên khác vì yếu tố chủng tộc. Về phần mình, Natalie thấy chính lãnh vực nghiên cứu đã bắt chiếc cầu ngang qua cái vịnh văn hóa và tuổi tác chia cách cô và bà ngoại cô. Natalie đã tìm thấy ở bà ngoại mình một gia sư, và một người bạn.

Cô đã tìm thăm những người liên hệ gia tộc mà từ bé đến giờ cô chưa hề gặp, và chỉ một số lớn tuổi trong những người này biết bà ngoại cô. Nhờ cái tinh thần gia tộc truyền lại từ bao đời, bà con tại quê hương đã nhận ra cô, xác định vị trí của cô trong giòng họ, mặc dù một phần tư máu trong huyết quản cô là ngoại lai. Họ ân cần với cô, xem cô như là sứ giả của bà Dung, người con của gia tộc đã đi xa mãi không về. Natalie đã được hướng dẫn đi thăm những nơi mà bà ngoại cô đã kể, và hằng ao ước được thấy lại. Cô vào xem khu chợ Hội An, và trước mỗi gian hàng cô cố mường tượng hình ảnh người thiếu nữ tên Dung ngày xưa ngồi bán hàng. Natalie bước ra ngoài, đến đầu chợ, nhưng không tìm thấy "giếng máy" công cọng, nơi ngày xưa cô Dung từng bị đám con trai trêu chọc mỗi khi nàng đi ngang qua. Người bà con hướng dẫn cho hay giếng đã bị phá bỏ từ lâu rồi.

Và cuối cùng Natalie đã đến làng Phước Trạch, lần đầu tiên nàng đặt chân đến một làng quê Việt Nam. Bà ngoại đã đến từ một thế giới như thế này để sinh ra mẹ cô sao? Thế giới ngày xưa của bà ngoại có giống như thế này không? Tất cả là một cái nghèo, cái nghèo rộng lớn bao trùm lên ngàn dừa xanh nhiệt đới, lên bờ bụi hoang phế, lên đất cát khô cằn, nhọc nhằn, lên người già và trẻ con gầy guộc, thậm chí lên cả trâu bò khẳng khiu... Thoạt đầu Natalie ngạc nhiên khi nghe những đứa trẻ mời cô mua hàng bằng tiếng Pháp, một thứ tiếng Pháp không chuẩn nhưng dễ hiểu! Người hướng dẫn giải thích rằng, mới mấy năm trở lại đây, du khách, nhất là người Pháp, đã lui tới đây nhiều, và trẻ con đã kiếm được tiền bằng cách bán hàng cho du khách; chúng nhi nhô tiếng Tây, tiếng U cũng được việc lắm!

*

Trở lại Paris, Natalie rất hài lòng về khoảng thời gian làm việc tại Việt Nam, về chuyến thăm Hội An. Hợp đồng một năm với UNESCO trôi qua nhanh. Tạm biệt thành phố cổ, cô mang theo những rung động nhẹ nhàng do những cảnh và người cô đã gặp gỡ. Và Natalie cũng mang theo câu chuyện tình đầu của bà ngoại cô do một người lớn tuổi nhất trong gia tộc kể, bà Thu, em gái của bà ngoại cô. Natalie đã nhớ lại câu chuyện trong đám giỗ năm nào tại nhà một người quen ở Narbonne; lần đó cô được biết nỗi ân hận của người đàn ông trong câu chuyện tình ngang trái kia là đã bỏ lỡ dịp thuyết phục người yêu trốn theo mình. Rồi cô

liên tưởng đến một chi tiết do bà Thu kể, theo đó bà ngoại cô mãi mãi biết ơn và kính trọng cố nhân về sự cao cả của người trong đêm tăm tối năm xưa bên bờ Cửa Đại... Cô thấy lòng chùng xuống.

Hội An những năm đầu của thập niên 1920.

Thành phố cổ xưa của Việt Nam, sót lại từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh, đang rụt rè đón nhận chương trình mở mang của người Pháp. Những đường phố làm ra từ thế kỷ thứ 17 rất chật hẹp. Nhà san sát nhau, kiến trúc lối xưa, tối và sâu thăm thẳm. Không thể nới rộng đường phố, vì làm thế sẽ phải phá bỏ hầu hết các dấu tích quý giá của một đô thị cổ. Chỉ thuận tiện phát triển thêm thành phố về mạn bắc.

Đường xe lửa xuyên Việt chưa hoàn thành, nên phương tiện giao thông đường biển, đường sông bằng thuyền vẫn đắc dụng. Hội An nằm ven sông, và lại gần biển cho nên đã là điểm thương mại sầm uất trong tỉnh.

Ngôn vừa hai mươi mốt tuổi. Anh làm việc trên một ghe buôn lớn chạy đường biển từ Thanh Hóa vào Nam. Người Quảng Nam gọi loại thuyền buồm vận tải đường biển này là ghe bầu. Natalie nhớ có lần hai bà cháu cô đã thảo luận về tên gọi này. Bà ngoại cô cho rằng vì ghe buôn loại này kích thước khá lớn, thân ghe phải đóng phình ra trông rất bầu bĩnh nên được gọi như vậy, còn cô thì căn cứ vào tài liệu tham khảo tên "ghe bầu" bắt nguồn từ tiếng Mã Lai, *gay-pràu*, có nghĩa là thuyền buồm, một giả thuyết có vẻ phù hợp với sự kiện trong quá khứ Hội An từng là nơi gặp gỡ giữa các yếu tố văn hóa Chàm-Việt-Mã Lai-Nam Đảo-Trung Hoa... Đám thủy thủ ghe bầu góp phần không nhỏ cho sự phồn thịnh của thành phố cổ nhỏ bé Hội An, vì hầu như lúc nào Cửa Đại, bãi biển cách Hội An khoảng bảy cây số, cũng có năm bảy chiếc ghe buồm khổng lồ này thả neo nằm chờ... Thường thường mỗi chiếc ghe cặp bến nằm đợi cả tháng hoặc lâu hơn để bán cho hết số hàng hóa mang theo và chờ nhập thổ sản, và cũng để chờ gió thuận cho lộ trình về. Đám thủy thủ sử dụng thời giờ nhàn rỗi ở những quán ăn, quán nhậu, những cửa hàng tạp hóa, những nhà chứa sòng bài... trong thị xã.

Lần đó chiếc ghe của Ngôn nằm ở Cửa Đại gần ba tháng. Ngoại trừ những lúc lên hoặc xuống hàng ghe phải men ngược sông Hoài, nhánh đổ ra biển của sông Thu Bồn, để cặp bến Sơn Phô gần thành phố hơn, phần lớn thời gian chiếc ghe của anh ta thả neo ở Cửa Đại. Những ngày đầu Ngôn lang thang khắp nơi trong thành phố, xem phong cảnh chỗ này, chỗ kia, vì là lần đầu tiên anh có dịp đặt chân đến một thành phố cổ kính như vậy. Không giống như các bạn đồng nghiệp, Ngôn không thích rượu chè, bài bạc, nên Ngôn không lai vãng các tiệm nhậu, các sòng bài trong thành

THƠ ĐỖ THỊ KÊNH G

CU GÙ GÙ EM

Cu cù cu cúc cù cu
Em đi bước trước, anh gù bước sau
Bước chi quá xá là mau
Ai ăn thịt cá gì đâu em à!
Phải duyên phải nợ đó mà
Nợ chi cũng trả nữa là nợ duyên
Góc vườn gió mát bình yên
Mưa sa giọt nắng, vườn tiên đây mà!
Mấy lời sau trước thật thà
Xin em khóe mắt nết na chung tình
Thương ơi cặp mắt đồng trinh
Mắt em xin giết một mình anh thôi
Cho anh chết cả một đời
Trong đôi cánh ấm tuyệt vời em ru.
Cu cù cu cúc cù cu
Anh đi một bước, cổ gù một câu
Người sao ác đức chi đâu
Sảnh sa sảnh sẹ bước mau chi là!
Khéo kìa vấp đó em à
Té lem cánh áo ai mà phủi cho
Mây bông nõn, trời xanh lơ
Thanh thiên bạch nhật em lo nỗi gì?
Kỳ chi đâu? Có chi kỳ
Trai tơ gái lứa ta thì có đôi
Thương em hết ý cạn lời
Em cho nửa khóe môi cười ưng anh
Cỏ thơm anh sẵn để dành
Ta xây tổ ấm trên cành mù u.
Cu cù cu cúc cù cu
Mù u mấy lá anh gù mấy câu
Trời sanh cu biểu gù nhau
Gù nhau sau trước trước sau một lời.

phố. Sau mấy ngày rong chơi, hết chỗ mới để đi xem, Ngôn lại về ghe nằm chèo ngoeo, hoặc vào làng Phước Trạch, một làng chài lưới ở sát Cửa Đại, làm quen với các người lớn tuổi để chuyện trò hoặc chơi cờ tướng cho qua thì giờ.

Một hôm, cần mua một số vật dụng, và cũng thèm món cao lầu nổi danh của Hội An, Ngôn lại lên thành phố, đến một gian hàng xén trong chợ. Thoạt bắt gặp cái ngước nhìn của cô bán hàng, Ngôn mất bình tĩnh hẳn. Anh chưa bao giờ cảm thấy như thế trước một người con gái, dù đẹp, dù xấu. Không phải anh chưa từng gặp con gái đẹp. Thật là kỳ lạ. Cái nhan sắc này ẩn một vẻ khó tả. Gương mặt cô gái toát ra một vẻ vừa hiền hòa, vừa nghiêm nghị, ân cần mà cũng cao sang, xa cách; dễ cảm, dễ mến, mà lại làm người ta nễ sợ, không dám buông lời chọc ghẹo sàm sỡ.

Từ hôm khám phá ra giai nhân trong khu chợ Hội An, Ngôn "lên phố" hằng ngày, đi lang thang đây đó để cuối cùng ghé gian hàng xén nhìn mặt nàng cho đỡ nhớ. Ngôn vẫn chưa nói được một lời bày tỏ con tim thổn thức của mình, ngoài mấy câu hỏi giá cả cộc lốc của anh và mấy câu trả lời êm ái, đãi đưa rất xã giao của người đẹp.

Thế rồi, ngày một ngày hai, họ quen mặt nhau quá, và cái thân tình giữa hai bên chợt đến lúc nào không ai hay, chỉ biết mỗi lần chạm mặt nhau, họ không giấu được nỗi vui mừng. Về phần Dung, cô hàng xén, sự quen mặt khiến nhiều lúc cô quên cả giữ ý tứ với chàng trai. Một hôm, Ngôn vừa bước đến chỗ bán hàng, Dung bỗng vụt miệng hỏi, "Anh ăn cơm chưa?" Thốt xong câu hỏi, Dung bỗng ngượng điếng người, hai tai nóng bừng, mặt đỏ lên. Ô hay, sao mình lại ân cần thăm hỏi không đúng cách thế kia! Nhưng câu hỏi bất ngờ và sự lúng túng sau đó của người con gái đã làm ngây ngất lòng chàng trai mới lớn. Đêm đó, về ghe của mình, Ngôn trằn trọc, thao thức, gà gáy đầu vẫn chưa chợp mắt được. Anh hình dung lại nét mặt khả ái, dịu hiền của cô hàng xén, lắng nghe mãi dư âm của điệp khúc "anh ăn cơm chưa?" Tất cả thật là huyền hoặc, mộng mị, nhưng vẫn rất thật. Trăm năm chỉ chờ cái khoảnh khắc kỳ ảo này thôi — tình yêu đã đến. Không còn một con tim đơn độc gõ nhịp nữa, mà là sự hòa điệu của đôi lòng.

Ngôn vẫn lên phố thường xuyên. Họ hiểu nhau hơn. Mỗi ngày qua tình tự giữa hai người mỗi gần gụi hơn lên. Ngôn kể về gia đình của anh ở quê nhà Thanh Hóa, một gia đình chẳng cao sang, nếu không muốn nói nghèo, nhưng rất đầm ấm, trên thuận dưới hòa. Dòng họ Dung bao đời cắm rễ trên mảnh đất Phước Trạch, và biển cả như mẹ hiền nuôi dưỡng bao thế hệ. Bố mẹ Dung là lớp người đầu tiên của dòng họ đã thoát ly mảnh đất cũ để khởi nghiệp tại Hội An. Dung tâm sự với Ngôn về nỗi buồn con gái, về tháng ngày lặng lẽ của mình bên bố mẹ nghiêm khắc, giữa anh chị em không hiểu mình, giữa đô thị cổ hẹp hòi, cố chấp, ngột ngạt. Ngôn kể về cuộc đời sớm làm lụng của anh, về ước vọng tương lai... Bỗng dưng Dung nhìn hai cánh tay nở nang của anh, đôi tay làm lụng, với một niềm cảm mến kỳ lạ. Dung chưa thấy khuôn mặt con trai nào khả ái như Ngôn; mặt thon nhưng không dài, với chiếc cằm hơi bạnh; màu da sạm nắng của người đi biển ở anh vẫn pha chút hồng hào tự nhiên. Đặc biệt đôi mắt to, nâu thẫm, dưới hàng lông mày rậm đáng lẽ khiến tia nhìn có vẻ dữ dội thì lại khá hiền hòa dưới riềm mi hơi dài. Tất cả làm anh tương phản với tập thể dân đi biển mà cô đã quá quen nhìn. Cô ngầm so sánh anh với những công tử đang chạy theo cô. Đám người kia ẻo lả, yếu đuối, thừa tiền, lắm của, đi chinh phục giai nhân bằng sự bảo chứng của mớ tài sản vật chất sau lưng. Dung liếc nhanh Ngôn, như sợ anh ta lại đọc được ý nghĩ của cô.

Cái hình ảnh thỉnh thoảng vẫn hiện về trong trí làm cộm một cảm giác khó chịu trong cô là viên công chức người Pháp làm việc tại tòa sứ Hội An, người đang theo đuổi cô một cách trắng trợn, chứ không dè dặt, từ tốn như các chàng công tử địa phương. Dung chẳng có một chút thiện cảm với hắn, nhưng oái oăm thay, cha mẹ cô lại thỉnh thoảng nói đùa úp mở với cô về hắn.

Một hôm Ngôn không đến cửa hàng. Dung không vui vẻ bán hàng như mọi khi, lòng cứ trông ngóng, chốc chốc lại nhìn về phía giếng máy, hướng anh ta vẫn đến. Ngày hôm sau anh chàng đến sớm hơn thường lệ; Dung vừa bày hàng xong đã thấy Ngôn xuất hiện. Mừng nhưng ngạc nhiên, ánh mắt Dung làm anh bối rối, lúng túng. Trực giác con gái làm Dung chờ đợi một điều gì... Quả nhiên, rất nhanh Ngôn liếc trước, liếc sau để chắc không có người mua kẻ bán đến gần, vội lùa tay vào túi áo bà ba lôi tờ thư gấp làm tư đặt lên mặt kính quày hàng rồi bỏ đi. Dung hoảng hốt, muốn gọi Ngôn lại để trả bức thư nhưng miệng như cấm

khẩu, và người con trai thì vụt một cái đã cách một khoảng xa! Cô vơ vội tờ giấy nhét vào túi áo mình.

Chiều hôm ấy, dọn dẹp hàng hóa xong, để mặc cho người nhà gánh về, Dung thoăn thắt đi trước, một điều trái với thông lệ mỗi ngày của cô. Bước vào căn buồng ngủ tối mờ mờ, gài then cửa, cô bật đèn và run run mở lá thư của Ngôn. Lần đầu tiên trong đời con gái Dung được một chàng trai gửi thư cho mình. Chẳng phải ít người theo đuổi cô, nhưng những người kia chỉ thậm thụt lui tới rồi nhờ mối mai bắn tiếng với gia đình cô. Dung được biết ít ra đã ba đám đến dạm hỏi cô, và bố mẹ cô có vẻ còn trông chờ một nơi môn đăng hộ đối hơn. Những chàng trai kia phải nhờ ông mai bà mối là sứ giả tình yêu! Ngôn khác hẳn.

Tuy chưa đọc, Dung đã dự đoán bức thư là một lời tỏ tình. Và như vậy chẳng có gì đường đột, mà mọi sự trên giấy trắng mực đen chỉ là sự xác nhận của ánh mắt, nụ cười, của những lời ỡm ờ xa xôi, của cử chỉ vụng dại si tình - sự xác nhận cái thông điệp bất thành văn mà Dung đã nhận từ lâu nay. Thế mà Dung vẫn sợ phải đọc nó.

Sau khi đọc ba lần tờ thư của Ngôn, Dung vội xếp lại nhét vào túi áo, một thái độ cẩn thận mà chính Dung cũng thấy tức cười. Cô có cảm tưởng mọi người đã nhận thấy cử chỉ khác lạ của cô chiều nay, đang rình rập ngoài cửa buồng, và có thể ập vào bắt cứ lúc nào để bắt quả tang cô đang đọc thư trai. Mọi người đây là cha mẹ cô, là Duân, anh cả của cô. Cái anh chàng Duân mới thật chán, mới ngoài hai mươi mà cứ như ông cụ non. Thảo nào chẳng có ma nào để ý anh ta. Cũng chẳng sao, đã có những ông mai bà mối làm sứ giả tình yêu! Dung muốn trải chiếu ra và ngã lưng trên chiếc giường gỗ quen thuộc, nhắm mắt lại tận hưởng cái tâm trạng lâng lâng, mới mẻ do lời thư của Ngôn mang lại, nhưng ngại mẹ cô lại réo gọi, lại dài dòng mắng dạy đủ điều, như "con gái phải siêng năng, phải lo bếp núc, chứ đâu lại về nhà nằm ngửa nằm nghiêng, chờ người khác dọn sẵn mâm cơm cho mình ..." Dung đi rửa mặt rồi bước vào làm bếp với Thu, em gái, mà trong lòng đang vấn vương trăm mối! Vui sướng lẫn lo sợ cứ thay nhau chia trí cô, khiến có lần Thu nhìn chị hỏi, "chị làm sao vậy, có điều gì không?" Dung chỉ lắc đầu lảng sang chuyện khác.

Bỗng dưng Dung thấy thế giới chung quanh không còn nhàm chán, tẻ nhạt nữa. Nếu từ cả tháng nay Dung đã lờ mờ thấy mình yêu đời lên vì mình dường như là trung tâm của một ai đó, thì cảm giác kia hãy còn mong manh, bất định, mơ hồ, chợt có, chợt không. Bây giờ mọi sự thật rõ ràng. Và tuy cô muốn cả hai cùng giữ trong lòng, đừng thể hiện nó bằng lời, bằng giấy trắng mực đen, Dung phải nhận mình thầm cám ơn Ngôn đã tỏ tình trong thư. Có thế chứ. Nếu anh không chịu nói ra thì Dung sẽ giận anh vô cùng. Ngầm biết là một chuyện, anh phải "thú tội" là chuyện khác. Vậy mà Dung đã hoảng sợ muốn trả thư lại cho anh. Ôi, con gái chứa đầy mâu thuẫn. Dung thấy thinh thích trong lòng, nhớ lại những cái nhìn, lời nói của Ngôn. Tất cả kết thúc vào tờ thư này. Thế là Ngôn đã yêu mình.

Nhưng Dung hơi thất vọng: từ đầu đến cuối Ngôn chẳng hề khen mình đẹp, mà chỉ nói đến cái nết na, cái đằm thắm, thùy mị, dịu dàng, giỏi giang v.v. của mình. Anh ta chỉ yêu mình toàn vì những điều ở đâu đâu. Làm sao anh ta trông thấy được những điều đó nhỉ? Thôi biết rồi, anh chàng cảm vì sắc của mình, nhưng cứ phịa ra những "công dung ngôn hạnh" cho hợp lễ, hợp đạo. Tuy nhiên, thầm kín trong lòng, cô Dung hàng xén bỗng mơ hồ nghe mình tự hỏi, đằng sau tấm nhan sắc, người con gái không còn lại gì để mặc cả với đời sao? Chắc chắn là Ngôn để ý một người con gái vì dáng vẻ của cô ta, nhưng không dừng ở điều kiện đầu tiên đó, mà còn đi tìm kiếm xa hơn nữa. Dung nghĩ mối tình của người con trai này là một chân tình. Chàng không như con bướm lượn vành mà chơi. Lại nữa, chàng trân quí mình đến thế sao? Chàng chẳng cần tiền của gì trên đời này cả, chỉ cần có mình thôi! Anh yêu ơi, em và anh sẽ làm mọi thứ từ đầu — anh với đôi tay phá núi và ý chí lấp bể, em với tình yêu, với tận tụy, hy sinh...

Bức thư chỉ bày tỏ tình yêu, không dám đòi hỏi Dung một điều gì — dĩ nhiên rồi. Nhưng cô thừa biết lời khẩn cầu mặc nhiên của nó. Chấp nhận hay khước từ thì cô đã biết, nhưng ngày mai gặp Ngôn mình phải làm mặt lạnh, con gái đoan trang phải thế, Dung tự nhủ. Con trai phải biết giải đoán đúng tín hiệu của con gái!

Trao được bức thư cho Dung, Ngôn có cảm tưởng đã trút được những trĩu nặng trong lòng bấy lâu nay. Đối diện nhau trong gang tấc nhưng sao thấy cách trở quan san. Sóng lòng cuồn cuộn, nhưng sao không diễn đạt thành lời được; mở miệng ra chỉ toàn những câu nói

nhạt nhẽo, vô duyên chuyện trên trời dưới đất, chứ không kể lể nỗi thầm yêu trộm nhớ của mình. Dung có hiểu gì không. Có thể nàng hiểu, có thể nàng chỉ dự đoán, nhưng dù sao nàng cũng đã cho thấy không đến nỗi "ghét" mình. Phải cho Dung biết mình yêu nàng, nàng là tất cả, từ nay mọi sự trên đời đều không còn nghĩa lý nếu thiếu nàng.

Chàng trai Ngôn vốn nhìn tháng ngày của tuổi trẻ trải rộng trước mặt êm ả như biển xanh mùa hạ. Không vương vấn, không sầu muộn, anh hăm hở đi tới, và lòng hằng nghĩ đến một bến đậu vĩnh cửu của đời mình là mái gia đình ấm cúng. Ghe anh đã ghé đỗ bao bến bờ và anh biết sẽ có một ngày không xa quay lại bến nhà, vâng lệnh song thân, mình sẽ kết tóc xe duyên với một ai đó, có thể là với Cái Hoài, người con gái trong xóm mà thỉnh thoảng anh có nghe bố mẹ đề cập đến như một trong những nơi họ nhắm tới. Ít khi anh tự hỏi lòng về việc hôn nhân, vì chẳng có gì để thắc mắc, ngoại trừ cái rạo rực thường lệ đi kèm với trí tưởng về cuộc sống lứa đôi.

Nhưng Dung đã thổi một luồng gió mới vào lối mòn trong tâm khảm của Ngôn. Sau Dung, anh không thể chấp nhận một Cái Hoài, hay một ai khác. Tất cả đều xa lạ với anh, tất cả đều không sánh được với Dung, thì làm sao anh có thể ăn đời ở kiếp với họ. "Người mà đến thế thì thôi...", Ngôn thấy bao công danh phú quí mà chi nếu không có được người trong mộng này! Phải viết cho Dung biết lòng mình, dù sẽ bị cự tuyệt. Phải viết. Một lần rồi thôi ...

Rồi điều phải đến đã đến. Lần hẹn hò đầu tiên của Ngôn và Dung đã diễn ra một tuần sau ngày Ngôn gửi cánh nhạn tỏ tình. Họ gặp nhau không đầy ba mươi phút, trong phập phồng lo sợ, e lệ bỡ ngỡ về phía Dung. Đôi bên chẳng biết nói gì với nhau, người con gái cứ cúi đầu thẹn thùng, người con trai chỉ biết lặng nhìn, không biết mở đầu bằng lời gì.

Phố Hội An nhỏ bé quả thật không thích hợp cho các cuộc hò hẹn của những kẻ yêu nhau. Trời vừa sập tối, mọi nhà vừa lên đèn thì đường phố đã thưa vắng. Con gái nhà lành không ra khỏi cửa nhà. Cả thành phố giống như một gia đình lớn, trong đó mọi người biết tên, biết mặt nhau. Chiều dài thành phố được đo bằng câu nói có lẽ đã có từ xưa lắm, "thượng Chùa Cầu, hạ Âm Bổn," chỉ cây cầu Nhật Bản ở lối vào thành phố và chùa Âm Bổn ở cuối phố; đi bộ chậm rãi chỉ mất có mười lăm phút từ đầu này đến đầu kia. Chiều ngang cũng chẳng hơn, từ bờ sông xuyên qua bốn con phố nhỏ đến khu tòa sứ là hết. Cho nên Dung dám đi gặp người yêu vào buổi tối trong lần hẹn đầu là một liều lĩnh. Làm sao che được tai mắt của cái thành phố già nua, thủ cựu, thóc mách! Có lẽ người con gái nào khi yêu cũng liều lĩnh. Dưới gốc dừa bên ngoài chùa Năm Tôn vắng lặng, ngôi chùa nhỏ của làng Sơn Phô kế cận thành phố, dưới mãnh trăng lưỡi liềm không đủ soi sáng khuôn mặt hai người, Ngôn và Dung không dám đứng sát nhau, nhưng cả hai cùng có cảm tưởng nghe được nhịp tim của nhau. Cuối cùng Ngôn đã thu hết can đảm hỏi thẳng Dung có yêu mình không. Cô đã rụt rè trả lời rằng không biết, chuyện lứa đôi do cha mẹ định đoạt. Ngôn đã cố gạn hỏi đôi lần cũng chẳng nghe được chính miệng giai nhân thú nhận yêu mình. Dung đã nghĩ trong lòng, sao anh ngốc thế, không thương sao dám đến nơi hẹn với anh đêm nay. Cô đã vội vã ra về, men theo con đường đất dọc bờ sông có nhiều lùm bụi che khuất để không ai trông thấy.

Những lần hẹn hò kế tiếp đã đến dễ dàng và bạo dạn hơn. Dung đã dám để yên bàn tay

Nhận được hồng thiệp của
Văn hữu Hồ Minh Dũng
báo tin làm lễ Vu Quy cho thứ nữ

Hồ Trường Vũ

đẹp duyên cùng

Nguyễn Ngọc Tuấn

thứ nam của Bà
Nguyễn Thị Vinh, Houston, Texas.
Hôn lễ được cử hành ngày 20 tháng 9, 1997
Xin chung vui cùng Văn Hữu Hồ Minh Dũng
và cầu chúc Trường Vũ & Ngọc Tuấn
hạnh phúc bên nhau mãi mãi.

Tạp chí THẾ KỶ 21

mình trong tay Ngôn rất lâu. Rồi má kề má, rồi những vòng tay ôm siết, rồi họ có nhiều chuyện nói với nhau hơn lần hẹn đầu đầy sợ sệt. Rồi một lần nữa họ gặp nhau. Lần này điểm hẹn là sau Lò Heo. Từ đó họ bách bộ ra bờ sông. Không hẹn lần này mỗi người đều mang trong lòng những băn khoăn khắc khoải về ngày mai của cuộc tình. Tuy không ai nói ra, mỗi người đều biết những gì trong lòng người kia.

"Đêm qua chẳng hiểu sao em cứ nằm thao thức đến quá khuya chưa ngủ được ..."

"Anh cũng vậy, nằm nghe sóng vỗ ầm ầm cả đêm, lại thêm cái thằng bạn mắc dịch nằm trên trần ghe chốc chốc lại ca quan họ Bắc Ninh, mà toàn những câu thất tình nghe não nuột làm sao!"

Tình yêu đích thực muôn đời vẫn là khát vọng chiếm đoạt; người này phải là sở hữu của người kia. Dung và Ngôn bắt đầu có những trăn trở của giấc mộng đầu. Dung không hiểu nổi từ ngày xửa ngày xưa làm sao người ta có thể giản lược thân phận con gái vào sự mặc cả, gã bán, đặt đâu phải ngồi đấy. Ở Ngôn cái nổi loạn của người con trai trước việc hôn phối xưa nghìn đời mãnh liệt hơn. Nếu trong thời gian anh đi xa, bố mẹ ở nhà đã tự tiện qua nhà cha mẹ Hoài dạm ngỏ để hỏi Hoài cho anh thì sao? Trước kia, thỉnh thoảng anh có nghĩ đến điều này nhưng thấy lòng dửng dưng. Nhưng bây giờ, anh đã có Dung, thì không thể chấp nhận được.

Nắm bàn tay phải của Dung trong đôi bàn tay mình và nhìn sát mặt nàng, Ngôn chậm rãi nói:

"Anh muốn hỏi điều này. Nếu anh về quê thưa chuyện với ba mẹ anh, để hai ông bà vào đây cho biết em, và chính thức nhờ mai mối đến thưa chuyện với gia đình em, thì em nghĩ sao?"

Dung im lặng, chờ xúc động qua đi, mới ấp úng:

"Em không biết ..."

Ngôn nhìn mái tóc phủ khuông mặt cúi xuống của Dung, thấy dâng lên trong lòng một nỗi mến thương. Anh hạ thấp giọng, nói như một lời cam kết:

"Anh sẽ về trình bày với ba mẹ anh về em..."

Một lát, Dung nói:

"Rồi ba em hỏi em quen biết, hẹn hò với anh hồi nào, em biết nói sao đây!"

"Anh tin rằng mình đường đường chính chính thú tội hết thì người lớn sẽ tha thứ."

Dung lại lặng im, lòng nửa tin tưởng, nửa lo lắng về giải pháp của người yêu. Dung cảm thấy bất an vì cái nhìn tiêu cực cố hữu của cha mẹ cô về tập thể thủy thủ ghe bầu. Cô biết hơn ai hết cha cô chẳng bao giờ coi trọng những con người tứ phương đó mà ông thường dùng những lời đầy miệt thị để gọi - "cái tụi ghe bầu, cái đồ ghe bầu..."

Sau lần hò hẹn đó, người con trai nuôi lòng quyết tâm đi tới, thấy nẻo đường tình của mình khá phẳng phiu, tươi sáng, còn người con gái thì lòng ngổn ngang trăm mối, lo sợ lẫn hy vọng. Nhưng có một điều, cả hai cùng không ngờ là tai họa đã giáng xuống. Trưa hôm sau, Thu từ nhà tức tốc chạy ra gian hàng xén báo tin chẳng lành cho chị: người cha ra lệnh Dung về nhà gặp ông, để cửa hàng cho Thu coi. Dung có gạn hỏi Thu, nhưng cô em cũng chẳng hiểu gì.

Bước vào nhà, Dung gặp ngay tại cửa vẻ mặt lo lắng của mẹ. Cô ngập ngừng mấy giây, rồi đi thẳng vào trong nhà, rón rén đến bên người cha đang ngồi, vẻ mặt hầm hầm. Cái ngước nhìn lạnh như tiền, rồi tiếp theo một tràng câu "hỏi cung" của ông làm Dung có cảm tưởng lưng mình vừa bị ai xối một gáo nước lạnh. Ngay phút đầu dấn thân vào cuộc phiêu lưu tình ái này Dung đã có cái cảm giác bất an thường trực, và nay thì điều nàng nơm nớp chờ đợi đã đến! Qua một khoảnh khắc sợ hãi, Dung bỗng thấy mình bình tĩnh lạ thường. Cô chối phăng tất cả những câu hỏi trói buộc của người cha, một mực nói mình chỉ đến nhà bạn bè chơi, hoặc đi hóng mát ở bờ sông, chứ tuyệt nhiên không hề quen biết, không hề hẹn hò với chàng trai nào. Đến nông nỗi nầy, cô thấy có nhận cũng không nhẹ tội hay xoay chuyển được tình thế. Dùng hăm dọa để gạn hỏi không đi tới đâu, người cha bắt đầu dùng vũ lực. Ông đứng lên, đến bên giàn bếp lôi con roi mây màu vàng nhạt. Hồn vía Dung lên mây, nhưng cô cố tâm niệm trong lòng để đừng nao núng. Dung rên la, van xin, quằn quại dưới những đường roi phũ phàng vun vút xuống người cô, nhưng tuyệt nhiên cô không hề nói một câu gì nhận tội. Mẹ cô hết chịu nổi những tiếng kêu khóc của con, đã lăn xả vào dựt cái roi từ tay chồng.

Mặc cho Dung khăng khăng chối quanh, ông Tú Diệp, cha cô, vẫn tin lời mách bảo của người ngoài. Ông thấy con gái ông đã là trái bom sắp nổ trong nhà! Trong đầu ông thấy

ngay một giải pháp, là sẽ cho vời người mai mối của viên công chức Pháp đến càng sớm càng tốt, trước khi mọi sự thành quá trễ.

Đau đớn do roi vọt là thế, nhưng cái đau do những lời của cha cô mới làm lòng Dung tan nát. "Mày làm điếm nhục gia phong, mày chạy theo một thằng đi ghe bầu ..., thà tao giết mày cho rảnh, còn hơn để mày làm uổng công lao cha mẹ nuôi dạy ..." Ngôn mà nghe những lời này không biết anh sẽ đau khổ đến mức nào! Thật oái ăm, có lẽ giờ này Ngôn đang vui sướng trong lòng với niềm tin rằng "mình đường đường chính chính thú tội hết thì người lớn sẽ tha thứ". Dung đã biết trước, cha mẹ cô không dễ gì chấp nhận Ngôn. Và đó là thành lũy mà cô cảm thấy bất lực không cách gì vượt qua.

Từ hôm đó Dung bị cấm cung trong nhà. Thu thay thế chị trông coi cửa hàng. Chẳng ai báo cho Ngôn hay những gì xảy ra. Đêm hôm sau đến hẹn của hai người, Dung nhờ Thu đến điểm hẹn thông báo tình hình cho Ngôn rõ.

Nghe Thu thuật lại mọi chuyện, Ngôn đứng lặng người hồi lâu, đầu óc như tê liệt. Mọi sự diễn tiến nhanh quá làm anh sửng sốt. Tưởng tượng những đường roi Dung phải hứng chịu, Ngôn tưởng như da thịt mình cũng đau lây. Qua phút giây bàng hoàng, anh thấy một nỗi tuyệt vọng ghê gớm. Anh đứng như trời trồng, hai tay buông thõng. Thu chưa từng thấy một hình ảnh nào tội nghiệp hơn, nó chỉ có nơi người mang một nỗi thống thiết cùng cực trong lòng. Thu thấy ái ngại cho người con trai này, cô muốn nói một lời để làm dãn bớt độ căng của sợi dây sắp đứt:

"Anh cần viết thư cho chị Dung, cứ đến chỗ em bán và kín đáo đưa cho em. Thôi, em về đây."

Dung nằm liệt giường từ hôm bị trận đòn lớn nhất trong đời con gái. Cô chẳng thiết gì cả, nhưng nể lời mẹ, Dung phải cố ăn uống một chút, rồi lại vào nằm vùi. Thân thể cô đau nhừ, nhưng đó chỉ là cái đau đớn của thể xác, cô chẳng mấy quan tâm. Thương tích trong lòng mới là cái không dễ gì lành.

Dung nghe loáng thoáng người mai mối nào đó đã đến theo lời nhắn của cha cô. Lại về chuyện viên công chức Pháp. Lòng Dung dửng dưng, chán chường. Không lấy được người mình yêu, thì lấy một ai khác, cùng chủng tộc hay không, cô chẳng thấy có gì khác nhau. Mấy ngày sau Dung được biết thêm một tin tức mới: duyên phận cô đã được an bài, gia đình đã sẵn sàng đón nhận lễ dạm hỏi của ông Russel, viên công chức cao cấp của Tòa sứ tại tỉnh Quảng Nam. Dung chạnh nghĩ đến Ngôn, giờ này chắc đang đau khổ không kém mình. Ngay từ đầu Dung đã quyết định tuyệt nhiên không cho Ngôn biết việc gã bán của mình. Lòng anh đã tan nát nhiều rồi, có ích chi bắt anh ấy nhận thêm cái nhát chém độc địa này nữa. Cô đã cẩn thận căn dặn em về điều này.

Đối với Ngôn, ngày bỗng dài lê thê và trống vắng đến kinh khủng. Anh thử tìm quên, chạy trốn thực tại trong men rượu như những người khác từng làm. Nhưng cơn say không giúp anh quên mọi chuyện, chỉ dằn vặt thể xác anh thôi! Ngôn ngồi rũ như chiếc lá héo, bên cạnh chung rượu uống dở trong chiếc quán xiêu vẹo tại làng Gành, một làng dân chài nằm sát Cửa Đại. Vạn vật quay cuồng, nhảy múa trước mặt anh, khuông mặt người con gái chủ quán khi mờ khi rõ, thỉnh thoảng liếc nhìn anh bỡ ngỡ. Họ gặp nhau đôi lần. Cô gái có một diện mạo rất xoàng, nếu không muốn nói là xấu. Cô chưa hề thấy anh con trai này mua rượu của cô bao giờ, chỉ một vài lần mua kẹo bánh, và nước dừa giải khát. Men rượu làm Ngôn thấy nhòa đi những tiểu tiết của mọi vật, khiến chúng bớt xấu xí, thậm chí có khi đẹp hẳn lên. Như gương mặt người con gái bán hàng này. Ngôn thấy cô ta có nét quyến rũ. Ngôn không nhớ mình đã nói gì, chỉ thấy cô ta bỏ quán đi nhanh ra ngoài. Rồi anh thấy hai người bạn đồng thuyền bước vào, dìu anh ra về ...

Ngôn thức sớm hơn thường lệ. Mặt trời chưa lên, biển xanh xám. Anh hít thở không khí mát mẻ buổi bình minh, và thấy dễ chịu một chút, tuy đầu vẫn còn nặng và choáng váng. Anh lại thấy lo sợ vì một ngày dài lê thê trước mặt. Ngôn thấy mình cần rời bỏ nơi đây càng sớm càng hay, nhưng chiếc ghe anh biết đến khi nào mới nhổ neo. Với tình hình lên xuống hàng hóa này, cộng với yếu tố gió mùa, có nhanh lắm cũng cả tháng trời nữa nó mới nhúc nhích. Hôm qua Ngôn vừa nghe một người bạn nói chiếc ghe Phan Thiết nằm ở cuối bãi sẽ nhổ neo về lại bến nhà trong vòng không tới mười hôm nữa. Ngôn đang dự định đi xa Thanh Hóa, càng xa càng tốt. Trong nỗi đau khổ này anh không còn lòng dạ nào về nhà, để rồi bị cha mẹ bắt lấy vợ để nối dõi tông đường, để gia đình thêm nhân công! Ngôn đang manh nha trong đầu ý định "đầu quân" ghe kia.

Sau khi được ghe Phan Thiết thâu nhận và

biết đích xác còn đúng năm hôm nữa rời bến, Ngôn đã viết cho Dung một bức thư dài, trong đó anh nói về phương trời vô định, về nỗi lòng của mình, và chúc người ở lại bình yên, may mắn, sớm quên đi mọi buồn phiền.

Nhưng cuộc tình bất hạnh ngắn ngủi dường như cũng được ông trời nghĩ lại ban cho một sự ngẫu nhiên hiếm hoi để đôi kẻ yêu nhau có dịp tiễn biệt nhau. Dung nhẩm tính thấy cái đêm Ngôn nhổ neo cô cũng sẽ có mặt tại nhà chú của mình ở Phước Trạch theo lệnh của cha mẹ để sáng sớm hôm sau kịp phụ giúp làm cỗ đãi đám cưới trong gia đình. Dung muốn gặp người yêu lần cuối. Qua trung gian của Thu, trong đêm biệt ly ấy hai người đã gặp nhau trên đồi cát gần cầu Làng Câu, trông ra biển, một địa điểm khá tình tứ và xa cách xóm làng.

Một đêm tháng bảy không trăng, dưới bầu trời đầy sao và gió dìu dịu, Dung và Ngôn đã gặp bên bờ biển. Ngôn nắm đôi bàn tay run rẩy của Dung, rồi quàng tay say sưa ôm siết nàng. Thốt nhiên, nỗi tuyệt vọng trở lại xâm chiếm lòng anh. Đúng hơn, đó là một nỗi hận. Anh không rõ mình oán hận ai, chỉ biết trút tội vào duyên số. Thình lình Ngôn bóp mạnh tay Dung và nhìn thẳng gương mặt trắng bệch trong bóng tối nhờ nhờ của đêm. Dưới ánh sáng ban ngày thì Dung đã có thể thấy lúc đó mắt người yêu long lanh khác thường. Trong đầu Ngôn vừa lóe lên cái ý nghĩ táo bạo là rủ Dung trốn theo mình. Nhưng Ngôn ngập ngừng, rồi bỗng lấy làm lạ nghe giọng mình nói:

"Thôi em về đi kẻo người nhà lại biết mình ở đây. Duyên tình mình chỉ bấy nhiêu thôi. Ở lại bình yên nhé. Cố quên đi, đừng nghĩ đến nhau nữa."

Ngôn có cảm tưởng anh nói câu cuối để tự khuyên mình. Dung như chợt tỉnh cơn mê với mấy lời nói chán chường của Ngôn. Nàng không dằn được một tiếng nấc lúc nhìn cái bóng mờ mờ của Ngôn nhòa dần về phía biển. Người con trai nghe rõ tiếng nấc đằng sau mình, và rảo bước nhanh hơn như sợ phải nghe thêm nữa.

Trong cơn đau giã biệt, Dung vẫn cảm thấy một thoáng nhẹ nhõm vừa len vào lòng. Còn danh dự gia đình, còn đời con gái. Dung thầm cám ơn Ngôn đã không tiến tới xa hơn... Cô đã cảm thấy mình bé nhỏ, mềm nhũn, hầu như sắp tan biến trong vòng tay Ngôn trong bóng tối đồng lõa. Gặp nhau trong hoàn cảnh và khung cảnh ấy, Dung biết mình yếu đuối và đang chờ đợi. Nhưng Ngôn đã không trả lời sự chờ đợi ấy. Người con trai ấy hờn dỗi số phận, hay cao thượng, hay không muốn gây cho người mình yêu thương những khốn khó về sau, khi vội vã bỏ đi như trốn chạy?...

Dung lau nước mắt, ngồi nấn ná một lúc cho gương mặt trở lại sắc diện bình thường trước khi trở về nhà chú Cam. Cô nhìn ra biển đen ngòm. Những ánh đèn thuyền leo lét rải rác đó đây trên biển, Dung thấy chúng nhấp nháy như trong cơn cô đơn và tuyệt vọng. Bầu trời đầy sao. Ngôn sẽ nhổ neo đêm nay. Một người sẽ lênh đênh vô định, một người là ván sắp đóng thuyền. Đêm Cửa Đại đã chứng kiến cảnh tượng ấy một lần cuối cùng trong đời hai người.

Nhưng cả Cửa Đại lẫn Dung và Ngôn đều không biết và không ngờ được rằng, mấy mươi năm sau, lại có một người của thế hệ thứ ba tên là Natalie, từ một nơi xa xôi trên thế giới đã về đây và đã làm phục hồi câu chuyện ấy trong trí tưởng của mình, trong tiếng gió biển bất tận trên các cồn cát của làng Phước Trạch...

Ngày 1-3-1997

RE/MAX
EXECUTIVES
9840 Carmel Mountain Road
San Diego, CA 92129
HOÀNG TỔNG
(Tony Hoàng)
Tel: (619) 484-5500 *(office)*
(619) 484-2222 *(home)*
Pager: 530-3466
(xin nói vào máy, không bấm số)
Fax: 484-1406
* Tốt nghiệp đại học chuyên khoa Địa Ốc
* Hành nghề Địa Ốc fulltime
liên tục từ năm 1979
* Top Agent của RE/MAX Executives
* Mọi dịch vụ địa ốc thuộc hành phố
San Diego và vùng phụ cận,
xin Quí vị liên lạc Hoàng Tổng (Tony Hoàng)

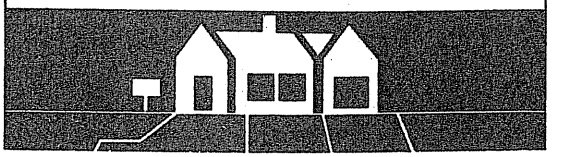

NAM TIẾN

NGUYÊN HƯƠNG

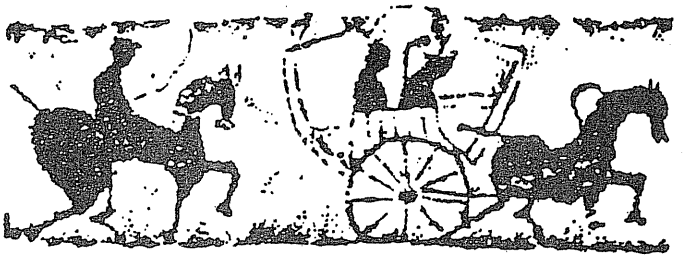

Đọc lịch sử Việt Nam, người ngoại quốc nhận thấy có hai nét đặc trưng nổi bật: sức sống mãnh liệt của dân tộc Việt Nam và sự tham gia, hội diện với các nền văn minh bên ngoài, đặc biệt vùng biển Nam Á là nơi họp mặt giao thương của các nước Tây Phương từ thế kỷ 16.

Sức sống mãnh liệt ấy được nhìn thấy rõ qua cuộc Nam Tiến trường kỳ và liên tục (1).

Vừa thoát khỏi vòng đô hộ Trung Hoa giành lại quyền tự chủ, người Việt Nam lần hồi bành trướng lãnh thổ, lấn đất Chiêm Thành trong lịch sử năm thế kỷ, từ đó đi lần xuống đồng bằng sông Cửu Long, đụng độ với Phù Nam-Chân Lạp, lập nên Gia Định Thành mênh mông trù phú, Nam Việt ngày nay.

Quá trình phát triển đất đai về sau lịch sử gọi là Nam Tiến, hai chữ Nam Tiến viết hoa, bao gồm không những lịch sử cận đại Việt Nam, mà cả lịch sử Chiêm Thành và Phù Nam (Chân Lạp) văn hóa phồn thịnh lâu đời. Có thể nói được rằng lịch sử cận đại Việt Nam một phần không nhỏ là lịch sử Nam Tiến mà cao điểm là thời đại Gia Long, kết thúc với triều đại Minh Mạng hình thành quốc gia Việt Nam văn hiến, hùng cường đầu thế kỷ 19.

Nhìn lại lịch sử xa xưa, lãnh thổ nước ta cho đến đời nhà Lý chỉ quanh quẩn vùng núi Hoành Sơn và miền trung du sông Hồng, sông Lam trở xuống; đến đời nhà Trần, chưa vượt quá đèo Hải Vân. Đời Hậu Lê, cùng với chừng ấy diện tích lãnh thổ, có thêm vùng Thuận-Quảng, dân số tăng gia đến mức độ nhân mãn, đất đai đồng bằng sông Nhị Hà bắt đầu già nua kiệt lực.

Đất nước đang chuyển mình (mà dấu hiệu đầu tiên là cuộc tranh chấp Nam-Bắc Triều, họ Lê, họ Mạc), cần thêm nguồn sinh lực mới. Đây chính là thời điểm cuộc Nam Tiến chuyển đổi giai đoạn. Mặc dù phải tận lực đương đầu khó khăn và nguy hiểm với họ Trịnh trong cuộc nội chiến Đàng Trong-Đàng Ngoài, các chúa Nguyễn đã khôn khéo, lợi dụng đúng lúc tình hình chính trị bất ổn vì tranh chấp nội bộ của Phù Nam-Chân Lạp, tiếp tục cuộc Nam Tiến xa hơn, từ Tiền Giang-Hậu Giang nối liền đến kinh đô Nam Vang.

Đàng Trong vừa mở mang bờ cõi phương Nam, nới rộng ranh giới phương Tây; vừa chiếm đất từng bước, vừa khai thác kinh dinh thật sự, chắc chắn vững vàng, tạo thế lực cho một phương Nam hùng cứ khởi sắc.

Đất đai mới đem lại yếu tố văn hóa; cuộc Nam Tiến ăn sâu bén rễ lâu ngày tạo nên sức mạnh tinh thần cho lớp di dân Đàng Trong. Sống chung Chiêm Thành và Chân Lạp chỉ mới là lớp sóng xao động Nam Tiến bên ngoài buổi ban đầu giao lưu, sinh hóa, trưởng thành, kết tinh nền văn hóa, văn minh Phú Xuân-Việt Nam chính là điểm thành tựu sau cùng cần được các sử gia ngày nay phân tích sâu rộng.

Nếu chỉ nhìn Nam Tiến như một sự kiện cô lập trong không gian, giới hạn Nam Tiến qua những biên niên năm tháng hay địa danh, sẽ không thấy rõ hết sự nối tiếp liên tục vận

động lịch sử mang dấu tích thời đại; nói rõ hơn ý nghĩa và ảnh hưởng Nam Tiến đối với quốc gia dân tộc Việt Nam.

Từ thế kỷ thứ 10, trên giải đất Việt Nam ngày nay đã có ba nền văn hóa, văn minh biệt lập: văn hóa Đông Sơn nước Đại Việt, văn hóa Lâm Ấp-Chiêm Thành và văn hóa Phù Nam-Chân Lạp phát triển tận cùng với đế quốc Khmer.

Châu Ô, Châu Lý sát nhập vào bản đồ Đại Việt (1306), Hóa Châu (Huế) đã trở thành địa bàn giao lưu, hội tụ hai nền văn hóa Đông Sơn và Sa Huỳnh (Chiêm Thành) lâu dần kết tụ thành văn hóa Thuận Hóa-Phú Xuân, riêng biệt với bản sắc Huế nhưng vẫn hòa đồng với văn hóa Đại Việt miền Bắc.

Đi xa hơn vào phương Nam, giao thoa với văn hóa Óc Eo-Phù Nam-Chân Lạp, lần này trong một không gian văn hóa tỏa rộng đến thế giới Nam Hải với các hải đảo xa xôi mang dấu tích văn minh Ấn Độ. Cương giới mở rộng gấp đôi so với các đời Lê, Lý, Trần, Đàng Trong có đủ điều kiện kết tinh từ văn hóa Thuận Hóa-Phú Xuân đến văn hóa Huế-Việt Nam trong một quốc gia xây dựng trên vương triều hoàn chỉnh, một nền thống nhất to lớn thật sự lần đầu tiên từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau. Và kinh đô Phú Xuân-Huế từ nay nghiễm nhiên là trung tâm văn hóa cả nước, muôn dặm tạo cơ đồ, đời đời văn hiến, như còn ghi khắc nơi điện Thái Hòa:

Văn hiến thiên niên quốc
Xa thư vạn lý đồ...

Dưới đây trước hết là những nét đại cương về lịch sử Nam Tiến, tiếp theo bàn về ý nghĩa và ảnh hưởng công trình Nam Tiến đối với vận mệnh quốc gia Việt Nam.

*

Nhìn lại lịch sử Nam Tiến

Trận chiến lớn đầu tiên Việt-Chiêm xảy ra đời Tiền Lê (905-1005): hai lần vua Lê Đại Hành cử binh "phạt" Chiêm: Chiêm vương bỏ thành chạy, kinh đô thành trì bị quân ta đốt phá, vàng bạc châu báu tịch thu khá nhiều. Trong thế yếu, Chiêm Thành xin triều cống, nhưng rồi lại tìm cơ hội đối địch, cũng là lẽ tự nhiên xưa nay.

Nối tiếp cuộc hành quân năm 1044 đời vua Lý Thái Tông, năm 1069 vua Lý Thánh Tông thống lãnh binh mã, đổ bộ lên cửa bể Thi Lợi Bỉ Nại (Sri Banoy) tiến chiếm kinh đô Vijaya. Chế Củ (Rudravarman III) xin dâng ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính (Quảng Bình-Quảng Trị) (2). Cuộc chiếm đất chỉ có tiếng vì sau đó không lâu, Chiêm Thành lại nổi lên đòi lại.

Năm 1075, Lý Thường Kiệt cử binh đánh Chiêm Thành nhưng không thành công, ngoài việc vẽ bản đồ ba châu nói trên.

Làm lễ cưới công chúa Huyền Trân, năm 1306 Chế Mân (Jaya Sinhavarman III) xin dâng hai châu Ô-Lý, một năm sau đổi thành Thuận Châu, Hóa Châu. Chế Mân chết, Chế Chỉ và Chế Năng (Chế Đà A Ba Niên) liên tiếp nối ngôi không ngừng mưu định khôi phục Thuận Châu-Hóa Châu. Vua Trần Anh Tôn năm 1311 lại có dịp "phạt" Chiêm, bắt được Chế Chỉ (Jaya Sinhavarman IV) đem về Thăng Long. Hận thù Chiêm-Việt thêm sâu sắc kể từ đây.

Sau trận chiến Chiêm-Việt năm 1318, nội bộ Chiêm Thành chia rẽ. Thất bại trong việc tranh giành ngôi vua với anh rể Trà Hoa Bồ Đề (năm 1342), con Chế Chỉ là Chế Mổ chạy sang cầu cứu Đại Việt. Vua Trần Dụ Tôn cho đưa Chế Mổ về nước (1353), nhưng vừa đến Cổ Lũy (Tư Nghĩa-Quảng Ngãi) thì bị chận đánh, phải trở về Thăng Long.

Mấy năm sau Chiêm vương Trà Hoa Bồ Đề sai sứ sang đòi lại Hóa Châu. Cuộc vận động ngoại giao không thành, và cả bằng vũ lực sau đó cũng thất bại liên tiếp mấy lần. Đến lượt nhà Trần suy yếu và nước láng giềng phương Nam vùng dậy. Vị anh hùng của dân tộc Chiêm Thành trong giai đoạn này (1369-1390) là Chế Bồng Nga sau này ra vào Thăng Long "như chỗ không người," vua tôi nhà Trần mấy phen hãi hùng khiếp sợ phải đi lánh nạn.

Lần đầu tiên, năm 1370, thủy quân Chế Bồng Nga đổ bộ cửa Đại An (Đại An hay Đại Ác, cửa sông Đáy) kéo lên Thăng Long, đốt sạch cung điện, thâu tóm châu báu vàng bạc đem về.

Mấy năm sau (1376) được tin Chiêm Thành chuẩn bị đánh Thuận-Hóa, từ các tỉnh Thanh-Nghệ đến Thuận-Hóa tiếp vận binh mã lương thực, vua Trần Duệ Tông thống lãnh 12 vạn quân thủy bộ tiến vào cửa Thị Nại (Thi Lợi Bỉ Nại), chiếm xong căn cứ Kỳ Mang (Ỷ Mang) tiến lên kinh đô Đồ Bàn (Vijaya). Bị mưu kế phục kích của Chế Bồng Nga, vua Duệ Tông tử trận, quân ta một số đầu hàng, một số (trong đó có Hồ Quý Ly) theo đường biển chạy thoát.

Lần thứ ba, tháng 5 năm Mậu Ngọ (1378),

càn quét xong Nghệ An, Chế Bồng Nga thẳng đường tiến binh ra Thăng Long tàn phá như hai lần trước. Kết quả sau cùng là lãnh thổ Đại Việt, từ Thuận Hóa-Tân Bình đến Nghệ An bị quân Chiêm Thành chiếm đóng. Khí thế Chiêm Thành uy hiếp Thăng Long vẫn đè nặng, từ năm 1380 đến năm 1382, cho đến khi Chế Bồng Nga tử trận trên sông Hoàng Giang vì sự phản bội của tùy tướng Bá Lâu Khê. Cái chết của Chế Bồng Nga không những đã cứu nguy kinh đô Đại Việt mà còn tránh cho nhà hậu Trần khỏi phải ghi lại trang sử bi đát hơn.

Chế Bồng Nga mất, tướng Lã Khải (Ko Cheng, sử Tàu phiên âm) thừa dịp cướp ngôi. Hai con Chế Bồng Nga, Chế Ma Nô Đã Nan và Chế San Nô chạy sang núp bóng Đại Việt chờ cơ hội.

Sau ngày Lã Khải mất, lần thứ hai (1402) Hồ Quý Ly sai Đỗ Mãn đem quân đánh Chiêm Thành; Chiêm vương Campadhiraya (Ba Đích Lại) xin nhường đất Chiêm Động (Indrapura, phủ Thăng Bình, Quảng Nam). Trên đà thắng lớn, Hồ Quý Ly đòi thêm đất Cổ Lũy (Quảng Ngãi). Đất đai miền Bắc Chiêm Thành (Amaraviti) như vậy thuộc về nước ta. Bất hợp tác, người Chiêm Thành lánh cư chạy xuống miền Nam; vùng Amavariti vừa chiếm được trở thành đồng không nhà trống. Hồ Quý Ly bèn cho thi hành chính sách di dân bắt buộc đối với những người không có ruộng đất cày cấy.

Cũng với biện pháp mạnh, năm 1403 Hồ Quý Ly lại sai tướng Đỗ Mãn đem hai vạn quân trở lại Chiêm Thành. Hơn chín tháng trời mới tới được thành Đồ Bàn (Chà Bàn). Cuộc viễn chinh xa xôi tốn kém nhưng rồi binh lương thiếu thốn, bệnh tật chết chóc, hao binh tổn tướng, cuối cùng trở về không. Việc khai phá vùng đất mới đang phôi thai thì xảy ra cuộc chiến tranh chống xâm lăng nhà Minh lấy danh nghĩa "điếu phạt" nhà Hồ, tạo cơ hội cho Chiêm vương Ba Đích Lại dùng võ lực thu hồi lãnh thổ, triệt tiêu luôn kế hoạch di dân khai phá đất đai Chiêm Thành của Hồ Quý Ly.

LILAS TRẦN

QUESTIONS

A piece of my soul I sent,
do you still have?
Letters that I've written
do you still hold?

In the morning I awake
the sea still roars, and
the waves still come ashore.
There are evenings
when the clouds are downcast
and my soul is blue.
I whisper your name
in the blowing wind.
Do you still hear?

Laguna beach off-season
There are no children playing in the sand
only the seagulls flying low.
I wander on the beach,
The ocean in the front, and
The mountain blinds my sight.
Looking east,
only white clouds, and
I can't find you.
Through my dark sunglasses, I am searching
Do you still see?

The wind, the waves, and the sand
are the only things I have to hold.

A piece of my soul sent
do you still keep?

Tìm cơ hội hành quân "phạt" Chiêm, năm 1469 vua Lê Thánh Tông đưa yêu sách ngoại giao khác thường: lễ vật cống hiến. Là phiên vương đối với hai nước Trung Hoa và Đại Việt, Chiêm Thành phải cống hiến lễ vật hai nước bằng nhau (3). Không chấp nhận đòi hỏi của Đại Việt hay dựa thế nhà Minh muốn "thử sức" Đại Việt, đạo quân Chiêm vương Trà Toàn vượt biên giới tấn công Thuận Hóa. Một cuộc hành binh thử sức thật sự vì đánh phá xong lại trở về để rồi năm sau tiếp tục hành quân lớn hơn: mười vạn quân và voi trận, chủ lực tấn công của Chiêm Thành.

Trà Toàn xâm phạm biên cương là cơ hội vua Lê Thánh Tông chờ đợi để thống lãnh 15 vạn quân tướng đổ bộ Sa Kỳ (Quảng Ngãi) chiếm luôn kinh đô Trà Bàn (Chà Bàn - Bình Định). Trà Toàn bị bắt đưa về Thăng Long nhưng vừa đến Nghệ An thì mất.

Tướng Chiêm là Bô Trí Tri cùng với tàn quân lui về giữ Phan Lung (Phan Rang - Panduranga) tự xưng làm vua, sai sứ xin trở lại thần phục nhà Lê. Núi Thạch Bi giữa hai tỉnh Phú Yên-Khánh Hòa đến mũi Varella tạm thời làm biên giới Chiêm-Việt. Vùng đất Chiêm vừa chiếm được, vua Lê Thánh Tông chia nhỏ thành ba "nước": Chiêm Thành hay Đại Chiêm, Hoa Anh và Nam Phan (4), mấy tháng sau trở thành phủ Thăng Hoa, Tư Nghĩa và Hoài Nhơn.

Nam Tiến thời đại các chúa Nguyễn

Khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa (1558), phần cực Nam nước Đại Việt là huyện Tuy Viễn (trấn Quảng Nam). Bên kia đèo Cù Mông (giữa Phú Yên-Bình Định) là đất đai Chiêm Thành.

Năm 1611, trấn thủ Nguyễn Hoàng sai chủ sự Văn Phong vượt đèo Cù Mông mở đầu cuộc Nam Tiến thắng lợi: Đàng Trong có thêm phủ Phú Yên (về sau đổi thành Trấn Biên) gồm hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa.

Năm 1653 đến lượt chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần đưa quân dân vượt đèo vượt núi (Thạch Bi) lấn chiếm lãnh thổ Chiêm Thành đến tận Phan Rang, đặt dinh Thái Khương với hai phủ Thái Khương (Ninh Hòa) và Diên Ninh (Diên Khánh).

Nam Tiến lại tiếp tục; năm 1692 chúa Nguyễn Phúc Chu chiếm trọn đất Phan Rí, về sau gọi là trấn Thuận Thành (tiếp sau nữa, Bình Thuận). Chiếm đóng bằng võ lực không mấy khó khăn, nhưng cai trị nước người không dễ. Để trấn an vỗ về người Chiêm nhiều lần nổi loạn, chúa Nguyễn Phúc Chu phong Kế Bà Tử làm phiên vương để cai trị người Chiêm, hàng năm giữ lệ cống hiến.

Từ căn cứ Thuận-Quảng, đến đây các chúa Nguyễn đã nới rộng Đàng Trong đến tận Bình Thuận. Cho đến hết đời Kế Bà Tử, Chiêm Thành chỉ còn lại một mảnh đất nhỏ gọi là Thuận Thành và chức phiên vương không thực quyền. Đàng Trong lập thêm ba dinh mới Phú Yên, Bình Khang, Bình Thuận:

Lịch sử Lâm Ấp-Chiêm Thành, ra đời khoảng năm 190-192 sau cuộc nổi dậy của Khu Liên chống chế độ nhà Hán, đến đây chấm dứt. Người Chiêm Thành còn đó (5), sống chung hòa đồng thuận thảo với người Việt, trở thành công dân Việt Nam nhưng quốc hiệu Chiêm Thành, Champa, Nagara Campa và trước đó Lin Yi (Lâm Ấp) độc lập hùng cường khi Giao Chỉ còn nội thuộc nước Tàu, từ nay không còn nữa trên bán đảo Ấn Độ Chi Na.

Cuộc Nam Tiến tiếp nối sang giai đoạn khác, quan trọng hơn, ảnh hưởng lớn lao hơn, nhờ đó tạo thành một nước Việt Nam vị trí địa dư hoàn chỉnh, từ Bắc xuống Nam, hình cong chữ S, bao lơn của Thái Bình Dương...

Nước láng giềng phương Nam cùng chung văn hóa, chủng tộc với Chiêm Thành là Phù Nam-Chân Lạp (6), vì hoàn cảnh địa lý chính trị, có khi là đồng minh liên kết, có khi trở thành thù địch với Chiêm Thành, kéo dài chiến tranh đến gần thế kỷ. Phù Nam-Chân Lạp hùng mạnh ở Đông Nam Á nhờ canh nông phát triển, nhờ tiếp xúc giao thương với Trung Hoa, Nhật Bản và các nước Tây Phương.

Giáp giới Chiêm Thành và sau này với Đàng Trong, Phù Nam-Chân Lạp dù muốn hay không đã tiếp nhận các nhóm di dân tự động Đàng Trong lần hồi theo làn sóng Nam Tiến đến khai phá rừng hoang, khai canh lập nghiệp, đông đảo nhất vùng Mô Xoài-Đồng Nai.

Thêm một yếu tố lịch sử thuận lợi bất ngờ: để giữ thế quân bình chính trị và quân sự với Xiêm La, triều đình Chân Lạp đang cân bang giao thân thiện với các chúa Đàng Trong.

Từ Huyền Trân công chúa đời Trần, lịch sử Nam Tiến đến đây vinh danh thêm một giai nhân lá ngọc cành vàng khác, con gái chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên, Hy Tông Hoàng Đế. Năm 1620, vua Chân Lạp Prea Chey Chetta II đẹp duyên cùng công chúa Ngọc Vạn. Cuộc

hôn nhân có ảnh hưởng lớn lao đối với vận mệnh hai nước; thuận lợi cho Đàng Trong nước Đại Việt nhiều hơn (7). Nhờ công nương Ngọc Vạn, triều đình Oudong đón nhận một số văn võ quan Đàng Trong làm "cố vấn" và triều đình Thuận Hóa có thêm cơ hội can thiệp vào nội bộ Chân Lạp. Nhờ sự che chở của hoàng hậu Ngọc Vạn, người xứ Đàng Trong tự do di dân đến Chân Lạp mỗi ngày một nhiều hơn, bảo đảm hơn.

Năm 1623, sứ bộ Đàng Trong đến kinh đô Oudong điều đình việc lập đồn kiểm soát quan thuế tại Preykor (Sài Gòn sau này) được quốc vương Chân Lạp chấp thuận dễ dàng. Có Preykor làm đầu cầu chiến lược, việc di dân có căn bản vững chắc, tha hồ tỏa rộng nối dài.

Năm 1658, ba mươi năm sau ngày Prea Chey Chetta II mất, vì sự tranh giành ngôi báu với Nặc Ông Chân và do ảnh hưởng của thái hậu Ngọc Vạn, đám hoàng thân mất ngôi chạy sang nương nhờ chúa Nguyễn. Tướng Nguyễn Phúc Yến theo lệnh chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần đem 3000 quân đến Mô Xoài bắt Nặc Ông Chân đưa về an trí tại Quảng Bình và phong cho con trai thái hậu lên làm vua: quốc vương Batom Reacha Pontana Reja.

Năm 1674, Nặc Ông Đài (Ang Chey) đảo chánh cướp ngôi vua, Nặc Ông Nộn (con thứ hai thái hậu Ngọc Vạn) lại trở về họ ngoại cầu cứu. Chúa Hiền sai cai cơ Nguyễn Dương hành quân tiến chiếm Sài Côn, Gò Bích, Nam Vang. Nặc Ông Đài tử trận. Để tỏ ra đối xử công bằng với các hoàng thân cùng cha khác mẹ đang giành nhau ngôi báu, chúa Hiền phong cho Nặc Ông Thu (Ang Saur) làm chính vương ở Oudong, Nặc Ông Nộn làm Đệ nhị vương đóng đô ở Sài Côn (Prey Nokor).

Năm 1679, một cộng đồng tỵ nạn Trung Hoa hơn 3000 người, những quan quân nhà Minh không chịu thần phục nhà Thanh với tổng binh Dương Ngạn Địch, phó tướng Hoàng Tiến và hai tổng, phó binh họ Trần, Trần Thượng Xuyên, Trần An Bình cùng với 50 chiến thuyền đến cửa Tư Hiền và cửa Thuận an xin yết kiến chúa Nguyễn. Đang sẵn có ý định khai khẩn vùng đất Đồng Nai, chúa Hiền sai hai tướng Văn Trình, Văn Chiêu (sử ta không ghi họ) đưa đám quân binh nhà Minh vào Nam, mang theo quốc thơ gởi vua Chân Lạp yêu cầu cấp phát đất đai và đối xử tử tế với nhóm di dân mới, phân chia nhau bọn Dương Ngạn Địch định cư ở Mỹ Tho và các tướng tá họ Trần ở Bàn Lân (Biên Hòa).

Nhờ lớp di dân Trung Hoa tỵ nạn này, hai thị trấn được thành lập: Đại Phố Châu (Cù Lao Phố) ở Biên Hòa và Mỹ Tho đại phố, lần lần trở thành hai trung tâm thương mại phồn thịnh đón tiếp nhiều ghe thuyền ngoại quốc ra vào mua bán. Biên Hòa chính thức sát nhập vào lãnh thổ Đàng Trong, và Mỹ Tho trên thực tế đã trở thành vùng đất Nam Tiến tự trị.

Năm 1688 Hoàng Tiến nổi loạn giết Dương Ngạn Địch, đem quân đóng ở Rạch Nan (Nan Khê) đánh nhau với người Cao Miên, Nặc Ông Thu thừa dịp này cầu viện Xiêm, ly khai với chúa Nguyễn. Chưởng cơ Nguyễn Hữu Kính được lệnh chúa Nguyễn Phúc Trăn vào kinh lược Cao Miên. Nguyễn Hữu Kính đem quân chiếm đóng Nam Vang, giết được Hoàng Tiến và bắt Nặc Ông Thu đem về Sài Côn, đưa con là Nặc Ông Nộn lên làm vua đóng đô ở Gò Bích (Loveik).

Đồng Nai-Gia Định đã vững vàng, chúa Nguyễn Phúc Chu chính thức đặt nền cai trị trực tiếp, phân chia lãnh thổ hành chánh, thành lập hai dinh Trấn Biên (Biên Hòa) và Phiên Trấn (Gia Định), lấy đất Nông Nại (Đồng Nai) làm huyện Phước Long, Sài Côn làm huyện Tân Bình; bổ nhiệm văn võ quan vào các chức vụ lưu thủ, cai bộ, ký lục; tổ chức quân binh theo cơ đội, bộ binh thủy binh. Thành tích được ghi nhận tốt đẹp hơn cả là chiêu mộ thêm lưu dân từ Thuận-Hóa Châu trở vào, hệ thống hóa các lớp di dân mới cũ thành làng xã, thôn ấp; ruộng đất, nhà cửa, nhân khẩu kê khai theo đinh, địa bộ, như sau này Gia Định Thành Thống Chí ghi rõ, "... đất đai mở rộng thêm 1000 dặm, dân số trên 40.000 hộ (nhà), mọi người đều được phân chia ruộng đất cày cấy..."

Việc khai phá mở mang tốt đẹp Biên Hòa-Mỹ Tho góp phần công lớn thành lập Gia-Định-Thành của hai nhóm Trung Hoa tỵ nạn Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên, là món quà Nam Tiến đầu tiên hiến dâng các chúa Đàng Trong. Như "sách trời định phần" việc Mạc Cửu tiếp sau dâng đất Hà Tiên là một tặng phẩm chiến lược độc nhất vô nhị. Uy quyền triều đình Thuận Hóa-Phú Xuân từ đây tỏa rộng từ Tiền Giang, Hậu Giang đến vịnh Xiêm La. Nhờ Hà Tiên dinh trấn, thế lực chúa Nguyễn còn đi xa hơn, nối liền Thủy Chân Lạp với Lục Chân Lạp, mở đường việc bảo hộ Cao Miên sau này.

Mạc Cửu, người Quảng Đông, trước đây ở Sài Mạc, buôn bán kinh doanh phát đạt, tập

họp lưu dân lập thành bảy xã ở Hà Tiên, thấy Chân Lạp nổi loạn liên miên bèn dâng đất Hà Tiên, thần phục triều đình Thuận Hóa-Phú Xuân. Chúa Nguyễn Phúc Chu phong cho Mạc Cửu chức Tổng binh trấn Hà Tiên làm phiên thuộc (tự trị), tiếp tục công việc khai hóa Hà Tiên; quan trọng hơn cả, canh chừng và ngăn chặn ảnh hưởng Xiêm La.

Mùa xuân năm Nhâm Tí (1732) nới rộng địa bàn hành chánh quân sự, chúa Nguyễn Phúc Trú lập dinh Long Hồ và châu Định Viễn (Long Hồ, Vĩnh Long nguyên trước là đất Mê Sa và Long Hor do Nặc Tha "xin nhượng," trên thực tế đã thuộc quyền kiểm soát của Đàng Trong).

Năm 1753, nội tình Chân Lạp rối ren, hoàng gia Cao Miên một số theo về các chúa Đàng Trong, một số có sẵn cảm tình chủng tộc với Xiêm La, càng thêm rắc rối hơn. Để ổn định tình hình, chúa Nguyễn Phúc Trú hạ lệnh cho Thiện Chánh làm thống xuất, Nguyễn Cư Trinh làm tham mưu vào Cao Miên kinh lược, trọn quyền điều động quân tướng năm dinh từ Bình Khang trở vào. Thành Nam Vang bị chiếm đóng dễ dàng; quốc vương Cao Miên Nặc Ông Nguyên chạy về Hà Tiên nhờ Mạc Thiên Tứ che chở. Để "chuộc tội" đã về hùa theo Xiêm La, cầu viện chúa Trịnh và nhờ Mạc Thiên Tứ tâu xin, Nặc Ông Nguyên được trở lại ngôi vua (1756) xin "dâng" hai phủ Tầm Đôn và Xoài Rạp.

Nặc Ông Nguyên mất (1757), Nặc Ông Nhuận giữ quyền nhiếp chính, lại dâng thêm đất Trà Vinh và Ba Thát (Ba Thắc - Bassac), chẳng bao lâu lại bị Nạc Hinh giết. Cháu Nặc Nhuận là Nặc Tôn chạy sang Hà Tiên cầu cứu. Sắc phong cho Nặc Tôn làm vua Cao Miên, chúa Nguyễn Phúc Khoát sai Mạc Thiên Tứ tập họp binh mã đem Nặc Ông Tôn về Nam Vang làm lễ tấn phong. Để tạ ơn chúa Nguyễn, Nặc Tôn xin dâng đất Tầm Phong Long (An Giang) đồng thời cũng để cám ơn công lao Mạc Thiên Tứ, Nặc Ông Tôn đem năm phủ Vũng Thơm, Cần Bột (Kampot), Châu Sâm, Sài Mạt và Linh Quỳnh làm quà tặng thêm ân nhân Mạc Thiên Tứ. Với phần đất tặng biếu này, đất đai Hà Tiên mở rộng; Mạc Thiên Tứ theo lệnh chúa Nguyễn, đặt Rạch Giá thành đạo Kiên Giang, Cà Mâu thành đạo Long Xuyên.

Như vậy, cùng với việc thành lập trước đây (theo đề nghị của phái đoàn kinh lược Thiện Chánh Hầu và Nguyễn Cư Trinh) các đạo Đông Nhằn (Sa Đéc), đạo Tân Châu ở Tiền Giang, đạo Châu Đốc ở Hậu Giang, hầu hết đất đai Thủy Chân Lạp thuộc quyền kiểm soat của triều đình chúa Nguyễn ở Phú Xuân.

Nặc Ông Tôn triều cống người Việt; không thể ngồi yên chờ đợi, vua Xiêm La Trịnh Quốc Anh liền cử binh tiến chiếm Cao Miên. Đại quân thủy bộ Xiêm La đem toàn lực uy hiếp Hà Tiên, Mạc Thiên Tứ và hai con chạy thoát cùng lui về Châu Đốc liên lạc với đạo quân của Tống Phước Hạp. Chiếm xong Hà Tiên, quân Xiêm La tiến lên kinh đô Nam Vang đưa Nặc Ông Nộn lên làm vua, thay thế Nặc Tôn.

Cuộc đụng độ quân sự lớn lao nhất Việt-Xiêm khởi đầu. Đến lượt chúa Nguyễn không thể ngồi yên bỏ rơi Nặc Tôn. Năm 1772 triều đình Phú Xuân hạ lệnh Chưởng Cơ Nguyễn Cửu Đàm thống xuất 10.000 quân binh thủy bộ và 30 chiến thuyền phối hợp với đạo quân Long Hồ do Nguyễn Khoa Chiêm chỉ huy tiến lên Nam Vang đánh tan quân Xiêm La, đưa Nặc Ông Tôn trở lại ngôi vua. Với cuộc hành quân chính trị này, triều đình Phú Xuân nắm đủ thời cơ thuận lợi đặt nền bảo hộ nước láng giềng Cao Miên.

Năm 1778 thành Gia Định về tay nhà Nguyễn Tây Sơn, Xiêm La trở lại chiếm đóng Nam Vang từ đó cho đến năm 1801, đến lượt vua Gia Long giành lại quyền bá chủ Chân Lạp-Cao Miên.

"Quyền" bảo hộ được Xiêm La nhìn nhận, thời tổng trấn Gia Định Thành Lê Văn Duyệt, khi đội quân cuối cùng của Xiêm La phải rời khỏi Battambang, từ đó cho đến đầu triều đại vua Thiệu Trị, năm 1847 với hai sắc dụ cuối cùng cáo chung một thời vang bóng: phong Nặc Ông Đôn làm quốc vương Cao Miên và Mỹ Lâm quận chúa làm Cao Miên Quận Chúa.

Chú thích

1) Yoshiharu Tsuboi: L'Empire Vietnamien face à la France et à la Chine. L'Harmattan. Paris 1987.

2) Về các địa danh Chiêm Thành, kinh đô thay đổi nhiều lần, xin đọc thêm Le Royaume de Champa: Georges Maspéro. EFEO Paris 1928.

3) Tuy rằng Đại Việt và Chiêm Thành vẫn đi lại cống hiến Trung Hoa, sứ bộ hai nước có khi còn "chộ mệ" (gặp nhau) tại triều đình Trung Hoa, nhưng Đại Việt vẫn coi mình là "thượng quốc" và Chiêm Thành là "phiên thuộc." Nổi tiếng giàu có về vàng bạc, ngọc ngà châu báu, lễ vật cống hiến

của Chiêm Thành thường thường rất hậu hĩ, gồm có sản vật địa phương như ngà voi, sừng tê giác, giáng hương, kỳ nam, bạch đàn, nhục quế, long não... Voi và tê giác là hai (con) vật cống lễ không thể thiếu được. Lỡ thiếu, cả Trung Hoa lẫn Đại Việt, thường "nhắc khéo" thuộc quốc, có khi trả lại không nhận!

Nhiều lần liên tiếp, Chiêm Thành cống hiến Trung Hoa mấy con voi trắng (bạch tượng) và tê giác trắng rất quý hiếm; lâu ngày thành lệ như trường hợp vua Lê Thánh Tôn bắt Chiêm Thành phải cống một cặp bạch tượng.

Tiếp sứ bộ Chiêm Thành hôm ấy, vua Lê Thánh Tôn truyền phán đại ý: "Là phiên quốc đối với Đại Việt, Chiêm Thành phải làm đầy đủ bổn phận... lần này phải dâng thêm voi, tê giác và ngọc hỏa châu... Sứ thần Chiêm Thành tâu xin: "Tệ quốc lâu nay vẫn thần phục quý quốc, vâng theo thánh ý bệ hạ như con cái vâng lời cha mẹ. Nay bệ hạ truyền dâng thêm cống phẩm, hạ thần không thể tuân hành ngay được. Cúi xin bệ hạ ban lệnh cho sứ thần quý quốc đến tệ quốc bàn định..." (Chuyển ngữ đoạn này theo bản Pháp văn: Le Royaume du Champa. tr. 235 sđd).

Sứ Chiêm về tâu lại, Chiêm vương Trà Toàn không chấp thuận. Trà Toàn trước đây thường cho người qua Trung Hoa kiện cáo về việc Đại Việt gây hấn Chiêm Thành, tuy có lúc vẫn cho quân xâm phạm lãnh thổ Đại Việt. Việc yêu sách cống phẩm trên chỉ là lý do bề mặt để dò xem phản ứng Chiêm Thành. Và đúng như vua Lê Thánh Tôn dự đoán; sau khi cho người cấp báo triều đình Trung Hoa, Trà Toàn ra tay trước bằng cuộc hành quân tấn công Thuận-Hóa như đã ghi trên.

4) Để làm suy yếu thế lực Chiêm Thành, vua Lê Thánh Tôn xé nhỏ phần đất mới chiếm được thành ba nước, mỗi nước một quốc vương riêng: Đại Chiêm hay Chiêm Động (thuộc phía bắc lãnh thổ Chiêm Thành, gọi là Amaravati, tỉnh Quảng Nam ngày nay) ranh giới kéo dài từ Nam Ngãi đến Chà Bàn (Bình Định); Hoa Anh ở phía Nam Chiêm Động (có thể là vùng đất Phú Yên) và Nam Phan (hay Nam Bàn) ở phía tây Hoa Anh lan rộng đến vùng núi Trường Sơn, sau này là hai nước Thủy Xá, Hỏa Xá, sách Đại Nam Thực Lục thường nói đến.

Nên biết qua, miền Bắc Chiêm Thành (Amavarati) gồm có kinh đô (một trong những kinh đô) Indrapura và cửa bể Đại Chiêm, Sinhapura, trên sông Thu Bồn (sông Sinhapura như người Chiêm gọi). Phần đất miền Nam Chiêm Thành còn lại gồm có từ Kanthara (Khánh Hòa), Panduranga (Phan Rang) trở vào cho đến Bình Thuận (Vijaya, sử ta gọi là Phật Thệ).

Trên thực tế lịch sử, rất khó định rõ vị trí "tam quốc" nói trên; việc chú thích gần-gần-đúng chỉ có mục đích để bạn đọc dễ theo dõi, trong khi Chiêm Thành lần lần mất hết đất đai kể từ đây.

5) Nước Chiêm Thành không còn nữa, một số người Chiêm chạy sang hướng Tây miền Thượng Sơn sống lẫn lộn với các sắc dân thiểu số; một số chạy sang miền đông Cao Miên, sử ta sau này gọi là người Côn Man. Số người Chiêm còn lại quy tụ ở Phan Rang, Phan Thiết gọi là người Chàm, người Hồi, hay Lồi (Thành Lồi).

Năm Minh Mạng thứ 20, nhà vua sắc dụ đổi tên thổ dân địa phương, từ nay gọi là Tân dân - dân mới - (sau này năm 1945, Việt Minh cướp chính quyền, bắt chước theo, cũng gọi đồng bào thiểu số là Việt Nam mới):

"Nguyên Thuận Thành đã được phân thiết phủ huyện... thổ dân bây giờ ăn bận đều đã giống người kinh... mới được cải cách mà đã tiêm nhiễm khá nhiều phong hóa miền kinh, biết phục dịch công vụ, đã nhạy cảm theo phong hóa mới...

Từ nay về sau, phải gọi họ là tân dân (dân Việt Nam mới). Mặt khác cũng phải nói cho họ biết phải tự xưng mình là tân dân, cho biết rõ cái ý nghĩa "nhất thị" (cùng dòng giống Việt Nam như những người Việt Nam khác).

Theo G. Maspero (sđd), đầu thập niên 20 có độ chừng 60.000 người Chàm ở Cao Miên theo Hồi Giáo và ở Phan Rang, Phan Thiết trên dưới 30.000 người. Người Chàm theo Hồi Giáo ở miền Nam Trung Việt gọi là Chàm Bani, phiên âm theo tiếng Ả Rập, có nghĩa là "con cái" đấng Tiên Tri.

6) Gọi Phù Nam-Chân Lạp (Chân Lạp-Cao Miên) để độc giả dễ theo dõi liên tục lịch sử nước láng giềng Cao Miên ngày nay.

Chân Lạp, nguyên trước là nước Phù Nam (Fu Nan) một quốc gia hùng mạnh theo văn minh Ấn Độ, lãnh thổ rộng lớn bao gồm ngoài Cao Miên và Nam Việt ngày nay, còn có thêm Hạ Lào và một phần miền đông biên giới Xiêm La.

Vào giữa thế kỷ thứ 6, người Chân Lạp (Kambuja, tổ tiên người Khmer sau này) nổi lên chiếm nước, lần lần thay thế địa vị Phù Nam làm bá chủ vùng tây nam Ấn Độ Chi Na; định đô ở Angkor. Sau ngày Jayawarman mất, nội bộ Chân Lạp chia rẽ vì tranh giành ngôi vua. Đến đầu thế kỷ thứ 8, Chân Lạp chia thành hai nước: Lục Chân Lạp (Cambhupura) và Thủy Chân Lạp (Viadhapura, Nam Việt sau này).

Một thế kỷ sau hợp nhất lại; nước Chân Lạp thống nhất mở đầu giai đoạn thịnh trị của đế quốc Khmer cho đến giữa thế kỷ 15.

Kéo dài chiến tranh với Chiêm Thành trên một thế kỷ, tiếp đến đụng độ với Đàng Trong, nội bộ xâu xé chia rẽ, lúc ngả theo Xiêm La, lúc theo về các chúa Nguyễn Đàng Trong, đất nước Chân Lạp-Cao Miên biến thành bãi chiến trường hai nước Xiêm La và Đại Việt Đàng Trong. Từ quốc hiệu Phù Nam đến Chân Lạp đổi thành Cao Miên đầu thế kỷ 18, nước Cao Miên suy yếu dần cho đến khi trở thành thuộc quốc của Việt Nam vào cuối thế kỷ 18.

7) Xem: Công Nương Ngọc Vạn. Lệ Vân. T.S.H Dallas. 1992.

THƯƠNG TIẾC NHẠC SĨ NGUYỄN HỮU BA

TRẦN VĂN KHÊ

Nhạc sĩ Nguyễn Hữu Ba

Anh Ba ơi!

Vào những năm từ 1950 đến sau này, khi phong trào tân nhạc đang lên, khi mọi người trong nước nghĩ rằng âm nhạc truyền thống sẽ bị đưa vào lãng quên, chỉ còn để tàng trữ trong các Bảo tàng viện, thì anh Khoát ngoài Bắc, Anh tại miền Trung, tôi ở bên Pháp nhưng đang trở lại học hỏi sưu tầm âm nhạc tài tử miền Nam và bắt đầu lo soạn luận án Tiến sĩ, chúng ta đã mỗi người trong mỗi địa phương, cố bảo tồn vốn cổ. Trong thư từ trao đổi với tôi, Anh thường mơ ước ngày nào đó, ba anh em mình ngồi chung lại, bàn về những phương tiện để khơi mạch sống cho nền âm nhạc dân tộc Việt Nam.

Khi anh Khoát vĩnh viễn ra đi, tôi đã nhắc lời mơ ước của Anh và thấy rằng chúng ta không thể nào thực hiện giấc mơ ấy được. Nay Anh lại ra đi, thì trong ba người "ngự lâm pháo thủ" cách đây gần nửa thế kỷ, đã dùng ngòi bút, cây đàn, máy ghi âm giữ lại những gì độc đáo trong âm nhạc truyền thống Việt Nam, đã từng chen chân vào làng tân nhạc để hiểu rõ nhu cầu thẩm mỹ của giới trẻ, để có cách bảo tồn cái hay của vốn cổ một cách hữu hiệu hơn, thì ngày nay chỉ còn tôi tuy tuổi cao sức yếu, nhưng còn sống để khóc anh Khoát và Anh.

Sẽ có nhiều bạn trong nước, có đủ tài liệu, hoặc thường liên lạc trực tiếp với Anh hơn tôi, sẽ viết lại tiểu sử của Anh, ôn lại những công trình của Anh trên nhiều lãnh vực, sưu tầm nghiên cứu, sáng tác, giảng dạy, truyền nghề đào tạo người kế thừa. Hôm nay, nhớ Anh, tôi chỉ xem lại một số thư từ chúng ta viết cho nhau, sách báo Anh gởi tặng tôi, để nhắc lại những giai đoạn chúng ta tuy xa nhau trong không gian, mà rất gần nhau trong lý tưởng, hoài bão, nguyện vọng, và trong công việc chúng ta đã làm, mỗi người một nơi, và có lúc cùng chung sức bắt tay nhau.

Từ năm 1951, trong khi đi sưu tầm tài liệu

về âm nhạc truyền thống Việt Nam để soạn luận án Tiến sĩ, một hôm, trong bảo tàng viện Guimet, tôi nghe được tiếng đàn nhị của Anh đàn phụ họa theo câu hò mái nhì:

Một vũng nước trong mười dòng nước đục
Một trăm người tục một chục người thanh...

đã in trên dĩa Béka số 20324. Tôi có viết thư nói chuyện ấy với Anh thì Anh rất ngạc nhiên, vì những dĩa hát còn tàng trữ bên Pháp, mà bên nhà rất khó tìm được.

Trong lúc sống ở Paris, vừa phải làm việc mưu sống vừa đi học, với bí danh Hải Minh, tôi có hát cho dĩa ORIA phát hành tại Sài Gòn mà ghi âm tại Paris, gần ba mươi bài hát của nhạc sĩ danh tiếng thời ấy, trong đó có bài Anh sáng tác là Quãng Đường Mai (sáng tác năm 1940, dĩa ORIA No LTQ 273), Lửa Rừng Đêm (sáng tác năm 1946, dĩa ORIA No LTQ 269).

Rồi thư qua thư lại, tôi hỏi thăm Anh về cây đàn đáy, trong thư viết từ Huế ngày 23 tháng 6 năm 1954, Anh trả lời rằng Anh không biết đàn đáy, anh sẽ tìm ông Đức đàn đáy ở đài phát thanh Hà Nội hỏi rồi sẽ biên thư cho tôi.

Năm 1956, Anh vào Nam dạy nhạc, và trong thư viết ngày 16 tháng 6 năm 1956, Anh có viết: "Tôi có đọc bức thư của anh do anh Võ Đức Thu cho xem. Thấy công việc anh làm, tôi vô cùng sung sướng và cảm động. Tuy tôi không làm được việc như anh đang làm, nhưng cùng một lý tưởng, một thắc mắc, đau khổ như nhau về vấn đề nhạc cổ truyền Việt Nam và nền nhạc Việt Nam tương lai. Trong nước chỉ có tôi và anh Khoát là nặng tình nặng chí về đó."

Trong thư Anh có bàn với tôi về thang âm thất cung theo bình quân, và thất cung theo Việt Nam, về các quãng một phần tư, một phần tám cung v.v... trong cách nhấn nhá của ta. Tôi có bàn với Anh về loại thang âm do quãng tám chia ra bảy cung đồng đều trong thư riêng. Và sau này tôi có bàn rõ về vấn đề ấy trong bài "Vài ý kiến về 'thất cung thiên nhiên' và 'Comma'" đăng trong Tập san Nghiên cứu Việt Nam số 3, mùa Thu năm 1966, mà trong đó Anh có viết bài "Sơ khảo về cây đàn bầu."

Cũng trong năm 1956, anh tặng tôi tập I Ca Huế cổ truyền, ký âm lại mười bài Ngự "Thập thủ liên hoàn" theo cách ký âm Tây phương trên khuông nhạc năm dòng. Lời đề tặng của Anh làm tôi vô cùng xúc động:

Thân tặng bạn Trần Văn Khê.

Tuy xa cách nhưng cùng chung một lý tưởng, bảo tồn sức sống, và mở thêm mạch sống của nền âm nhạc dân tộc.

Đây, ít công việc sưu tập, gởi bạn với tất cả niềm kính thương.

Sài Gòn, 2 giờ 22 khuya, ngày 24-5-1956.

Đồng thời Anh gởi cho tôi tập "Vài thiển kiến về âm nhạc" anh viết thành văn năm Kỷ Sửu (1949) và đã in tại Huế năm 1950, trong đó Anh giới htiệu Tỳ Bà Trang, nhưng cũng nói rõ lý tưởng, quan niệm của Anh về bản sắc dân tộc, và đề nghị những phương pháp cụ thể để thực hiện những hoài bão nguyện vọng của Anh. Đến nay những đề nghị ấy vẫn còn hợp thời.

Từ đó, trước đã quý mến Anh, tôi lại càng thêm quý thương Anh, và vô cùng tâm đắc với Anh.

Anh muốn lo "bồi đắp cho nền nhạc nước nhà ngày càng thêm tiến đạt đến lẽ thiện mỹ, hầu đem nghệ thuật phụng sự dân tộc, xây dựng văn hóa độc lập Việt Nam. Có thế đối với quốc tế, Văn hóa Việt Nam mới có một địa vị xứng đáng của nó."

Đối với Anh, cái gì do "mạch sống căn bản của dân tộc tạo nên" thì mới "trường tồn với dân tộc." "Cái gì ở ngoài đưa đến như gió phớt làn da, chỉ dội vang một lúc rồi bị thời gian đào thải."

Anh ca tụng những lời ca điệu hát trong dân gian. "Hát cho mái chèo khỏi lơi, chân đi quên mỏi, cho tình duyên thêm đượm, cho trời mây thêm rộng, đất nước thêm dài."

Anh khen trong cổ nhạc có những "thể điệu lạ lùng, ý nhạc tao nhã, kỹ thuật cao siêu, màu sắc cố hữu muôn đời."

Chương trình hành động của Anh chia ra làm sáu ban: Khảo cứu, Sưu tập, Sáng tạo, Cử nhạc, Huấn luyện và Cổ động.

Từ năm 1961, anh tiếp tục gởi cho tôi các tập "Nhạc pháp Việt Nam," và tập "Tự học đàn" đã xuất bản năm 1940.

Năm 1963, Anh tặng tôi các quyển về bài đàn tranh, bài đàn nhị, bài đàn bầu, tập nhạc Pháp quốc, nhạc Việt Nam in lần thứ hai do Tỳ Bà Trang xuất bản.

Năm 1963, khi tôi được cử vào Hội đồng khoa học, và giữ chức vụ Trưởng phòng nghiên cứu nhạc truyền thống Việt Nam cho Viện quốc tế nghiên cứu âm nhạc theo phương pháp đối chiếu, trụ sở tại Tây Bá Linh, tôi có xin được một số tiền nhỏ, chuyển

về cho Anh để Anh lo việc chụp ảnh các nhạc cụ Việt Nam, và ghi âm nhạc Huế, nhạc tài tử miền Nam để làm dĩa hát cho Viện. Đồng thời khi bà Bá tước de Chambure, Giám đốc Bảo tàng viện về nhạc cụ của Nhạc Viện Paris có dịp đi Việt Nam, tôi có nhờ bà đem máy Nagra Stereo để cọng tác với Anh ghi âm nhạc tài tử. Lúc đó chương trình ghi âm do tôi sắp đặt trước bên nầy, rồi Anh thực hiện bên nhà. Tôi viết bài giới thiệu và dĩa hát của anh em chúng ta về nhạc Huế do Viện quốc tế nghiên cứu âm nhạc theo phương pháp đối chiếu xuất bản với sự bảo trợ tinh thần của Hội đồng quốc tế âm nhạc thuộc Unesco đã được hai giải thưởng: Deutscher Schallplatten Preis, Giải thưởng lớn về dĩa hát của nước Cộng hòa Liên bang Đức năm 1969; và năm 1970 Hàn lâm viện dĩa hát Pháp (Académie du disque francais) cho giải thưởng lớn về dân tộc nhạc học (Grand Prix: Prix d'ethnomusicologie). Dĩa Barenreiter-Musicaphon số BM-30 L 2022. Tuy hai giải đó là phần thưởng danh dự, không hiện vật, nhưng chúng ta đã làm sáng tỏ truyền thống âm nhạc Việt Nam. Vì chúng ta lúc ấy tự nguyện làm dĩa hát không nhận sự giúp đỡ của chánh quyền miền nam, chúng ta phải nhận tiền của Viện quốc tế để Anh trả thù lao cho nhạc sĩ ghi âm, và như thế bản quyền thuộc Viện quốc tế ấy. Tuy vậy, chúng ta có cái vui là thấy dĩa hát ấy có mặt trong nhiều Đại học và Bảo tàng viện trên thế giới. Và năm sau xuất bản dĩa Việt Nam II về truyền thống miền Nam dĩa số BML 30 2023 cũng do hai anh em mình biên soạn.

Chúng ta thường thư từ trao đổi kinh nghiệm, nhưng chưa bao giờ diện kiến. Đến năm 1974, khi tôi đi dự Hội nghị âm nhạc tại Perth, trên đường về được "ghé" thăm Việt Nam với thị thực quá cảnh, Anh có ra phi trường đón tôi cùng với đông đảo nghệ sĩ và Anh có mời tôi đến nhà anh để nghe nhạc Huế do cô Nhơn (nghệ nhân nổi tiếng từ xưa đã được ghi âm vào dĩa Béka với Cậu Tôn Út đờn nguyệt), bà Dương Thị Tuyết ca, Bửu Lộc đàn tranh, Nguyễn Gia Cẩm đàn nguyệt, Anh đàn nhị. Hôm đó có anh Vĩnh Phan đến đàn tỳ bà, Chị Nguyễn Hữu Ba gõ sinh tiền. Có anh Sáu Tửng và con gái là Bạch Huệ đến ca Tứ đại oán, bài Lý Bá Hề.

Năm 1976, khi tôi về nước lần đầu, anh Lưu Hữu Phước cùng đi với tôi đến nhà Anh. Hôm đó Thu Tâm và Dương Thị Tuyết ca Huế. Cũng các nhạc sĩ kỳ cựu trong làng ca nhạc Huế. Anh có cho mấy cháu hòa đàn.

Từ năm 1976 đến sau, mỗi năm Trung tâm Khoa học Pháp gởi tôi về Việt Nam để tiếp tục sưu tầm nhạc dân tộc, thì năm nào hai anh em cũng gặp nhau nhiều lần, tại Viện nghiên cứu âm nhạc, số 2 đường Trần Quý Khoách, tại nhà Anh hay tại khách sạn Bến Nghé. Anh em rất tương đắc trong việc nghiên cứu. Chỉ tiếc là các cơ quan nghiên cứu không tìm được kinh phí để giúp Anh làm phiếu phân tích những tư liệu Anh đã ghi âm trong bao nhiêu năm. Nay Anh đã ra đi vĩnh viễn, ai là người có thể biết rõ những loại nhạc đã ghi, tên người biểu diễn v.v... Và tư liệu để lâu năm không đủ điều kiện bảo quản thì liệu có còn đủ chất lượng để in ra hoặc phổ biến hay dùng làm tài liệu giáo khoa chăng?

Từ khi tôi về hưu, phải đi dạy tại nhiều nước, ít có dịp anh em gặp gỡ nhau thường như trước. Nhưng mỗi khi có dịp về nước đều có đến thăm Anh. Trong mấy chuyến đi Huế, tôi có ghé thăm Tỳ Bà Trang hai lần. Tư liệu ghi âm, nhạc cụ, hình ảnh gom lại đầy đủ. Nhưng linh hồn của các vật ấy là Anh. Ngày nay Anh đã vĩnh viễn ra đi. Mong rằng trong nhóm môn đệ của Anh, trong mấy cháu con của Anh có người đủ khả năng để đem các tư liệu ấy ra ánh sáng, làm cơ sở đối chiếu cho thấy rõ sự thay đổi hay phát triển của nền âm nhạc truyền thống Huế.

Anh Ba ơi!

Theo luật vô thượng có sanh thì có tử.

Suốt đời Anh, Anh đã tận tụy với nền nhạc cổ truyền. Anh đã thu được một số tư liệu rất lớn, ghi lại tiếng đàn của nhiều nghệ nhân nay đã quá cố. Anh đã truyền nghề lại cho một số đông môn sinh. Anh đã có công gìn giữ, bảo vệ truyền thống âm nhạc Việt Nam, theo sức của Anh. Trên con đường Anh đã đi, mà nay tôi còn tiếp tục đi, tôi mất Anh sau khi mất bao nhiêu bạn đồng hành khác.

Nhưng nếu ta nhìn lại, trong giới trẻ ngày nay, cũng thấy có một số các em có tài, có khả năng, nhứt là có lòng thiết tha đến sự mất còn của nền âm nhạc truyền thống. Các bạn trẻ ấy sẽ tiếp tục làm công việc của chúng ta định làm mà có khi chưa làm được.

Biết vậy, nhưng khi nghe Anh không còn trên đời nầy, tôi không thể không buồn vì tử biệt. Tôi xin chia sớt nỗi buồn với tang quyến, bạn hữu và môn sinh của Anh, và chúc cho hương hồn của Anh được tiêu diêu nơi cõi thọ.

CƠN GIÔNG NGÀY VỀ

NINH HẠ NGUYỄN ĐỨC TÂM

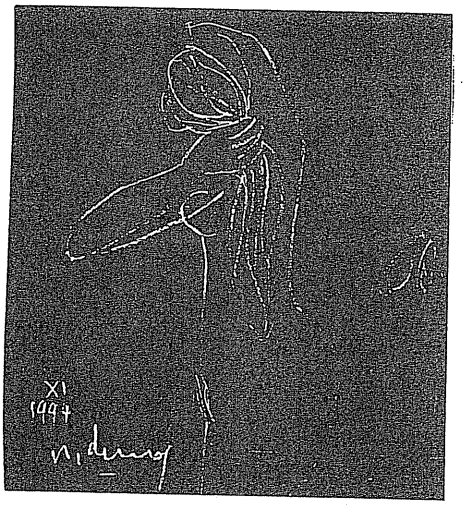

Định choáng váng thẫn thờ nắm trong tay chứng tích gian díu vụng trộm của vợ trong thời gian mình vắng xa. Lâu nay một đôi khi có thoáng thắc mắc thì Định đã cố xua đi. Ngượng thầm tính đa nghi bóng gió, hội chứng cải tạo mới có của mình. Mới được thả ra mấy tháng, còn nhiều bỡ ngỡ Định ít đi đâu. Ngày ngày vợ ra chợ bương chải bán buôn kiếm sống, Định quanh quẩn loay hoay sửa sang và dọn dẹp nhà cửa. Sáng nay đang lúi húi sắp xếp tủ áo thì bất ngờ bắt gặp...

Liêm??? Học cùng lớp, trước đây rất thân với Quyên. Cách đây mấy tuần hắn đến thăm, chưng hửng thấy Định ngồi lù lù trong nhà. Ngồi chưa nóng đít đã vội vàng luống cuống từ giã ra về. Định thấy có một cái gì đó gian dối sượng sùng không tự nhiên. Từ đó chẳng thấy trở lui. Không hỏi vợ, Định hỏi con. Con nói, Liêm thỉnh thoảng có ghé nhà lần khần.

Nhưng còn một thắc mắc khác bứt rứt hơn. Trong vấn đề chăn gối vợ chồng Quyên chẳng còn tha thiết hay đúng hơn rất lạnh nhạt, khác hẳn với nỗi đam mê hừng hực trước đây. Nhìn trộm Quyên đang xắn quần phơi cặp đùi trắng nõn rửa chân bên lu nước, hay khi nấu bếp chiếc áo bà ba ướt mồ hôi dính sát vào da thịt, thân hình quyến rũ mời mọc vẫn làm cho Định mê mẩn. Nỗi đam mê vẫn còn nguyên như ngày nào. Định bần thần nhớ lại buổi sáng mai trong căn nhà vắng vẻ và cơn mưa giông bất chợt trái mùa đồng lõa. Hôm đó Định đã bị Quyên hớp hồn không cưỡng chống nổi sự đam mê mụ mẫn trước thân hình no căng và nỗi si mê cuồn cuộn buông thả bốc đồng bất cần của Quyên. Hai đứa phạm trái cấm đầu đời. Mặc cảm phạm tội, Định bồn chồn lo lắng, tự trách mình yếu đuối không tự kềm chế. Quyên thì vui vẻ hả hê không dấu diếm vì thỏa mãn cái đòi hỏi âm ỉ lâu ngày, vì đạt được ước muốn lãng mạn trao thân cho người mình yêu. Mối lo canh cánh phập phồng của Định đã thành hiện thực khi Quyên hốt hoảng báo tin có thai. Định nhanh chóng cưới Quyên, chấm dứt sự dằn đo chọn lựa chưa ngã ngũ bên Quyên bên Huệ.

Thật thà mà nói, Định yêu Huệ nhiều hơn. Huệ đẹp có nét và cũng yêu Định như Quyên. Hai đứa sợ sệt lén lút hẹn hò. Gia đình Huệ

giàu. Trước mắt cha nàng, Định chỉ là một thư sinh bình thường, một cậu giáo dạy kèm nghèo. Cung cách đối xử của ông đôi lần làm cho Định chạm tự ái. Mỗi lần đến nhà Huệ hay khi gặp ông, tự dưng Định thấy lúng túng vụng về thiếu tự tin. Khác hẳn bầu không khí ấm cúng tự nhiên khi đến nhà Quyên. Đây là lý do để Định dứt khoát lấy Quyên sau khi nàng đã thất thân và mang bầu với mình.

Trong đời sống vợ chồng trước đây, sự đam mê ân ái của Quyên chưa hề giảm. Thế mà giờ đây mỗi đêm ôm ấp trong tay, khi sự ham muốn của Định dâng tràn như sóng dữ, thì Quyên chỉ đáp ứng hờ hững miễn cưỡng chịu đựng chiều chồng. Đúng. Mèo mà chê thịt mỡ thì chỉ vì đã chán đã chê. Bằng chứng trong tay giải được cái ẩn số ngờ vực mô hồ lâu nay.

Tình cờ bắt được tang vật rành rành vợ từng ăn nằm với người khác trong thời gian mình vắng nhà cải tạo làm Định trằn trọc không ngủ được. Định nghĩ. Thôi bỏ qua coi như không có cho yên cửa yên nhà. Đây là thái độ hợp thời hợp cảnh nhất cho những người tù lâu năm trở về. Nghĩ đi nghĩ lại thấy nên nói ra là hơn. Đâu ra đó. Để lâu cứt trâu hóa bùn. Vấn đề là nói ra làm sao để vợ biết mình không trách móc, sẵn sàng tha thứ sẵn sàng quên đi, bỏ qua mọi chuyện để làm lại từ đầu. Tha thứ tưởng chừng khó mà lại dễ, chỉ cần tình thương và sự thông cảm. Điều này ai trong người về mà không có. Bao dung thật sự hay đó là một ứng xử lựa chọn để tránh, để hàn gắn chắp nối những rạn nứt đổ vỡ. Cái khó là làm sao quên. Thời gian! Có những nỗi đau nặng như núi bén như dao, thời gian cũng không giúp được gì trái lại chỉ làm nỗi đau tăng thêm cường độ xót xa.

Quả tình Định có đau có sốc nhưng bình tĩnh. Ở trong trại đã nghe đã biết đủ mọi thứ chuyện. Ai cũng chuẩn bị tinh thần thái độ để đón nhận mọi trớ trêu cay đắng trong ngày về. Từ ngày về đến giờ, Quyên đối với chồng đầy yêu thương thông cảm và tế nhị. Được thế còn mong gì hơn. Định đã nghe và chứng kiến nhiều gia đình nếu không đổ vỡ phũ phàng thì cũng lục đục gây gỗ hằn học. Chịu đựng mà sống với nhau. Đổ lỗi cho nhau. Những ngày vất vả nuôi chồng mong ngóng chồng về; những đêm xót xa nhớ vợ, nhịn nhục cắn răng để chờ ngày đoàn tụ... giờ đã thành một quá khứ lãng phí hối tiếc. Vợ trách chồng đổi tính, chồng than vợ chẳng còn như xưa. Thật ra chẳng lỗi tại ai. Vợ mong chồng đền cho những ngày cơ cực, chồng chờ vợ bù cho những năm tháng đói bệnh ngục tù. Trong hoàn cảnh xất bất căn thẳng này, đối với nhau bình thường đã là khó. Đòi nhau những bù đắp là một ảo tưởng tâm lý đưa đến thất vọng chán chường. Hai điện cực tâm lý cùng dấu đụng nhau tránh sao khỏi phát nổ những mâu thuẫn ngộ nhận đau lòng.

Nghe Định được tha, anh Trung đầu ngõ cùng trại được về cách đây hai năm, vội vã đến thăm. Gặp lại, ăn diện lịch sự nhưng trông anh buồn thảm âu sầu. Ngày nào còn trong trại, nhờ vợ ở nhà khéo xoay xở làm ăn, được thăm nuôi phủ phê, anh béo tốt hồng hào vui vẻ.

Hỏi anh, anh thở dài cười gượng:

"Sống bám vào vợ nhục lắm. Mình nuôi vợ nuôi con là thường tình thuận lẽ, đâu kể gì công lao, êm ru bà rù. Mấy bà không những nâng khăn mà có đủ uy quyền lục túi chồng. Nâng khăn lục túi mà! Để mấy bà nuôi mình thì đủ mọi chuyện ê chề. Công to còn hơn núi Thái sơn."

Định nghĩ. Những lời nói và thái độ thiếu tế nhị của những bà vợ nếu có, lẽ ra cũng bình thường thôi. Nhưng vì mặc cảm tự ti của kẻ bất lực thất thời, lời nói đó, lối cư xử đó trở nên nặng nề sắc bén như những nhát dao xoáy vào các vết thương tủi nhục chất chồng chưa lành vết. Mà quả thật nhiều bà cũng đã thay đổi, tự tôn lấn lướt hỗn láo quá quắt bất nhân. Diên, con ông bác, tù về bị mụ vợ đay nghiến hành hạ trầy vi tróc vảy. Anh bày đồ nghề sửa xe đạp trước nhà kiếm tiền chợ nạp cho vợ hàng ngày, kiêm luôn việc trông coi dọn dẹp nhà cửa và nấu ăn. Có hôm thèm quá mua lén hai hột gà luộc ăn vụng. Mụ vợ về tinh ý thấy mấy mảnh vỏ trứng Diên vô ý còn để sót rơi rớt trên đống rác sau nhà. Mụ tru tréo hạch hỏi mày tao chi tớ. Diên nhục quá gạt nước mắt ra đi. Bỏ lại đàn con mà lâu nay vì thương vì muốn gần gũi sau bao năm trời xa cách Diên ráng chịu nhục chờ cơ hội mượn tiền vượt biên. Trời còn có mắt. Có người thương hoàn cảnh giúp đỡ Diên đi thoát, nay tháng tháng gửi tiền cho bà chị nhờ tiếp tế nuôi con. Thương con nhưng anh thề không bao giờ bảo lãnh vợ và cũng chẳng bao giờ yêu thương người đàn bà nào khác. Một lần qua, tởn suốt đời!

Nghĩ người rồi ngẫm đến mình. Nếu không có sự việc sáng nay thì mình là người tốt số. Suy nghĩ tới lui, Định thấy không thể giữ lấy

niềm ngờ vực ấm ức trong lòng. Phải nói ra thôi.

Xoay qua phía vợ, Quyên thở nhè nhẹ, nét mặt chân chất. Chiếc mông tròn và đôi vú căng đầy phập phồng dưới chiếc áo mỏng hở khuy ẩn hiện mờ mờ dưới ánh đèn ngủ giờ đây không làm cho Định xao xuyến mà chỉ tăng thêm nỗi tức tối bực bội, tưởng tượng một tên cẩu tặc khốn nạn nào đó cũng đã từng ôm ấp quấn quít vuốt ve.

Định rụt rè lắc nhẹ vai vợ

"Em...em ngủ chưa? Anh có chuyện muốn nói."

Giọng ngái ngủ nhõng nhẽo, tưởng chồng lên cơn bất tử:

"Thôi ngủ đi anh. Hôm nay em mệt."

"Có chuyện này anh phải nói ra. Phải hỏi cho ra lẽ."

"Gì vậy?"

Quyên xích lại gần chồng, vòng tay ôm. Định nhích người ra, ngập ngừng:

"Anh hỏi thật, chỉ hỏi cho biết chứ không buồn giận trách móc gì em đâu. Trong... trong... trong thời gian vắng anh, em có... có cặp bồ với ai không?"

Quyên nghĩ nhanh. Có chuyện gì đây? Trong lòng chợt vui vui. Trời! ông tướng này mà cũng biết ghen. Chuyện lạ chưa hề có. Quyên ỡm ờ trêu chồng:

"Có thì sao mà không thì sao? Tự dựng đêm hôm dựng đầu người ta dậy hỏi cắc cớ."

"Trả lời anh. Đừng quanh co. Thằng Liêm phải không?"

Quyên nhổm đầu dậy ngạc nhiên, tỉnh ngủ:

"Trời! Bộ hết người rồi sao. Bậy bạ. Ghen cũng phải chọn người mà ghen. Hạ giá tui quá há!"

Quyên sực nhớ ra:

"Ừ... hắn cũng hay mon men lui tới, cũng âm mưu gì đó. Nhưng còn khuya. Đừng tưởng bở."

Quyên nghĩ thầm. Ông này tưởng vô tâm mà ghê thật. Để ý từng ly từng tí. Hèn chi mấy chị ngoài chợ họ than mấy ông về trở nên chướng kỳ, ráng mà chịu đựng. Quyên không tin. Định dễ thương, dễ tính hơn xưa. Đúng! chồng mình cũng có thay đổi đây.

Định thắc mắc:

"Nhưng hắn có vợ có con mà!"

"Thì sao? Ông nào cũng không thèm của lạ. Lạ gì đàn ông các anh, thùng lủng đáy. Thiếu gì cha tưởng tụi tui xa chồng là dễ dụ!"

"Nhưng... nhưng nếu anh có... có bằng chứng thì sao?"

"Đừng ghen bậy ông nội! Bằng chứng gì? Xạo không hà."

Định vùng dậy, nhanh nhẹn vén mùng chui ra bật đèn sáng choang đi về phía tủ áo. Nheo mắt vì chói sáng, Quyên ngồi dậy tựa lưng vào đầu giường ôm gối, tò mò nhìn theo chồng. Như đã để sẵn, Định cầm chiếc áo bà ba màu da chai sực mùi long não còn nguyên nếp gấp của vợ, đến ghé ngồi trên bìa giường.

"Áo nầy của em phải không?"

"Ừ! Nhưng lâu rồi chưa có dịp diện vào."

"Mở túi áo ra!"

Chiếc túi áo được cài bởi một cái kim băng. Quyên loay hoay mở.

"Hết chối phải không? Rành rành ra đó. Nói đi!"

Lấy tang vật của ông chồng vừa thám tử vừa quan tòa trong túi áo ra, Quyên vỡ lẽ cười lớn. Cười thất cả bụng. Nhìn nét mặt long trọng bực tức của chồng, Quyên dậy lên một niềm thương vô tả. Cái bản mặt câng câng, ghen mà lại làm ra vẻ quân tử tàu, trông buồn cười không nín được.

Lần đầu tiên được chồng ghen làm Quyên sung sướng cảm động. Từ ngày cưới nhau chị thường sợ mất chồng. Mặc cảm tiền dâm hậu thú, cho rằng đàn bà ai cũng có thể quyến rũ Định được như mình, nên chị ghen ghê lắm. Ngược lại vì biết Quyên rất yêu mình, tin rằng vợ không thể chọn ai hơn mình nên Định chẳng hề biết ghen là gì. Trước tính ghen bất tử không kể trời trăng mây nước, chẳng cần biết đúng hay sai, Định nhiều lần mất mặt muốn độn thổ vì vợ. Có căn nhằn gây gỗ thì Quyên bào chữa, đổ lỗi tại vì không tin cậy được người mình thương mới ghen. Không có lửa sao có khói. Chó nào chó sủa chỗ không. Định cãi. Ghen là tại mình không tin mình có đủ nội công thâm hậu để giữ người mình yêu. Nói gì thì nói, chẳng phải là chuyện để lý để luận, cứ chướng tai gai mắt là Quyên ghen. Chứng nào tật đó. Định thường vênh vênh tự đắc nói, đàn ông mà ghen là hèn. Thế mà bây giờ ông ấy đang ghen, đang hèn đấy nhá. Hi...hi!

Chồm tới giựt món đồ trên tay vợ, Định lớn tiếng:

"Cái gì đây?"

Quyên đỏ mặt, thẹn thùng, ấp úng:

"Mấy...mấy cái áo mưa, bọc cao su ngừa thai đó mà. Biết mà còn bày đặt hỏi."

"Em dùng với ai! Một xâu mười cái. Riêng

xâu này chỉ còn ba, có nghĩa là đã tơi bời hoa lá bảy lần rồi. Trước bao nhiêu lần nữa thì... thì trời biết. Thật...thật không ngờ!

"Cái gì mà không ngờ? Tại anh... tại anh mà ra. Trăm sự tại anh."

Không dằn được, Định bừng bừng tức giận la lớn khản cả giọng:

"Sao lại tại tui? Cộng sản bắt tui đi thì phải đi. Bà ở nhà hư thân mất nết rồi đổ cho tui."

Không hiểu được điều vợ muốn ám chỉ, Định phản ứng lạc đề. Từ ngày về đến giờ, lần đầu thấy chồng phát cáu. Quyên giả bộ làm nghiêm, lên giọng:

"Xưng hô anh anh em em đàng hoàng. Không được xổ cái giọng tui tui bà bà ở đây. Nghe chỏa? Không được la lối để cho con ngủ. La cho lắm hàng xóm nghe được họ cười cho thúi đầu."

Tình tứ nguýt mắt dài có đuôi nhìn chồng, kéo dài giọng:

"Ai...ai trồng khoai đất này!"

Định chưa kịp hiểu ra. Không muốn chồng nổi cơn điên, Quyên vân vê tà gối mỉm cười e thẹn tự thú:

"Hôm em và chị Thu ra thăm mấy anh ở ngoài bắc, nhớ không? Trước khi đi hai chị em bàn tới bàn lui. Biết sẽ được ở qua đêm với mấy ông nội, chị Thu tính ăn chắc, bàn nên mua theo... mấy cái áo mưa... để phòng. Vợ chồng lâu ngày gặp nhau tránh sao được cái chuyện... cái chuyện... Lâu không đụng trận, hễ đụng là mang bầu. Chị Thu nói. Mấy đứa con của chị đều là kết quả trận tình nẩy lửa sau nhiều tháng anh ấy hành quân xa về. Đi thăm chồng về mà mang cái bụng thình thình thì xấu hổ, chỉ có nước độn thổ. Chuyện vợ chồng ai cũng như ai, biết ngầm lấy với nhau. Đằng nầy trưng bằng chứng cụp lạc tố cáo rành rành trước mặt bàn dân thiên hạ trong hoàn cảnh này thì ngượng chết được. Chưa nói đến việc khó khăn chật vật đẻ con, nuôi con trong điều kiện gạo châu củi quế chạy ăn từng bữa. Bà con bạn bè lối xóm có đề tài hấp dẫn nóng hổi để xầm xì. Có người tin thì cũng lắm kẻ ngờ. Chẳng là cũng đã có chị mượn cớ đi thăm chồng để hợp thức hóa chứng tích tai nạn của cuộc tình lăng nhăng trắc nết hay nhẹ dạ nhất thời."

Nghe chỏa hết, Định tẽn tò ngượng chín người khi nhớ lần vợ ra thăm. Lập cập tắt đèn nhảy lên giường ôm chầm lấy vợ, một tay âu yếm để vợ gối đầu, bàn tay kia sàm sỡ quen thói quen đường thọc nhanh mân mê bầu ngực. Gái một con! Cưới nhau chưa đầy sáu tháng thì có con. Ba năm vừa bén mùi ghiền thì chồng đi tù. Mười năm mới tái hồi Kim Trọng. Tội cho Quyên và cũng mất mát nhiều cho mình.

Quyên cười khúc khích:

"Hết chối cãi nghe. Đâu phải một mình em độc quyền ghen bậy. Giờ thông cảm với em chưa? Ghen đâu phải là hèn. Anh hùng lắm mới dám ghen. Phải không?"

Quyên khoái chí ba hoa. Định chỉ ậm ự, rúc đầu vào cổ hít lấy mùi da thịt quen thuộc.

Hôm vợ ra thăm. Nằm trong căn phòng nhỏ mái tranh vách đất, ọp ẹp trên chiếc giường tre chiếu cói, rù rì trăm thứ chuyện. Khóc có, cười có. Hỉ nộ ái ố. Nhiều chuyện định bụng sẽ hỏi sẽ nói thì bỗng quên phéng đi, nhiều chuyện thì tào lao trên trời dưới đất chẳng ăn nhập đâu vào đâu. Định muốn ôm chầm lấy vợ, Quyên cũng nao nức muốn cuộn lấy để vuốt ve chồng. Hai đứa sượng ngang, mắc cỡ như lần vụng trộm đầu tiên. Cho đến khi Định âu yếm đặt chiếc hôn lên môi vợ, đất trời bỗng như vần vũ những đam mê trộn lẫn yêu thương nhớ nhung. Quyên quằn quại buông thả tận hưởng. Thoáng chốc, như nước tràn đê sụp lở, Định chới với bất lực không kềm hãm được, vỡ oà ra hẫng hụt. Đờ đẫn, ngỡ ngàng, Quyên chưng hửng nửa chừng. Thấy chồng lúng túng nhìn mình, Quyên tội nghiệp dằn cái ấm ức nửa vời, đường đi không đến, cười an ủi.

"Đừng lo, lâu ngày không dợt rỉ sét. Vài lần đâu lại vào đó à!"

Quyên pha trò cho chồng đỡ ngượng:

"Văn ôn vũ luyện mà anh!"

Định cũng nghĩ thế. Nhưng mọi chuyện lại không đâu vào đó. Từ đó đến chiều Định như cây chuối sụm. Còn chút hy vọng mong manh đợi đêm đến may ra thuận trời thuận đất. Nhưng trời chưa tối thì tên cán bộ ra gọi vào. Hết giờ thăm nuôi. Hiểu nguyên nhân nhưng cố vặn hỏi:

"Một mình tôi?"

"Một mình anh. Anh vi phạm kỷ luật nên không được chiếu cố."

Quay qua Quyên

"Chị động viên anh gắng cải tạo tốt, lần sau sẽ được thăm nuôi nhiều giờ hơn."

Định không cho vợ biết mình bị biệt giam sáu tháng về tội đánh cán bộ, mới được tha khoảng ba tháng nay. Hôm đó trời lạnh, cái lạnh bất thường dưới năm độ C. Gió mùa

đông bắc rét căm căm. Cả đội bì bõm tê cóng lội bùn quá gối dưới ruộng cắt rạ về đạp đất trét vách. Định được phân công nấu nước trên bờ ruộng. Bác Hạnh già trên sáu mươi co ro cúm rúm run rẩy ngồi cạnh bếp hút thuốc lào chống rét. Bác bị suyễn nặng. Tên cán bộ nhí mặt non choẹt gọi mấy lần nạt nộ thúc bác xuống ruộng. Lạnh quá bác cũng đổ liều lần khân. Hung hăn chạy đến, hắn cầm cổ áo bác lôi dậy.

"Thưa cán bộ bác ấy suyễn nặng, cán bộ thông cảm. Bác ấy lớn tuổi đáng bậc cha... chú."

Sừng sộ quay qua Định.

"Đã bao che lại dám ăn nói điều cáng."

Vừa nói hắn vừa dang báng súng dọa đánh. Không kịp suy nghĩ, Định giơ tay gạt báng súng thuận chân gạt hắn nhào bõm xuống ruộng. Cả đội thấy nguy chạy ùa đến bao quanh Định. Ướt lạnh lóp ngóp bò dậy, tên cán bộ giận dữ lên cò súng. May có bạn bè vây quanh che chở, nếu không nó bắn què giò lủng bụng cũng phải chịu. Hai tên vệ binh khác chạy lại thô bạo trói ké tay, dẫn Định về trại tống vào biệt giam. Để trả thù chúng truyền miệng thay phiên nhau hành hạ. Suốt đêm cứ chốc chốc thằng vệ binh trực gác đi ngang phòng giam lấy báng súng dộng một cái rầm vào tấm cửa sắt để Định giật mình không ngủ được. Phương cách tra tấn chúng nghĩ ra để làm suy nhược thần kinh, để đày đọa Định nếu không chết dần chết mòn thì cũng tê liệt thần kinh nửa khùng nửa điên. Đang lúc suy sụp cùng cực, kiệt sức chẳng còn chịu được thì may có phái đoàn thanh tra trại giam đến. Định trình bày sự việc, nói không có ý định đánh cán bộ, chỉ phản ứng chống đỡ. Định cũng nêu ra hành động sai chính sách của vệ binh. Thấy thân xác rũ liệt của Định chúng cho cũng đủ rồi, nên tha. Nếu không, chưa biết còn bị giam đến ngày nào. Sự bất lực của Định trong lần gặp vợ là hậu quả suy nhược thần kinh và tâm sinh lý của chuỗi ngày bị giam cầm đày đọa đó.

Quyên cũng dấu chồng cái khổ của riêng mình. Như nhánh củi khô lâu ngày gặp lửa, những khát khao đè nén tự chế lâu ngày, lúc gần chồng vụt thoát bùng nổ cuồn cuộn, rồi bỗng hẫng hụt chơi vơi lơ lửng vì không được đáp ứng trọn vẹn. Định vào trại để Quyên ở lại ấm ức lạnh lẽo trơ trọi trên chiếc giường tre cũ mọt lạ lẫm thiếu hơi. Phòng bên cạnh tiếng vợ chồng Thu rì rầm khúc khích, tiếng giường tre cọt kẹt làm tăng nỗi thèm nhớ mông lung. Thương chồng thương mình tủi thân, Quyên trằn trọc không chợp mắt. Sáng ra chị Thu hí hửng hỏi lấy thêm mấy bọc áo mưa. Mười cái chia hai, vợ chồng Thu xài bảy. Phần mình ba cái vô tích sự lận túi đem về rồi quên bẵng cho tới đêm nay chồng đem trưng ra như chứng vật gian dâm của mình!

Sau ngày thăm chồng về, nhiều đêm Quyên lăn lộn dằn vặt với nỗi đam mê đòi hỏi bị đánh thức. Càng cố quên lại càng nhớ, càng cố dằn xuống lại càng trỗi dậy. Quyên tự giúp mình để vượt qua cơn sóng khủng hoảng. Khi đợt sóng phủ qua đầu đã trôi giạt xa, Quyên trở nên lãnh cảm thờ ơ. Nhánh củi khô bốc lửa bị tạt nước dập tắt ướt sũng chẳng còn bén được lửa.

Chồng về Quyên sung sướng mừng vui, nhưng niềm hạnh phúc không trọn vẹn. Quyên lo. Hai đứa đều còn trẻ. Định phục hồi quá quắc. Nhưng Quyên thì không còn thấy ham mê chuyện gần gũi. Sự mơn trớn vuốt ve tham lam của chồng chỉ gợi một chút rung động nhẹ, thoáng qua rồi tắt tịt lạnh căm.

Thấy sự bất thường của mình Quyên lo lắng hỏi chị Thu. Chị lăng xăng chạy hỏi nhiều người quen. Tháng trước hai chị em bao xe lam lên tận chùa Bà Bình Dương. Ông thầy Tàu bắt mạch bốc cho mười thang thuốc gia truyền. Thương yêu chăm sóc, cách ngày Định xí phần sắc thuốc cho vợ, đong đủ ba chén nước sắc còn năm phân. Cứ đinh ninh thuốc bổ huyết điều kinh, bệnh đàn bà. Sáng hôm qua Định còn nhắc chừng, thuốc chỉ còn hai thang. Ngày kia tái khám, Định tính sẽ chạy mượn bạn chiếc xe Honda chở Quyên đi, vừa nhanh vừa khỏi phiền chị Thu. Luôn tiện, xin Bà quẻ xăm về chuyện đi đứng, tương lai.

Không biết vì thuốc gia truyền hiệu nghiệm, vì mấy cái áo mưa cầm trên tay gợi nỗi háo hức, hay vì sung sướng kích động bởi sự ghen tuông đáng yêu chưa hề có của Định, Quyên ngây ngất với những chiếc hôn môn trớn của chồng. Lần đầu tiên từ ngày chồng về Quyên mới lại thấy dâng lên một nỗi thèm khát quay cuồng nguyên si. Quyên nhắm mắt tận hưởng nỗi sung sướng chất ngất ngợp người như lần đầu đời đến với Định một buổi sớm mai trong căn nhà trống vắng.

Bên ngoài trời chợt vần vũ đổ sập cơn mưa giông mát nhẹ đầu mùa.

Chicago, 97

ĐÓNG GÓP VÀO NỀN VĂN HÓA HOA KỲ:
THỨC ĂN VIỆT NAM

PHAN THANH TÂM

Có thực mới vực được đạo. Và ăn được ngủ được là tiên. Nhưng muốn ăn được, thức ăn phải ngon, phải hợp với khẩu vị, và bổ dưỡng. Bá nhơn, bá tánh, bá bao tử. Mỗi sắc dân, mỗi dân tộc, có mỗi thức ăn khác nhau. Nó phản ảnh cả một nền văn hóa riêng biệt. Hiệp Chủng Quốc là xứ của di dân và cũng là xứ dung hợp mọi cách nấu nướng trên thế giới này. Ngày nay, khó nói bữa ăn nào là bữa ăn có toàn là món ăn riêng của Hoa Kỳ.

Người Việt Nam hễ ăn vịt luộc thì thường chấm với nước mắm gừng hay ăn trứng vịt lộn thì phải có rau răm; nếu không thì vô duyên vô vị. Ai dạy cho họ điều đó, từ lúc nào? Sách vở nào chỉ dẫn, bày vẽ? Đó là một thói quen, một cách sống. Chẳng ai dám vỗ ngực tự nhận là tác giả. Như cao dao tục ngữ, kẻ khám phá ra là những người vô danh, có từ đời kiếp nào. Dân gian mỗi người đóng góp một chút. Tùy nơi, tùy lúc, nó được cập nhật hóa cho toàn hảo, để thích hợp với nhiều người.

Cũng như các sắc dân khác sống ở Mỹ, người Việt Nam ráng hội nhập và thích nghi với đời sống mới. Họ học đủ mọi thứ, từ công ăn việc làm, lời ăn tiếng nói, cho đến cách di chuyển. Dù phải từ bỏ nhiều thứ, cho hợp với phong thổ, lề luật, họ vẫn giữ lấy khẩu vị xưa cũ. Miệng và bao tử hay tham lam, thích nếm đồ mới lạ, nhưng không hề bội bạc. Nó không quên các thức ăn thuở ban đầu của đời người. Dĩ vãng nằm trong các món ăn. Có những thứ đôi khi gợi nhớ cả một thời hay một kỷ niệm xa xưa. Anh hay chị hãy đếm thử ở Hoa Kỳ có bao nhiêu sắc dân thì ở đây có bấy nhiêu món quốc hồn quốc túy của họ. Có người nói muốn tìm hiểu lịch sử nước Mỹ thì phải tìm hiểu thức ăn ở Mỹ qua các thời đại, các biến cố.

Ai bảo miếng ăn là miếng tồi tàn? Không, miếng ăn quí lắm chớ! Nhất là đối với những người phải lâm cảnh đói rét quanh năm suốt tháng. Lê Hùng, ký giả của Việt Nam Thông Tấn Xã của VNCH, sau 1975 bị đi học tập, trong bài Lưu Đày Tận Miền Bắc, đăng trong tập VN Ký Sự phát hành tại Minneapolis năm 1983, cho biết "Khi các trại cải tạo ở miền Bắc chưa có chính sách thăm nuôi, hầu như mọi người chỉ nói với nhau về chuyện ăn uống, về các món thực phẩm. Mọi chuyện chính trị, xã hội, tình yêu, đạo lý, tôn giáo chẳng còn ai muốn nhắc tới."

Tờ *Star Tribune* tháng Chín năm 1996 đăng bài của ký giả Judith Weinrauh kể lại chuyện các bà mẹ Do Thái trong cơn đói lạnh, xác xơ; tuy nằm chờ chết trong trại tập trung Terezin ở Đức năm 1944, các bà vẫn cố ghi chép lại các món ăn mà các bà ưa thích, hầu lưu lại hậu thế. Hơn 50 năm sau, con cháu các bà đã cho phổ biến tập thủ bút đó bằng hai thứ tiếng Anh và Đức. Cuốn sách nấu ăn đó có tựa đề là Di Sản Của Các Bà Mẹ Trong Trại Tập Trung Terezin (In Memory's Kitchen: A Legacy From The Women of Terezin, của nhà xuất bản Jason Aronson, Inc...). Nhà văn Trung Hoa Lâm Ngữ Đường có lần đã viết: "Lòng ái quốc là gì, nếu không là tình yêu những món ngon mà mình được ăn hồi nhỏ?"

Big Macs

Mỗi xứ, mỗi vùng có một món tiêu biểu. Nói đến Ấn Độ thì người ta nhắc đến cà ri; Đại Hàn thì kim chi; Nhật thì sushi; Ý thì pizza; Mễ Tây Cơ thì taco. Còn Hoa Kỳ? Thế giới hễ nói tới thức ăn của nước này thì nhắc tới Big Macs của Mc Donald. Nó đi chinh phục khắp hoàn cầu một cách có hệ thống và chỉ đạo. Nó chui qua bức màn sắt. Nó xâm

nhập vào các quốc gia Hồi Giáo. Một khi lọt được vào quốc gia nào là nó nhập gia tùy tục, phác họa kế hoạch phát triển sâu rộng. Trong một bài báo đăng trên tờ *Star Tribune* hồi tháng Mười Hai năm 1996, ký giả Thomas L. Friedman của tờ *New York Times* cho biết, tại Jordan ở Trung Đông các tiệm này đóng cửa một ngày năm lần để khách hàng Hồi Giáo có dịp cầu nguyện. Họ là dân trung lưu. Giai cấp rất sợ chiến tranh, không thích chen lấn và biết kiên nhẫn đứng xếp hàng chờ đợi.

Hiện nay, Big Macs, món ăn quen thuộc của nước mạnh nhất thế giới, gồm thịt, bánh mì và một ít rau, đã có mặt ở 100 quốc gia. Riêng tại Nhật có 2000 tiệm. Cứ mỗi ba giờ là có một tiệm ra đời ở một nơi nào đó trên thế giới. Văn hóa Mỹ chẳng những đi vào tim óc của nhân loại qua ngỏ phim ảnh, sách báo, ca nhạc, điện toán, chính trị mà nó còn đi vào bao tử mọi người bằng thực phẩm. Hình ảnh một Mickey Mouse, với đôi tai vểnh cao, uống Coca Cola, nói chuyện qua máy điện thoại Motorola, nhảy nhơn nhơ, ăn Big Macs, giơ tay vẫy vẫy, toe toét cười chào người qua lại là hình ảnh tiêu biểu cho văn hóa Hoa Kỳ ở cuối thế kỷ 20. Nhưng có quả là người Mỹ chỉ có háo hức chực ăn Big Macs hay không? Không phải vậy.

Theo *USA Weekend*; ấn bản có 40 triệu độc giả, số phát hành hồi tháng mười Một năm 1996, thì dân Mỹ đang thay đổi cách ăn, cách uống và lối sống. Món ăn của thế kỷ 21 phải cay, có nhiều ớt, nhiều gia vị, ít màu mỡ, và bổ dưỡng. Ăn uống là một mối bận tâm hàng đầu. Trong khi Mc Donald đi dụ khách thập phương tứ hướng ăn Big Macs, thì tại hậu cứ, dân chú Sam lại thích ăn thử các món ngon vật lạ. Hằng năm, cứ đến ngày quốc khánh Hoa Kỳ mồng bốn tháng Bẩy tại thành phố đôi St. Paul - Minneapolis đều có một tuần lễ *Taste of Minnesota*. Đến đó ta sẽ có dịp được ăn nhiều thức ăn ngoại quốc. Hễ Minnesota có bao nhiêu sắc dân thì ở đó có bấy nhiêu món ăn độc đáo của sắc dân đó. Tuần lễ này thu hút rất đông người. Họ là những người muốn được nếm tại chỗ hương hoa của bốn phương mà khỏi mất công đi du lịch xa xôi, tốn kém.

Chả giò Việt Nam

Dân Việt Nam tại Minnesota không bỏ qua cơ hội tốt. Một số người thiện chí thuộc Hội Phật Giáo Việt Nam ở chùa Phật Ân từ năm 1976 đã bỏ công, bỏ của làm chả giò và cánh gà chiên bơ bán gây quỹ cho chùa và cũng để khoe miếng ngon của Việt Nam. Công tác rất thành công. Lý do là chả giò ngon, khách hàng rất ưa thích. Lần nào cũng hết sạch trơn. Chả giò Việt Nam được xem như là một trong vài món ăn nổi bật. Cứ mỗi lần có khách ngoại quốc, gia chủ hay ban tổ chức thế nào cũng bày dọn món ăn này. Thực đơn của hầu hết các tiệm ăn Việt Nam đều để chả giò là món ăn chơi đứng hàng đầu. Dần dần thành thói quen. Hễ nói đến món ăn Việt Nam là nói đến chả giò. Chẳng những ở Hoa Kỳ mà còn ở khắp các nơi khác.

Chiến tranh lạnh giữa Cộng Sản và khối tự do, kéo dài hàng chục năm, gieo tang tóc đau thương cho hàng triệu người Việt Nam. Riêng nước Mỹ có trên 58,000 binh sĩ tử trận và mất tích. Cả triệu binh sĩ Mỹ lui tới nửa bán đảo hình cong như chữ S, bắc giáp Trung Hoa, đông ngó ra biển Thái Bình Dương, có diện tích gần bằng 3/4 California, nhưng dân chúng Mỹ chẳng biết gì nhiều về món ăn Việt Nam. Mãi cho đến những năm sau 1975, khi có trên 500,000 người Việt bỏ xứ ra đi, định cư rải rác khắp nước Mỹ, lúc bấy giờ, món ăn của xứ từng gây nhiều sóng gió cho chính trường Hoa Kỳ, mới được báo chí, sách vở đề cập tới. Hiện nay, các thư viện, tiệm sách lớn đều có năm ba sách nói về cách nấu nướng theo lối Việt Nam.

Các món ăn đã theo chân người Việt đi khắp thế giới. Thành phố lớn nhỏ nào cũng có tiệm ăn Việt Nam. Nó đã giúp cho một số người tạo được sự nghiệp và đã gián tiếp giới thiệu nền văn hóa Việt Nam. Cô Nguyễn Tăng Thu Thủy, chủ tiệm Vina Cafe ở Uptown Minneapolis cho biết trong thập niên 80 trong thành phố đôi các tiệm ăn Việt Nam phát triển mạnh từ 10 tiệm tăng lên 100 tiệm. Ngay khu Uptown, ngoài tiệm của cô còn có ba tiệm khác nữa: Kinh Đô, Lotus, Saigon. Riêng quanh trường Đại học Minnesota, hai bên tả và hữu sông Mississippi có trên năm tiệm. Tên tiệm thường là tên một khu phố hay một địa danh ở miền Nam Việt Nam trước năm 1975 như Bona, Sông Hương, Cửu Long, Nha Trang, Hà Tiên. Khách hàng hơn 90% là người bản xứ.

Món ăn Việt Nam có đặc điểm gì? Nhiều gia vị, ít màu mỡ, nhiều màu sắc, nhiều rau cỏ, ít thịt, hầm nhiều hơn chiên xào; không đen đậm vì mực độ ăn mặn lạt nằm trong nước mắm chớ không phải nước tương đậu nành như các thức ăn Tàu. Rất cổ xưa, có từ mấy ngàn năm, và bị ảnh hưởng 1000 năm đô hộ

của người Tàu, 100 năm cai trị của Pháp, cách nấu nướng của người Việt Nam, do đó có một vị riêng biệt, không là Tàu mà cũng chẳng là Tây. Lý do là nhờ họ biết phối hợp với đầy sáng tạo. Khi đề tựa cho cuốn The Classic Cuisine của Bạch Ngô và Gloria Zimmerman, nhà phê bình về ăn uống của *New York Times* Grag Clairborne đã cho rằng cách nấu nướng Việt Nam là một trong những cách nấu nướng nổi bật nhất.

Giliath và David

Khác với Big Macs đến các vùng đất mới với quảng cáo ồn ào, qui mô, thức ăn của người Việt Nam và của các nước Á Châu thì lặng lẽ đi vào cuộc sống. Các tiệm bán thực phẩm như Rainbow hay Club Foods, hiện nay, đều có quầy bán rau ngò, giá, hành lá, gừng, đậu phụ hay các chất liệu để nấu món Đông phương. Đó là chưa kể hơn hàng chục tiệm thực phẩm Á Châu khác trong vùng Thành Phố Đôi. Trong thập niên 70, muốn tìm mua các thứ này không phải là dễ. Trên một quầy hàng của một tiệm Rainbow ở Roseville gần xa lộ 36, tôi thấy hai chữ Việt ngữ khá to "bánh tráng," dưới hai chữ đó có hàng tiếng Anh Spring roll wrapper. Đây là vật liệu cần thiết để cuốn chả giò. Ngoài ra, trong một tiệm ăn sang trọng từng lầu thứ 12 của trung tâm thành phố Minneapolis, trong tờ thực đơn có món gà xào theo lối Việt Nam. Điều này chứng tỏ một số món ăn của Việt Nam đã đi vào cuộc sống của dân chúng địa phương.

Dù vậy, thức ăn Việt Nam vẫn khó phát triển sâu rộng. Cô Thu Thủy, tốt nghiệp MBA ở Đại học Minnesota, nguyên là Manager Analyst của Hennepin County nói rằng, người Trung Hoa đến Mỹ trước Việt Nam cả hơn 100 năm. Thức ăn của họ, đã quá quen thuộc với khách hàng bản xứ. Người Việt Nam muốn chen chân vào rất khó. Tờ *City Page* số ra ngày 8.9.1993 đã mô tả cuộc cạnh tranh này như là một cuộc thư hùng giữa người khổng lồ Goliath và cậu bé chăn trừu David trong Kinh Cựu Ước. Khác biệt trong cuộc đấu thầm lặng này là chẳng ai bị thua thiệt. Tác giả bài báo Chris Hewitt khi viết về tiệm Vina, một tiệm ăn nhỏ bé, đã nhắc tới tiệm Leann Chin, một tiệm ăn Tàu có cơ sở vững vàng, cùng nằm đối diện nhau trên đường Nicollet Avenue ở Richfield. Bài báo cho biết cả hai đều có khách hàng đông đảo, cùng đua nhau phát triển.

Các tiệm ăn Việt Nam có gì để không bị đánh ngã? Đọc thực đơn các tiệm ăn Việt Nam và Tàu ta thấy nó gần gần giống nhau. Cũng là cơm chiên, mì xào, mì thánh... Nhưng nếu để ý ta sẽ thấy có nhiều món ăn thuần túy Việt Nam, viết bằng tiếng Việt không có dấu nhưng có mở dấu ngoặc thêm tiếng Anh. Chẳng hạn như: banh xeo (sizzling rice cake); bo xao ot xanh ca chua (beef with crip green pepper and tomatoes); ga xa ot (hot and spicy chicken); bo xao khoai tay (beef fried potatoes). Bà Bùi Thị Mỹ, chủ tiệm Quê Việt, một trong vài người đi tiên phong trong phong trào mở các quán ăn Việt Nam cho biết một số món ăn Việt Nam đã phải canh cải cho thích hợp với khẩu vị người Mỹ. Duy có chả giò là vẫn giữ cách làm độc đáo theo lối Việt Nam.

Chả giò Việt Nam và Tàu về hình thức trông giống nhau nhưng nội dung thì khác hẳn. Giới sành ăn không thể lầm lẫn được. Bà Mỹ đầy tự tin khi nói, "Nếu ai đã ăn chả giò Việt Nam rồi thì không thích ăn chả giò làm theo lối khác." Theo bà Mỹ, chả giò Việt Nam đã giúp cho các tiệm ăn Việt Nam rất nhiều. Ở Việt Nam, nó là một món ăn chỉ được làm trong các dịp đình đám, tiệc tùng, hội hè. Cách làm khá mất thì giờ. Chất liệu này có thể thay đổi tùy gia chủ nhưng nó phải có: thịt gà hay thịt heo, cua, tôm, nấm mèo, nấm hương, hành tây, củ sắn, bún tàu. Tất cả được cắt nhỏ, trộn đều, rồi cuốn tròn bằng một thứ bánh tráng mỏng và mềm. Sau đó mới đem chiên. Chiên chả giò cần phải khéo léo, nếu không sẽ không dòn. Ngoài ra, chả giò phải đi với nước chấm. Nước chấm mà dở sẽ làm hư cả công trình, sẽ làm ăn mất ngon.

Nước mắm

Nước chấm là sản phẩm của sự pha chế đầy nghệ thuật. Công thức có thể thay đổi nhưng tựu trung gồm có: nước mắm, ớt tỏi giã nhỏ, giấm, chanh, nước, đường. Bác sĩ Lê Văn Lân, trong cuốn Bút Khảo Về Ăn, đã trích dẫn nhận xét của bà Jennifer Brennan, tác giả cuốn The Cuisine of Asia, trong chương Back grounds on the Countries khi nói về chả giò như sau: những tấm bánh tráng bột gạo lớn màu trân châu, khi được nhúng nước cho mềm, gói bọc một ít nhân rồi đem chiên ngập, đã tạo nên những cuốn chả giò nhẹ như lông chim mà theo khẩu vị của tôi, ngon vượt xa những cuốn chả giò của Trung Hoa.

Còn nước mắm, chất liệu chính để làm nước chấm, được lấy ra từ cá cơm hay nhiều cá nhỏ khác. Trong cuốn Bút Khảo Về Ăn,

bác sĩ Lê Văn Lân còn cho biết, về phương diện hóa học, nước mắm là thành phần thủy phân từ chất protein hydrolysate, rất phong phú về chất đạm và muối. Màu của nó thay đổi từ vàng hổ phách đến nâu đậm. Làm nước mắm, người ta thường xếp cá và muối từng lớp với tỷ lệ một cá, một rưỡi muối, rồi để ngấm trong thời gian từ năm tháng đến 18 tháng. Nước mắm từ thùng chảy ra, rỉ từng giọt là nước mắm nhĩ, thứ ngon nhất. Sau đó người ta trộn thêm muối vào bã cá nhiều lần để làm nước mắm nước nhì, nước ba. Trước đây, nước mắm được đựng trong tỉn, một thứ hũ nhỏ bụng phình ra, miệng và đáy nhỏ lại.

Nhà văn Võ Phiến, trong một bài tùy bút cho rằng, muốn thẩm định cho đúng giá trị chân chính của một giọt nước mắm ngon, không thể dùng máy móc tinh vi nào được cả. Chỉ có thể lấy cái lưỡi của một thiên tài làm chuẩn, giống như cái lưỡi của chuyên viên thẩm định rượu vậy. Khách hàng Mỹ khi nghe nói nước mắm là sản phẩm từ cá họ có vẻ ngại, nhưng khi nếm thử, đa số đều mê, như Adam, Eva ăn phải trái cấm. Có điều nước mắm khi ăn thì ngon nhưng nếu lỡ để dính vào quần áo, tay chân thì sẽ khiến người chung quanh khó chịu và có cơ bị người yêu từ bỏ vì cái mùi của nó.

Ông Vũ Minh Quân, chủ một tiệm phở ở đường Nicollet Minneapolis kể lại rằng, ông có một khách hàng người Mỹ rất ưa ăn nước mắm. Mỗi lần vào tiệm luôn luôn đòi cho có một chén nước chấm và chấm thức ăn vào ăn một cách ngon lành. Một hôm, ông khách đẩy chén nước mắm ra rồi nói: "Từ nay không ăn thứ này nữa vì cô bồ không chịu được mùi này." Tuần sau, ông ta tới. Kỳ này ông ta lại đòi nước chấm và giải thích: "Bồ có bỏ thì chuyện đó tính sau. Chớ ăn cái này mà thiếu nước mắm thì mất ngon!" Ông chủ tiệm mới này mới bày cách trị mùi nước mắm bằng cách ngậm chanh hay cam sau mỗi bữa ăn.

Phở

Nước mắm là gia vị mà gia đình Việt Nam nào cũng mua và hầu như bữa ăn nào cũng có. Mỗi nhà, mỗi địa phương pha chế khác nhau. Miền Trung thì thêm chanh, tỏi, ớt, đường. Miền Nam thì pha loãng hơn, có thêm một phần nước. Miền Bắc thì ăn nguyên chất. Nước mắm còn được dùng trong khi nấu ăn. Tuy đó là một sản phẩm từ cá, nó không kỵ mùi khi nấu với thịt hay rau. Ông Quân cho

THƠ HỒ THÀNH ĐỨC

TA ĐỨNG MỘT MÌNH XEM TRANH BẠN

Tặng họa sĩ Trịnh Cung và phòng tranh Âm Vang Của Đất

Chỗ đất nâu rịn ra lời nước mắt,
Khoảng không kia, xanh biếc giấc nồ ng nà n
Những nhọc nhằn siêu thoát giữa khô ng gian
Lời của núi vọng xa trăng cổ tích

Người cùng ta một thời chung tịch mịch
Những đêm tàn bến Ngự gót rêu phong
Con nước khuya âm thầm lên tiếng nấc
Màu lam xanh, bạc ánh thuở hoang đường

Mười bức tranh sáng rực đứng hai hàng
Ta ở giữa một mình trong thinh lặng
Âm vang xưa trên đồi xanh vọng lại
Con ngựa buồn bạc tóc thuở đi hoang

Ta với tranh gặp lại những ngỡ ngàng
Trời với đất xanh một màu sum họp
Đã qua rồi! Những tháng ngày thoi thóp
Mặt trời lên chân núi nở lời vui

Đứng nhìn tranh ta bỗng thấy ngậm ngùi
Giọt nước mắt chảy quanh buồn biết mấy!
Màu đông phương, âm vang từ đất mới
Nửa đời buồn! Trắng tóc vẫn tài hoa

Tranh xa xưa, vùng yên nghỉ trên đồi
Ngay ngựa trắng không còn trong trí tưở ng
Những tháng năm hóa thân theo trừ u tượ ng
Nâu lên trời, đất trở lại màu xanh

Có một chúa địa đàng theo chân núi!
Nét cọ theo hạnh phúc của nâu trầm
Sao không thấy oán hờn theo chân cọ!
Toàn những màu xanh đá sỏi buồn đau!

Đám mây kia dường như dòng lệ ứa
Cả một đời cay nghiệt lấp tài hoa
Mười bức tranh: Tia chớp tận quê nhà
Xin hãy nở bông hoa trăm nghìn sắc...

California, 26 tháng Bảy 1997

biết, nấu phở mà thiếu nước mắm thì phở sẽ bớt ngon và bớt thơm. Phở là một món ăn rất phổ thông ở Việt Nam, phát xuất từ Hà Nội. Nguồn gốc nó hãy còn tranh cãi. Nhà văn Nguyễn Tuân thì bảo nó từ một chữ Tàu và người Việt Nam nói trại ra thành chữ phở. Còn nhà văn Phạm Xuân Đài trong bài Mì Quảng thì cho rằng phở từ món Pot au Feu bị Việt Nam hóa mà ra. Ngày nay phở trở thành món ăn rất độc đáo, đầy mùi vị Việt Nam.

Cho đến năm 1996 thì phở tràn lan khắp nơi. Tờ *Washington Post*, trong số báo hồi tháng Hai năm 1995 đã báo động là một cuộc chiến tranh phở đang diễn ra ở quanh vùng phụ cận thủ đô nước Mỹ. Nguyên nhân: ai cũng xưng là vua phở. Năm 1987, chỉ có một tiệm phở 75, trên đường Wilson, nay quanh vùng có đến trên 10 tiệm. Do đó phở có cơ trở thành món ăn quen thuộc của dân chúng Mỹ và khắp thế giới. Các thành phố lớn như New York, Chicago, và nhất là ở Maryland và Virginia phở không còn là món ăn xa lạ đối với người địa phương. Người Mỹ thường lớn tiếng hỏi "Where is the beef?" Chứng tỏ thịt bò đối với họ rất quan trọng. Và vì phở căn bản là từ thịt bò, nên có lẽ nhờ thế nó mau phổ biến chăng? Riêng tại Twin Cities chỉ mới có đôi ba tiệm nhưng nó đã bắt đầu lôi cuốn khách hàng bản xứ. Theo chiều hướng này, phong trào ăn phở sẽ phát triển mạnh ở Minnesota. Muốn được như vậy, các tiệm phở phải rộng rãi, sạch sẽ, chớ chỉ có phở ngon, sẽ không đủ sức lôi cuốn khách hàng.

Trong các món ăn của Việt Nam, phở là món duy nhất được nhiều nhà văn Việt Nam nói tới và cũng là món ăn phản ảnh lịch sử cận đại. Phở ào ạt vào Nam Việt Nam năm 1954, năm chia cắt lãnh thổ, không phải vào Nam theo đường mòn Hồ Chí Minh như một nhà báo Mỹ đã viết. Phở đi khắp thế giới kể từ năm 1975, năm đánh dấu cái chết của chế độ VNCH. Nhà văn đầu tiên viết về phở là Thạch Lam, trước Đệ Nhị Thế Chiến, năm 1927. Theo ông, phở ngon là một tô phở có nước dùng trong và ngọt. Khói lên nghi ngút. Bánh dẻo mà không nát. Thịt mỡ gầu dòn chứ không dai và phải có đủ chanh, ớt, hành tây, tiêu, rau thơm, với điểm thêm một chút cà cuống thoảng nhẹ như một nghi ngờ. Quan niệm về cái ngon này cho đến nay vẫn không thay đổi. Có điều khi phở vào Nam, nhiều người ăn phở thường cho thêm tương ngọt, tương cay, giá sống hay chín và rau quế, ngò gai.

Ngoài phở bò, còn có phở gà, phở đồ biển, hay phở chay. Mỗi tiệm phở có một bí quyết về cách nấu phở. Nước phở các nơi không giống nhau. Phở là món quà có thể ăn vào bất cứ thời tiết hay giờ giấc nào; xuân, hạ, thu, đông; sáng, trưa, chiều, tối; trời nắng hay mưa, nóng hay lạnh. Nó cho người ăn mỗi lúc mỗi sảng khoái, thích thú riêng. Mùi vị phở thơm ngào ngạt, rất hấp dẫn. Nhiều người nghiện phở. Cách trình bày một tô phở cũng cần có một ít nghệ thuật. Bánh phở trụng sôi bỏ vô tộ trước; xếp những lát thịt cắt mỏng hay tôm cua cá viên, rau thơm, hành lá, ngò, ớt lên trên rồi đổ nước phở đang sôi trên lò vào. Nước phở là nước nấu hầm từ xương thịt bò hay gà, hay đồ biển với hành củ, hành tây nướng vàng và đinh hương, hồi hương, quế chi. Phở đồ biển là một thứ phở vừa mới chế ra từ ngày phở thịnh hành ở Mỹ.

Trên đây chỉ là vài ba món ăn hiện được dân chúng địa phương ưa chuộng trong số những món ăn khác nữa là gỏi cuốn, gà xào sả ớt, cơm chiên... Người Mỹ gốc Việt, khi chọn xứ này là quê hương thứ hai, trong đời sống hằng ngày, nếu vẫn duy trì và gìn giữ lối ăn và tiếng nói, là đã làm một việc hữu ích và cụ thể: nhắc nhở con cháu nhớ đến cội nguồn. Thực phẩm không những nuôi dưỡng thân xác mà còn ảnh hưởng đến tâm hồn và tim óc. Nước Do Thái tồn tại và vững mạnh phải chăng nhờ một phần nào việc làm lặng lẽ và âm thầm của các bà mẹ, cố gắng trao quyền lại di sản ẩm thực cho các thế hệ mai sau? Một số người có dịp về Việt Nam ăn phở và một vài thức ăn khác đều xác nhận rằng thức ăn Việt Nam ở Mỹ ngon hơn ở Việt Nam, nhất là phở. Lý do có lẽ chất liệu để nấu dồi dào hơn ở Việt Nam và hầu như người Việt Nam di tản đã mang cả nghệ thuật ăn uống ra xứ người, như thời Cộng Sản Trung Hoa toàn thắng ở Trung Hoa lục địa. Sau thập niên 40 muốn tìm thức ăn ngon của Tàu thì phải đến Hồng Kông, Đài Bắc, Toronto hay New York. Điều này cho thấy, ăn uống không phải là chuyện thường tình. Các cụ xưa thường nói nhất ẩm nhất thực đều giai do tiền định. Thế nên, chả giò, nước mắm, phở thịnh hành ở khắp nơi đâu phải là chuyện ngẫu nhiên? Biết bao tang thương, dâu bể, chết chóc, đổi thay mới có việc này.

(Trích Kỷ yếu 20 Năm Sau - Minnesota)

Phan Thanh Tâm

ĐI TÂY

PHẠM XUÂN ĐÀI

(tiếp theo)

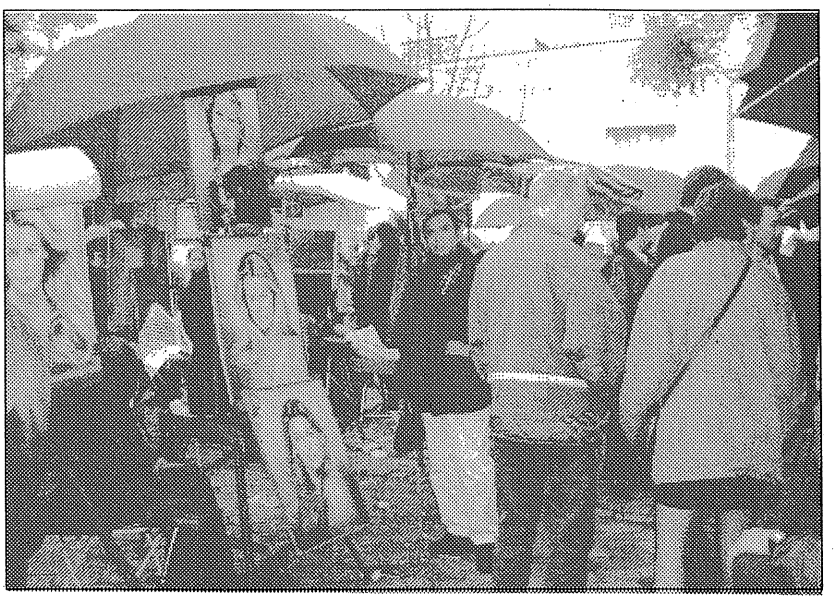

Khu vẽ tranh tại Montmartre

Tôi vừa ở trong một cơn lẫn lộn hiện tại và quá khứ, đến với Paris mà nhớ tưởng lung tung về Việt Nam. Tôi tự nhủ thôi hãy ngưng nghĩ về Việt Nam, hãy kể chuyện bên Tây thôi, thì một người bạn đến chơi, ném cho tôi một tờ báo: "Thấy ông đang viết về quán cà phê, tôi mang cho ông tờ báo này." Một tờ báo Xuân năm nay (Đinh Sửu, 1997) từ Việt Nam, trong đó có bài *Các quán cà phê đầu tiên của Sài Gòn*. Một tài liệu rất thú vị, liên quan mật thiết đến đề tài tôi đang viết. Xin trích vài đoạn:

Có hai quán cà phê mà tên hiệu và địa chỉ được nói đến trong các tờ Courrier de Saigon *(Người đưa tin Sài Gòn),* Illustration *(Báo ảnh), và trong* Annuaire de la Cochinchine *(Niên giám Nam Kỳ), tất cả đều ra trong năm 1864. Đó là quán cà phê Lyon (Café Lyonnais) và quán cà phê Paris (Café de Paris). Hai quán cà phê này tất phải có lâu trước năm 1864 (...).*

Quán Café Lyonnais, theo tờ Illustration ra ngày 23.4.1864 thì nằm tại đường "Gouvernement" gần ụ chiếc chiến hạm Primauguet. (...) Quán cà phê này không còn thấy ghi trong tập Thời sự cẩm nang Vade mecum 1905. *Có lẽ nó được thay thế bởi quán cà phê* Café de Marine *(Cà phê Hải quân) dễ lui tới hơn và cũng ở gần đó tại số 3-5 Công trường Rigault de Genouilly (Công viên Du lịch bến Bạch Đằng ngày nay).*

Còn về quán Café de Paris, *theo "Niên giám Nam Kỳ," năm 1864, trong đó có Câu lạc bộ Thương mại (Cercle Commercial), ở tại bến sông, góc đường số 16 (Catinat = Tự Do = Đồng Khởi) mà chủ nhân là Ô. Bonnerieux. Theo tờ "Courrier de Saigon" ra tháng 3, năm 1864, thì sứ bộ Phan Thanh Giản có ghé Sài Gòn trước khi về Huế để trình lên vua Tự Đức kết quả chuyến đi Pháp năm 1863 trong sứ mạng*

thương thuyết xin chuộc lại ba tỉnh miền Đông đã nhượng cho Pháp và khi đó vào ngày 19, "Phan Thanh Giản và hai vị đồng sự không có lọng che và tiền hô hậu ủng như nghi lễ đã quá bộ đến thăm quán Café de Paris, *nơi đây họ có dịp gặp lại một số sĩ quan Pháp, một cách thăm viếng tế nhị những người mà họ còn chưa gặp..."*

(Anthologie franco-indochinoise, VI, 4:19)

Quán cà phê này còn lưu lại dấu vết mãi đến năm 1905, ở tại đường Paul Blanchy (Hai Bà Trưng), số 83, chủ nhân tên là Vital (Theo Thời sự cẩm nang 1905).

(Trích báo Văn Hóa Xuân Đinh Sửu, Sài Gòn, trang 51).

Thì ra Sài Gòn có quán cà phê sớm đến thế! Dĩ nhiên những quán cà phê sớm sủa này chỉ là nơi lui tới của các "ông tây bà đầm" chứ chưa dính dáng gì đến quần chúng Việt Nam thời ấy có lẽ chưa được phép đặt chân đến những chốn này, và chắc cũng chưa biết uống cà phê cũng như quen với sinh hoạt theo lối tây phương. Nhưng hương cà phê đã bay trong không khí Việt Nam, và các quán *Café Lyonnais, Café de Paris* đã như là những cánh tay nối dài của Paris tới đây, đi tiên phong làm đại diện cho nền văn nghệ nước Pháp đến đất Việt Nam, trước khi tiểu thuyết, ca nhạc, hội họa, sân khấu... được chính thức đem đến giới thiệu tại đây. Vô tình những quán ấy đã đóng vai trò sứ giả văn hóa, đến rất sớm để đặt nền móng trên đất nước này về một sinh hoạt mà xem chừng nhiều thế hệ Việt Nam về sau, cho mãi đến tận bây giờ, đã tỏ ra thích thú, thậm chí ghiền, là cái việc uống cà phê. Hậu duệ các quán cà phê đầu tiên này tại Sài Gòn mang cung cách Paris còn thấy tới thời điểm 1975 là *La Pagode* (được Việt hóa thành Cái Chùa), Givral, *Impérial* (Hoàng Gia), Brodard, đều nằm trên đường Tự Do. Đó là các quán hạng sang, ly tách muỗng nĩa đều sáng trưng theo kiểu Pháp, cung cách "xẹt via" phần nào theo tiêu chuẩn quốc tế, và cái "gu" cà phê cũng khác với những quán cà phê theo lối Việt Nam.

Sự việc ba vị sứ thần của sứ bộ Phan Thanh Giản "đi uống cà phê" tại quán Café de Paris của Sài Gòn năm 1864 thì thật là một tài liệu lý thú và cảm động. Rõ ràng đó là một hoạt động ngoại giao, quán được chọn để một số nhân vật Pháp Nam được gặp nhau, "một cách thăm viếng tế nhị những người mà họ còn chưa gặp." Đó là một cuộc gặp gỡ thuần túy xã giao, hay có vấn đề gì cần được thảo luận thêm, một cách không chính thức? Dù sao thì chắc chắn ba vị Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ và Nguy Khắc Đản là những ông quan cao cấp đầu tiên của triều đình Việt Nam đi vào một quán cà phê trên đất Việt Nam, mở đầu cho một sinh hoạt mà bao nhiêu thần dân đất nước của quý vị sẽ say mê tiếp tục trong suốt một trăm mấy chục năm sau. Thời gian ở Pháp trong năm 1863, các vị có được người Pháp mời đi đến các quán cà phê Paris hay không? Điều này không thấy nói tới trong Tây Hành Nhật Ký của Phạm Phú Thứ, mặc dù trong tác phẩm ấy cụ Phạm ghi rất kỹ những chuyến thăm viếng tại kinh thành Paris. Nhưng về sứ bộ Việt Nam tại Paris năm 1863, có dịp ta sẽ trở lại sau. Bây giờ xin đóng dấu ngoặc về món cà phê mà do một bài báo, đã tình cờ mở ra khá lâu.

Một người Việt Nam lần đầu tiên đi đến Pháp có thể mang hai tiên kiến: hoặc từ nước Việt Nam nghèo nàn lạc hậu cựu thuộc địa, trông chờ hình ảnh một "mẫu quốc" rất cao sang hoàn hảo; hoặc từ một nước phát triển khác, phần nhiều là Mỹ, với một số tiêu chuẩn và hình ảnh về cuộc sống mình đang có, để so sánh. Cả hai thái độ đó đều khiến cho cái nhìn nước Pháp bị khúc xạ, mất đi sự trung thực. Thực ra đây chẳng phải là nơi tuyệt đối cao sang như chờ đợi, hoặc là nơi để đo sức về mức độ tân tiến và giàu có. Nước Pháp, Paris, tự bộc lộ mình như một bông hoa quý phái hiếm có với tất cả giá trị riêng biệt của nó, đòi hỏi một thái độ và trình độ thưởng thức thích hợp.

Ngay về địa lý nước Pháp cũng đã có một "ngoại hình" đẹp, đó là một đất nước có hình thể cân đối đầy đặn. Trong cái hình lục giác rất đều ấy, sông, núi, đồng bằng, bờ biển phân bố hợp lý và mỹ thuật, hình như trong thiên nhiên tạo hóa đã muốn tạo ra ở đây một tác phẩm ưu tú, và cũng đặt vào đấy một giống dân biết sống như thế nào cho phù hợp với cảnh trí và tài nguyên mà mình có. Có đến một số nước Âu châu như Bỉ, Hòa Lan, Đức... mới thấy rằng đồng quê của Pháp có một vẻ đẹp đặc biệt, rất nhiều nơi phong cảnh cứ như một bức họa, không phải loại tranh vẽ tầm thường mà là danh họa, được vẽ bởi tay họa sĩ bực thầy. Đó chẳng phải hoàn toàn là sự tình cờ của thiên nhiên, mà còn do trong khi cày cấy trồng trọt và xây dựng nông trang, người Pháp đã mang cả khiếu thẩm mỹ vào đất đai của mình. Họ rất xứng đáng là người thừa

hưởng một trong những mảnh đất vào hạng đẹp nhất của trái đất này.

Hình như đối với người Pháp nghệ thuật không phải là một môn riêng biệt cao vời chỉ của một thiểu số, mà với họ, sống là nghệ thuật. Đền đài cung điện rực rỡ huy hoàng, các tác phẩm nghệ thuật danh tiếng, phát huy đến tột đỉnh tài năng và khiếu thẩm mỹ của người Pháp, cái đó thì đã đành. Trong cuộc sống thường, từng con đường, từng góc phố cho đến làng mạc xa xôi đều có sự cố công để làm nên vẻ đẹp. Không bao giờ người Pháp xây dựng một cái gì mà chỉ nghĩ đến khía cạnh thực dụng của nó, họ không thể chỉ vì sự thuận tiện mà dựng nên những hình ảnh thô thiển. Tinh thần Pháp là tổng hợp của cái tốt và cái đẹp, một công trình mà thiếu một trong hai yếu tố đó thì xem như chưa hoàn chỉnh. Sự ăn, mặc của họ cũng thế. Cái mà người ngoài cho là "kiểu cách" thì chính là nghệ thuật của họ đem vào sự sinh hoạt hàng ngày vậy. Một bữa ăn mà phải tuần tự uống ba thứ rượu (khai vị, rượu chính thích hợp với thức ăn, rượu thơm uống sau cùng để hoàn chỉnh dư vị của bữa ăn) thì đối với ta rắc rối quá, nhưng với cái lưỡi tinh tế và với quan niệm đưa việc ăn uống lên hàng nghệ thuật thì đấy chỉ là những sự quan tâm lựa chọn bình thường và bắt buộc. Sự lựa chọn trong cách phục sức cũng vậy. Tại sao Paris nổi tiếng về kiểu mẫu quần áo và đồ trang sức? Vì người Pháp cho rằng quần áo chính là chỗ để thể hiện vẻ đẹp một cách thiết thân nhất của con người, thân thể con người vốn đã là một tác phẩm đẹp rồi, việc phục sức cho nó dĩ nhiên phải dựa vào một quan niệm thẩm mỹ linh động luôn luôn đổi mới để đáp ứng cái nhu cầu thể hiện vẻ đẹp vốn mong manh và không có giới hạn. Họ đã đưa nghệ thuật trang sức và may mặc lên một trình độ rất cao, đến độ làm mẫu mực cho cả thế giới. Nếu dân tộc ấy không quan tâm đến cái đẹp và không biết làm nên cái đẹp thì làm sao đạt được danh vị ấy, và làm sao Paris từ bao nhiêu thế kỷ vẫn là thánh địa cho bao nhiêu người làm nghệ thuật khắp nơi trên thế giới tìm về hoặc hướng về?

Ngay trong môn đá banh, mục đích của cuộc tranh tài của hai đội là đưa trái banh nhiều lần tối đa vào khung thành phe địch, nhưng người Pháp phải thực hiện nên cái đẹp nữa trong quá trình dẫn dắt trái banh. Bóng đá Pháp thuộc trường phái hoa mỹ, nó có khi kém hiệu năng, nhưng ở những thời kỳ họ kết hợp được hiệu năng và hoa mỹ (cái tốt và cái đẹp) đến trình độ cao nhất thì thế giới được thưởng thức những tác phẩm tuyệt vời về môn bóng tròn. Đọ tài về quân sự, kinh tế cũng như thể thao với người láng giềng giỏi dang và thực dụng là nước Đức, Pháp thường bị thua, nhưng người Đức vẫn phải ngã mũ trước vẻ xinh đẹp về mọi phương diện của nước Pháp.

Kẻ tạo vẻ đẹp cho đời được gọi là nghệ sĩ. Nước Pháp là một nước nghệ sĩ, và Paris là nơi kết tinh nghệ sĩ cao độ. Đến thành phố đó, ta cảm thấy có một cái gì thoáng đãng vượt lên trên chuyện áo cơm, vượt lên trên cả cái nghèo, khi nắm bắt được nó bỗng nhiên chúng ta thấy đời sống nhẹ nhõm đáng yêu bội phần. Ấy là cái thần của thành phố này, nó lãng đãng khắp nơi mời mọc ta, khuyên giải ta rằng trên đời này có một điều rất quan trọng không nên quên, đó là cái ĐẸP. Cả Paris như một ngôi đền thiêng thờ phụng từ cái đẹp rất thượng giới của tư tưởng sau các bức tường đại học đến cái đẹp trần thế của một cô gái đứng đường, từ các tác phẩm bất hủ cổ kim trong điện Louvre đến các bức vẽ của những nghệ sĩ vô danh bên bờ sông Seine... Mọi thứ đều được cư xử tôn trọng trong vương quốc ấy. Hãy cùng nhau đến khu Montmartre...

Trước hết lên thăm nhà thờ Sacré Coeur, phải leo lên những bực cấp rộng và dài dằng dặc mới đến nhà thờ ở đỉnh đồi. Đó là những bực cấp đi lên vui nhất thế giới, ta gặp trên đó vô số thanh niên nam nữ đang ngồi chơi bất kể vào thời khắc nào trong ngày. Họ nhìn xa xăm ra thành phố trải dài dưới chân đồi, ban này nhìn nắng nhảy múa, ban đêm nhìn đèn và sao nhấp nháy, họ chia nhau điếu thuốc, họ trò chuyện to tiếng hay thủ thỉ, họ hôn nhau... Đám người ấy luôn luôn có đấy như một hình ảnh bất biến, gắn liền với cảnh trí nhà thờ và báo hiệu cho cái không khí đặc biệt của Montmartre mà sau khi thăm nhà thờ, ta sẽ ghé qua ngay trên khu đất bên cạnh. Tại sao họ đến và ngồi đó? Đơn giản chỉ là "ngồi chơi," nhưng nơi đó có một cái gì đó thu hút họ, và sự hiện diện của họ ngược lại cũng đem lại một không khí không bao giờ có trong đời thường, vừa trần tục vừa thượng giới, vừa là của tuổi trẻ hôm nay vừa là cái thanh xuân bất biến của bao đời người trẻ tuổi đã lui tới chốn này. Họ chỉ ngồi chơi, không vẽ tranh không ca hát, nói chung không làm một hình thức nghệ thuật nào, nhưng đám người ấy toát ra một vẻ nghệ sĩ miên viễn rất lạ, tuồng như chỉ

sự ngồi chơi của họ trên các bực cấp nhà thờ ấy đã là một hành vi nghệ thuật, đã là một chất men cần thiết cho bầu khí quyển riêng biệt của hành tinh Montmartre.

Từ bên hông nhà thờ ta băng ngang vài con đường và bỗng dưng đã thấy mình đang ở giữa một thế giới khác. Một khu phố xá vây quanh một miếng đất vuông vức mỗi chiều độ vài trăm thước trong đó che lều bán tranh và nghệ phẩm, kê bàn để nhậu nhẹt ăn uống, và đặc biệt la liệt là các khung giá vẽ của các họa sĩ. Người đi như trẩy hội. Đúng Montmartre là một loại hội hè thường trực bất kể ngày đêm, vui không thể tả. Đến đó tinh thần của ta sẽ luôn luôn hớn hở như khi tuổi nhỏ được sống trong ngày Tết. Tết vui vì đang trong không khí chớm sáng tạo của mùa xuân. Montmartre vui vì bao trùm một không khí sáng tạo bất diệt, với một đám đông người không dứt, lượn tới lui, ăn nhậu, mua sắm, xem tranh và vẽ tranh... Đó là một chốn đào nguyên quanh năm không có buồn phiền, vì vào đây người ta bắt được và đắm vào niềm phơi phới của vẻ đẹp đang trở thành. Người ta vẫn buôn bán, vẫn mặc cả thêm bớt, vẫn ăn nhậu, nhưng đây không phải là đời thường. Tản Đà ngày xưa muốn bưng thơ lên chợ trên trời bán cho tiên, thì đây chính là một cái chợ như vậy, nhưng không có phân biệt người phàm và tiên, tất cả vào đấy đều biến thành tiên trong một khoảnh khắc sống thật vui. Tất cả màu sắc tục lụy vẫn nguyên đó, với rượu và bia, các món ăn nấu thơm lừng, với hàng hóa và phòng đổi tiền, nhưng tất cả như là đồ mã, mọi sự diễn ra như trong ngôi chợ âm phủ, như là không thật, vì như có một loại ma túy trong không khí làm người ta vào một cơn vui sướng lâng lâng. Nếu trong đời sống thực tế khi nói đến chuyện văn chương nghệ thuật người ta thường cho là chuyện phù phiếm thì lạ thay khi vào đây, nghĩ tới cuộc sống thực của ta "ở dưới trần" với bao hệ lụy của nó thì ta lại có cảm giác đó mới là những chuyện phù phiếm, và chỉ có cái không khí ngây ngất quanh đây mới là thực. Ta đang thực tập cái kinh nghiệm *Trang Tử là bướm* hay *bướm là Trang Tử* đây chăng?

Thì ra trên đời vẫn có những nơi bầu không khí đã nhuốm đầy chất cảm hứng do đã cô kết lâu đời phong cách của biết bao lớp người sáng tác. Họ đã tụ về nương nhờ vào nơi đó để tự thể hiện mình. Tinh anh càng phát tiết càng làm dày đặc thêm cái màu sắc thiêng liêng của nơi mình nương náu để sáng tạo. Montmartre giống như các đền miễu được nhiều người đến cúng vái thờ phượng. Càng thiêng càng nhiều người cúng vái, và càng nhiều người cúng vái thờ phượng thì càng thiêng. Chất nghệ sĩ của nước Pháp đã chọn Paris, và Paris đã chọn nơi này làm nơi tập họp và trao đổi sự sáng tạo hội họa với cung cách hồn nhiên, dân giã nhất. Người nghệ sĩ vô danh mang giá bút đến đây để trắc nghiệm mình, nơi đây không có trường ốc thi cử mà chỉ có sự sáng tạo đích thực và tự do, và cũng là nơi áp dụng một quy luật đào thải nghiêm nhặt. Bao nhiêu bực đàn anh tài hoa danh tiếng đã qua đây như anh ta ngày nay, đã cùng bao lớp người vô danh khác tạo nên một sức sống bàng bạc của nghệ thuật. Khách đến đây cảm nhận sức sống ấy ít hay nhiều tùy theo căn cơ của mình, nhưng đều biết rằng đây là một nơi khác thường, các tế bào của ta mách bảo chỗ này là một bầu khí quyển lạ, không giống với cái thế giới công việc và cơm áo hàng ngày của mọi người.

Đi vòng vòng xem các họa sĩ vẽ tranh, Lộc bảo tôi:

"Bọn mình đi chơi với nhau đã nhiều nơi, nhưng chưa bao giờ mình cảm thấy một nơi nào vui như thế này. Mà thực ra thì nó có gì đâu, một mảnh đất, một khu phố bình thường, tầm thường, đâu có gì là hào nhoáng lạ lùng, thế mà cái vui hình như vô tận. Chung quanh toàn là người tứ xứ..."

Lúc ấy tôi cũng thấy thế mà không hiểu tại sao. Dần dần tôi hiểu đó là lúc chất nghệ sĩ nơi Lộc rung động với Montmartre, giống như con cá tìm về được dòng suối xưa cũ của mình. Có một dòng suối vô hình đang chảy ồ ạt quanh đây, nó không thuộc vào một địa hình địa lý của riêng một xứ sở mà là chung của cả trái đất, người xứ nào cũng mong đến tắm trong ấy. Người tứ xứ đến đây giống như đi hành hương tôn giáo. Nhưng nếu hành hương tôn giáo là đi tìm quá khứ để sống lại kỷ niệm về một phát kiến tâm linh đã qua, thì Montmartre là một nơi để đắm vào một nguồn sáng tạo đang trở thành. Nơi đây là một sự trở thành mãi mãi, cảm hứng mới mẻ từng phút từng giây. Vui là vì vậy. Tâm hồn sẽ vào trong cơn phơi mở không ngừng, không phải tìm về một cái gì đã chết.

Cả trăm họa sĩ đang làm việc quanh đây, thuộc nhiều quốc tịch, Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Việt Nam... Một số có cửa hàng nho nhỏ bày tranh của mình, nhưng phần đông đều ở ngoài trời, với dụng cụ gọn nhẹ, gồm

một giá vẽ, vài cái ghế xếp, một cây dù che mưa nắng và đồ lề cần thiết như giấy, cọ, màu... Họ "bày hàng" để bán một món hàng vô hình là tài năng của họ, nó sẽ trở thành hữu hình một khi họ và khách hàng đã thuận mua vừa bán. Đó là những người vẽ tranh chân dung. Trong vòng trên dưới nửa giờ họ sẽ vẽ xong chân dung của khách hàng ngồi ngay trước mặt làm mẫu, với giá thỏa thuận trước, trung bình khoảng hai trăm quan một bức cỡ 60 x 40 cm. Vì làm nhanh, lấy tại chỗ nên hầu hết các bức họa được vẽ bằng chì và phấn. Chân dung cũng đủ kiểu, có người sở trường vẽ chân phương theo lối truyền thần, có người lại vẽ theo cách ký họa, chỉ chấm phá ít nét linh động tung hoành, lại có những bức theo lối hý họa, thể hiện một khuôn mặt theo những đường nét dí dỏm nhất mà họa sĩ có thể nhìn ra nơi người khách... Họ cũng chào mời khách như bất cứ một người bán hàng nào, và họ cũng nói thách, và khách cũng trả giá, mọi cái y như cảnh mua bán "dưới trần gian," chỉ có khác là sau khi giá cả xong xuôi, khi họ bắt đầu "bán" tài nghệ của họ thì tất cả đi vào một thế giới khác, thế giới của sáng tạo. Lúc bấy giờ tương quan giữa người họa tranh với khách hàng không còn là người bán và người mua, mà là giữa nghệ sĩ và người mẫu. Đứng xem họ làm việc mới thấy sự nhọc nhằn của sáng tạo. Không giống như những thợ vẽ chân dung từ một bức ảnh, chỉ sao chép sao cho thật giống những gì đã in trên giấy, trước mặt họ là một người sống với tất cả sự linh động của nó trong từng giây phút trôi qua, họ phải nhìn và nắm bắt cho được cái gì là đặc trưng của người ấy trong đường nét cũng như trong tinh thần để thể hiện ra mặt giấy bằng chì đen phấn trắng. Cho dù hành nghề đã nhiều năm, mỗi ngày vẽ cho bao nhiêu người, nhưng mỗi khi cầm bút bắt đầu một bức chân dung thì đối với người họa sĩ, đó vẫn là một việc làm hoàn toàn mới mẻ, chưa tiên đoán được kết quả. Họ luôn luôn đứng trước cái vực thẳm của chuyện thể hiện được hoặc không thể hiện được hình ảnh của đối tượng trước mặt. Họ đối diện thường trực với nỗi thách đố đó, và chỉ giải quyết được bằng tài năng và cảm hứng của chính họ ngay *trong lúc đó* mà thôi. Khi vẽ, người họa sĩ biến thành một người khác, không giống với con người trước đó mấy phút đã mặc cả với khách từng đồng, và cũng không giống con người sau đó khi đã vẽ xong đưa tay nhận tiền của khách. Mặc cả và nhận tiền là việc của đời sống. Vẽ là nghệ thuật. Đứng trước giá vẽ, họ quên hết chung quanh, ngưng thần quan sát đối tượng, chuyển cái cảm nhận bằng thị giác ấy thành ảnh tượng của chính mình rồi đưa xuống bàn tay cầm bút và ghi lên giấy, quá trình ấy không lúc nào giống lúc nào, nó luôn luôn mới như mỗi hơi thở vào ra trong phổi làm nên sự sống của người nghệ sĩ. Quá trình ấy biến cái không thành cái có, từ chỗ hư vô đem lại sự hữu hình, đó là giây phút thiêng liêng và reo vui của bất cứ cái gì đang sinh nở trong tạo vật.

Dĩ nhiên kết quả của mỗi bức vẽ rất khác nhau. Khách hàng có thể rất hài lòng một cách ngạc nhiên, không ngờ mình được vẽ giống đến thế, có thể ngỡ ngàng nhìn cái hình trong tranh không biết nó có liên quan gì đến mình hay không, hoặc thán phục người nghệ sĩ đã nhìn thấy nơi mình những đường nét rất "hay" và bất ngờ chính mình cũng không biết... Nhưng luôn luôn giây phút cầm lấy tác phẩm từ tay người họa sĩ trao cho mà biết rằng từ nay mình là sở hữu chủ, người nhận thấy sung sướng và vinh hạnh, vì mình đang có trong tay một *tác phẩm* làm bằng tài năng và sáng tạo mà mình vừa được chứng kiến ngay tại chỗ, hơn thế nữa, mình có góp phần vào. Bức tranh thành một giá trị sống động trong tay ta. Bây giờ sẽ không có một ý niệm nào về số tiền mình đã bỏ ra để có bức vẽ này là đắt hay rẻ. Sự sáng tạo ấy và tiền bạc là hai cái không đi đôi với nhau, sự trị giá chỉ là một giao ước tạm.

Lộc muốn có một bức vẽ chân dung để kỷ niệm. Chúng tôi hỏi chuyện mấy họa sĩ Việt Nam đang bày giá bút tại đây, các anh em đó đều vui vẻ gặp đồng hương, và hỏi ngay: "Các anh từ Mỹ đến à?" Hàng ngày gặp gỡ bao nhiêu là người tứ xứ, họ rất nhạy bén trong nhận xét. Khi nghe Lộc có ý tìm một họa sĩ vẽ chân dung thật giống, anh bạn họa sĩ Việt Nam không ngần ngại chỉ ngay một người đàn bà Á Đông đang lui cui vẽ tranh gần đấy: "Chị Kurita kìa. Chị ấy là người Nhật, vẽ chân dung tài lắm đó."

Kurita trạc tuổi ngoài ba mươi, là một người đàn bà nhu mì và rất lễ độ theo lối Nhật Bản, mặc dù cung cách cũng bụi đời giống như hầu hết nghệ sĩ hành nghề tại đây: một cái quần jeans bạc màu, một cái áo thun màu đen, tiếp chuyện với khách khi thì bằng tiếng Pháp, khi tiếng Anh, gặp đồng hương thì lại nói tiếng Nhật. Khi vẽ tranh, Kurita biến thành

một người khác. Sau khi gài mảnh croquis lên giá vẽ và mời Lộc ngồi trên cái ghế xếp cách mình độ vài thước, cô ta đứng đối diện vừa với khung giấy trắng vừa với người mẫu và lập tức đi vào một trạng thái như là nhập định của các thiền sư. Thế giới đông đúc ồn ào chung quanh hình như không còn ảnh hưởng gì đến cô ta nữa. Thần thái của cô ta giờ đây chia làm hai rõ rệt: khi quay qua nhìn người mẫu đôi mắt cô mở to gần như hết cỡ, giống như ống kính phải mở tối đa khi chụp ảnh ở một nơi thiếu ánh sáng, các tia mắt trở nên sáng rực chiếu thẳng và úp chụp lên người mẫu lúc bấy giờ đang ngồi thụ động như một con mồi đã mất hết khả năng tự vệ. Trong mấy giây ấy, khuôn mặt cô ta trở thành khác lạ hẳn, cả sự sống ngưng đọng tập trung, đầy vẻ chủ động ngất ngây của một con thú đã quyết định phóng tới vồ mồi. Nhưng khi quay qua với giá vẽ đưa cây bút bắt đầu vờn trên mặt giấy thì vụt một cái nét mặt cô lại trở về vẻ bình thường, hình như mấy giây dữ dội vừa qua là cái không hề có. Bây giờ đến sự bí mật của bàn tay, cô vờn vẽ và hình của Lộc tượng thành dần dần, một cách như là huyền bí phù phép. Hai trạng thái ấy luân phiên xen kẽ nhau khi cô đang làm việc. Suốt bốn mươi phút ngồi làm mẫu, Lộc quan sát cô mà thì giờ trôi qua không hay, vì cái vẻ linh động đến lạ kỳ trong mỗi giây phút mà cô sáng tác. Bức vẽ quả nhiên rất đẹp, không những giống về đường nét, mà cái thần của con người cô thể hiện cũng rất giỏi.

Đã quá trưa, say sưa theo dõi mấy người họa sĩ vẽ vời, thì giờ trôi qua không hay. Trong khu vẽ có rất nhiều chỗ ăn uống, hoặc cửa hiệu, hoặc ở chỗ đất trống có che bạt, có bồi của các nhà hàng mang thức ăn ra tận nơi, giống như cảnh ăn uống nơi một số nhà lồng chợ ở Việt Nam. Nhưng chúng tôi không ăn ở đó mà men theo một con đường nhỏ để vào một nhà hàng ăn nằm trên sườn đồi quay lưng với khu vẽ, nhìn bao quát xuống toàn cảnh Paris. Đi suốt mấy tiếng đồng hồ dưới nắng xem tranh và xem vẽ tranh, bây giờ ngồi thoải mái dưới mái hiên nhà hàng, uống một hơi hết ly bia, phóng tầm mắt ra xa, thấy tâm thần như dần dần xả ra khỏi một cơn lên đồng. Cái vui vẫn còn đọng nhưng cơn xuất thần đã qua, nhận thức trở về với thực tại. Bia là thật, thịt và bánh mì là thật, cảm giác thư giản là thật, và Paris đang trải dài dưới kia, chỗ này là tháp Eiffel, chỗ kia là cổng Khải Hoàn, và tiếp tục lan xa mãi. Ngày hôm nay tôi trải qua một kinh nghiệm trước đây tôi chưa gặp. Tôi đã đi lạc vào một vương quốc lạ, bầu không khí trong đó có khả năng đánh thức một con người khác nơi tôi bấy lâu yên ngủ, hoặc đã phù phép để tôi lẫn lộn cả âm dương. Ai cũng biết người ta không chỉ sống vì bánh mì, ngoài chuyện áo cơm còn nhiều chuyện khác, nhưng những "chuyện khác" đó là gì thì câu trả lời thật mung lung vô tận. Hãy đến đây mà học lấy một kinh nghiệm, mà cảm nghiệm bằng chính bản thân mình thế nào là cái yêu ma của sáng tạo nghệ thuật. Người ta có thể dựng nên vô số thế giới tưởng tượng để sống những giây phút xuất thần, nhưng hạnh phúc nhất là nhiễm được không khí sáng tạo nghệ thuật. Nó vẫn nằm trong đời thường mà vượt lên trên đời thường, nó vẫn dính tới áo cơm mà lại ở bên kia chuyện áo cơm. Đó là một cõi nhân sinh đặc biệt. Và ở Paris, nó là đồi Montmartre.

(Còn tiếp)

HOÀNG XUÂN SƠN

RỤNG ĐUÔI

Ngày rụng sáng hả họng
n g a á á p . . .
nuốt trọng xe điện ngầm
cà phê hôi hổi bưng. bưng
chạy
cà xình cà xình nhỏ thó
bị xách lèn cứng chạy
luồn. lách. đu
bám cà xình cà xình
húc
giựt chỏ - đạp - chòi
trồi lên trồi
đè-rạp-xuống-chổng-cọng. bóng
chần vần
cà xình cà xình
bay tá lả kèm nhèm
mắt ờ tóc có đuôi
rụng xuống
một... hai... ba
rụng hết xuống
ngày
láng coóng.

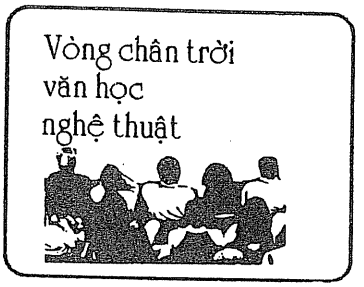

LÊ TAM CA,
QUỲNH GIAO
và NGÔ MẠNH THU

FLORIDA

VAALA có thêm chi hội

Trong chiều hướng phát triển, và được sự ủng hộ của các văn nghệ sĩ khắp nơi, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ sẽ có thêm Chi Hội tại Florida. Hiện nay nhà văn Ái Khanh và nhạc sĩ Thụy Lữ đang vận động để thành lập một ban chấp hành lâm thời, dự trù ra mắt trong thời gian tới đây.

VAALA được thành lập ở California từ năm 1990, có giấy phép hoạt động và miễn thuế trên toàn Liên Bang kể từ 1991. Hội đã tổ chức hàng chục cuộc triển lãm tranh, tượng, ảnh, nhiều buổi ra mắt sách, hội luận văn học, và rất nhiều chương trình trình diễn ca nhạc.

Hiện VAALA đã có một Chi Hội ở Oklahoma, do ông Nguyễn Văn Cường làm Chủ tịch.

EDINGBURGH, SCOTLAND

Văn Bút Quốc Tế tạm ngưng liên lạc với Văn Bút VNHN

Trong phiên họp ngày 11 tháng Tám 1997, Đại Hội Đồng Đại Biểu của Văn Bút Quốc Tế đã biểu quyết "tạm thời đình chỉ mọi quan hệ với Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại cho đến khi Ttrung Tâm thành viên này giải quyết xong những tranh chấp nội bộ của mình."

Một bản "Phúc Trình" của Ủy Ban Đặc Cử do ông Trần Thanh Hiệp, cựu Chủ tịch VBVNHN, gửi tới các báo, cho biết như trên. Ngoài ra, vẫn theo bản phúc trình, "trong thời gian này, VBVNHN cũng không được tham gia các sinh hoạt của VBQT."

Được biết, cuộc tranh chấp trong VBVNHN đã kéo dài trong hai năm qua, khi VBVNHN có hai Ban Chấp Hành, một do nhà thơ Viên Linh làm Chủ tịch, và một do nhà văn Sơn Tùng làm Chủ tịch.

Một số văn hữu tỏ ra lo ngại rằng sự vắng mặt của VBVNHN trong tổ chức quốc tế này sẽ tạo dịp cho Hà Nội nhảy vào thế chỗ. Thực ra, lịch sử VBQT đã cho thấy, nếu nhà cầm quyền các nước cộng sản muốn, họ vẫn có thể xin vào VBQT bất cứ lúc nào. Ba Lan trước năm 1989 có hai Trung Tâm trong VBQT, một của các nhà văn cộng sản trong nước Ba Lan, và một của các nhà văn Ba Lan lưu vong chống cộng sản.

QUẬN CAM

32 năm hát cộng đồng

Ủy Ban Thanh Niên của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ tổ chức buổi sinh hoạt Hát Cộng Đồng Năm Thứ 32, tức kỳ thứ 3 ở hải ngoại, vào hồi 2 giờ 30 chiều Chủ Nhật ngày 10 tháng Tám 1997, tại hội trường Phillips Hall thuộc trường đại học Santa Ana College.

Khoảng 300 người yêu nhạc đã tham dự và có lúc cùng hát chung những bản nhạc gọi là "cộng đồng ca."

Buổi sinh hoạt có sự tham gia của nhiều tổ chức thanh niên sinh viên, và nhiều ca nhạc sĩ quen thuộc như Nguyễn Đức Quang, Nguyễn

Nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng đang tác động mọi người cùng hát "Hãy Vui Lên..."

Thiện Cơ, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Thị Nhuận, Việt Dzũng, Trầm Tử Thiêng, Lý Văn Chương, Hương Thơ, Mỹ Thúy, Thanh Mai, Lưu Quốc Việt, v.v...

Mở đầu với nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang, mọi người như trở về với không khí sinh hoạt của một đại học ở Saiogn hay Dalat, Huế, những năm 1965-66, khi Phong Trào Du Ca Việt Nam ra đời, đem đến cho tuổi trẻ miền Nam Việt Nam những ca khúc vui tươi, lành mạnh, hoặc đôi lúc cũng ngậm ngùi cay đắng cho thân phận nhược tiểu chìm trong khói lửa chiến tranh.

Nhân dịp này, Ban Tổ Chức cũng giới thiệu một tuyển tập 69 bài thanh niên ca, cộng đồng ca của Nguyễn Đức Quang. Hơn 300 người, hoặc đứng trên sân khấu, hoặc ngồi tại các hàng ghế trong hội trường, đã cùng hát vang một bài ca rực lửa đấu tranh, "Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ."

Nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng, tuy mái tóc đã bạc, nhưng dường như lòng lúc nào cũng trẻ, và sức sáng tác vẫn tràn đầy, đã tác động được toàn thể cử tọa cùng hát với ông bài hát ông vừa viết xong: "Hãy vui lên khi lòng còn biết buồn," trong đó có những biến cố thời sự nóng hổi được ghi lại thành những câu hát mượt mà, tha thiết.

Việt Dzũng đã chiếm lĩnh sân khấu khi được cử tọa yêu cầu hát thêm nhiều bài. Với giọng ca trẻ và khỏe, Việt Dzũng thể hiện nhiều phong cách cho những bài ca do chính anh sáng tác từ 20 năm qua.

Nguyên Chương đã trình bày những ca khúc anh viết về thân phận tuổi trẻ Việt Nam mịt mù trong chiến tranh. Và tuổi thơ đã được nâng niu, được chia sẻ nỗi sót sa trong ca khúc "Thế Đủ Chưa" nói về vụ khủng bố đặt bom ở Oklahoma làm thiệt mạng nhiều em nhỏ trong tòa nhà Liên bang.

Các bạn trẻ trong ban Tổ Chức như Lê Nguyên Phương, Đoàn Duy Hiệp, Việt Tâm, Vương Hồ Tiếu Diện... đã điều hành thành công toàn bộ chương trình, trong đó phải kể tuyển tập nhạc "Đường Việt Nam" được phát miễn phí cho tất cả những người tham dự.

Trong ngày khai mạc phòng tranh của 8 nữ hoạ sĩ: (từ trái qua) Ba nữ hoạ sĩ Suzie Vương, Ann Phong và Bé Ký. Đứng thứ ba và thứ tư là Phan Mỹ Sương của TK 21 và Hồng Nga của VNCR.

QUẬN CAM

Triển lãm tranh của các nữ họa sĩ Việt Nam hải ngoại

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ tổ chức một cuộc triển lãm tranh của tám nữ họa sĩ Việt Nam ở hải ngoại: Ann Phong, Bé Ký, Chi Lê, Nguyễn Thị Hợp, Phấn Nguyễn Barker, Suzie Vương, Thanh Trí và Trương Thị Thịnh, tại Phòng Triển Lãm của Hội ở Garden Grove, California.

Đây là lần đầu tiên có cuộc triển lãm đặc biệt quy tụ toàn nữ họa sĩ. Theo lời mở đầu của Ban Quản Trị Hội VAALA, số nữ họa sĩ Việt Nam ở hải ngoại còn nhiều, nhưng Hội chưa liên lạc hết, hoặc có người liên lạc được nhưng đang có triển lãm cá nhân, không thể tham gia triển lãm chung trong lúc này.

Vốn là một thứ ngôn ngữ không có rào cản về sắc tộc, nghệ thuật tạo hình dễ dàng đến với quần chúng bên ngoài cộng đồng Việt Nam. Điều đó được chứng minh ngay trong buổi khai mạc phòng tranh, lúc 11 giờ sáng Chủ Nhật 17 tháng Tám, khi hàng trăm khách thưởng ngoạn đủ mọi màu da và lứa tuổi đã đến. Phòng tranh tuy nhỏ nhưng rất ấm cúng và đủ tiêu chuẩn của một phòng triển lãm chuyên nghiệp.

Phòng tranh mở cửa đến hết ngày 7 tháng Chín 1997.

QUẬN CAM

Nhạc thính phòng và bữa ăn gây quỹ của Hội VAALA

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ VAALA tổ chức một chương trình nhạc thính phòng, cùng một bữa ăn gây quỹ cho Hội, tại Phòng Sinh Hoạt của Hội, vào tối Chủ Nhật 17 tháng Tám 1997.

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa đã thay mặt Hội cám ơn các bảo trợ viên giúp Hội có phương tiện hoạt động. Sau đó ông giới thiệu thành phần trình diễn: có những người đã nổi tiếng từ lâu như Cao Thanh Tùng, Nguyễn Khánh Hồng, Nguyễn Mỹ Lệ, các ca sĩ đang được yêu mến như Bích Liên, Thùy Dương, Hương Thơ, Vũ Anh, Hồng Quang, cho đến các tài năng mới như Võ Minh Trung, Lê Thiên Kim, và đặc biệt nhiều thiếu niên có triển vọng về âm nhạc như các em Tina Bùi, Daniel Vũ, Tống Mỹ Linh, Vũ Hân... Một em bé mới lên bốn tuổi rưỡi đã trình tấu piano và được khán giả tán thưởng nồng nhiệt, đó là em Mai Hồng Mi.

Hai nhạc sĩ vĩ cầm người Mỹ, Linda Everett và Heather Logsdon, cũng tham gia biểu diễn màn tứ tấu đàn dây chấm dứt chương trình, đem đến cho người nghe những dư âm ngọt ngào trên đường về.

QUẬN CAM

Sóng gió quanh cuốn video "Mẹ"

Trung tâm sản xuất và phát hành băng nhạc và video Thúy Nga vừa tung ra thị trường sản phẩm mới là cuốn video mang chủ đề 'Mẹ" đã bị nhiều thành phần khán thính giả trong cộng đồng người Việt hải ngoại lên tiếng chống đối. Đoạn phim bị chống đối mạnh nhất là đoạn mô tả cảnh một bà mẹ tay ôm xác con, tay kéo xác chồng chạy loạn mà trên đầu lại có trực thăng của Mỹ và quân đội Việt Nam Cộng Hòa xả súng bắn xuống.

Ông Tô Văn Lai, giám đốc Trung Tâm Thúy Nga, đã lên tiếng trên các cơ quan truyền thông để xin lỗi, và theo lời ông, "để tỏ thiện chí," TT Thúy Nga sẽ cắt bỏ những đoạn gây phẫn nộ nói trên ở trong cuốn video "Mẹ."

Đúng ra, ông giám đốc phải thông báo thu hồi tất cả các cuốn video có 'sơ suất kỹ thuật" (theo lời ông), và đổi lại cho khán thính giả một ấn bản mới có sửa chữa. Và làm việc này, Trung Tâm Thúy Nga "chuộc lỗi" chứ không thể gọi là "tỏ thiện chí" với khán thính giả.

VIỆT NAM

Nhạc sĩ Lâm Tuyền qua đời

Nhạc sĩ Lâm Tuyền sinh năm 1926, mất ngày Chủ Nhật 27 tháng Bảy 1997 tại Saigon. Từ hai năm nay ông đã bị đứt mạch máu não, phải nằm liệt một chỗ.

Lâm Tuyền thường viết nhạc tình cảm, và nhiều nhạc khúc của ông với lời của Dạ Chung (tức Hoàng Vĩnh Lộc) đem lại cho tân nhạc Việt Nam một hơi gió mới, tươi mát và lãng mạn. Ông thường sử dụng hạ uy cầm nên nét nhạc của ông cũng lả lướt, uyển chuyển do ảnh hưởng của tiếng đàn. Ca sĩ Quỳnh Giao nhận xét: 'Đa số ca sĩ đều thích trình bày nhạc Lâm Tuyền vì nhạc của ông không khó nghe cũng không khó hát, mà có một nét sang cả, thanh thoát."

VIỆT NAM

Nhà văn Ngọc Giao qua đời

Nhà văn Ngọc Giao đã qua đời hồi đầu tháng Bảy tại Hà Nội, hưởng thọ 86 tuổi.

Tên khai sinh của nhà văn là Nguyễn Huy Giao. Ông sinh ở Huế, nhưng sống gần như suốt đời ở Hà Nội.

Vào thập niên 1950 ông đã nổi tiếng với những tiểu thuyết nói về tình yêu trắc trở, như *Quán Gió* hay *Câu Sương*, làm say mê các độc giả ở lứa tuổi thanh thiếu niên.

Sau 1954, ông tiếp tục sống ở Hà Nội, nhưng người ta ít nghe nói về ông, có lẽ vì truyện của ông không được chế độ miền Bắc cho phổ biến. Những tác phẩm cũ của ông được tái bản nhiều lần ở miền Nam, trong khi ông chỉ có một ao ước là tiểu thuyết *Quán Gió* được dựng thành phim, mà Hà Nội lấy cớ không đủ ngân khoản để dựng.

Trong một thư viết từ Hà Nội gửi cho thân nhân ở hải ngoại, ông cho biết ông muốn con nuôi của ông, là nữ tài tử điện ảnh Kiều Chinh, thực hiện giùm ông ước mơ đó. Một người cháu của ông, là nữ nghệ sĩ Bích Ty, ở Oklahoma, hiện còn giữ của ông một số bản thảo chờ xuất bản.

QUẬN CAM

Kỷ niệm 8 năm VAALA

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, VAALA, bắt đầu hoạt động từ năm 1990 tại miền Nam California. Nay Hội đã có Chi Hội ở Oklahoma và Florida, và hội viên ở nhiều nơi trên nước Mỹ cũng như trên thế giới.

Vào ngày mùng 9 tháng Mười Một 1997, Hội sẽ tổ chức một buổi sinh hoạt văn nghệ để kỷ niệm năm thứ 8. Nhân dịp này, Hội cũng phát hành một tập Kỷ Yếu ghi lại các hoạt động của Hội trong thời gian qua.

Hội trân trọng mời các Hội viên và Thân hữu của Hội chuẩn bị về dự buổi sinh hoạt này, đồng thời đóng góp bài vở, tài liệu cho Kỷ Yếu — bài và hình gửi về từ nay đến hết ngày 18 tháng Mười 1997.

Liên lạc: VAALA, 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92840. Điện thoại (714) 537-8352. Fax (714) 638-1944. Email: vaala@kicon.com.•

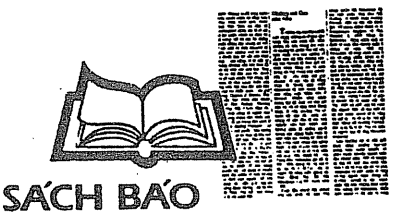

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Cuộc Thách Đố Của Thế Kỷ

biên khảo của **Bửu Sao**, tác giả xuất bản, 215 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Phương Nguyễn, 5414 Reata Way, Orlando, FL 32810, USA. Tel & Fax: (407) 299-7589.

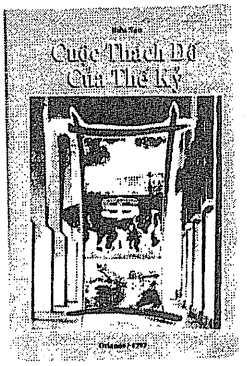

Vào cuối năm 1996 ông Trần Bạch Đằng đã nhân danh đảng Cộng sản Việt Nam gửi một *Thông điệp đến thế kỷ 21*, trong đó ông ta cho rằng nhờ công lao của đảng Cộng sản mà trong thế kỷ 20, nước Việt Nam đã *hoán chuyển vị trí từ nước thuộc địa sang nước độc lập, dân nô lệ sang dân tự do, quốc gia nghèo đói sang quốc gia chắc chắn sẽ giàu mạnh.* Ngay đầu năm 1997 tác giả Bửu Sao đã bắt tay viết ngay cuốn sách *Cuộc Thách Đố Của Thế Kỷ* này, như là một "Phản thông điệp đến thế kỷ 21," phản bác lại toàn bộ nội dung bức thông điệp của ông Trần Bạch Đằng.

Những lý cớ để phản bác tác giả Bửu Sao hầu hết trích từ tiếng nói ở trong nước, rút từ các bài báo đăng trên những tờ báo ít tính chất chính thống tại Việt Nam hiện nay. Các tờ báo này, theo tác giả, đã dám nói thẳng nói thật, tác giả chỉ tiếp nhận nội dung ấy rồi phân tích, đối chiếu và bình luận để làm rõ thực chất tình hình trong nước xem có giống những điều đầy lạc quan của ông Trần Bạch Đằng trong bản thông điệp hay không. Tác giả đi vào từng lãnh vực cụ thể của một đề tài chung là "công nghiệp hóa, hiện đại hóa." Cuốn sách không có tính cách bút chiến mà là một cố gắng nghiên cứu một cách khách quan tình hình kinh tế xã hội Việt Nam bằng chính những nhận định của người trong nước trong từng sự việc, sát với thực tế. Nói chung tình hình ấy theo tác giả thì không có gì là lạc quan, tuy nhiên báo chí quốc nội nay đã dám đặt hẳn vấn đề tự do trong báo chí và truyền thông, dĩ nhiên còn ở trong một chừng mực phải tính toán kỹ trước sự khống chế của hệ thống công an văn hóa.

Trong sách tác giả đã có một số lầm lẫn, xin trích một vài:

- *Trước cách mạng tháng tám, vào năm 1943, đảng Cộng Sản Đông Dương được Hồ Chí Minh cải tên là "Đảng Lao Động"*... (trang 28)

Thực ra Hồ Chí Minh tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản sau cách mạng tháng Tám, vào tháng 11 năm 1945, và sau đó cải tên là đảng Lao Động để thế vào.

- *Mãi cho đến 1989, khi khối Cộng Sản Sô Viết và Đông Âu tan rã, đảng Cộng Sản Việt Nam lại đổi danh xưng là* "Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa"... (trang 29)

Tác giả đã lẫn lộn: "Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam" là quốc hiệu hiện tại của Việt Nam, do nhà cầm quyền trong nước đặt năm 1976, và tên đảng hiện nay vẫn là "đảng Cộng sản" chứ không có đổi danh xưng gì cả.

Việt Nam và Trật Tự Trung Hoa

biên khảo của **Nguyễn Xuân Nghĩa**, Đại Nam xuất bản, 323 trang, giá US$15.00. Liên lạc: Dainam Co. P.O. Box 4279 Glendale, CA 91202, USA. Tel: (818) 244-0135.

Trật tự Trung Hoa là gì? Tác giả đã chứng minh rằng, Trung Hoa, một nước khổng lồ có một nền văn minh cổ xưa, sau 150 năm lụn bại nay đang chiếm lại vị thế đại cường. Trong một tương lai không xa, chỉ trong vòng mươi năm tới, việc ấy sẽ xảy ra. Một khi đạt được vị thế ấy, có thể Trung Quốc sẽ cư xử như một nước văn minh biết điều, sống chung hòa bình với thế giới và lân bang, nhưng cũng có thể họ vẫn mang tâm lý Thiên Triều xưa cũ, tiến hành một chính sách bá quyền, và áp đặt kẻ khác theo một trật tự riêng của họ,"trật tự Trung Hoa." Trước một tình hình như vậy, Việt Nam là nước sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp nhất, và nếu Việt Nam không thành công trong việc đổi mới và phát triển thì sẽ khó mà không khép mình vào

cái trật tự mới đó. Tác giả đã đưa ra nhiều lý cớ chứng minh sự thành công vững chắc của Trung Quốc sau 17 năm đổi mới, và cũng tóm lược cho thấy tình hình yếu kém vì lối đổi mới không dứt khoát của Việt Nam.

Đây là một loại "thiên hạ luận" của thời nay, dựa trên sự kiện kinh tế và phân tích khoa học để vẽ ra một bức tranh tiên liệu cho những ai quan tâm đến tình hình chính trị thế giới nói chung, và vận mệnh Việt Nam nói riêng. Tác giả có một lối viết đặc biệt sáng sủa và gọn, đặt rất nhiều tiểu tựa cho từng vấn đề, và mỗi vấn đề chỉ trình bày trong vòng một trang. Cho nên cuốn sách này không phải loại "đại luận" dông dài, mà là nói có sách mách có chứng với các phân tích thông minh và thuyết phục. Tuy hầu hết cuốn sách là nói về Trung Quốc, nhưng hậu ý vẫn là cống hiến một cái gì đó cho Việt Nam: một bài học về đổi mới và phát triển thành công, một lời cảnh tỉnh về rất nhiều nguy cơ nhãn gửi cho giới cầm quyền Việt Nam, những kẻ đang ôm đường lối đổi mới nửa vời như hiện nay.

Ngón Tay Và Mặt Trăng, Nói với 18 tác giả Giao Điểm

biên khảo của **Đỗ Mạnh Tri**, Đường Sống xuất bản tại Hoa Kỳ 1997, 232 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Đường Sống, P.O. Box 18434, Irvine, CA 92623, USA.

Khởi đầu là cuốn *Bước Qua Ngưỡng Cửa Hy Vọng* của Đức Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II. Sau khi cuốn này được xuất bản thì có một số phản ứng của Phật tử trên thế giới về một số nhận xét về đạo Phật trong đó. Riêng nhà xuất bản Giao Điểm của người Việt tị nạn ở Hoa Kỳ thì có cuốn *Đối Thoại Với Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II*, tập trung bài viết của 18 tác giả Phật giáo. Và nay, cuốn *Ngón Tay và Mặt Trăng, Nói với 18 tác giả Giao Điểm*, có thể xem là một phản ứng về phản ứng của nhóm Giao Điểm, viết bởi một tác giả Công giáo.

Dù chưa đọc cuốn sách của Đức Giáo Hoàng, tác giả đã thấy ngay cần phải "có đôi lời" với các tác giả của *Đối Thoại Với Giáo Hoàng Gioan-Phaolô* vì những điểm mà tác giả cho rằng quá nặng tính cách phê phán, không đúng với tinh thần đối thoại. Trên quan điểm của một người có đức tin Ki Tô giáo, tác giả đã cố gắng giải thích những điều hiểu lầm tôn giáo của mình bằng một lời lẽ rất bình tĩnh và tự chủ, với một trí hiểu biết rộng rãi và một cái tâm khoan hòa. Với thái độ ấy tác giả mong có một sự đối thoại đích thực giữa những người có tôn giáo khác nhau, nhất là giữa Công giáo và Phật giáo, trong bối cảnh tế nhị của Việt Nam.

Bốn Mươi Năm Văn Học Chiến Tranh (1957-1997)

nhận định văn học của **Nguyễn Vy Khanh**, Đại Nam xuất bản, 161 trang, giá US$13.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

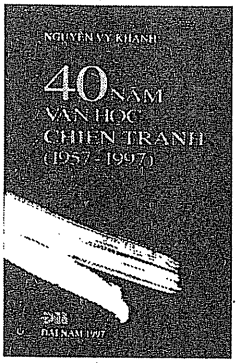

Tác giả đã tốt nghiệp đại học tại Việt Nam trước 1975 (Cử nhân Triết học năm 1973, tốt nghiệp ban Việt Hán Đại học Sư phạm Sài Gòn), sang Canada lại tốt nghiệp Cao học Triết và Cao học Quản trị Thư viện tại đại học Montréal. Ông hiện cư ngụ tại Montreal, làm quản thủ thư viện Quốc hội Québec và chính phủ Québec.

Cuộc chiến tranh Việt Nam bắt đầu từ 1945, kết thúc 1975, nhưng Nguyễn Vy Khanh định cho nền văn học chiến tranh một thời gian dài hơn, 40 năm, từ 1957 đến 1997. Tại sao lại dùng hai cái mốc đó? Tại sao không đi ngược lại từ năm 1945, khi vận mệnh Việt Nam bước vào một khúc rẽ mới và chuẩn bị mở màn cho một cuộc chiến sẽ kéo dài ba mươi năm? Tác giả bỏ qua cuộc chiến tranh chín năm với Pháp, và chỉ tính từ năm 1957, một cái mốc khá mơ hồ về phương diện quân sự cũng như về văn học. Nhưng dù sao tính từ năm đó đến năm tác giả hoàn tất cuốn sách này, 1997, cũng vừa đầy 40 năm. Con số tròn tự nó đôi khi cũng mang một ý nghĩa nào đó, ít ra cũng trong ý nghĩ của một tác giả.

Nhận định về một nền văn học, (đúng hơn hai nền văn học, miền Bắc và miền Nam,) với một đề tài chi phối trực tiếp cuộc sống của đất nước kéo dài 40 năm mà tác giả có thể gói

ghém trong chỉ 161 trang sách thì chắc chắn sự nhận định sẽ rất cô đọng. Nội dung cuốn sách khá dày đặc. Giai đoạn chiến tranh 1957-1975 gồm văn học chiến tranh ở miền Nam Cộng Hòa và miền Bắc Cộng Sản; Văn học chiến tranh trong nước sau 1975 gồm Văn học Cộng Sản hậu chiến (1875-1986) và Văn học trong nước từ thời Đổi mới (1986-); Văn học chiến tranh sau 1975 tại hải ngoại.

Dĩ nhiên tác giả chỉ có thể đưa ra những nhận định thật bao quát cho từng thời kỳ và nhận định về từng tác phẩm hay tác giả, nếu có, thì chỉ sơ sài thôi, và rất nhiều khi thuộc về lãnh vực xã hội hay chính trị hơn là văn học. Tác giả tỏ ra đã theo dõi và đọc nhiều, chỉ nội cái việc ông liệt kê các tác phẩm liên quan đến chiến tranh, những trào lưu văn học, những tạp chí văn học của các thập niên qua cũng đã cho thấy công lao của ông. Dù còn xa mới tới được sự hoàn chỉnh của một cuốn sách gọi là "nhận định văn học," tác phẩm của ông có giá trị của một cách chọn đề tài và của bước chân đầu tiên đi vào khu rừng chắc chắn là rất phong phú của một "mảng" văn học đặc biệt, là văn học chiến tranh.

Tâm Bất Sinh

sách giảng về Thiền của **Thiền sư Bankei**, bản dịch của **Thích Nữ Trí Hải**, Thanh Văn xuất bản, 254 trang, giá US$12.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

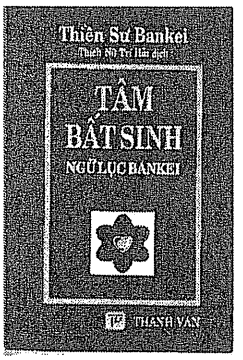

Bankei là một thiền sư người Nhật Bản vào thế kỷ 17, nổi tiếng về tài thuyết pháp của mình với đề tài Tâm Bất Sinh. Đó là cách nói của ngài để chỉ Phật tâm. Ngài có một lối thuyết giảng rất cụ thể linh động, lôi cuốn rất nhiều giới trong xã hội Nhật Bản vào thời của ngài. Các đệ tử đã nghi lại lời giảng ấy mà làm thành sách này. Peter Haskel dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Anh vào đầu thập niên 70, và Thích Nữ Trí Hải dịch sang tiếng Việt từ bản tiếng Anh.

Mary Farkas đã viết trong lời tựa của bản tiếng Anh rằng: *Bankei, con người đã giác ngộ, chia sẻ với chúng ta kinh nghiệm của ngài với tư cách một con người bằng máu thịt và nói lên những lời chân thực từ kinh nghiệm riêng ngài. Lời khuyên của ngài đi thẳng vào tim người, đấy là những lời nhắm thẳng vào con người trước mặt chứ không phải là thuyết lý trừu tượng.*

Sách gồm các câu truyện ngắn nối kết nhau, mỗi truyện được đặt một tiểu tựa riêng và là một lời khuyên cụ thể về một hoàn cảnh có thể khiến tâm con người xa rời cái căn bản "bất sinh" để mà sinh ra những thứ tham sân si đầy phiền não. Mỗi truyện có một sức mạnh khiến người nghe ngày xưa và người đọc bây giờ tự thấy kết luận để mà theo trong mục tiêu tu tâm dưỡng tánh cho mình.

Cụm Hoa Tình Yêu, thi tập III

tuyển tập thơ nhiều tác giả do **Hội Thơ Tài Tử Việt Nam** xuất bản 1997, 392 trang, giá tại Hoa Kỳ US$15.00, tại Canada US$17.00, các nơi khác US$19.00. Liên lạc: Hội Thơ Tài Tử Việt Nam, P.O. Box 292002 Sacramento, CA 95829. Tel: (916) 689-1645.

Trong Thế Kỷ 21 số 84, tháng Tư 1996, tại mục Sách Báo Trong Tháng này có viết rằng ...*việc lập một "hội thơ tài tử" là một sáng kiến hay. Tuyển tập nhiều tác giả có cái lợi là người đọc, chỉ trong một cuốn sách, được thưởng thức nhiều dáng vẻ của nhiều tài năng khác nhau.*

Sự thuận lợi ấy ngày càng thấy rõ. Trong ba năm liên tiếp ba cụm hoa tình yêu đã nở, vào đúng mùa xuân. Nếu CHTY I (1995) chỉ mới quy tụ 17 tác giả, CHTY II (1996) lên 45, thì nay CHTY III số tác giả tham dự đã là 86, sống rải rác tại Hoa Kỳ và các nước Canada, Hòa Lan, Bỉ, Pháp, Đức, Na Uy, Việt Nam. Ngoài việc sách các đợt được phổ biến rộng rãi nhiều nơi do các tác giả cư ngụ trên một địa bàn rộng, một số thi phẩm của cuốn I và II đã được nhạc sĩ Võ Tá Hân chọn phổ thành ca khúc, được trình bày vào cassette và compact disk mang tên CD-CHTY 12 do hãng Eastern Music Singapore sản xuất 1997. Kết đoàn đã tạo nên sức mạnh là vậy.

Tám mươi sáu tác giả là 86 thế giới. Mỗi người có một quê nhà, một hoàn cảnh, một trình độ và tài năng, và quan trọng hơn hết, một trái tim rung động thầm kín riêng tư. Mỗi người mỗi vẻ, tiếng thơ của họ cũng thế, đây

là một tập hợp phong phú các ý tưởng và vần điệu. Người Việt Nam rõ ràng rất yêu thơ, trong khi có những nhóm hăng hái đi tìm một ngôn ngữ và một nội dung mới lạ cho thơ *hôm nay* thì cũng có vô số người khác vẫn bình tĩnh trải những rung động của mình với ngôn ngữ và tình cảm quen thuộc. Và các cụm hoa tình yêu vẫn nở, mang lại hạnh phúc được chia sẻ của những người làm thơ và những người yêu thơ. Một lần nữa người ta thấy rằng việc xuất bản thơ tập thể của Hội Thơ Tài Tử là một sáng kiến hay.

Văn Học Brazil

sách biên khảo văn học của **Đỗ Khánh Hoan**, Ba Vì xuất bản, 327 trang, giá bán tại Canada 25 Gia kim, ngoài Canada 20 Mỹ kim. Liên lạc: Đỗ Như Hằng, 27 Maitland Drive, Markham, ON. L3R 4M6 Canada.

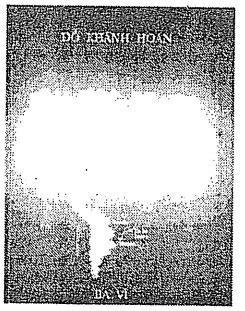

Trước kia khi còn ở Việt Nam, Đỗ Khánh Hoan đã là một tác giả chuyên dịch thuật và biên khảo về văn học nước ngoài. Ông là tác giả các cuốn biên khảo được tái bản nhiều lần như *Khái Niệm về Ngôn Ngữ và Thi pháp Anh, Shakespear: Cuộc đời và Tác phẩm*; là dịch giả các cuốn nổi tiếng *Tâm Tình Hiến Dâng, Cây Đàn Miến Điện, Lời Dâng, Bi kịch Hâm Liệt v.v...*

Cuốn *Văn Học Brazil* được xuất bản 1997 cho thấy Đỗ Khánh Hoan vẫn tiếp tục công việc sở trường của ông là giới thiệu văn học thế giới với người đọc tiếng Việt. Đây là phần đầu của bộ *Văn Học Châu Mỹ La Tinh* mà ông đã soạn xong. Sách gồm hai phần: biên soạn phần văn học và chuyển ngữ phần sáng tác. Lịch sử thành hình quốc gia và nền văn học Brazil được trình bày với lối viết giàu kiến thức nhưng cũng giàu hình tượng, đọc rất lôi cuốn. Mười tác giả được giới thiệu chỉ có một thuộc về thế kỷ 19, còn lại thuộc thế kỷ 20, người trẻ nhất sinh năm 1941. Các tác phẩm được chuyển ngữ ngay sau phần giới thiệu tác giả rất tiện cho người đọc trong việc tìm hiểu và nhận định tính chất văn chương của mỗi người.

Đất Brazil cũng như nền văn học xứ này cho đến ngày nay vẫn tương đối còn xa lạ với người Việt chúng ta. Đó là một xứ sở trong đó *Cuộc sống bừng nở trong không khí nhiệt đới bên cạnh rừng cây mênh mông và dòng sông cuồn cuộn. (...) Họ là những cây bút sáng tạo trên vùng đất mới, kỳ diệu; ở đó mọi thứ đều khác thường; thiên nhiên, sinh vật, tính tình cũng khác thường; con người như di động với mục đích mới, nhịp độ mới.*

Đối với những ai ít tiếp xúc với văn học nước ngoài, nhất là những nền văn học tiếng Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, thì bộ Văn Học Châu Mỹ La Tinh, mà mở đầu là Văn Học Brazil, là những tài liệu quý và cần thiết để mở rộng tầm hiểu biết và thưởng ngoạn.

Hiện Tình Việt Nam: Xây Dựng Dân Chủ, Phát Triển và Đối Ngoại

bài thuyết trình của giáo sư **Nguyễn Phú Đức** và toàn văn cuộc hội luận chính trị do Hội Ái Hữu Cựu Giáo sư và Sinh viên Đại học Đà Lạt tổ chức tại Paris ngày 29-12-1996. Sách do Thụ Nhân Âu châu xuất bản 1997, 120 trang, giá 50 quan Pháp. Liên lạc: 7, rue du Dessous des Berges - 75013 Paris.

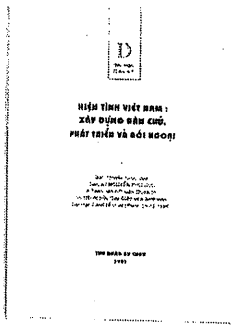

Tên gọi của cuốn sách cũng là nội dung chính của của buổi hội luận. Trong bài thuyết trình của mình, giáo sư Nguyễn Phú Đức khi phân tích kinh tế Việt Nam, đã chứng minh rằng tự do kinh tế không thể tách rời tự do dân chủ được, và Việt Nam lại còn đứng trước nguy cơ tham vọng chi phối của Trung Quốc. Ông cho rằng để lèo lái quốc gia ra khỏi các bế tắc, nhà cầm quyền Việt Nam cần áp dụng tự do dân chủ và tỏ thái độ muốn hòa giải thật sự với người Việt ở hải ngoại, mà tổng số lợi tức được ước lượng từ 20 đến 24 tỉ Mỹ kim, và nhân tài thì khoản 300 ngàn người có cấp bực đại học.

Cuộc hội luận đã được sự đóng góp của nhiều khuôn mặt trí thức tại Paris như giáo sư Vũ Quốc Thúc, ông Trương Hữu Lương, ông Vũ Giản, kỹ sư Huỳnh Hùng, ông Đặng Vũ Nhuế, giáo sư Phạm Xuân Tích... Các ý kiến đóng góp soi sáng nhiều vấn đề như hòa hợp hòa giải, dân chủ và kinh tế, các ưu khuyết

điểm của phe cộng sản và phe quốc gia v.v... với một ngôn ngữ học thức và ôn hòa. Bản đúc kết hội thảo này là một tài liệu có giá trị, nên tìm đọc.

Landscape of the Highlands

Đĩa nhạc của **Trần Quang Hải** diễn tấu. Nhà xuất bản Music of the World sản xuất và phát hành. Liên lạc: Music of the World, P.O. Box 3620 Chapel Hill, NC 27515-3620, USA.

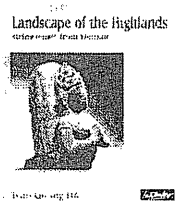

Landscape of the Highlands là đĩa nhạc do Trần Quang Hải độc tấu đàn tranh gồm năm nhạc khúc, trong đó có bốn bản là sáng tác mới và một bản khai triển từ dân ca Việt Nam. Nhạc sĩ Trần Quang Hải từng theo học về quốc nhạc tại trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn. Năm 1961 ông du học Pháp và tiếp tục học và nghiên cứu quốc nhạc Việt Nam với thân phụ là giáo sư Tiến sĩ Âm nhạc Trần Văn Khê. Trần Quang Hải đã từng trình diễn và thuyết giải về âm nhạc cổ truyền Việt Nam rất nhiều lần trên khắp thế giới. Đĩa nhạc Landscape of the Highlands giới thiệu nét nhạc của hai dòng nhạc cung đình và dân gian, cùng những biến tấu và khai triển nhạc đề phong phú. Đây là một đóng góp mới nhất của Trần Quang Hải trong việc giới thiệu Việt Nam với thế giới. (Ngô Mạnh Thu)

Echoes of Ancestral Voices

Đĩa ca nhạc cổ truyền Việt Nam do **Đặng Kim Hiền** và *Lê Tuấn Hùng* thực hiện năm 1997. Liên lạc: Move Records, Box 266 Carlton South 3053, Australia.

Một chương trình dân ca cổ nhạc nhiều màu sắc. Từ những điệu hát ru nhẹ nhàng đơn sơ đến điệu nhạc lớn cung đình phức tạp. 13 tiết mục trải rộng tiêu biểu cho âm thanh cổ truyền. Đặng Kim Hiền đã giới thiệu sáu bài hát ru của ba miền đất nước. Đấy là một điểm đặc biệt của đĩa nhạc này. Sự cách điệu "tiết tấu đệm dặm" trong tiết mục hát Trống quân bằng hai loại Trống Cơm và Trống Đế khá lạ. Đấy là đặc điểm thứ hai của đĩa nhạc Echoes of Ancestral Voices. (Ngô Mạnh Thu)

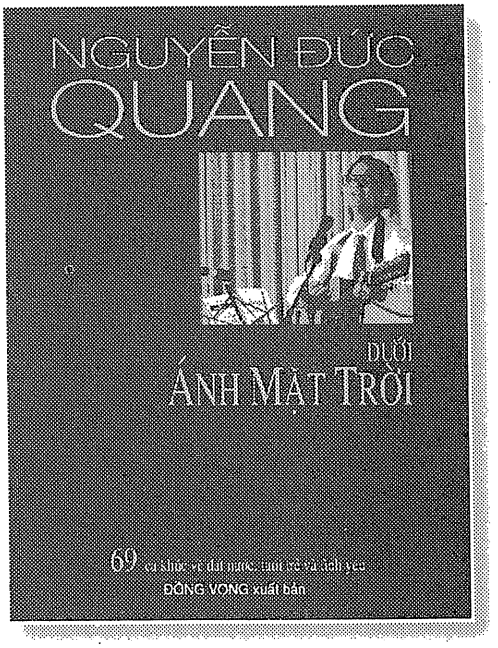

Đã in xong
tuyển tập những ca khúc
của Nguyễn Đức Quang
đầy đủ nhất từ trước tới nay:

DƯỚI ÁNH MẶT TRỜI

"Những ca khúc đã gắn liền với tuổi trẻ Việt Nam thập niên 60, 70."

"Những lời tiên tri về thân phận quê hương, thân phận dân tộc."

Xin hỏi tại các nhà sách địa phương hoặc gửi check, money order về địa chỉ:

Nhà Xuất Bản **ĐỒNG VỌNG**

8285 Bolsa Ave., Midway City 92655 - Tel: 714-379-2851 - E-mail: VietShop@aol.com

Orange County, California, USA

Thuh

Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City, CA 92655

325 5th Street
Huntington Beach
CA 92648

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995 + 1996, CA, USA.
* Aesthetics Congress 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beauty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.
* Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.
* Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel. & Fax:
(714) 8-949-949
(714) 960-0311

NHẬN VISA & MASTER CARD

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận

* GIẢI PHẪU
  - Mắt, mũi, môi, cằm, tai, bàn tay.
  - Căng da mặt, da bụng.
* PHƯƠNG PHÁP NỘI SOI: (Endoscopie plastic surgery)
  - Sữa ngực lớn với thẹo nhỏ ở nách.
  - Căng da trán, nâng chân mày với thẹo nhỏ trong tóc.
* TIA LASER:
  - Xóa nếp nhăn trên mắt.
  - Lấy mỡ mắt dưới không để thẹo, không chảy máu, không may chỉ, vì cắt bên trong mí mắt.
* HÚT MỠ:
  - Cằm, bắp tay, lưng, mông, bụng, đùi.
* Cấy tóc.
* Chích Mỡ
* Chữa trị các hình thức Silicone.
* Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.

CHUYÊN MÔN:

* Facial
* Lột da mặt
* Dầu thơm Pháp
* Dưỡng Da
* Xâm Thẩm Mỹ
* Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)
* Trang điểm cô dâu, dạ hội
* Chữa trị da nám, tàn nhang, vết seo vì mụn.
* Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ
* Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.

Bp: (714) 218-6262

Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341

Lê's Florist Boutique

Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions

14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

DAN RX PHARMACY

6255 University Ave., Ste. F, San Diego, CA 92115
Tel: (619) 287-2660 * Fax: (619) 287-5968

THUỐC MỚI NHẬP NGÀY ĐÁO HẠN CÒN XA
GIÁ CẢ NHẸ NHÀNG
GẦN PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI
GIAO THUỐC TẬN NHÀ, MIỄN PHÍ
CMS

NHẬN: MEDI-CAL, MEDICARE CIGNA; DMERC & CÁC LOẠI BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU

CaliforniaCare: Blue Cross, CompCare
TelePAID: Blue Shield, PersCare, PCS
Medimpact: PHP-CHG, MedCare, Value-RX, PacifiCare, Cigna, Rx-Prime, CareMark, Aetna, Columbia-PS, PharmaCare, PCN, MetraHealth, MediMet, TheTravelers, Foundation Health, Champus, GEM, USC, MPS, GPP, DPS, CPM, Wellpoint Pro-Serv, Community-RX, APB America, Provantage, Rx-America, SHARP H. Plan, SinglePoint

WELCOME: COMMUNITY HEALTH GROUP MEMBERS
ĐẶC BIỆT: NHẬN CHƯƠNG TRÌNH CMS

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 9:00 AM - 3:00 PM

DƯỢC SĨ NGUYỄN THẾ DANH kính mời

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN

NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chon
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME VISA ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

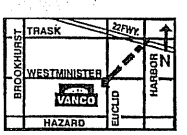

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Từ điển điện tử thế hệ thứ năm

EV-98

Anh-Việt, Việt-Anh, Anh-Anh

và 10 bộ chuyên ngành bách khoa

13 bộ từ điển trong một máy

MỚI NHẤT

*** ƯU ĐIỂM ĐẶC BIỆT:**

- 1 đại từ điển phổ thông: tổng hợp căn bản cùng 10 cuốn bách khoa chuyên ngành, trên 600,000 từ
- 3 từ điển căn bản

Anh-Anh : tiêu chuẩn người Mỹ
Anh-Việt : trên 150,000 từ
Việt-Anh : tăng cường và hiệu chỉnh trên 100,000 từ

- 10 bộ chuyên ngành bách khoa

Mỗi bộ là cuốn từ điển hoàn chỉnh 20,000-80,000 từ

Tóc
Móng Tay
Toán Học
Y Khoa
Tin Học
Kinh Tế Thương Mại
Du Lịch
Pháp Luật
Vật Lý
Kiến Trúc

- Luyện âm đặc biệt:

Tóc và Móng Tay: đủ cả hai phần
Nhập Liệu: có phần rút gọn cho tuổi già và điện đặc biệt

- Văn phòng & tư liệu:

Hiện lên màn ảnh đủ các danh mục điện thoại, số hẹn, ngày đáng nhớ

- Phát âm:

Trên toàn bộ từ và câu tiếng Anh
Phát âm giọng Mỹ tiêu chuẩn Cal Học Berkeley.

Máy được bảo hành khắp thế giới
Nhận sửa chữa tất cả các loại máy từ điển

Tổng Đại Lý:

SMART WORLD

8450 E. VALLEY BLVD. # 116,
ROSEMEAD, CA 91770
TEL: (626) 280-3313 FAX: (626) 280-3778
TOLL FREE: 1-888- 280-1289

$279.00 + tax
Giá chính thức
$349 + tax

Đã có bán khắp nơi